

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

NÓI CHUYỆN ĐỜN CA HUẾ (1)

Các ngài và các bà các cô có lòng hiếu-cố, bỏ phi thì giờ quý-báu mà đến nghe tôi nói chuyện hôm nay, tôi xin cảm ơn lắm.

Trong thời-kỷ văn-minh tấn-bộ này, nhất-thiết công việc giữa đời, nào chánh-trị, nào văn-chương, nào kỹ-nghệ, nào khoa-học, cho đến cách ăn lối ở, phong-tục lễ-ngهی, ở chốn gia-đinh, ở nơi xã-hội, dầu dầu cũng hờ hào cái-cách, nay nói bỏ hủ-tục, mai nói theo tân-thời, để cho hiệp với phong-trào tiến-hóa, thế mà tôi lại còn đem cái điệu đờn xưa đã cũ rích đi rồi, ra mà cống-hiến các ngài và các bà nghe, nó là hủ lắm chẳng! Nhưng thiết-tưởng ai cũng rõ và đều cho là phải có cũ mới có mới, thời mới tự cũ mà ra; phương-chỉ cái mới chưa chắc là đủ đều hay hơn cũ, mà cái cũ chưa chắc là đủ toàn dở hơn mới. Nếu mà cứ phiên-bát trong mới với cũ, cái lẽ cái xưa với nay, thời cũ cũ mới mới, xưa xưa nay nay, chưa thể định-bình cho được, vì nhân-tâm còn đương chia phe rẽ phái, đều giữ lấy ý-kiến mình; phái chuộng cũ, thời hay bênh cho xưa; phái theo nay, thời hay thiên về mới. Vậy thời thế nào cho phải?—Duy có dung hòa cũ mới với nhau. Nhưng mà phải giữ cho cái đặc-sắc của nước nhà đừng mất, ấy là khéo dung-hòa mà lại khéo canh-cải. Nhục-

bằng thay cũ đổi mới, mà bỏ hẳn cái đặc-sắc của nước nhà đi, thời khách bàng-quan không khỏi cười là « vong-bồn. »

Tôi cũng biết rằng đem điệu nhạc của mình mà so-sánh với điệu nhạc Tây, thời của người ta hùng-dũng biết bao nhiêu, mà của mình thời nhu-nhược biết bao nhiêu. Nhưng mà xét cho kỹ thời nhạc ở tại lễ mà ra, cho nên xưa chữ « tác-nhạc » đi theo với chữ « chế-lễ ». Nay xét về lễ-phép của mình quả ư nhu-mi, nên nhạc của mình cũng phải uốn theo khuôn mềm-mòng. Một người dưới của mình, gặp một người trên, thời vòng tay cúi đầu, sờ-rờ khép-nếp, bộ-tịch như vậy mà còn ngại là chưa đủ lễ chẳng! Chớ như bên Âu-Tây, dầu cho đến một tên lính đi nữa, mà gặp quan trên, cũng một cách tỏ lễ phép, mà người ta thời đứng thẳng hai chân vững như trồng, dẫu ngay ngực ưỡn, giơ tay ngang mày mà thi-lễ; ấy đó, cũng đều là lễ-phép cả, mà bộ-tịch khác nhau. Người mình khi nói với người trên, lại còn cúi lưng cúi óc, gãi cổ gãi tai, lắm khi người bàng-quan thấy mà phải cười thầm. Nhưng, đất có què, lễ có thối, cũng khó lòng bỏ cho liền được. Lễ đã khác như vậy, thời nhạc cũng phải khác như kia. Cho nên người mình hay nói rằng. « Nhạc mình yếu-đuối » cũng phải. Nhưng mà

(1) Diễn-thuyết tại Hội Quảng-trị ở Huế ngày thứ hai 2 Septembre 1933, có quan Thương-thư Bộ Công-tác, Mỹ-thuật và Lễ-ngهی chủ-tọa.

xét cho kỹ, thì lời nói ấy chưa hẳn là đúng. Vì sao? Vì là nhạc có chia ra ba lối: một là « đại-nhạc », hai là « tiểu-nhạc », ba là « nhã-nhạc ».

« Đại-nhạc » là nhạc dùng về việc hành-binh, và trong khi lễ-tế, như: trống đại, chuông, chiêng, la, bát, v. v..

« Tiểu-nhạc » là nhạc cũng dùng về việc hành-binh và lễ-tự, như: trống chiến, trống ngũ-lôi (thường kêu là trống cà-ràn), bát nhỏ, kèn, vãn-vãn.

Còn « nhã-nhạc » là các thứ đàn và ống sáo, địch, ống tiêu, v. v..

Về phần « nhã-nhạc » tôi xin chút nữa sẽ bàn đến và sẽ diễn cả đàn và ca cổng-hiến các ngài nghe để mà so-sánh điệu xưa với điệu nay.

Nay xin bàn tiếp cho luôn về điệu nhạc đã.

Như lời tôi nói hồi nãy đó, nhạc là nhân theo lễ mà bày ra, mà lễ thời nhân theo phong-tục mà đặt, tức là nhạc cũng ở trong phạm-vi phong-tục, mà phong-tục thời sách có câu rằng: « Bách lý bất đồng phong », chỉ trong một trăm dặm mà phong-tục đã khác nhau, làng này qua làng kia, tục-lệ đã không giống nhau, huống-chi là biên Á trời Âu, nào dễ giống nhau, mà hòng so-sánh. Thử xét lấy trong một nước mình tưởng cũng đủ rồi. Như ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Nam-kỳ tục-lệ đã khác nhau rồi, huống là xa-xôi hơn nữa. Mà phong-tục vì sao mà khác? Vì ở phong-thổ khí-hậu. Phạm người ở về chỗ khí-hậu ôn-hòa, thời khác với người ở chỗ khí-hậu nóng-nảy. Nghiệm như người Bắc-kỳ, người Trung-kỳ với người Nam-kỳ, vóc-dạc và cử-chỉ đều khác nhau, thời điệu nhạc cũng theo đó mà khác. Như điệu ca-trù, tức là điệu hát cô đào, cũng có bề hăng-hải; vào dần đến Trung-kỳ điệu ca đờn, thì lại khoan-thai; đến Nam-kỳ thì điệu đờn lại dịu-ngọt, ấy là theo phong-thổ khí-hậu mà ra, chứ điệu nào cũng có phần hay cả, không phải điệu nào đã

hơn điệu nào được, duy điệu đờn là thuộc về mỹ-thuật, nếu không luyện-tập thêm, thời không thể hay hơn nữa được. Ở các nước văn-minh đã tàn-bộ rồi, thì các công-nghệ chỉ, họ cũ g mỗi ngày mỗi tìm cho giỏi thêm, mọi cái mỹ-thuật gì, cũng mỗi ngày mỗi tìm cho khéo nữa, có cái đã hoàn-loàn rồi, mà họ còn chưa cho là cực-diêm, cứ tìm kiếm mãi, cứ khảo-cứu hoài, không cho đến đâu là bờ là cõi.

Người ta như vậy, mà mình không lẽ cứ bo-bo chần-chẩn giữ lấy cái cũ kỹ của mình mãi hay sao? Vậy thì điệu đờn của mình không đổi cho sao, mà còn đeo theo điệu xưa mà chuyện nữa, nỏ hủ lắm chứ? Xin rằng: đổi là phải lắm chứ. Cũ muốn thay đổi, mà nay tôi lại nói chuyện đờn xưa. Nói như vậy, chắc có nhiều người cười cái đã. Nhưng mà xin biết cho rằng: mình thay đổi cho mới thời phải cứu cái cũ đã, rồi sau mới làm cái mới; như cày bằng không cứu cái cũ, mà đã vội làm cái mới, thời chẳng khác chi chế-tạo mà không có khuôn mẫu. Như vậy thì có được không? dẫu có được đi nữa, cũng là được vậy mà thôi, chứ không khuôn-mẫu mà nói rằng khéo được thật không chắc.

Hồi nãy tôi đã nói rằng nhạc mình chia ra ba hạng: Đại-nhạc, tiểu-nhạc và nhã-nhạc. Về phần đại-nhạc và tiểu-nhạc thì tôi xin nhường cho các nghệ chuyên-trách, đây tôi chỉ xin nói về nhã-nhạc.

Nhã-nhạc của mình cũng là một loại nhạc chơi trong nhà như ở bên Tây (*musique de salon*). Thuộc về nhã-nhạc của mình, thời có các thứ đờn: Nguyệt, Tranh, Tỳ-bà, Nhị-huyền, Tam-huyền, cả thầy năm cây. Gần đây lại thêm cây đờn Bầu đem từ đàng ngoài về thành ra sáu cây. Cây đờn Bầu, gọi tắt chữ là Độc-huyền — nghĩa là một dây. Cây đờn này đơn-giản hơn hết. Chỉ có

một dây mà đủ cả các bậc, về phần chế-tạo, thật là khéo lắm, có tài-tử, nhưng những nhà phong-nhã ít hay dùng, vì là nguyên của một người mù dùng để đi ca hát giữa đường, lại thêm hình-thức không nhã cho bằng mấy cây đờn kia, cho nên bậc thượng-lưu ít hay đờn đến.

Kể về phần đờn, thời đờn Tây tiếng to hơn, là vì hình-thức cây đờn của bên Âu-châu, họ đã tìm-tòi mà sửa-sang cho tiếng kêu cho to, lại thêm dây đờn là dây đồng, nên được giọng « kim-thanh », thì lại càng to hơn. Còn đờn của mình, thì dùng bằng giấy tơ, mà gõ dùng làm đờn, thì theo tục-truyền mà làm bằng gỗ cây « ngô-đồng ». Cho nên thường kêu là « tơ đồng ». Trong truyện Kiều có câu: « Cũng trong một tiếng tơ đồng », ấy là chỉ về đờn đó. Đờn mình sơ-dĩ tiếng nhỏ, vì phần nhiều là dây tơ, chỉ có cây đờn Tranh với đờn Bầu là dây đồng thôi. Ấy chỗ khác nhau là ở đó. Huống nữa nghiệm cho kỹ, thời đờn mình không phải là bình-dị như đờn Tây, nghĩa là đờn Tây có nhiều bậc chính lại có sáu hai bậc phụ kêu là *bémol* và *dièse* — chỉ theo bậc mà đờn là được; chứ đờn mình chỉ có bậc chính mà thôi, cho nên cũng một câu đờn mà người đờn khác nhau, phân-biệt hơn kém tại trong ngón nhấn. Cái hay ở đó, nên khó nổi tả ra cho đúng được, mà cái tinh-thần chỉ ở đầu ngón tay nhấn mà ra, chứ không phải nằm ở giữa khoảng phiếm đờn như đờn Tây vậy. Chút nữa tôi sẽ đem cái ngón đờn tâm-thường của tôi ra hiển các thỉnh-giả chú-tôn nghe cho vui. Không phải là tôi dám tự cho là đờn hay tuyệt-diệu đâu, chỉ duy muốn đem cái cổ-diệu mà phô bày, để cho những người muốn biểu đồng-tình với tôi mà giúp thêm về phần khảo-cứu đó thôi. — Nói là cổ-diệu, nói là đờn xưa, nhưng thật ra, nào có xưa gì đâu, mà cũng nó có nay gì đâu. Thiết vẫn điệu

đờn của mình từ xưa đến nay cứ vẫn giữ một điệu đó thôi, không thay đổi gì hết. Chỉ có mấy người mới tập đờn theo từng tiếng một, từng câu một, mà ai có mĩa-mai đến, thời nói rằng: « Tôi đờn xưa ». Vì đó mà họ chê đờn xưa là dở. Cứu nguyên-do, thật vì các người đờn hay chưa ra hay, dở còn đang dở, nên cái điệu đờn phải chịu tiếng oan là chia ra làm xưa với nay. Vả chẳng trong điệu đờn của mình có ba điệu: Một là điệu Khách, hai là điệu Nam, ba là điệu bằng.

Điệu khách nguyên chữ là *Bắc-cung*. Bắc tức là Tàu, vì là Tàu ở phía bắc nước mình. Tàu, mình hay kêu là Khách, vì là xưa những người Tàu đối với mình tự xưng là Khách, người mình là chủ. Cho nên trong những sổ họ khẩu lúc xưa kẻ biên người Tàu, thời viết là khách Trần Văn-Giáp, khách Lâm Văn-Ất, vân-vân. Tại cơ ấy cho nên những bản đờn *Cung-bắc* kêu là bản khách; mười bản đờn *hầu Ngự-giá* (Liễn-bộ thập-chương) kêu là mười bản Tàu.

Điệu Khách đều là đờn-nhịp một. Lại có điệu đờn chậm nhịp ba, như: *Lưu-thủy-chậm*, *Phú-lục-chậm*, vân-vân. Điệu phú-lục đờn điệu « Phú » trong điệu hát bội, cho nên điệu hát « Phú » cũng kêu là hát « khách ».

Điệu đờn Nam nguyên chữ là *Nam-cung*, chia ra làm hai điệu: Một là « *Cung-bình* » như là *Vọng-giang-nam*, tức là *Nam-bằng*, và *Hạ-giang-nam*, tức là *Nam-xuân*. *Nam-xuân* đờn theo điệu hát *Nam-xuân* và *Nam-chiến* trong điệu hát bội. Hai là điệu *Ai-giang-nam*, tức là *Nam-ai*, đờn theo điệu hát *Nam-ai* trong điệu hát bội, và điệu *Chinh-phụ-ngâm*, tức là *Quả-phụ*.

Điệu « bằng » là điệu theo giọng lý, như: Thái, Hành-vân, Bài-hồng, Lý vật. Điệu này thuộc về điệu « đờng », nghĩa là ở giữa điệu Khách và điệu Nam.

Ba điệu ấy là nguyên-tổ của điệu dờn minh, xưa cũng vậy, nay cũng vậy, cứ còn giữ luôn. Duy điệu dờn cũng như các nền giáo-hóa khác, càng ngày càng đi sai, rồi chia ra đảng-phái. Như đạo không đến đời Đảng. Tống thời đã chia phái nọ phái kia; đạo Thích cũng chia ra làm Nam-phái, Bắc-phái. Rồi nhân đó mà khác nhau. mỗi phái mỗi phe, các thợ môn-hộ: Đảng theo phe Đảng, Tống theo phe Tống, Bắc theo phái Bắc, Nam theo phái Nam.

Đờn minh cũng vậy. Đờn đã sai chính truyền, thành ra lối điệu ngang cung, rồi lại chia ra đờn xưa với đờn nay. Chớ thật không có chi là xưa, là nay cả. Trừ điệu khách ra, dầu họ đờn chừ có dặm quãng dặm xiên vô cho vui và cho dễ đờn đi nữa, nhưng cũng cứ giữ còn nguyên-tổ; duy có điệu Nam, mà chỉ có một bản Nam-ai là đôi hẳn cả điệu thôi. Vì sao mà bản Nam-ai lại khác hẳn cả điệu như vậy. Có người cho là vì trình-độ tấn-hóa, nên cái chi cũng cải-cách. Nhưng theo sở-kiến của tôi đã khảo-cứu ra, thời vì phong-tục, vì phong-hóa như lời tôi đã nói khi hồi nãy.

Thiên Nhạc-ký trong kinh Lễ có nói rằng: « Nhạc giả thông luân-lý giả dã; thị cố thâm-thanh dĩ tri âm, thâm-âm dĩ tri nhạc, thâm-nhạc dĩ tri chánh ». Nghĩa là: Nhạc là thông với luân-lý; ấy cho nên xét tiếng mà biết điệu, xét điệu mà biết nhạc, xét nhạc mà biết việc chánh-trị.

Mình nghe điệu nhạc Tây hừng-khởi thế nào, thời cũng đủ tưởng-tượng đến quần-nhưng bình-bị của người ta thế nào.

Còn điệu dờn của mình, thời nguyên xưa điệu Nam-ai êm-ái như ru. Thật là lúc xưa phong-hóa của mình còn êm-dềm lặng lẽ. Người mình chỉ biết lấy nước mình mà thôi. Xiêm-la là bạn yếu,

Cao-miền là phụ-dung. Lão với Mọi còn kể vào dẫu, có biết và sợ ai chẳng nữa là Tàu, mà Tàu có khi thời bỏ-buộc mình, quận-huyện mình, nhưng cũng có khi mình lại đánh đuổi những bọn Đồ-hộ tàn-bạo tham-lam. Tàu thấy thế xa-xuôi, phong cho mình để làm dây thần-phục; mình cũng vì đồ-thần, chịu lấy mệnh đề cho đỡ sanh-linh. Cốt ý của hai bên đều muốn dẹp cả can-qua mà đổi ra y-thường ngọc-bạch, Bắc yên ở Bắc, Nam giữ lấy Nam, tuy nói rằng thợ-phong, nhưng nghi-vệ Thiên-tử, mà Tàu cũng không nói đến làm chi chỉ giữ thế mỗi năm đổi cho có cống-phẩm là được. Có khi năm ba năm mới cống một lần cũng xong. Vì vậy nên nước cứ êm trong giấc mộng, ngủ lẫn ngủ lóc, ai thức dẫu mà tỉnh. Nhà mình mình ngủ, ai tới gõ cửa dẫu, mà phải trở mình dậy làm chi! Ấy cho nên điệu đàn Nam-ai như ru như vỗ, để ngủ cho êm.

Đến bây giờ lại khác. Từ khi có Bảo-hộ qua khai-hóa cho mình đến giờ, mình mới tỉnh dậy, mở mắt ra mới thấy bốn bề một nhà, văn-minh tấn-hộ. Nào kỹ-nghệ, nào thương-mại, cái gì cũng tấn-hóa, cái gì cũng văn-minh, mình mới biết ra là mình còn hủ-lậu, còn kém thua. Té ra khi xưa thời nhất mẹ như con, mà nay chừ, thời lắm kẻ lại giòn hơn ta. Ngó quanh ngó quẩn, thấy hoàn-cảnh mới biết mình còn thua sát lắm điều, bất-giác buông lời than-thở, khóc-lóc kêu-gào: Nghĩ mình mà muốn bứt trời kêu lên. Ấy tình-cảnh như vậy, rồi điệu dờn theo đó mà thay đổi, cho nên điệu dờn ca Nam đôi hẳn ra điệu như khắp, như tổ, như oán, như mô. Điệu Nam-bằng hãy còn dờ-dờ chừ điệu Nam-ai thật biến hẳn ra một điệu khác, không còn cái nguyên-tổ nữa. Nghe ca Nam-ai bây giờ như nghe kêu trời van dất, như năn-nỉ khóc than. Đã rửa rồi, lại

còn thiên về tình nữa, cho nên điệu Nam-ai bây giờ lại nghe ra như ngồi với người tình mà vuốt-ve nắn-nỉ, hên núi thề sông.

Vì vậy cho nên xưa có người nói rằng: « gia hữu cầm, nữ-tử dâm ». Nhà nói đó là vì nghe điệu đờn biến-phong, mà chưa nghe được điệu chính-phong. Đờn xưa cũng đã có chia ra chính-phong và biến-phong rồi. Xem trong kinh Thi, các thiên Châu-nam, Thiệu-nam là chính-phong, còn Trịnh, Vệ là biến-phong. Ở chính-phong lại có thi Quan-thư nói việc cầu một người con gái, cho đến đổi là « mỵ-mị tư-bặc, triền-chuyển phản trắc », thiết là mê-mết theo mà đêm nằm không yên gối, ngủ không ngon giấc, cứ giấc điệp mơ-màng, trần-trọc tráo-trở, thế mà cho là chính-phong, nó sai chăng? Không, không sai đâu. Vì là cầu mà chính-dáng, tức là chính-phong. Chờ không phải như ở Trịnh, Vệ, mà đem lời nguyệt-ba ở chốn « tang-gian bặc-thượng » đâu. Bên thời nói « ở cồn giữa sông » (tại hà chi châu), bên thời nói « trên Bộc trong dâu » (Tang-gian Bộc-thượng), nào có khác chi nhau là bao, mà bên thời cho là chính-phong, bên thời lại cho là biến-phong. Thế mà khác nhau hẳn đi, vì là hai bên tuy cũng tình cả, nhưng bên thời tình đã vàng, mà bên thời tình trắng gió, ấy cái khác là tự đó.

Lát nữa lời sẽ đờn và nhờ hai cô danh-ca hiện có mặt ở đây là cô Liễu và cô Huệ, một cô ca điệu xưa, một cô ca điệu nay, để các Ngai nghiệm cho biết là lời tôi nói trên này thế nào.

Trước khi hiển ít ngón đờn, tôi xin kể qua các thứ đờn và phép-tắc đờn. Trong phép đờn có sáu điệu kị:

10— Là kị « đại-hàn », khi trời lạnh đờn không hay.

20— Là kị « đại-thử », khi trời nóng như lửa đốt, đờn không hay.

30— Là kị « đại-phong », khi gió thổi ào-ào, cát bay cây ngã, đờn không hay.

40— Là kị « đại-vũ », khi mưa như trút tinn, nước đổ lao-xao, đờn không hay.

50— Là kị « tấn-lôi », khi dòng réo vang trời, sấm gầm dậy đất, đờn không hay.

60— Là kị « đại-tuyết », khi tuyết xuống đầy trời, đờn không hay.

Lại có 7 điều không nên đờn;

10 Nghe tang không đờn;

20 Khi nhạc dành có chuông trống ồn-ào không đờn;

30 Việc-văn bốc-rối không đờn;

40 Trong mình không sạch-sẽ không đờn;

50 Khăn áo không chỉnh-nhã không đờn;

60 Không xong trăm không đờn;

70 Không gặp tri-âm không đờn.

Trong những phép-tắc tôi mới kể ra đó, là qui-cử của người xưa bày ra như vậy, là cốt ý đề tôn-trọng điệu đờn, và muốn cho khi đờn phải cẩn-thận mới hay. Nhưng theo cho đúng như ở trong đó, thời không khỏi có người cười là « cầm-hủ » cũng như họ cười các ông « hủ-nho » vậy.

Còn các thứ đờn thời xưa có nhiều cây bây giờ không dùng đến nữa, nhưng cứ theo các sách, thời các thứ đờn nguyên xưa bày ra thước tắc dài vẫn, đều có thủ-nghiã riêng cả. Như:

Đờn cầm 琴

Đờn cầm nguyên Phục-Hy-thị (伏羲氏) bày ra đầu. Sách Kim-cổ ký-quan (今古奇談) biên rằng: « Xưa vua Phục-Hy thấy chim phụng-hoàng về đậu trên cây ngô-đồng, nghĩ rằng: « Chim phụng hoàng là lớn nhất trong loài chim, ăn thời chỉ ăn trái tre, uống thời chỉ uống lệ tuyết, đậu thời chỉ đậu cây ngô-đồng mà thôi. Vậy thời cây ngô-đồng là một cây báu nhất trong loài cây, đem dùng làm nhũ-

nhạc được ». Bèn khiến người đốn cây ngô-dồng xuống, cưa ra làm ba khúc; đem khúc ngọn gõ thử xem, thời nghe tiếng quá trong; đem khúc gốc gõ thử xem, thời nghe tiếng quá đục. Thử đến khúc giữa, thời tiếng đủ nặng, nhẹ, đục, trong. Bèn đem để nơi nước chảy dầm bảy mươi hai ngày, nghĩa là theo số khí-hậu; rồi lấy lên, để trong im đợi cho khô, mới gach thước tấc sai người thợ khéo là Lưu Tử-Kỳ (劉子奇) đẽo ra mà làm thành đàn, đặt tên là *Diêu-cầm* (瑤琴). Đàn dài ba thước sáu tấc sáu phân, nghĩa là theo vành trời có 366 độ (Trong sách *Cầm-thao* (琴操) cho là tượng 366 ngày, tức là nhà thiên-văn Âu-châu ngày nay nói rằng: Trái đất đi khắp vòng mặt trời 366 ngày), trước rộng tám tấc, nghĩa là theo bát-tiết (八節), sau hẹp bốn tấc, theo tứ-thời (四時), dài hai tấc, tượng lưỡng-nghi (兩儀); trục (軫) ngọc, phiếm (徽) vàng; mười hai phiếm, tượng 12 tháng, lại thêm một phiếm giữa, tượng tháng nhuận; năm dây, tượng ngũ-hành (五行) mà theo ngũ-âm (五音): *Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ* (宮商角徵羽).

Đến sau Ba Ấp-Khảo, con vua Văn-vương nhà Châu, thêm một dây kêu là *dây văn* (文絃). Đến đời vua Vũ-vương lại thêm một dây nữa, kêu là *dây vũ* (武絃). Thành ra đàn cầm bảy dây: *Cung, thương, giốc, chủy, vũ, diêu-cầm, vũ* (宮商角徵羽文武).

Trong *Tam-lễ-dồ* (三禮圖) với *Quảng-nhã* (廣雅) kêu dây văn, dây vũ là dây *thiếu-cung* (少宮) với *thiếu-thương* (少商), thời kêu bảy dây là: *Cung, thương, giốc, chủy, vũ, thiếu-cung, thiếu-thương* (宮商角徵羽少宮少商).

Theo trong *Tam-lễ-dồ*, thì dây đầu là « *cung* », dây thứ hai là « *thương* », thứ ba là « *giốc* », thứ tư là « *vũ* », thứ năm là « *chủy* », thứ sáu là « *thiếu-cung* »,

thứ bảy là « *thiếu-thương* ». Vậy từ dây đầu trở lên, thì bảy bậc là: *Cung, thương, giốc, vũ, chủy, thiếu-cung, thiếu-thương* (宮商角羽徵少宮少商). So với bậc đàn bây giờ, thời tưởng là: *họ, xự, xừ, xàng, xê, cống, phảng* (合四四上尺工反).

Còn đàn bên Âu-châu cũng bảy bậc: *do* (đọc là độ), *rê* (đọc là rê), *mi, fa* (đọc là pha), *sol* (đọc là xô-lơ), *la, si* (đọc là xi); so với bậc đàn mình, thời bậc đàn Tý đúng: *họ, xự, xừ, xàng, xê, cống, phảng* (合四四上尺工反).

Nguyên đầu bảy đàn cầm ra như thước tấc kể trên đó, đến sau các nhà tinh nhạc, lần lần bày thêm đàn nọ đàn kia. Đời nhà Nguyên (Tàu) có: đàn một dây (nhất-huyền cầm) có lẽ là một thứ đàn bầu chẳng, đàn ba dây (tam-huyền cầm), đàn năm dây (ngũ-huyền cầm), đàn bảy dây (thất-huyền cầm), đàn chín dây (cửu-huyền cầm).

Đàn Cầm có nhiều tên; đàn của vua Tuyên-vương nhà Châu đặt tên là *Hưởng-phong* (響風); đàn của người Thôi-Nhơn (崔駰) kêu là *Ngọa-băng* (臥冰); của Đái-Quy (戴逵) kêu là *Hắc-hộc* (黑鶴); của Trọng-Nhược (仲若) là con Đái-Quy, kêu là *Dược-phương* (躍紡); của Liễu Văn-Sương (柳文暢) kêu là *Xuân-phong* (春風); của Tư-Mã Tương-Như (司馬相如) kêu là *Lục ý* (綠綺); của Thái Ung (蔡邕) kêu là *Tiêu-vĩ* (焦尾), văn-văn.

Bài đàn cầm cũng có nhiều tên. *Phụng-qui-lâm* (鳳鳴林), *Hạc-lệ-thiên* (鶴唳天), *Phụng cầu hoàng* (鳳求凰), văn văn.

Các bậc đàn cầm hay thừa xưa, những là: Bá Ấp Khảo (伯邑考), đức Khổng-tử (孔子), Du Bá-Nha (俞伯牙), Tư-Mã Tương-Như, văn văn.

Đàn sắt 瑟

Trong sách *Đế-vương thế kỷ* (帝王世紀) chép rằng: Đàn sắt nguyên của

Bào-Hy thị (庖犧氏) bày ra, dài bảy thước hai tấc, hai-mươi-lăm dây. Trong *Tam-lễ-đồ* lại nói rằng: Đờn sắt dài tám thước một tấc, hai mươi ba dây; đờn thường dùng thời mười chín dây. Mà Văn-tử (文子) với Thi-tử (尸子) đều nói rằng: Đờn sắt hai mươi, lăm dây.

Trong sách *Tục Văn-hiến thông-khảo* (續文獻通考) nói rằng: Đờn sắt đời nhà Minh hai mươi lăm dây, hai bên dây đỏ, sợi giữa dây vàng, kêu là quân-huyền (君絃).

Theo như các lời trước này, thời đờn cầm, đờn sắt đều dùng dây tơ cả.

Xưa có Hồ-Ba (瓠巴) đờn sắt hay lắm, cho đến cá cũng nổi lên mà nghe.

Đờn Tranh 箏

Trong bài *Tranh-phủ* của Nguyễn Võ (阮瑀 箏賦) nói rằng: Đờn tranh dài sáu thước, ứng theo số lục-luật (六律), dây mười hai sợi, tượng bốn mùa, trụ cao ba tấc tượng tam-tài (三才).

Trong sách *Phong-lục-thông* (風俗通) nói rằng: Đờn tranh nghe ra giọng nhà-Tần, có người cho là người Mông-Điền (蒙恬) bày ra.

Người Phò-tử (傅子) lại bác rằng: « Đờn tranh trên tròn tượng trời; dưới bằng tượng đất; giữa trống, thông lục-hiệp (六合), mười hai dây, mười hai trụ, tượng mười hai tháng, thiết là một cây đờn có nhân-trí; người Mông-Điền là một người tội vong-quốc (nói nhà Tần), há dễ nghĩ được đến chỗ khôn-khéo như thế đâu? »

Nhà đó bác cũng hơi ép quá. Phàm người thông-minh trí-luệ, đời nào lại không có, huống-chi nhà Tần cũng còn có bày ra đờn khác nữa. Còn việc thanh, suy, hưng, vong, tự trời một phần, vua một ít, tôi một ít. Gặp Tần Thủy-hoàng bạo-ngược vô-đạo, dẫu cho Mông-Điền có giỏi đi nữa, cũng

không quá Nhị-thế được. Coi như Trần Thiệp với Khổng Minh thời biết.

Lại có nhà nói rằng: « Đờn tranh nguyên là đờn sắt xẻ đôi. Một nhà kia có hai anh em giành nhau một cây đờn sắt, đập bể ra làm hai, mỗi người lấy một nửa, nên kêu là đờn tranh. Tranh nghĩa là giành vậy. »

Nhà nói đó tưởng cũng xuyên-tạc quá, chẳng qua thấy chữ *tranh* viết trên *trúc* đầu, dưới chữ *tranh* là dành, nên bịa ra đó thôi, chưa chắc là đã nhầm.

Còn đờn tranh của ta đờn bảy giờ, thời mười-sáu dây, mà dây hằng đồng. Tuy chưa rõ đời nào bày ra đầu, nhưng cũng định chừng đời nhà Thanh sửa lại, vì là đời nhà Thanh có sửa lễ-nhạc lại nhiều.

Xưa những người đờn tranh hay là: Tần-tổ nữ (秦索女), Triệu-nữ (趙女), Lý Thanh-Thanh (李青青), Sử-Tùng (史從), Lý Tùng-Châu (李從周) cháu nội Lý Khanh-Thanh, văn-văn...

Đờn trúc 箏

Trong *Nhạc-thư* (樂書) nói rằng: Đờn trúc hình như đờn cầm, mười ba dây, cổ nhỏ, vai tròn, khi đờn thì tay trái ôm đờn tay mặt cầm một miếng tre mà nẩy.

Thuyết-văn (說文) lại nói rằng: Lấy tre mà uốn cong lại, buộc năm dây mà đờn, ấy là đờn trúc.

Phong-lục-thông lại nói rằng: Đờn trúc hình như đờn sắt. Mà *Quảng-vận* (廣韻) lại cho là đờn trúc hình như đờn tranh, mười ba dây.

Đờn Không-hầu

Thích-danh (釋名) nói rằng: Đờn Không-hầu nguyên Sư-Diên (師延) đời Xuân-thu bày ra. Sau Sư-Quyên (師涓) đờn cho vua Bình-công nước Tấn

nghe, đến khi nước Tấn bị nước Trịnh nước Vệ lấy đất chia nhau, cái đồn đó còn lại, cho nên người ta kêu tên là Không-hầu, nghĩa là không-quốc chỉ hầu.

Trong *Phong-tục-thông* lại nói rằng: Đồn Không-hầu lại có một tên kêu là *Khâm-hầu* (坎後); đồn ở giữa trống cho nên kêu là Không-hầu.

Trong *Sự-vật-kỷ-nguyên* (事物紀原) thời nói rằng: Vua Linh-đế nhà Hán ưa đồn Không-hầu, đồn ấy hình cong mà dài, hai mươi-ba dây, khi đồn thì kẹp vào trong bụng mà đồn cả hai tay.

Trong *Văn-hiến-thông-khảo* (文獻通考) lại nói rằng: Đời nhà Đường chế đồn Không-hầu hình như đồn sắt mà nhỏ, bảy dây, lấy dây khảy mà đồn.

Đồn Tý-bà 琵琶

Trong *Thích-danh* nói rằng: Đồn Tý-bà nguyên ở Hồ làm ra, khi đi đường ngồi trên ngựa mà đồn. Lấy tay này ngược lên kêu là *tý*, này xuôi xuống kêu là *bà*, ấy cho nên đặt tên là *Tý-bà*.

Trong *Kiều* có câu rằng: «Nghề chơi ăn đứt Hồ-cầm một trương», tức là đồn Tý-bà đó. Chữ *Trương* đó nghĩa là một cây đồn, sách có chữ rằng: Cầm nhất trương, kỳ nhất cuộc, vân-vân.

Trong *Thích-tri-tượng-nhạc-lục* nói rằng: Đồn Tý-bà nguyên người Đỗ-Chi (杜翳) nhà Tần làm. Lúc nhà Tần đắp Vạn-lý trường-thành, dân-sự mệt-mỏi. Đỗ Chi mới bày ra cây đồn ấy để đồn cho vui lòng dân.

Ấy cũng như đời Đông-Châu, ở nước Tề có người Quân-Trọng với người Bào Thúc-Nha kết bạn với nhau thiết lăm. Nhân nước Tề loạn, Quân-Trọng phò Công-tử Củ qua trốn nước Lỗ; Bào Thúc-Nha phò Công-tử Tiều-Bạch qua trốn nước Lữ. Sau Công-tử Tiều-

Bạch về làm vua, hiệu là Hoàn-công Thúc-Nha tiến Quân-Trọng cho vu Hoàn-công, bèn sai người qua Lỗ đưa Quân-Trọng về, mà sợ Lỗ không cho nên giả lấy cơ khi tranh ngôi. Quân-Trọng có vi Công-tử Củ mà bắn Hoàn-công một mũi tên trúng nơi mồm áo, đỡ bắt sống Quân-Trọng về mà giết, mới bỏ lên xe đem về. Khi đi giữa đường, Quân-Trọng sợ người nước Lỗ đuổi theo, bày ra cách hát cho quân lính hát cho vui để quên mệt, mà chạy mau cho khỏi đất nước Lỗ. Từ đó về sau, bề khi làm-lụng nhọc-nhân, người ta hay bắt chước đó mà hát cho đỡ mệt.

Trong *Văn-hiến-thông-khảo* nói rằng: Đồn Tý-bà trở ngó-dồng ra mà làm, bụng như rùa, cổ như phụng. *Tục-văn-hiến-thông-khảo* (續文獻通考) cũng nói rằng: Đồn Tý-bà đời nhà Nguyên làm bằng gỗ, đầu cong, cổ dài, bốn trục, giữa cổ có phiếm, mặt rộng, bốn dây. Tức là đồn ta đồn bây giờ đó.

Người Trịnh-Hỷ-tử (鄭喜子) nhà Đường có dâng cho vua một cây đồn Tý-bà bảy dây.

Xưa những người đồn Tý-bà hay, là: Chu-sinh (朱生), Ngụy-ên-Hàm (阮咸), Tôn-Phóng (孫放), Không-Luật (孔律), Hạ-hoài-tri (賀懷智), Khương Côn-Lôn (康崐崙), Vương Phán (王芬), Tào Bảo (曹保), Tào Thiện-Tài (曹善才), là con Tào Bảo, Tào Cương (曹綱), cháu nội Tào Bảo, Bùi Hưng-Nô (裴興奴), vân-vân...

Đả-cầm hay là Dương-cầm (打琴一名洋琴).

Đồn Đả-cầm hình như trái cật, bề dài một thước năm tấc, bề ngang một thước, cột bốn-mươi-hai dây bằng đồng, chia ra làm mười bốn bậc, mỗi bậc ba dây, khi đồn thời để đồn trước mặt. Hai tay cầm hai miếng tre hình như búa mà đánh, cho nên kêu là *Đả-cầm*.

Đồn này mới có từ nhà Thanh.

Đờn Nhật 日琴

Đờn Nhật hình tròn như mặt trời, cho nên kêu là Nhật. Cần dài bảy tấc, mặt rộng tám tấc, mười phiếm, bốn dây mà hai tiếng, hai dây dài một tiếng, hai dây tiểu một tiếng.

Đờn Nguyệt 月琴

Đờn Nguyệt hình như mặt trăng, cho nên kêu là Nguyệt. Người ta cũng kêu một tên nữa là Nguyễn-cầm (阮琴), vì là nguyên của Nguyễn Hàm (阮咸), người nhà Tấn bày ra.

Đờn này thùng rộng tám tấc rưỡi, dây một tấc rưỡi, cần dài một thước bảy tấc, tám phiếm, bốn dây lên hai tiếng như đờn Nhật, mà nay đờn chỉ buộc hai dây mà thôi.

Nhà nhã-nhạc nước mình lấy đờn Tranh, đờn Nguyệt, đờn Tỳ, đờn Nhị với đờn Tam làm ngũ-diệu (五妙), kêu là đờn năm dây. Ấy cho nên người mình, hễ ai đờn hay được cả năm cây, thời cho là bậc phong-lưu tài-tử.

Đờn Nhị 二絃琴

Đờn Nhị tục kêu là đờn Cỏ, vì là mới học cây đờn này, thời kéo hai dây *tở ỏn tang* nghe ra như *Cỏ ke*, cho nên kêu là cỏ.

Đờn này nguyên là đờn Hồ bày ra, cho nên đờn Tàu hiện đờn bây giờ, cũng còn sơ-sai lắm. Lấy một cái gáo dừa xoi hai lỗ, tra một cái cần, hình như cái gáo mình múc nước, miệng gáo thời lấy lòng-bóng trâu, hay là da mà bịt, cần khoét hai lỗ, xỏ hai cái trục, buộc hai dây, giữa mặt đờn có một con ngựa để kê hai sợi dây, chằng giữa dây có một cái khuyết cột vào nơi cần, muốn đem xuống đem lên tùy-ý, với một cái cung bằng tre, buộc lông đuôi ngựa, nơi miệng gáo gần chỗ tra cần, gán một khối nhựa thông (bạch-tùng-du), khi đờn thì tay trái cầm cần mà nhún, tay mặt cầm cung

kéo qua kéo lại, lông đuôi ngựa dính bột nhựa thông, cọ với dây tơ, vì rít mà kêu.

Hoặc có nhà không làm bằng gáo dừa, lại làm bằng ống tre, nhưng mà thường thường đờn Tàu cần ngắn, tiếng ét mà xẵng, cho nên người mình mới đổi cách lại cho dịu, sửa lại cho đẹp hơn: tiện ống bằng trúc, hoặc bằng ngà, bịt mặt bằng da kỳ-đà hoặc là da trăn, cần cũng bằng trúc hay là bằng gỗ, mà dài hơn.

Đờn Tam 三絃琴

Đờn Tam buộc ba dây, cho nên kêu tên là Tam. Đờn này hình như đờn Nguyệt mà nhỏ hơn. Thùng bằng gỗ, rộng năm tấc, hai bên bịt bằng da trăn, cần dài một thước năm, tra ba trục, cột ba dây, giữa mặt đờn cũng có ngựa kê dây như đờn Nhị, giữa cần cũng có khuyết, nhưng mà khuyết đờn Nhị thì bằng một cái vòng đồng, chứ khuyết đờn Tam thì làm một miếng ngà hay là xương, xoi ba lỗ luôn ba dây qua. Khi đờn thì ngồi xếp bằng, kê đờn trên đầu gối chân mặt, tay trái ôm đờn mà nhún, tay mặt cầm một miếng ngà dài chừng hai tấc, rộng chừng tám phân, hay là dùi-mồi mà đờn.

Đờn Độc-huyền 獨絃琴

Đờn này tục kêu là đờn Bầu, vì là nơi cần có tra một cái bầu cho ấm tiếng.

Đờn độc-huyền tại Bắc-kỳ bày ra đầu. Lúc trước ở Huế chưa có đờn ấy. Đến năm Thành-thái thứ tám, có mấy người mù ở làng ngoài vô, đem theo một cây đờn Bầu, hát xoan, hát xẩm, ngâm kiêu, hễ hát gì thời đờn theo nấy, nghe ra cũng hay, nhưng mà không đờn theo bản đờn Huế được. Từ đó mới có người đem đờn Bầu hiệp theo điệu đờn năm cây mà đờn ra bài ra

bản. Đến bây giờ đồn Bầu cũng thịnh-hành lắm, cho đến chốn ngõ hẹp bang cùng, đi đến đâu cũng nghe tiếng đồn Bầu. Vì là hình-thức đồn Bầu sơ-sai lắm, dễ dóng, không tốn kém bao nhiêu. Lấy ba tấm ván dài chừng hai thước, rộng chừng bốn tấc, dóng lại như một cái thùng, hai đầu cũng dóng bịt lại, một đầu tra một cái cần, giữa cần tra một cái bầu, buộc một sợi dây bằng đồng, giăng thẳng lại đầu kia buộc vào nơi trục mà vậy. Khi đồn thời cầm một mảnh tre vót nhọn khẩy mà đồn. Lúc đầu người Bắc mới đem vào, thời đồn từ trên khẩy xuống, cách ngồi thời ngồi trật, gác bàn chân trái lên trên đồn mà kê cho cứng, còn chân mặt thời dựng gối lên xếp về sát ngực, cây đồn thời dề phía bên chân mặt. Nay người ta đồn, thời lại dề cây đồn nằm ngang trước mặt, ngồi xếp bằng, chân mặt gác lên trên đồn mà kê, còn đồn thời cầm mảnh tre khẩy dưới khẩy lên. Cách ngồi bây giờ tưởng nhả hơn.

Đồn Cầm-nam 南琴

Đồn Cầm-nam nguyên ông Luân-Quốc-công (倫國公) bày ra. Tên húy ngài là Dục (昱). Trong *Hoàng-nam-tiền-biến-liệt-truyện* (皇南前編列傳) có chép công-nghiệp của ngài rực-rỡ về-vang lắm. Ngài là một tay rất mực phong-lưu tinh-thông nhả-nhạc. Phạm điệu hát, câu hò, bài ca, khúc lý, về tay ngài sửa-sang lại phần nhiều. Ngài thấy điệu hát mình cung cao lắm, đồn xưa ít ăn theo, ngài mới hiệp cả Cầm, Sắt, Ty-bà lại làm một, chế ra một cây đồn mới kêu tên là Nam-cầm. Đồn ấy thùng dầy, hình như quạt lá vĩa, cần dài ba thước, tám dây. Nam-Bắc truyền-bá, ai ai cũng cho là hay. Ngài có dạy cho một cô hầu ngài đồn hay lắm. Sau cô ấy lại dạy cho chị Đầu-nương (斗娘). Chị này quê làng An-cự, phủ Thừa-thiên, lúc còn tóc đề vá đào, đã tên đề nhạc-tịch.

Đến khi trắng tròn ba nỏ, da tuyết tóc mây, làn thu-thủy, nét xuân-sơn, thiết lảng-nghiêng thành nghiêng-nước, lại thêm đồn hay hát giỏi nữa, cũng khá cho là tài sắc vẹn hai. Sau gặp một ông chồng làm quan Tham-tán. Ông này cũng đồn hay. Khi rảnh-rang công-việc vui cảnh gió trăng, hai vợ chồng trau-giồi điệu đồn, luyện-tập khúc hay, lúc bấy giờ đồn Cầm-nam không ai hay lọt được. Đến khi ông chồng tểch miến trần-giới, về cảnh Bồng-lai, thời chị Đầu-nương thế không đồn nữa. Đến bây giờ đồn Cầm-nam thất-truyền thiết tiếc lắm thay.

Đồn nhà trò 歌籌琴

Đồn Nhà-trò tục kêu là đồn *Đáy*, vì là mặt đồn phía sau khoét lưng; ấy cho nên cũng kén tên chữ là *vô-đế cầm* (無底琴); thùng vuông, cần dài ba thước, ba dây, khi đồn thời cầm một mảnh tre mà khẩy, hình-thức gần như đồn Cầm-nam, hay là đồn Cầm-nam mà sau họ sửa thức lại chẳng? Đồn Đáy đồn theo điệu bát *nhà-trò*, mau, chậm, thấp, cao, thiết hay lắm. Hiện bây giờ người Nghệ Tĩnh đồn đồn Đáy hay, vì là tại chỗ nhà-trò mà ra.

Ở Hà-tĩnh có Cửu-Đạm đồn hay nhất ở Nghệ Tĩnh. Trước thời có Cửu-Xương Cửu-Ninh đồn cũng hay lắm.

Lại nghe tương-truyền rằng: Đồn Đáy nguyên ông Lý Thiết-Quải (李鉄拐) bày ra. Xưa có hai vợ chồng kia ăn ở nhân-từ mà nghèo, cứ đi làm củi đốt than mà ăn. Ngày nọ gặp một ông già cho một cây đồn, biểu tập đồn ca thời giàu có. Hai vợ chồng đem đồn về mà không đồn được. Sau lên tìm ông già ấy, thời ông dặn mỗi bữa lên đó ông dạy cho. Đến khi đồn được rồi, thời ông già biến mất. Vừa gặp ngày lễ Vạn-thọ vua Võ-đế nhà Hán, hai vợ chồng đến đồn hát. Khi đó có ông Đông-Phương-Sóc (東方朔) nghe bài đồn,

cứ lưng-lẻo ngậm-ngùi như là bài đờn đã quen nghe từ khi nào rồi. Mới hỏi ai vẽ cho, thời hai vợ chồng nói hình-dạng ông già dạy đờn ra. Ông Đông-Phương Sóc sức lại là ngón đờn ở cung tiến, nguyên của ông Lý Thiết-Quải đặt. Ấy cho nên làng Cồ-đạm, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh, mỗi khi lễ nhạ-trở tế, thời tế ông Hán Võ-đế, ông Đông-phương Sóc với ông Lý Thiết-Quải.

Sự-tích đó không biết có thiệt không. Tôi tìm các sách đờn xem mà chưa thấy rõ.

Ông Sanh 笙

Trong *Lễ-ký* (禮記) nói rằng : Ông Sanh nguyên bà Nữ-Oa (女媧) bày ra. Trong *Thuyết-văn* nói rằng : Ông Sanh mười ba ống kết lại một, tiếng như phụng reo.

Văn-hiến thông-khảo nói rằng : Đời Hậu-chúa có bảy Sanh mười sáu ống. Đời nhà Đường lại có Sanh mười hai với mười bảy ống.

Tục Văn-hiến thông-khảo nói rằng : Đời nhà Nguyên có Sác-sanh (巢笙) với Hòa-sanh (和笙) làm bằng tre bông, mười-chín ống.

Xưa có nhiều người thổi Sanh hay, những là : Vương-Tử-Tấn (王子晉), Đồng Song-Thành (董雙成), là người hầu bà Vương-mẫu ; vua Hoàn-đế nhà Hán (漢桓帝), Đỗ Quì (杜陵) người nước Ngụy, v. v..

Hoàng 簧

Ông Hoàng nguyên bà Nữ-Oa bày ra, trong ống có cái lưỡi gà bằng sắt.

Hiện bây giờ ta có thổi thứ ống có lưỡi gà đó, cũng là một thứ Hoàng.

Vụ 簫

Thuyết-văn nói rằng : Vụ làm ba-mười-sáu ống, dài bốn thước tám tấc.

Tiểu 簫

Thông-lễ nghĩa-loãn (通禮義纂) nói

rằng : Ông Tiêu đời Phục-Hi mười-sáu ống.

Sự-thủy (事始) chép rằng : Bà Nữ-Oa chế ống Tiêu.

Phong-tục-thông nói rằng : Ông Tiêu của vua Thuấn, bình so le như cánh phụng, mười ống, dài ba thước.

Hiện bây giờ cái kèn của Mọi về chợ phiên hay thổi đó, cũng là một thứ Tiêu chăng ?

Bác-nhã (博雅) nói rằng : Tiêu lớn hai-mười-bốn ống, không dây, tiêu nhỏ mười-sáu ống, có dây. Thứ không dây kêu là Động-tiểu (洞簫).

Tục-văn-hiến-thông-khảo nói rằng : Đời nhà Minh chế ống Tiêu bằng trúc, dài một thước chín tấc năm phân, tròn ba tấc, đầu ống khoét một lỗ, kêu bằng sơn-khẩu (山口), lỗ ấy dùng mà thổi, trước năm lỗ, sau một lỗ,

Ống Tiêu của ta hiện thời bây giờ, hình-thức cũng vậy, đều có nhỏ với ngắn hơn.

Những người xưa thổi ống Tiêu hay, là : Nàng Lộng-Ngọc (弄玉), con vua nước Tần. Tiêu-Sử (蕭史), vua Huyền-đế với vua Linh-tế nhà Hán, Trương Lương (張良) v. v..

Địch 笛

Quảng-nhã (廣雅) nói rằng : Địch bảy lỗ, tức là ống sáo ta thổi bây giờ.

Xưa những người thổi địch hay, là : Mã-Dung (馬融), Tống-Vi (宋祿), Tử-Dã (子野), Nô-Nhan (奴顏). Đời nhà Đường có Lý Mỗ (李謨) hay nhất trong nước.

Địch có khúc riêng kêu là : Chiết-duơng-liễu (折楊柳), Mai-ba-lạc (梅花落), Già-cô (鴛鴦), v. v..

Quản 管

Quảng-nhã nói rằng : Quản như ống Trĩ, dài một thước, tròn một tấc, sáu lỗ không dây.

Văn-hiến-thông-khảo nói rằng : Đời nhà Đường có chế ống quần bảy lỗ, kêu là *Thất-tinh-quần* (七星管), lại có một lỗ một bên, lấy lụa ruột tre mà dán lại, để cho reo tiếng, kêu là *trợ-thanh* (助聲). Tức là thư ống ta thời ngày nay, mà người mình hay kêu lầm là ống Địch do. Họ hay lột lụa mo cau, hay là lụa hành-củ mà dán *lỗ-máy*. Hoặc hái lá khoai tía, lấy móng tay mà chầy cho bết nhớt, rồi lấy cái lụa mà dán cũng nhảy lăm. Hoặc lấy giấy hút thuốc tây mà dán cũng được.

Tri 厓

Thế-bản (世本) với *Tùy-chí* (隋志) nói rằng : Ông Tri nguyên ông Tô Thành công (蘇威公) chur-hầu đời vua Bình-vương nhà Châu, bày ra, dài một thước bốn tấc, tám lỗ,

Trần-thị-nhạc-thư (陳氏樂書) nói rằng : Ông Tri như ông Địch mà có đây, thời ngang, sáu lỗ.

Huân 垣

Thế-bản với *Tùy-chí* nói rằng : Ông Huân nguyên Bạo-tân-công (暴新公) cũng chur-hầu đời vua Bình-vương nhà Châu bày ra.

Phong-tục-thông nói rằng : Huân làm bằng đất to như trứng gà, tròn năm tấc rưỡi, dài ba tấc rưỡi, sáu lỗ. Tức là cái *tu-huyết* của con nít hay thời chơi đó, nhưng mà *tu-huyết* của ta có hai lỗ mà thôi.

Thước 箛

Nhĩ-nhã (爾雅) nói rằng : Ông Thước như ông Địch, đều ngắn và nhỏ hơn, có ba lỗ mà thôi.

Nay tôi xin giới-thiệu những người đàn hay ở nước mình có lẽ có nhiều người các ngài cũng đã từng quen biết rồi. Trong một nghề gì, mà người giỏi

còn phải muốn cái tên quý-báu của họ sống mãi với đời thay, huống-chi về một nghề mỹ-thuật, như nghề đàn, đã nhiều người dày công nghiên-cứu trau giồi, há lại không nên đề tên của họ cho lâu dài với non sông sao !

Xin kể những người xưa và người mới quá-cổ rồi :

Nước ta số người hơn mười-lăm triệu, mà kể những tay đàn hay cũng không mấy kể, ấy mới biết nghề chơi cũng lắm công-phu, điệu đàn khó không phải dễ.

Xưa thời có ông Dung với ông Thẩm đàn hay lắm, còn thời ông Tiêu thời có ông Tam, nên có câu ca rằng : *Nước Nam có bốn mĩ-miệu, Ngạn cò, Thiệu vè, Tam tiêu, Dung đàn* Nghĩa là : ông Ngạn đánh cò cao, ông Thiệu vẽ khéo, ông Tam thời ông tiêu giỏi, ông Dung đàn hay.

Kể theo hai ông đó, thời có ông Bền và ông Nhòn. Rồi đến cậu Tống Văn Đật, trong bài tự sách đàn của Ngài Nam-Sách, Ngài có nói rằng : Cậu Đật nguyên là một tay phong-lưu lắm, thường cứ tới lui chơi-nhờn với những danh-công cự-khanh, ai ai cũng trọng. Đến sau nữa thời có cậu ba Toàn ; ông Phò 24, tên húy là Trần Quang-Phò ; đội Chín, con đội Đật ; đội Phước, con đội Chín (đội Chín giữ được sách nhà, đàn xưng tuyệt-diệu, đức Đức-tôn ưa lắm cho làm suất-đội nhạc-chánh ; đến khi đội Chín mất, Ngài Ngự thương lắm, truyền đòi con đến, hỏi coi thử có nổi nghiệp được không, thời có cậu Phước đàn cũng hay, Ngài bèn cho kế theo đội Chín mà coi Nhạc-chánh) ; cậu Thử ; ông Bá Yến, người Minh-hương ; cậu Khánh ; cậu Trương-Sáu ; ông thông-phán Châu Hữu-Ninh ; ông bố Trương Trọng-Hữu ; cậu Cung ở Kim-luông, ông Hoàng-giáp Phạm Như-Xương, người làng Ngâu-câu (Quảng-nam) ; ông tiến-sĩ Đỗ Huy-Liên, người

Bắc-kỳ ; ông cử Lê Cảnh, người làng Bích-la (Quảng-trị).

Ông phủ Thông, tên húy là Đoàn Diệu (段耀) ở An-cự, đờn thăng-mặc lắm.

Cậu ấm Phan Đình-Uyển (潘廷諲) thường hay kêu là cậu ấm Ba, người Phú-lương (Thừa-thiên), đờn cây đờn Độc-huyền cũng hay, mà thời ông tiêu, thời không ai sánh được ; tuy thập Tri, đôi Thúc (đều người Nhạc-chánh) có tiếng ông sáo hay mặc dầu, mà đến ông tiêu, thời cũng phải nhường bước trước cho cậu ấm Ba.

Cậu khóa Hải, tên thiệt là Ngô Phò (吳譜), người làng Bắc-vọng (Thừa-thiên), đờn tuy có hơi hay, nhưng mà rộng.

Trong Hoàng-phái thời có ngài Nam-Sách. Ngài Nam-Sách chẳng những là Tranh, Nguyệt. Ngài xưng tuyệt-diệu, mà cây đờn Tý-bà Ngài cũng quán đương-thời. Ngài nguyên học với cậu Đạt. Trong bài tự sách của Ngài, có nói rằng : Ngài rước cậu ấy về học đến năm năm mới được truyền y-bát. Ngài Tương-An, Ngài Tuy-An, hay cây đờn Tý-bà ; ông Tịnh-Ky, con Ngài Định-Viên; ông Thông-phán Tôn-thất Toại, hay cả đờn Tý và đờn Tranh ; ông Thị Tôn-thất Linh, ông Hầu Chí. Ông này chỉ hay được một bài cô-bản mà thôi, mà cũng đã nổi tiếng rằng : « Đờn Hầu-Chí, lý Hiệu Giử ». Cũng như xưa Tống Kỳ làm thơ có một câu hay : « Hồng-hạnh chi đầu xuân ý nào », (紅杏枝頭春意鬧), thời nổi tiếng rằng : « Hồng-hạnh thượng-thư ». Ấy mới biết đờn với thơ cũng như nhau, hễ hay được một bài, một câu chỉ, thời cũng đã có tiếng. Ngài Mỹ-Hóa thời ông tiêu tuyệt-diệu.

Ông Trạ Đồng, tên húy là Ưng Dững (膺甞), phòng Ngài Gia-hưng, được truyền y-bát, ngón đờn đáng-bề lắm. Những người ngồi nghe ông Trạ Đồng

dờn, dường như đến chỗ điện-đài cung-các, nghi-vệ nghiêm-trang, tự-nhiên trong mình kéné không dám ồn-áo.

Đờn-bà thì có chị Tứ và chị Thiện, nguyên người Nội ra. Chị Tứ đờn hay cả năm cây, thêm trống phách cũng giỏi nữa. Cô Khỏe, con cậu Cung, làm bạn với ông Đốc Soạn, đờn tranh hay.

Kể về người bây giờ thời có :

Ông Kiềm-thảo Trần Trinh-Soạn (陳貞譔), họ hay kêu là cậu cả Soạn, người Minh-hương (Thừa-thiên), hay cả tranh, cả nguyệt, nguyên đặc-pháp của Ngài Nam-Sách ; ngón đờn tươi lắm, ít ai sánh được, nghe tiếng đờn như rồng múa phụng reo, điều hay cả nhẩy, đâu ai trong bụng có việc rối trăm chiều, sầu chất muốn học đi nữa, nghe đến tiếng đờn của ông Kiềm Soạn, thời vui lòng khỏe dạ, hớn-hở mặt-mây, nào sầu-não đi đâu không biết. Ông Kiềm Soạn chẳng những là đờn hay, mà cờ tướng thiệt quán trong cả nước. Bốn thủ phong-lưu chiếm được hết hai.

Cửu Tâm, tên thiệt là Nguyễn Chánh-Tâm (阮正心), người Kế-môn (Thừa-thiên), hay cả Tranh, cả Nguyệt, nguyên học ông đội Phước với ông Trạ Đồng.

Ông Hầu Ưng-Biêu (膺褒), thường hay kêu là mẹ Chín-thành, đờn tuy đủ cả sáu cây, mà được xưng tuyệt-diệu, thời được cây đờn Nhị với cây đờn Độc-huyền ; nghe ngón đờn rúc-rỉa đến xương, thiệt như oán, như tố, như khắp, như mộ.

Cụ Hiệp-tá Đại-học-sĩ trí-sự Nguyễn Khoa-Tân (阮科瀾) người An-cự (Thừa-thiên), đờn Tranh hay.

Quan Lễ-bộ Tham-tri trí-sự Ưng Ân (膺恩) phòng ngài Tuy-Lý, đờn cũng theo điệu chánh-thanh mà bài ca cũng nhiều bài vững.

Đờn-bà thời bây giờ còn có cô Phò 24, người dòng Nguyễn Khoa, làng An-

cựu (Thừa-thiên) đồn Tranh cũng theo lối chính-thanh — và cô phủ Sáu, đồn cũng được mà ca hay lắm ; nhưng các cô ấy nay đã da dẻ tóc sương, nên thú phong-lưu đã đẹp lâu rồi.

Ấy các bậc đồn còn giữ cốt-cách trong điệu chính-thanh. Người biết đồn cũng còn nhiều, mà thiên về Trịnh Vệ, hễ hỏi đến cung-diệu nhịp-nhàng, thời lơ-mờ không sách-hoạch gì hết.

Hoặc cũng còn tay đồn hay nữa, mà không có tên vào đây, là tại tôi không có duyên nghe họ đồn, hay là họ không có duyên mà gặp tôi chăng !

Khi nấy đến chừ, các ngài ngồi nghe cũng đã mỏi rồi, vì tôi ham nói nên có hơi dài. Vậy tôi xin phép ngừng lại đây và đem đồn ra lần lữa ít ngón đề hiến các ngài nghe, cũng là một cách đổi điệu. Nhân tiện tôi xin giới-thiệu ông Vĩnh-Trần đồn đủ lối, mà theo chừ cũng hay lắm. Lại xin giới-thiệu cả hai cô ca cho luôn.

Cô này là Mỵ Liễu, người Hoàng-phái, ở phố Gia-hội gần bến đò Cồn, hát bội hay, sấm vai đào, nam khách cứng, nên điệu ca theo lối chánh-thanh, giọng ca có phần đàng-hoàng trang-nhã, dùng điệu dùng cung. Cái hay nằm nơi tiếng lầy, cái nhụy ở nơi giọng du-dương. Đề cô ca rồi các Ngài sẽ nghiệm mà thưởng-giám.

Còn cô này là cô Huệ, ở Vi-dã. Tuy nhiều người đã biết cô mặc dầu, mà theo phép lịch-sự, tôi phải giới-thiệu. Cô Huệ ca theo lối mới. Khi ở trong

một chiếc thuyền dùng-dĩnh giữa dòng sông Hương, dưới nước trên trăng, gió hiu-hiu thổi, cô cất giọng ca lên, réo-rắt ngân-ngã, nghe thiệt tình lắm. Dịch câu thi cổ « *Nửa theo luồng gió nửa lên mây* » mà tặng cho cô cũng đáng vậy.

Hai cô ca đều hay cả, mà mỗi cô mỗi vẻ khác nhau : cô thời đàng-hoàng trang-nhã, cô thời réo-rắt véo-von, khách tri-âm ai ưa về nào thời thưởng-thức về nấy.

Vậy đề cả hai cô ca xong rồi, các Ngài sẽ nghiệm mà thưởng-gián.

Đấy tôi xin đồn một bản đồn Khách đề các Ngài nghe.

Đồn Phú-lục nhịp một.

Rồi lại xin đồn bản Phú-lục chậm nhịp ba.

Đồn khách rồi, bây giờ xin đồn hai bản Nam : Nam-xuân và Nam-ai.

Bây giờ cô Liễu ca Phú-lục và Nam-xuân Nam-ai, theo điệu chánh-thanh, nghĩa là điệu cổ.

Chừ cô Huệ lại ca Nam-xuân và Nam-ai, ông Vĩnh-Trần đồn.

Chừ tôi lại đồn bản Nam-xuân đề cô Huệ ca, đề các Ngài so-sánh mà rõ rằng điệu xưa điệu nay không khác chi mấy, chỉ có bản Nam-ai là khác thôi.

Trong mấy giờ đồng-hồ cống-hiến các Ngài đây, được các Ngài thưởng-giám cho, chúng tôi xin cảm tạ lắm.

Bữa sau có chuyện chi vui đàng nói nữa, tôi sẽ xin mời các Ngài các bà sũu lòng quá bộ đến cho vui.

HOÀNG YẾN.



XÃ-HỘI TÂM-GIÁO (1)

社 會 心 教

Lời giới-thiệu

Thưa các Ngài,

Tôi xin thay mặt ban trị-sự Hội ta, tỏ bày ý-kiến về việc tổ-chức ra những cuộc nói chuyện của Hội, để các ngài chứng-kiến đều biết.

Nguyên tồn-chỉ của Hội lập ra là một hội học để hỗ-giáo, nghĩa là để dạy học lẫn nhau, để nghiên-cứu về đường học-vấn để cho biết đến chốn chân-lý, tức là nghĩa tri-tri đó.

Công-việc hỗ-giáo buổi đầu thì cốt truyền-bá văn-minh tư-tưởng nước Pháp cho các hội-viên. Từ ngày nay, việc học đã mở-mang ra nhiều, nên công-việc truyền-bá văn-minh tư-tưởng ấy đã được kết-quả nư-mãn.

Xây cơ-sở của Hội ngày thêm vững-vàng, trình-độ quốc-dân đã tiến-bộ nhiều, nên chúng tôi bàn nhau về phần tinh-thần học-vấn của Hội cũng phải theo mà mở rộng ra. Chúng tôi nghĩ việc nên làm trước và dễ làm là chỉnh-dốn lại thư-viện của Hội và thời-thường mở ra cuộc nói chuyện. Cuộc nói chuyện thì nhờ các học-giả trong Hội hoặc ngoài Hội giúp cho. Các nhà học-giả ấy sẽ đem những sự đã biết được ở trong học-vấn ra nói chuyện lại cho anh em trong Hội nghe. Thế cũng là cái nghĩa hỗ-giáo không những giảm đi mà lại thêm cao lên. Lại giúp cho Hội được ngày càng vui-vẻ.

Chúng tôi nghĩ rằng ở xã-hội ta bây giờ, bao nhiêu sự-nghiệp gì về đường tân-học cũng đều như lứa trẻ mới tập bước đi. Mới tập bước đi thì đã bồng đầu ngay những bậc quán-quần chạy nhanh trong thế-giới được. Thế nhưng cứ chịu khó tập, không sợ ngã thì rồi cũng có ngày biết chạy nhanh.

Nghĩ như thế thì những cuộc nói chuyện đây cũng là để các nhà học-giả tập viết văn diễn-thuyết, tập lên đàn diễn-thuyết mà thôi, không có thể trách-bị các nhà học-giả ấy ngay được. Thế nhưng mỗi bài mà được đôi ba điều tinh-nghĩa nói cho anh em nghe là đủ rồi.

Các ngài nghe các nhà học-giả ấy nói, rồi có nghĩa gì ngờ thì khi bài ấy đã in ra rồi cứ lấy thái-độ quán-tử mà thông-dong đàm-luận lại, chắc các nhà ấy sẽ vui lòng mà biện-luận lại, như thế há chẳng thêm vui-vẻ về đường học-vấn nghĩa-lý với nhau ư?

Như thế thì sẽ được nhiều nhà học-giả vui lòng giúp cho việc công-ích.

Nhàn hồi nghĩ nê, nên cuộc nói chuyện cũng tạm nghỉ. Nay đã sang thu, tiết trời mát-mẻ, thỉnh-giả đi nghe nói chuyện cũng được thư-thải, nên có cố ép mãi mới được ông Nguyễn Trọng-Thuật, nhận nói chuyện giúp cho Hội hôm nay. Vậy tôi xin giới-thiệu để các ngài biết. Diễn-giả là tác-giả quyển «Quả dưa đỏ» đã viết giúp cho Hội bài «Viết-văn tinh-nghĩa» đã in vào tạp-chí của Hội, và đã nói chuyện giúp cho Hội Tri-tri tỉnh Hải-dương hai lần đều được công-chúng hoan-ngênh cả.

Bài của diễn-giả nói chuyện đây để là nói về thuyết «xã-hội tâm-giáo». Trong bài có hai phần: phần trên khảo về những sự lễ-văn tôn-thờ theo nghĩa sáng-dức báo-công các ngài xưa là thuộc về tư-tưởng hiện-thế của xã-hội loài người, gọi là xã-hội-giáo. Phần dưới do cái nghĩa xã-hội-giáo mà đặt ra một thuyết chỉ tồn tại ở trong tâm mà thôi, không có lễ-bái gì, để cá-nhân dùng làm cách cảm-hóa cho mình. Toàn nghĩa trong bài nói chuyện của diễn-giả sẽ hiển các ngài đây là như thế.

Ngô Vi-Liễn

Thưa các Ngài,

Hôm nay Hội Trí-tri đây cử tôi ra hiến các Ngài một cuộc chuyện, các Ngài có lòng chiếu-cổ đến nghe đồng vui như thế này, tôi lấy làm cảm-dộng lắm!

Tôi biết thi-giờ của các Ngài bây giờ là quý lắm. Vậy xin nói ngay vào bài đề cho đỡ tốn mất nhiều thi-giờ.

Xã-hội Việt-Nam ta bây giờ là lúc bắt đầu cải-tạo lại, thì cái gì dù mới dù cũ cũng cần phải nghiên-cứu đến cả. Kinh-tế cũng cần, chính-trị cũng cần, học-thuật cũng cần, khoa-học cũng cần mà văn-học cũng cần.

Văn-hóa thi phong-tục, mĩ-thuật cũng cần mà giáo-hóa cũng là việc cần lắm.

Đại-khái ngắn nấy cái, bất-kỳ lớn nhỏ, nghiên-cứu được đến cái gì là hay cái ấy. Mà nhất là làm được cái gì lại càng hay cái ấy. Vậy bài này tôi nghiên-cứu về vấn-đề giáo-hóa.

Bài này có hai phần: Phần thứ nhất khảo về thuyết xã-hội-giáo, phần thứ nhì thì nói về thuyết xã hội tâm-giáo. Nghĩa là lấy những đạo tôn thờ kỷ-niệm như thờ tiên-tổ, thờ vĩ-nhân là nhớ ơn mà thờ, như thế là đều thuộc về chủ-nghĩa hiện-thể của xã-hội loài người thì gọi là xã-hội-giáo. Lại nhân những cách tôn-thờ kỷ-niệm bằng lễ-văn mà theo một chủ-nghĩa hiện-thể của xã-hội-giáo như trên ấy, bèn bày ra một thuyết đề tưởng-niệm ở trong tâm chứ không có lễ-bái gì cả, gọi là xã-hội tâm-giáo. Vậy xin lần-lượt giải bày ra như sau này.

Phần thứ nhất. — Xã-hội-giáo.

10— Giáo-nghĩa của xã-hội-giáo

Muốn biết giáo-nghĩa của xã-hội-giáo thế nào thì trước hết đem so-sánh cho biết nó khác với giáo-nghĩa của tôn-giáo thế nào.

Những sự giáo-hóa đã đặt ra trong thế-giới xưa nay, tóm lại có hai tính-

chất khác nhau là: tôn-giáo với xã-hội-giáo.

Tôn-giáo là phép lo-liệu về sự chết, nghĩa là về cái thân sau. Cho nên lấy sự độ-việt cho linh-hồn người ta siêu-thoát ra ngoài cõi hiện-tại làm giáo-nghĩa. Có giáo-chủ, có kinh-diễn, có tông-môn truyền dõ riêng cho nhau, nên gọi là tôn-giáo hay là tông-giáo 宗教. Tức như Phật-giáo vậy.

Xã-hội-giáo là phép lo-liệu về sự sống, nghĩa là về cái thân nay, nó do ở cái tâm-lý muốn hậu-báo cho cuộc sống chung của xã-hội hiện-tại của loài người mà gây nên. Nó căn-cứ vào những nghĩa lớn về luân-lý của xã-hội hiện-tại của loài người làm giáo-nghĩa. Xã-hội cùng tự bày đặt ra rồi cùng tự duy-tri lấy. Nó không có giáo-chủ, không có kinh-diễn và tông-môn gì riêng cả. Mà nó chỉ là những việc lễ-văn thông-hành trong xã-hội đề kỷ-niệm những cái công-đức có quan-hệ đến sự sống của loài người mà thôi. Như thế là nó có cái tính-chất xã-hội hiện-tại, nên gọi là xã-hội-giáo.

Loài người mà biết đặt bày ra xã-hội-giáo, sớm nhất là ở Trung-quốc. Giáo-nghĩa tóm cả ở trong hai câu cổ-thuyết trong kinh Lễ là: Thờ trời và thờ tổ-tiên (*culte des divinités et culte des ancêtres*) thì nói: « Báo bản phần thủy 報本反始 = báo đáp chỗ cội gốc, nhớ lại nơi nguyên-thủy ». Thờ vĩ-nhân (*culte des Héros*) thì nói: « Hữu công liệt ư dân 有功烈於民 = có công rực-rỡ với dân thì thờ ». Ấy những sự tôn thờ kỷ-niệm của các xã-hội Đông Tây xưa nay không ngoài hai nghĩa đó. Mà hai nghĩa đó cũng là căn-cứ ở tâm-lý muốn sống chung với nhau của loài người mà sinh ra. Cái nén hương-thơm của Đông-phương với cái bó hoa tươi của Tây-phương, lễ-vật tuy khác nhau mà lễ-ý cũng là một. Tôn-thờ với kỷ-niệm cũng thế. Thật là thiên-lý tại nhân-tâm.

Xã-hội-giáo đã lấy luân-lý hiện-thế của loài người làm căn-cứ thì sự tồn thờ phải theo vào nghĩa luân-lý mà lập nên. Có bốn lẽ tồn thờ như sau này; xã-hội nào mà sự tồn thờ có đủ được bốn lẽ ấy và đều thịnh-hành mới là hoàn-toàn :

1) *Lẽ thờ gia-tiền*, là thuộc về gia-tộc luân-lý.

2) *Lẽ thờ tổ-quốc và vi-nhân của tổ-quốc*, là thuộc về quốc-gia luân-lý.

3) *Lẽ thờ các thánh-triết phát-minh ra công-đạo, chân-lý trong thế-giới*, là thuộc về thế-giới luân-lý.

4) *Lẽ thờ Thượng-đế*, là thuộc về vũ-trụ luân-lý hay là nhân-loại luân-lý.

Ấy nghĩa *xã-hội giáo* khác với nghĩa tôn-giáo là thế. Song bình-tĩnh mà nói thì cả hai đàng đều cần cho người đời. Trên ấy tôi đã nói tôn-giáo lo cho cái thân sau, xã-hội-giáo là lo cho cái thân nay. Cho nên không muốn chỉ sống xún-xoắn ở trong cái vòng mấy chục kỳ nóng-lạnh trên cái cõi nhân-gian là khổ-hải, mà sẽ được tràng-tồn ở nơi thiên-đường cực-lạc thì người ta phải cần đến tôn-giáo. Thế nhưng cái mệnh-lệnh của sự sống nó nghiêm-ngặt nhiệm-mầu, nó bắt ta phải dẻo-bòn mà không tự biết. Nó bắt phải liên-dải quan-hệ với ba cái sống quá-khứ hiện-tại và tương-lai. Vậy muốn cho sự sống ngay ở hiện-thế này được ngày càng thịnh-vượng, càng tôn-hiến, phải lấy sự sùng-công báo-đức mà cảm-hóa cho nhau, thì người ta cần đến *xã-hội-giáo*. Tuy nhiên, giáo-nghĩa của tôn-giáo với xã-hội-giáo có khác nhau mà cái công hiệu cảm-hóa, nếu được chân-chính thì cũng đều lợi-ích cho hiện-thế cả. Nghĩa là không những xã-hội-giáo vì cái thân nay mà phải làm lợi-ích cho hiện-thế, mà tôn-giáo cũng không có thể tránh sự làm ích-lợi cho hiện-thế mà bỗng dưng được hưởng phúc-quả đâu. Tôn-giáo dạy cái quả nó kết ở thân

sau, phúc hay là lợi, là đều do ở cái nhân thiện hay là ác tự cái thân nay gieo mầm ra. Thế thì muốn hưởng phúc-quả ở thân sau, phải gieo thiện-nhân ở thân nay. Gieo thiện-nhân tức là phải làm lợi-ích cho hiện-thế. Ấy cái nghĩa nhân quả báo-ứng luân-hồi của Phật Thích-Ca giải theo nghĩa thượng-thừa tức là nghĩa triết-lý, là như thế.

Coi đó thì tôn-giáo với xã-hội-giáo đều là đề cảm-hóa cho người ta phải làm lợi-ích cho hiện-thế cả. Nay lấy việc kinh-tế là việc của chúng ta đang cần phải làm bây giờ mà thí dụ cho có hứng-thú. Vậy xin hỏi có phải bây giờ trong chúng ta, một người nào gọi là có chí-thủ về đường kinh-tế, thì người ấy bằng ngày phải chăm làm việc mà hằng ngày phải tru-liệu để kiếm lấy hai số tiền : Một số tiền để cung cho thân-gia được no đủ hay là có thể được sung sướng nữa. Một số tiền để dành làm khoản dưỡng-lão. Có phải thế không? Có phải hai số tiền ấy cùng cần cho kẻ có chí phải lo liệu cả không? Tất các Ngài đều cho là phải. Thế thì xã-hội-giáo tức là lo số tiền hiện-tiêu ngay mà tôn-giáo tức là lo số tiền dưỡng-lão đó. Mà như thế thì ra cả hai số tiền đều phải làm đồng-thời một lúc mà phải làm vất-vả mới được cả. Mà số tiền hiện-tiêu có thừa rồi thì mới có mà để làm số tiền dưỡng-lão về sau được. Thế thì xã-hội-giáo là cái giáo-nghĩa về hiện-thế lại càng bách-thiết cho đời người.

20— Lợi-ích chung của sự giáo-hóa.

Có người nói rằng: thế-kỷ 20 này trở đi, học-thuat của thế-giới đại-thịnh, khoa-học đại phát-đạt, thì loài người có thể không phải dùng đến sự giáo-hóa của các đạo giáo nữa. Song tôi quyết rằng đó là chỉ nói về những thuyết mê-lin cổ-học người đời kia. Chớ đến như những sự giáo hóa có

nghĩa-lý chân-chính thì bao giờ mà không phải dùng đến.

Mé-tin thì có hại thực. Nó làm cho người ta mờ ám đi mà không biết đến chân-lý là gì, lại nhiều khi bị bọn giả-dối lợi-dụng lòng tin-ngưỡng của loài người mà mượn sự giáo-hóa để lừa người lấy lợi. Vậy học-thuật và khoa-học mà đại-thịnh thì cái hại mé-tin sẽ giảm đi được nhiều hoặc bỏ đi được hết. Còn như đạo-giáo nào có nghĩa-lý chân-chính thì chỉ khác trước có một điều là theo trình-độ tiến-hóa của loài người mà biến-thông cho càng hay hơn càng thiết-thực hơn lên, chứ quyết không bao giờ bỏ được. Bởi vì sự giáo-hóa nó giúp cho loài người thêm lòng tin-ngưỡng. Thế mà tin-ngưỡng được chính-đáng thì lại là một sự lợi-ích cho loài người.

Tôi rất tin khoa-học, dù tôi không phải là nhà chuyên-khoa mặc lòng. Nhưng về mặt vật-lý, — cả vũ-trụ cũng là vật — thì tôi chủ-trương khoa-học trọng sự thực-nghiệm, còn về mặt tâm-lý thì tôi chủ-trương giáo-hóa trọng sự thành-tín. Là tôi lấy rằng loài người là giống giàu cảm-tình, hay bị kích-thích, hay bất-chước. Thế mà khoa-học thì nó chỉ dạy cho ta mở mang trí-tuệ được, chứ nó không dạy cho ta tu-dưỡng nhân-cách được. Muốn tu-dưỡng lấy nhân-cách, bỏ việc giáo-hóa là không xong. Duy giáo-hóa nó có phần cao phần hạ tùy hạng người mà thụ-dụng đó thôi.

Lại nói về sự giáo-hóa cao với hạ. Cao thì như những thuyết triết-học trong luân-lý, ngày xưa nói: « *Thiên-lý* » ngày nay nói « *lương-tâm — conscience* ». Hạ thì như những nghi-văn tôn thờ, ở Đông-phương thì đền miếu, ở Tây-phương thì bia tượng. Cao thì trọng ở tinh-thần, hạ thì trọng ở hình-thức, nhưng cũng là để giáo-hóa cả mà thôi.

Người biết tin thiên-lý, tin lương-

tâm thì chỉ trọng ở tinh-thần thôi, không phải cần đến hình-thức để cảm-hóa cũng tự cảm-hóa được. Nhưng tất phải là người có nhân-cách cao-thượng thiên-nhiên, người thành-thực quân-tử mới được. Song thử hỏi ở đời được bao người như thế, ít lắm! Còn số đông là số thông-thường trong xã-hội thì phải có mắt trông tai nghe, bị kích-thích mới cảm-hóa được. Lại còn cái số không thể kích-thích được, không thể cảm-hóa nổi thì cũng lại là số ít. Nhưng dù xã-hội vẫn có hai cái số ít, là thượng-đẳng với bất-đẳng ấy mặc lòng, giáo-hóa của xã-hội bao giờ cũng là vì số đông thông-thường mà đặt ra.

Sự giáo-hóa của xã-hội Việt-Nam ta mà sở-dĩ tồi-tàn như ngày nay, là chỉ vì bị cái thuyết nguy-biến của bọn giả-nho ngông-ngbénh, trọng tinh-thần không cần hình-thức, chỉ nghĩ đến số ít mà không nghĩ đến số nhiều trong xã-hội. Sự giáo-hóa mặc cho tập-tục ngu-si, bày nhăng vẽ bầy mãi ra, không hề lý-hội gì đến. Thành thử lâu rồi có tí tinh-thần nào cũng bị tiêu-tán hết mà còn để lại bao nhiêu cái hình-thức hủ-bại. Như thế còn mong có cái công-hiệu cảm-hóa gì.

Bây giờ các ngài muốn thí-nghiệm cái công-hiệu của sự giáo-hóa thì cứ đem một quyền hành trạng của một đại-vĩ-nhân nào trên lịch-sử thế-giới mà đọc cho một người chưa đi học bao giờ nghe. Tất người ấy ít nhiều thế nào cũng phải đổi nhan-sắc mà tỏ ra vẻ hăng-hái lên một lúc. Nếu lúc bấy giờ mà lại có bức ảnh hay là pho tượng của đấng đại-vĩ-nhân ấy để trước mắt cho người ấy trông thì người ấy lại còn hăng-hái thêm hơn nữa.

Ấy thế là người ấy có bị cảm-hóa rồi đó. Nếu cứ như thế mà được tiếp-tục mãi thì tất người ấy sẽ thành người tốt. Cho nên giáo-hóa là việc

chỉ cốt để giúp cho loài người về sự cảm-hóa đó. Người Thái-tây hay dùng ảnh tượng của thánh-hiền hào-khiet đời xưa trung bày ở trong nhà cũng là dùng một cách giáo-hoa rất giản-dị vậy.

Thế cho nên ở Việt-Nam ta hai đời Lý Trần tin sùng Phật-giáo mà nước mạnh, ở Nhật-bản nhiều vị trung-thần ngày xưa bị cảm-hóa của Phật-giáo, ở Âu-châu gần đây nhiều vị phát-minh cho khoa-học mà vẫn đốc-tín Thượng-đế. Cho đến hết thầy các vĩ-nhân trên lịch-sử vị nào mà không phải là người tin sâu một cái chủ-nghĩa gì, không phải là chủ-nghĩa xuất-thế, thì cũng là chủ nghĩa hiện-thế. Còn như người mà không tin-ngưỡng một chủ-nghĩa gì quyết không làm gì nên. Ấy lợi-ích của sự giáo-hóa là thế. giáo-hóa lại còn một sự ích lợi nữa là liên-lạc cảm-tình của những người cùng tin một chủ-nghĩa.

3 — *Lược bản về xã hội-giáo của các nước*

Xem như trên kia đã nói ở đầu mà trong xã-hội có đủ bốn lễ tôn thờ theo về bốn bậc luân-lý của loài người và đều phát-buy quang-đại được tinh-thần của nó ra, xã-hội-giáo ở đây mới gọi là hoàn-toàn được. Vậy dưới đây, Tây-phương thì đan-cử một nước Pháp, Đông-phương thì nói về nước Nhật-bản với nước Trung-quốc mà xem thế nào.

Về nước Pháp. — Ta đừng tưởng chỉ ở Đông-phương mới có những sự tôn thờ, không biết rằng ở Tây-phương sự tôn thờ lại càng châu-trĩ lắm. Duy ở Tây-phương theo Thiên-chúa-giáo, chỉ có Thiên-chúa là độc-tôn, ngoài ra người ta không qui lạy thần nào khác. Cho nên người ta lấy kỷ-niệm làm tôn thờ, nhưng cái vòng hoa đặt trước nơi lăng-mộ tiên-nhân hay là trước pho tượng đồng vĩ-nhân cũng rất thành-kính mà có nghĩa bằng mấy cái lễ hương-

bái và thịt-xôi của ta. Cho nên như ở nước Pháp: lễ thờ gia-tiên thì người ta rất qui cái nhà « *maison paternelle* » tức ta gọi cái nhà tổ-phụ lưu-lai hay là nhà thờ vậy. Cái ảnh của tiên-nhân từ ông bà tổ mấy đời còn trân-trọng giữ được. Phần-mộ cha mẹ thì xây lăng đặt mộ-chi và thời thường sửa-sang thăm viếng dâng hoa, tổ lòng kính-mến. Lễ thờ tổ-quốc thì rục-rữ biết bao, chẳng nói thì các ngài còn lạ gì, lễ ấy ở bên Pháp các hạt địa-phương đều có mà kinh-dó Paris càng thịnh. Nào tượng nào bia, nào di-hải di-vật của các đấng vĩ-nhân cổ-kim có công-nghiệp với tổ quốc đều tôn-kính qui-bầu cả. Vua CHALEMAGNE đại-đế, bà JEANNE D'ARC cho đến các danh-tướng danh-hiền không sót ai. Lễ nào cũng lấy cái tiếng « *La Patrie* » để làm chủ-trương. Lại có nhiều lễ kỷ-niệm, vĩ-nhân cũ-quốc nhất-tri, là khắp trong nước đều ngày ấy cùng làm lễ kỷ-niệm sùng-bái. Như lễ kỷ-niệm bà JEANNE D'ARC vậy. Lễ thờ thánh-triết thì hình tượng các tiên-triết Hi-lạp đến nay hãy còn tôn qui lắm, Lễ thờ thượng-đế thì các nhà thờ đạo Thiên-chúa nguy nga rất mực.

Về Nhật-bản. — Xã-hội-giáo của Nhật-bản, các lễ cũng phát-đạt đều nhau. Lễ thờ gia-tiên cũng giống như ta, trọng ngày kỷ-niệm, quý phần-mộ, là cùng theo văn-hóa của Trung-quốc. Nhưng cách thờ cúng của người ta giản-dị hơn, binh-dân ít nhà có đặt bàn thờ, đến ngày giỗ mới thiết-lập ở ngay chỗ ngồi thường, cúng xong dọn đi, nhưng người ta cũng tỏ ra hiếu-kính lắm. Lễ thờ tổ-quốc, thì người Nhật thờ các vị Thiên-thần là quốc-tổ sinh ra dân-tộc Nhật-bản theo trong thuyết Thần-đạo của họ đã nói, vì thế mà hợp được cả tinh-thần một quốc-dân. Người Nhật lại nhờ được tự cổ đến nay giữ luôn được cái nghĩa quốc-thể « *Muốn đời*

một dòng nhà vua », không thay triều đổi họ, nên lễ thờ quốc-tổ lại càng bền chặt. Ngoài ra cũng có nhiều miếu thờ vĩ-nhân của tổ-quốc như : miếu Nam-chính-thành, văn văn. Chùa Phật cũng đều bổ-trợ thêm vào cho cái lễ thờ vị trụ-thần. Lễ thờ thánh-triết thế-giới, thì tự cổ có miếu thờ Khổng-phu-tử, miếu thờ Vương Dương-Minh. Bây giờ lại mới dựng một cái đền thờ « Tứ-thánh » trong bảy bốn bức ảnh của bốn vị thánh-triết thế-giới là : Khổng Khâu, Thích-Ca, SOCRATES và KANT.

Về Trung-quốc. — Xem xã-hội-giáo của hai nước trên ấy thì biết người ta phát-huy được cái nghĩa báo-bản phần-thủy và sùng đức báo-công là dường nào. Thế mà ở Trung-quốc là đất có xã-hội-giáo và phát-minh ra cái giáo-nghĩa ấy sớm nhất, thì đối với bốn lễ xã-hội-giáo tuy đều có đủ đã lâu mà lại chưa phát-dạt được đều nhau. Lễ thờ gia-tiên từ đời thượng-cổ đã có miếu. Thiên Thuần-diễn trong kinh Thư có chép miếu « Văn-tổ » tức là miếu thờ tiên-tổ nhà vua Nghiêu. Thế là lễ thờ gia-tiên đã thành lập từ hơn bốn nghìn năm nay rồi. Đến nhà Châu thì lễ ấy thịnh lắm, song đặt ra nhiều cái không khỏi phiền-phức, như Thiên-tử được dựng bảy miếu thờ gia-tiên, vua chư-hầu được dựng năm, quan đại-phu thế-tập được dựng ba, quan thường được dựng một, dân thì chỉ thờ ở nhà mình ở gọi là nhà « tằm ». Các vị tổ thì phân ra : « tổ » với « tông » khác nhau, hàng « chiêu » hàng « mục » khác nhau. Cũng tế thì ngoài ngày « kỵ » ra, bốn mùa đều có ngày cúng tế cả. Lúc tế thì diễn ra những cách hưng-bái nhiều sự phiền-văn. Còn như phần-mộ thì xây lăng đắp nấm rất là kinh-cẩn.

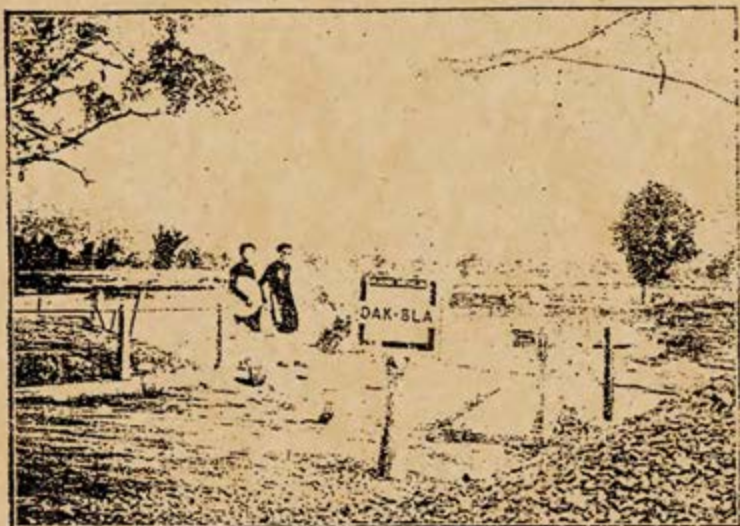
Lễ thờ tổ-quốc, tự thượng-cổ bốn triều vua Ngu, Hạ, Thương, Châu đều giữ lễ tế « Đế » là tế Hoàng-đế hoặc Đế-Cốc là hai vị tổ của dân-tộc Trung-

quốc. Xuống đến đời sau thì không thấy cử-hành lễ ấy, dân trong nước ở về triều vua nào thì biết có bảy miếu của triều nhà vua ấy mà thôi. Lễ thờ vĩ-nhân thì tự cổ đã thịnh. Kinh Lễ có chép lại năm điều thờ vĩ-nhân theo nghĩa « có công rực-rỡ với dân thì thờ ». Như vua Vũ trị thủy, vua Thang trừ hại cho dân, v.v.. Đời sau sự thờ vĩ-nhân như thế cũng vẫn sùng, nhưng thuộc về địa-phương đâu có vị nào thì đẩy thờ, các triều vua chỉ tưởng-lệ chứ không đặt lễ kỷ-niệm toàn-quốc nhất-trí cho vị đại-anh-hùng nào như ở bên Pháp. Duy có Khổng-tử được hưởng lễ đó, nhưng Khổng-tử là về nghĩa thánh-triết chứ không phải về nghĩa tổ-quốc. Đó cũng là vì quốc-thể Trung-quốc ngày xưa chỉ có lịch-triều thay-đổi, chứ không có liệt-quốc ganh đua, nghĩa quốc-gia không phát-dạt, nên lễ thờ tổ-quốc không thịnh hành. Nay đã có lễ kỷ-niệm vĩ-nhân của dân-quốc, là lễ toàn-quốc nhất-trí.

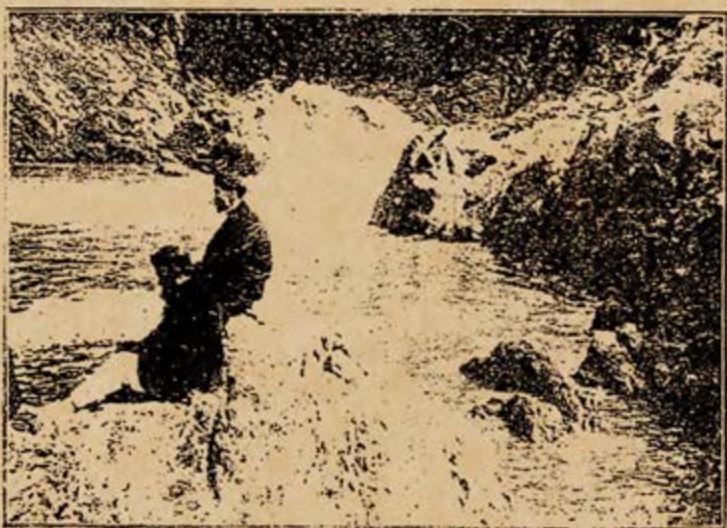
Lễ thờ thánh-triết thì trong nước có Khổng-tử, Lão-tử, ngoài đến có Thích-Ca đều tôn thờ đã lâu.

Lễ thờ Trời thì có lễ tế Giao sáng-lập từ tối-cổ. Sau có miếu Ngọc-hoàng, chùa Phật. Song chỉ có lễ tế « Giao » tổ-truyền là thuộc về xã-hội-giáo, nghĩa là giải theo cái nghĩa nhân-sinh, báo-bản phần-thủy, nên tế Trời mà đem ông Tổ phối-hưởng.

Lễ tế « Giao » lúc bắt đầu chỉ tế một Trời thôi, tế ở đàn lộ-thiên ngoài đồng nên gọi là « tế giao ». Nghĩa tế giao tóm ở một câu trong kinh Lễ rằng : « Vạn-vật gốc ở Trời, người ta gốc ở tổ, thế cho nên lễ tế giao đem tổ phối-hưởng với đức Thượng-đế là làm cho cả rạn cái nghĩa báo-bản phần-thủy ra đó ». Song nghĩa chữ tổ ấy là tổ chung của cả nước mới phải. Nhưng từ vua Hạ-vũ về sau, các triều vua nhận nước



Cảnh Kontoum : Sông Dak-Bla



Cảnh Kontoum : Thác Yali

Kính ảnh Võ-Chuân



Cảnh Kontoum



Cảnh Kontoum

Kính ảnh Võ-Chuân

là của riêng, nên tế Giao chỉ phối ông tổ riêng của nhà mình, thành ra lễ tế Giao không phải là của chung nữa.

Tuy-nhiên, từ đời tối-cổ mà đã giải được cái nghĩa thờ Trời của nghĩa tế Giao là báo-bản phần-thủy mà không có nghĩa thần-bí gì khác, người Trung-quốc thật là khai-hóa và hiểu cái lễ chân-thực sớm lắm. Duy chỗ khuyết-diêm là không cho dân cũng được phổ-thông thờ Trời mà lại đặt luật chỉ có Thiên-tử mới được tế Trời, còn dân chỉ thờ gia-tiên mà thôi, nên không đặt ra miếu thờ Trời cho dân được đến lễ bái cầu-nguyện. Phải biết kẻ học-giả thì hoặc thờ ông Trời triết-lý một cách cao-thượng được. Đến như bọn bình-dân thì không thể được, họ thường có những nỗi âm-thăm muốn kêu Trời mà than-thở mà không có chỗ. Bọn Đạo-sĩ bèn suy cái ý Trời xa cách nhân-gian cũng như vua xa-cách dân-gian. Họ bèn đặt ra một ông Trời Ngọc-hoàng cầm quyền thường phạt tối-cao cho nhân-gian ở trên cao. Dưới Ngọc-hoàng có các thần thay Trời đi giám-sát và cai-trị nhân-gian cũng như các quan của vua vậy. Thần cai-trị như Thành-hoàng cai-trị một làng, thần giám-sát như Táo-quân giám-sát một nhà, những sự hành-vi thiện-ác của nhân-gian hai thần ấy sẽ đem đệ lên Ngọc-hoàng. Bấy giờ họ thấy quan có oai thì họ lại cho là thần cũng có oai, bèn đem lòng sợ quan ra sợ thần, mà sự tôn thờ từ đó là sự oai thần chờ không phải là tin đức thần nữa. Bởi vậy lại thờ cả bộ-hạ là linh của thần, như ở ta có câu : « Thần thiêng tại bộ-hạ », nghĩa là sự thờ có sơ-suất điều gì, có khi thần không chấp, nhưng bộ-hạ thì đảo-đề lắm.

Họ lại thấy dân-gian thường bị giặc cướp loạn-lạc, hại người hại của, nên những khi có bệnh truyền-nhiễm làm chết nhiều người thì họ cho là quan Ôn, Thần-trùng tức là giặc ở dưới âm

bất di đở ; còn bao nhiêu sự mê-tin thần-ma hoang-đường nữa cũng là do cái quan-niệm đoàn-phủng thần-ý ấy mà ra, do không có chỗ trực-tiếp lễ Trời ấy mà ra. Thế mới biết giáo-hóa mà chỉ một mặt cao, không nghĩ đến mặt phổ-thông cũng không được. Sau rồi Phật-giáo đem ông Trời từ-bí phủ-độ chúng-sinh đến diễn-khuyết vào chỗ đó.

Coi đó thì biết bốn lễ xã-hội-giáo ở Trung-quốc, thờ Trời là lễ cao-thượng, thờ tổ-quốc là lễ đoàn-thể thì không phát-đạt, mà phát-đạt là lễ thờ gia-tiên. Nhưng lễ ấy phát-đạt bao nhiêu thì người ta lại càng nặng lòng vị-kỷ bấy nhiêu.

4. — Xã-hội-giáo của người Việt-Nam

Người Việt-Nam đồng-hóa với Trung-quốc lâu đời, học-thuật tư-tưởng phẳng-phất nhau, nên diễn ra các lễ xã-hội-giáo cũng tương-tự nhau. Nghĩa là cũng không phát-huy quang-đại ra được những chỗ tinh-thần của nó cho đều nhau.

Lễ thờ gia-tiên thì cũng giống như ở Trung-quốc biết nhớ ngày giỗ, qui mỗ-mả, nhưng mà lại còn bị nhiều điều hủ-tục và mê-tin hơn Trung-quốc. Hủ-tục như là ngày giỗ, lúc làm ma, giỗ ra cỗ bàn linh-dinh để đãi khách. Mê-tin như là tin thuyết phong-thủy, đào bới mồ-mả tổ-tiên lên luôn-luôn để đem đi cầu phù-qui. Thuyết phong-thủy tuy ở Trung-quốc truyền sang, nhưng chính người Trung-quốc lại không mê lắm như người ở bên ta. Nay bỏ tuyệt được hai cái tệ ấy đi mà thờ cúng theo phép kỷ-niệm cho rất giản thì hay lắm.

Lễ thờ tổ-quốc thì có đền thờ vua Hùng-vương là quốc-tổ, đền thờ Phù-đồng thiên - vương là vĩ - nhân cổ-truyền, là hai nơi thờ đã có từ trước khi thuộc về Tàu. Kể đó từ hai đức bà Trưng trở xuống các đời về sau, các

vĩ-nhân có danh đều có đền thờ cả. Các triều vua cũng đều có tôn-sùng, nhưng từ vua Hùng-vương trở xuống đến các vĩ-nhân, cũng đều ở vào cái phạm-vi tôn thờ của một làng như các thần Thành-hoàng thường mà thôi. Không vị nào được hưởng lễ kỷ-niệm cử-quốc nhất-trí.

Xem thần-tích các làng thì thấy, cũng có một số thần do mê-tín mà đặt ra, hoặc một hai vị thần của người Tàu thờ từ đời Bắc-thuộc còn lại. Nhưng về số ít lắm. Còn phần nhiều là những vĩ-nhân trên lịch-sử, nhỏ cũng là người sinh-tiền có chút công với nước với dân cả. Nhưng duy thờ nhiều nhất là vĩ-nhân triều Hùng và chư-tướng ở triều đức bà Trưng.

Mười năm lại đây, nhà nước có đặt cho lễ kỷ-niệm đức vua Gia-long toàn-quốc nhất-trí, để nhớ cái sự-nghiệp thống-nhất.

Ở các làng thì nay thiết-tượng chỉ nên thờ thần ở miếu, cho người làng trai gái đều được tự-do vào lễ quanh năm. Còn cái đình thì để làm cái nhà hội-quan mà thôi. Đến như sự tôn-thờ công cả xã-hội thì tưởng Nhà-nước sẽ cho được tôn thờ mấy vị đại-vĩ-nhân nữa theo lễ kỷ niệm toàn-quốc nhất-trí cũng như lễ kỷ-niệm đức Gia-long. Ở các thị-thành mà có lập đền miếu mới, cũng nên thờ như thế, cho sự giáo-hóa về nhân-sinh thêm thịnh.

Lễ thờ thánh-triết thế-giới thì khắp nước đã có lễ thờ Khổng-tử, nay cũng nên chỉnh-dốn lại theo phép kỷ-niệm, nghĩa là không dùng lễ hưng bái. Lại nên tôn thờ các vị thánh-triết Tây-phương SOCRATE, DESCARTES, BACON và KANT, v. v., giống như ở Nhật-bản vậy.

Lễ thờ trời thì cũng có lễ tế Giao, chùa Phật, nhà thờ Thiên-chúa như ở Tàu.

Phần thứ nhì. — Xã-hội tâm-giáo

Giáo-nghĩa và lễ-pháp của xã-hội-giáo thế nào đã nói trước, nay xin nói đến thuyết xã-hội tâm-giáo.

Xem như trên đã nói thì xã-hội-giáo là phần hữu-hình của chung cả xã-hội, mà xã-hội tâm-giáo là phần vô-hình, tâm-niệm riêng của cá-nhân. Vẫn biết cái vô-hình phải nhờ vào cái hữu-hình mới có, mà việc chung cho xã-hội còn cần hơn việc tâm-niệm riêng cho cá-nhân. Nhưng ở các nước văn-minh, xã-hội-giáo đã đều phát-huy quang-dại được cả mọi phương-diện, thì người ta không cần phải có thuyết xã-hội tâm-giáo này, hay là người ta đã có một cách thành tập-quan dĩ rồi, không cần phải tuyên-dương lên nữa. Thế mà ở xã-hội ta thì tuy lược đủ đã lâu, nhưng điều này thì phiên-phức quá, điều kia thì còn lơ-mơ không rõ-rệt. Muốn cho xã-hội-giáo hoàn-toàn, còn phải đợi cho xã-hội khai-hóa, mới dần-dần chỉnh-dốn mở-mang được. Vậy muốn hỗ-trợ vào chỗ đó, không chỉ bằng lấy ngay bốn cái nghĩa tôn thờ theo bốn bậc luân-lý lớn trên ấy, hợp lại đặt làm một thống-hệ, có nghĩa triết-lý, để dùng mà tâm-niệm những khi một mình. Cho cùng được thời thường nhớ đến mà tự cảm-hóa lấy mình. Tưởng làm như thế cũng là một cái phép tu-dưỡng nhân-cách rất giản-dị vậy.

Tuy vậy, nhưng ta lại phải biết rằng một cái tư-tưởng gọi là hoàn-toàn bao-quát thì nó phải có liên-can với nhau thì nghĩa nó mới là viên-mãn. Ở Việt-Nam ta tuy có lược đủ bốn cái lễ xã-hội-giáo, theo nghĩa báo-bản phần-thủy, sùng-đức báo-công. Nói tóm lại là tỏ lòng biết nhớ những ơn nghĩa lớn. Nhưng thực thì nó còn rời-rạc lơ-mơ lắm. Nay thuyết tâm-giáo đem tổ-chức lại cho thành một mối,

Là lấy rằng ở với nhau trong một nước mà từ trên chỉ dưới người nào cũng chỉ biết tôn cái giường thờ tổ-tiên nhà mình mà thôi. Thành ra tổ nhà anh Giáp thì anh Giáp thờ, tổ nhà anh Ất thì anh Ất tôn. Cái giường thờ nhà anh Ất mà có xiêu-đổ thì cũng không bao giờ động-tâm cho anh Giáp. Mà nơi giường thờ nhà anh Giáp có được đèn nhang nghi-ngút thì có khi anh Ất lại lấy làm ghét-ghen. Hai-mươi triệu người có hai-mươi triệu ông tổ, tổ nhà ai nhà ấy thờ thì việc nhà ai nhà ấy lo. Tư-đức đã quá thịnh thì công-đức phải tiêu-mòn. Đừng nói chỉ đến sự ganh đua với nước nào, cứ cầu ngay lấy cái đạo ở với nhau trong làng, trong hạt, trong phố-xá, mà kém công-đức cũng không làm gì được. Thế cho nên bấy nay những việc công-an, công-ích của xã hội đều hồ bừa ra đó. lại còn một khoét nữa kia. Thế mà xét đến gia-đạo của các tư-gia họ xử với nhau ở trong nhà thì cũng không phải là đều bại-hoại cả gì, thì biết cũng vì chỉ có tư-đức mà thiếu công-đức đó thôi, mà số-dĩ như thế cũng chỉ vì một biết có cái ơn của ông tổ gia-tiên nhà mình mà thôi. Không biết rằng trên ông tổ gia-tiên ấy lại còn có ông tổ tổ-quốc. Vậy thì trên cái nghĩa nhớ ơn gia-tiên lại phải có cái nghĩa nhớ ơn tổ-quốc nữa để tỏ lòng biết ơn và cũng để liên-lạc lấy cảm-tình trong đất nước.

Nước tuy là chỗ trung-tâm luân-lý của người ta ở đời. Song nước nào cũng vậy, một mình không đủ vật-sử để tự sinh-hoạt, hoặc không đủ học-vấn để tự khai-hóa được, mà phải nhờ lẫn nước nọ nước kia với nhau. Phương-chỉ ngày nay các nước giao-thông, tuy không khỏi có khi vì sinh-tồn, vì quyền lợi mà phải sinh ra hấn-khích với nhau, song đó là sự biến bất-dắc-dĩ. Còn thường thì học-vấn,

sinh-hoạt đều phải nhờ lẫn nhau. Vậy ngoài cái nghĩa nhớ ơn tổ-quốc lại phải có cái nghĩa nhớ ơn thành-triết thế-giới để liên-lạc cảm-tình với nhân-loại thế-giới.

Bấy giờ lại phải nhớ đến cái ơn đã tạo-hóa ra thế-giới với nhân-loại thì lại phải có cái lễ thờ Thượng-đế. Gọi là Thượng-đế, là *Dieu*, là ông Trời, là chúa Tạo-hóa đều là cái tôn-hiệu về một cái gốc tạo-hóa của vũ-trụ do tâm-lý nhân-loại cùng một cảm-tưởng mà đặt ra.

Ấy sự sống của người ta ở đời nó phải liên-can với bốn cái ơn-nghĩa lớn ấy mà thành ra có bốn bậc luân-lý lớn, do bốn bậc luân-lý lớn ấy mà thành ra có bốn lễ xã-hội-giáo. Nhân có bốn lễ xã-hội-giáo mà tóm lấy bốn cái nghĩa ấy để kết-cấu liên lại làm thuyết xã-hội tâm-giáo này là cái nghĩa xã-hội-giáo chỉ tôn thờ ở trong tâm vậy.

Có một câu đề tâm-niệm, yết lên trước là :

Thờ bốn ngôi, giữ một đức

10 Bốn ngôi. — Xã-hội-giáo thuộc về sự lễ bái, cho nên về bậc thứ nhất hay là bậc dưới nhất thì thờ gia-tiên. Còn xã-hội tâm-giáo ở đây thuần thuộc về triết-lý, dùng để làm phép tu-dưỡng nhân-cách, để tự cầu cảm-hóa lấy cho mình, chỉ tưởng-niệm ở trong tâm mà thôi, không có lễ bái gì. Cho nên ngôi thứ nhất lấy bản-thân thay vào, mà thành bốn ngôi là: *Ngôi bản-thân*, *ngôi Tổ-quốc*, *ngôi Thế-giới* và *ngôi Thượng-đế*.

Bốn ngôi ấy tức là bốn ngôi tinh-thần ở trong cõi tư-tưởng, chứ không phải mỗi ngôi là một vật-chất thực-hiện đâu. Trong mỗi ngôi còn phải bao-hàm có nhiều cái sự-thực khác nhau thuộc vào, sự tôn-thờ là phải đem những cái

sự-thực ở trong đó diễn ra cõi hiện-tại mới được. Những sự-thực ấy là :

1^o Ngôi Bản-thân, là một ngôi dưới nhất mà rất quan-hệ cốt-yếu, làm nền móng giường cột, trong cho gia-tộc, ngoài cho ba ngôi trên. Cho nên ngôi này mà không đủ tư-cách độc-lập tự-tôn được thì không còn nói gì đến gia-tộc và ba ngôi trên nữa. Thuộc về ngôi này phần chính thì có tinh-thần với thể-phách của bản-thân. Phần hệ-thuộc thì có tổ-tiên, cha-mẹ, vợ hay là chồng và con cái.

2^o Ngôi tổ-quốc, quá-khứ thì có

Bốn ngôi tôn	1) Ngôi bản-thân	Chính	—	Tinh-thần, thể-phách.
		Hệ-thuộc	{	Tổ-tiên, cha mẹ. Vợ hay là chồng, con cái.
	2) Ngôi tổ-quốc	Quá khứ	—	Lịch-sử.
		Hiện-tại	{	Đất nước. Đồng-bào.
	3) Ngôi thế-giới	Quá khứ	—	Thánh-triết.
		Hiện-tại	—	Nhân-loại.
	4) Ngôi Thượng-đế			Công-đạo.
				Chân-lý.

Cho được tiêu-biểu nghĩa xã-hội tâm-giáo thì nên dùng hai thứ ảnh về hai ngôi thế-giới và quốc-gia. Ngôi thế-giới thì dùng ảnh thánh-triết thế-giới, tùy ý mình sùng-bái vị nào thì treo ảnh vị ấy. Ngôi quốc gia cũng thế, muốn treo ảnh vị vĩ-nhân nào thì tùy ý mình.

2) Một đức. — Theo luân-lý-học Đông-phương thì đối với mỗi bậc đều có một đức riêng. Đối với bản-thân thì có đức « thành », là thành-thực không dối mình; đối với tổ-tiên, cha mẹ thì có đức « hiếu », là thảo kính; đối với vợ hay là đối với chồng thì có đức « hòa », là hòa-thuận nhau; đối với con cái thì có đức « từ » là thương; đối với nước thì có đức « trung » là thật lòng với việc nước việc dân. Trong sách Tả

lịch-sử. Hiện-tại thì có đất nước với đồng-bào.

3^o Ngôi thế-giới, quá-khứ thì có thánh-triết, hiện-tại có nhân-loại của thế-giới.

4^o Ngôi Thượng-đế, Thượng-đế là một đấng siêu-hình, nhưng Thượng-đế đã phù cho loài người có lương-tâm để biết nghĩa công bằng mà ở với nhau, ấy gọi là công-đạo. Thượng-đế lại phù cho loài người có thần-trí để xét biết lẽ chân-thực của sự-vật mà làm lợi cho mình, ấy gọi là chân-lý. Vậy thuộc về ngôi này có công đạo với chân-lý.

Coi cái biểu sau này :

truyện : Qui Lương bảo vua Tùy rằng : « Người trên lo làm lợi cho dân là trung với dân ». Thế thì đức « trung » không những dân phải có mà vua cũng phải có ; đối với người và vật thì có đức « nhân » là xử nhân-từ. Đó đều là những đức-tính quý của nhân-loại, song dùng đã lâu ngày không khỏi có chỗ người ta làm sai nghĩa đi, nhà luân-lý-học còn cần phải biện-luận mà giải-thích lại. Vả nhiều tên lầm không thích-dụng cho phép tâm-giáo nó cần phải giản-ước. Vậy muốn được bao-hàm cả các đức trên ấy mà phổ-thông giản-dị thì không gì bằng cái đức « chân ái 眞愛 ».

Chân-ái là yêu một cách chân-thực. Đức « ái » hay là đức « yêu », tức trong luân-lý-học nước Pháp gọi là *l'Amour*

mà trong các tôn-giáo, các luân-lý Đông-tây cũng đều lấy đức yêu này làm trọng. Loài người bởi tình-cảm mà gây nên, các bậc luân-lý đều do tình-cảm mà thành, mà đức « ái » hay là đức « yêu » mới chính là cái gốc của tình-cảm. Có nó rồi mới sinh ra nhiều

cái đức-tình hay khác. Nay thêm ch « chân » vào gọi là « chân ái » ch nghĩa càng mật-thiết hơn. Nghĩa là đễ với những chỗ đã phải yêu là phải yêu một cách chân-thực không còn có ch giả-dối gì.

Xem cái biểu sau này :

Đức chân-ái	1) Yêu bản-thân một cách chân-thực	Yêu tinh-thần, yêu thể phách của mình một cách chân-thực. Yêu tổ-tiên, cha mẹ một cách chân-thực. Yêu vợ chồng, yêu con cái một cách chân-thực.
	2) Yêu tổ-quốc một cách chân-thực	Yêu lịch-sử một cách chân-thực. Yêu đất nước đồng-bào một cách chân-thực.
	3) Yêu thế-giới một cách chân-thực	Yêu thánh-triết thế-giới một cách chân-thực. Yêu nhân-loại thế-giới một cách chân-thực.
	4) Yêu Thượng-đế một cách chân-thực	Yêu công-đạo một cách chân-thực. Yêu chân-lý một cách chân-thực.

Ấy cái nghĩa xã-hội tâm-giáo, do thiên-kiến của tôi bày ra một cách đại-lược như thế. Mong các Ngài sẽ phủ chính lại cho. Còn như lấy cái quan-niệm tiêu-cực mà nói thì không biết thế nào mà nói cho phải. Như lấy cái quan-niệm tiêu-cực thì hoặc-giả sẽ trào-phúng cái thuyết chân-ái trên ấy mà rằng: « Trong cái thuyết chân-ái trên ấy còn thiếu hai cái đức rất cần hơn nữa là yêu tình (tình nam nữ) một cách chân-thực, với yêu tiền một cách chân-thực, sao không kể đến? » Tôi xin trả lời rằng: *Tình với tiền* hai cái đều phải yêu một cách chân-thực cả. Tình là cái mầm đễ gây nên nòi giống, gây nên cái thế-giới sinh-tồn. Loài

điều thú là loài vạn-vật, dẫu vô-tri cũng bắt đèo bông. Điều thú mà còn phải đèo bông chử tình nữa là người, người lại phải đèo bông chử tình một cách rộng xa hơn nhiều lắm. Tiền là cái đại-giá đễ nuôi thân, đễ lập nên mọi công việc ở đời. Trong tay đã sẵn đồng tiền, dầu lòng đời trắng thay đen khó gì. Phương-chỉ đời chúng ta đây lại là đời văn-minh vật-chất, đời kinh-tế vật-lộn, việc công việc tư không có tiền thì còn làm gì nên. Thế thì tình với tiền đều là cái phải yêu một cách chân-thực cả; song nó đã thuộc vào trong cái chỗ yêu bản-thân rồi. Thân không phải là một vị suông. Có thân thì có cảm, có cảm phải có tình, vậy

yêu thân phải yêu tình. Có thân trước hết phải nuôi, nuôi phải có tiền, vậy yêu thân phải yêu tiền.

Tuy nhiên tình với tiền lại là cái của quan-hệ mật-thiết với xã-hội, không phải là cái của giữa trời, muốn yêu bao nhiêu thì cứ vợ lấy mà yêu. Thế cho nên trong thuyết *chân-ái* phải lấy yêu công-đạo, yêu chân-lý để kết mà làm chuẩn-dịch. Trời cho ta có tri-giác để biết thế nào là công-đạo, chân-lý để lập lấy nhân-đạo, để mà phân cái giới-hạn của lòng dục-vọng của ta ở trong xã-hội. Vậy yêu tình yêu tiền cũng như mọi cái yêu khác, nếu không vượt khỏi những chỗ giới-hạn của công-đạo hoặc chân-lý, nghĩa là không hại ai mà cũng không hại mình, thì cứ tự-do mà yêu. Nếu yêu tình yêu tiền cũng như mọi cái yêu khác, mà mình vượt ra ngoài giới-hạn của công-đạo, thiệt-hại cho người khác thì ai nghe. Còn như yêu tình tuy chính-đáng mà đến quá-độ thì có hại. Hay là mập-mờ bị lừa dối, bị tật-bệnh hại đến thân-danh, đều là không hiểu chân-lý của chữ tình.

Nhân lại nói về cái cách thờ bản-thân. Người ta quý cái đồ vật gì cũng còn phải giữ-gìn chân-trọng, không dám bạ đâu vứt nó ra đấy hay là cố làm cho nó bản-thủ gãy-vỡ ra. Đối với cái đồ vật còn thế nữa là đối với bản-thân. Vậy đã nói là phải thờ, thờ thì tất phải muốn cho nó tồn. Nhưng ở đời, bản-thân mà đáng tồn là ở cái chỗ nhân-cách đáng tự-tôn, mà nhân-cách đáng tự-tôn là ở cái chỗ làm trọn được bổn-phận theo tài-đức của mình. Chữ sự tước-vị của xã-hội là cái giải thưởng cho người có tài-đức xứng-đáng, bằng không biết tự-cần ở nơi mình mà đi luồn-lụy để cầu-cạnh ở ngoài thế là tự-tiện, sao phải là tự-tôn. Hoặc là kẻ không-biết vui đạo tu đức mà kiêu-căng hoang-dăng, làm cho bại

thân hoại-danh, thế là tự-hại, sao phải là tự-ái.

Nói tóm lại thì tôn-giáo cũng như xã-hội-giáo, lễ-giáo cũng như tâm-giáo, sự lễ bái của người bình-dân, cũng như sự cảm-tưởng của nhà triết-học, đều phải có tin-ngưỡng mới nên. Tin-ngưỡng là sự tin có lý, nó khác với mê-tin là sự tin vô-lý. Tin vô-lý thì là dở, mà tin có lý thì là hay, Cho nên hoài-nghi với thực-nghiệm đều là phương-pháp để đi tìm cho tới cái chỗ có lý mà tin cả. Có biết tin đến chỗ có lý mà làm thì mới tiến-bóa được. Nói cho phải thì cuộc văn-minh thời nay chính là bởi sự tin-ngưỡng mà gây nên. Có nhà Tây-nho nói : Văn-minh là có tinh-diên thì cũng quá. Tin-ngưỡng là tin rằng như thế thì là văn-minh, bèn làm ra cho được như thế. Nếu ngay từ hồi đầu, không tin mà bác đi thì còn đâu mà thành văn-minh như ngày nay. Hay là hiện bây giờ, lấy cái lễ khác mà phê-bình thì cũng chẳng thấy gì là văn-minh nữa. Thế cho nên dân-tộc nào mà kém cái lòng tin-ngưỡng thì không khi nào mon-men tới cái cõi văn-minh được.

Thế cho nên Tây thì các nước Âu-châu, Đông thì Nhật-bản, số-dĩ người ta được văn-minh như ngày nay, là bởi quốc-dân các nơi ấy đều giàu cái lòng tin-ngưỡng cả.

Ở Âu-châu 17 thế-kỷ về trước, người ta tin-ngưỡng tôn-giáo là dường nào, bi-sinh tài-sâu, sinh-mệnh cho tôn-giáo biết bao. Từ 18 thế-kỷ trở đi, đem cái lòng tin- gương tôn-giáo ra để tin-ngưỡng châu lý. Ngày nay chúng ta đọc sách thấy những nghĩa mới, nào khám-phá chỗ vật-lý bí-ẩn của Tạo-hóa, nào phát-minh công-đạo cho nhân-loại, chúng ta lấy làm khoái biết bao. Kịp xem đến lịch-sử của các nhà phát-minh ấy, người thì bi-sinh cả vinh-hoa

phủ-qui một đời để làm việc xét nghiệm, người thì bị nguy hiểm đến cả tính-mệnh, người thì bị đời bi-báng thế mà không thôi, hết ngày ấy đến ngày khác, đời ấy sang đời khác, kế tiếp làm mãi mới được nên như thế. Nếu không giàu lòng tin-ngưỡng lắm, sao như vậy được.

Thế mà đối với việc giáo-hóa thì người ta cố làm cho tiến-bộ thiết-thực hơn lên chứ không nhăng bô.

KANT tiên-sinh vẫn tin rằng trong vũ-trụ có đấng chân-tể. DARWIN tiên-sinh không hề xù mắt lòng với bên tôn-giáo bao giờ. Công-nhiên phản-đối cái thuyết họa-phúc của tôn-giáo chỉ có HUXLEY tiên-sinh. Trong sách Thiên-diễn-luận (*évolution*), tiên-sinh có bẽ cái thuyết cổ cho đạo trời là rất công, làm thiện thì trời giáng phúc, làm ác thì trời giáng tội là vô-lý. Đại-ý tiên-sinh nói rằng: « Thế sao xem trong sách chép cổ-lai những kẻ hung-bạo tàn-ngược thì lên như diều, mà kẻ thuận-hậu hiền-lành thì lụn-bại ». Rồi thì nào là rui lửa nước lụt, oằn là đói kém, dịch-lệ, chết người như ngã rạ. Thế thì rất công mà thế ư? Lại đã sinh ra con hươu hiền lành sao lại sinh ra con hùm hung-bạo ăn thịt con hươu. Thế có phải là những sự trái-lý cả không? Nhưng thực thì trời cũng chẳng làm đâu thế, nó chỉ là cái lẽ thiên-diễn tự-nhiên đó thôi. Đến chỗ khác trong sách ấy tiên-sinh lại bác Phật-giáo không biết trong vũ-trụ có đấng Chân-tể, không biết trong mình người ta có linh-hồn mà nói chỉ có mình là độc-tôn, là lắm. Vậy thì tiên-sinh chỉ bác cái thuyết mê-tin không biết tự cậy ở mình, cái gì cũng chực nhờ ở trời đó mà thôi. Chớ không phản-đối cái thuyết chân-tể với linh-hồn.

Đến như Nhật-bản cũng thế. Trong thời-kỳ duy-tân các phương-diện đều thay cũ đổi mới thì phương-diện giáo-

hóa cũng bớt sức cải-cách chỉnh-dốn. Phải cả người sang bên Pháp khảo cái đạo thực-nghiệm của ông Khổng-đồ (*Comte*). Bộ sách Duy-tân-sử có chép riêng ra một quyển *Tân-giáo sử*. Xem đó đủ biết người ta không nhăng sự giáo-hóa.

Còn như người Việt-Nam ta, gọi là một dân vô-giáo thì không đáng, nhưng thực thì cái lòng tin-ngưỡng của công-chúng bạc-nhược lắm. Có chẳng số ít mà thôi, còn thì cũng chỉ mê-tin những cái vô-lý là phần nhiều. Đó cũng chỉ vì, một là sự giáo-hóa của xã-hội không được phát-đạt, hai là sự học-vấn sai đường.

Sự giáo-hóa thì sau đời Lý Trần, Phật-giáo suy, kẻ sĩ-dân trung-lưu xã-hội, ngoài sự qui lạy trước giường thờ ông vải nhà mình ra, ít có dịp sùng-bái cao-thượng gì ở đâu nữa. Lạy Trời vốn đã không, Phật đến bây giờ cũng không tin nữa, mà sùng-bái anh-hùng cũng không. Mà có đi nữa thì cũng chỉ coi là một vị Thành-hoàng, thần cai-trị của làng mà thôi. Rồi thì nào là thịt xối, nào là vị-thứ bất-buộc nhau, ganh tị thù hằn nhau, chẳng còn gì là giáo-lý. Thậm-chí nhiều làng thờ thần chính là một vị đại công-đức của dân của nước khi xưa, mà người làng ít biết đến sự tích, thế thì còn mong cảm-hóa gì.

Suốt trong nước có hai lễ kỷ-niệm rất tôn-sùng và thịnh-hành, khắp mặt bình-dân đi trảy lễ đã thành lời ngan-ngữ là « *tháng tám giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ* ». Giỗ cha tức là ngày 20 tháng 8 giỗ đức Hưng-đạo, giỗ mẹ tức là ngày 3 tháng 3 giỗ nữ-thần Liễu-Hạnh.

Đức Hưng-đạo là đấng vĩ-nhân thế nào ai mà chả rõ. Nhưng sở dĩ mà có được lễ kỷ-niệm nào-nước đến khắp Bắc-bộ của nước như ngày nay là nhờ ở cái tục mê-tin « bắt tà » của bọn thầy đồng họ gây nên. Lễ-phẩm thì bọn

con hương họ dùng cái lối nhất-cử lưỡng-tiện, thượng-thành hạ-phàm, là mỗi nhà một cái lễ xôi gà, dâng cúng rồi thì làm cái lương ăn đường hôm đó.

Nữ-thần Liễu-Hạnh là thần riêng của bọn đàn-bà đồng-bóng. Mà sở dĩ thịnh là do ở ngôi bút tiêu-tuyệt truyền-ký của bà Thị Diễm, ngoài sự linh-dị ra không có giáo-nghĩa gì.

Lại rất lạ là kinh-đô Thăng-long cũng như kinh-đô Huế, không có một đền thờ vĩ-nhân đời cổ do quốc-lập nào. Thế mà mấy nơi thắng-cảnh ở Hà-nội thì đều đề thờ « Quan-thánh », thần mê-tín của Trung-quốc. Nhất là gò Ngọc-sơn ở hồ Hoàn-kiểm, vừa là nơi dấu cũ vua Lê mà là nơi phong-cảnh giữa thành-phố, đẹp-dẽ biết bao, thì lại đề thờ thần Tam-thánh của bọn mê-tín Trung-quốc bịa đặt.

Mỗi hạt mỗi làng đều có một cái văn-chỉ gọi là thờ Tiên-hiền vốn người trong làng, nhưng dâng gọi là Tiên-hiền thì ít lắm. Không hề kén chọn vị nào sinh-tiền có công to đức tốt gì sẽ thờ, cứ thấy có đồ có làm quan là thờ. Thế là thờ khoa-hoạn chứ không phải là thờ Tiên-hiền.

Nhất là lại biệt cho phụ-nữ là phải lo lễ khờ-sở mà hai chỗ đình với văn-chỉ cũng không được đến lễ bao giờ.

Ấy cái đầu của người mình dùng đem đi lạy mà cũng không nghĩ đề dùng cho dâng - còn cái lạy lên gối xuống gối trước người sống khi xưa là bị bắt buộc chưa hề - như thế còn mong được cảm cái ích của giáo-hóa gì nữa. Ngày nay cái lạy trước người sống đã được bỏ đi rồi. Còn cái lạy

lên gối xuống gối trước người chết - Gia-tiên và các thần khác cũng thế - cũng nên thôi - Người chủ-tế thì quì mà khấn rồi đứng lên vái, người khác chỉ dùng vái một cách kính-cần là đủ. Thần phải nương vào người, thờ Thần là ở lòng tín-ngưỡng, lễ-nghi mà đến nô-lệ khốn-dốn mất cả nhân-cách, thì thần còn lấy đầu mà tôn, lòng tín-ngưỡng còn lấy đầu mà phát-đạt ra được,

Sự học-vấn thì Nho-học về Lý Trần, vì khoa-cử chưa thịnh. Phật-học đang bùng-bọt. Nho-học phải cố sức ganh đua mà cô-lệ được cái phong khí-tiết như phái Tô Hiến-Thành, phái Chu Văn-An, đều là những phái thực-tiến trong Nho-gia cả. Từ Lê trở xuống đến gần nay, Phật-học suy, khoa-cử thịnh, kẻ sĩ chỉ học làm văn sáo đề câu đối đạt, còn thì giờ đầu mà nghiên-cứu nghĩa-lý. Thành ra đã chẳng tín-ngưỡng được cái hữu-lý thì phải mê-tín cái vô-lý, phong-thủy, thuật-số.

Ấy sự giáo-hóa của ta sai lầm khiếm-khuyết là như thế, thì bây giờ phải chấn-chỉnh canh-cải bổ-cứu và phát-huy lại bốn cái lễ-giao về xã-hội-giao là việc cần của xã-hội. Mà dùng phép tâm-giao để cảm-hóa cho mình là việc cần của cá-nhân.

Mấy lời của kẻ quê mùa đem chút thiền-kiến trình bày như trên ấy, gọi là tỏ ra cái thuyết chân-ái vừa mới rồi mà nói rằng :

Yêu các ngài thịnh-giá một cách chân-thực !

NGUYỄN TRỌNG-TRUẬT

Lịch-sử tư-pháp của Nhật-bản hồi duy-tân

Đọc bộ *Nhật-bản duy-tân sử*, thấy công-việc thay cũ đổi mới, tiến-hóa một cách nhanh chóng lạ-lùng. Xét từ hồi duy-tân về trước, vẫu-hóa chính-lục có nhiều cái đồng đẳng với ta, mà nhiều cái lại còn kém ta. Thế mà người ta mới tiếp-súc với thời-thế mới một cái thì tỉnh-ngộ ngay. Vua với dân một cật, trên với dưới một lòng, sốt sắng đón rước lấy cái mới như mê như say, đồng-thời lần-lượt thay đổi khắp mọi phương-diện từ văn-hóa cho đến chính-trị. Lấy cái công-phu vài mươi năm mà hóa một nước nhỏ, một dân-tộc cổ nên một nước cường một dân mới, ngang hàng và ganh địch với các nước đệ-nhất-đẳng văn-minh phú-cường Tây-phương cho đến ngày nay. Ôi, giới-giang thay! mà sung-sướng thay!

Tôi độc tôi nghĩ, tôi bất-giác mười mồ-hôi ra, đặt sách xuống án, vỗ án mà nói: Ở thế này ra người với khi chỉ khác nhau là biết tự-biến-hóa với không biết tự-biến-hóa mà thôi. DARWIN tiến-sinh thực không nói dối ta vậy.

Bởi vậy mỗi khi có thi-giờ tôi lại lựa chọn biên-dịch về một mục trong bộ *Nhật-bản duy-tân-sử* ấy để cống-hiến cùng độc-giả xem cho vui. Trước tôi đã dịch được hai bài về lịch-sử tôn-giáo và về lịch-sử tài-chính, nay lại dịch một bài về lịch-sử Tư-pháp.

Trước khi xem đến chế-độ tư-pháp Nhật-bản trước hồi duy-tân, cũng nên nói qua về chế-độ tư-pháp Việt-Nam về ngày trước. Ở Việt-Nam xưa, chế-độ tư-pháp cũng như các cái chế-độ khác, tuy cũng đều thuộc về thời-đại quân-quyền như ở các nước cùng thời-đại ấy. Song cứ như tư-pháp sử Nhật-bản đã thuật lại công-việc tư-pháp về trước hồi duy-tân — sẽ nói sau này —

thì còn bầm hõn chưa phân-biệt được bằng ở Việt-Nam 18 thế-kỷ về trước. Việt-Nam sau khi lập-quốc ít lâu, nhà Lý châm-chước tinh-thể hiện-thời làm ra sách « *Nhất đại hình-thư* — 一代刑書 » và sách làm một cách cho dễ xem dễ hiểu, dân bấy giờ lấy làm tiện lắm. Đến nhà Trần lại cải lại hình-luật. Lê cũng thường thay đổi luật-pháp, luật Hồng-đức có diễn nôm cho dân-gian dễ hiểu và dễ nhớ. Hậu-Lê có định rõ những điều-lệ về việc xử kiện và làm thành sách.

Đến như pháp-quan thì lịch-triều đều có đặt ra những chuyên-chức khác với chính-quan. Như ở kinh-đô thì có Hình-bộ, Tam-pháp-ti, các xứ trấn thì có Án-sát-sứ chuyên giữ về việc xét án. Duy ở phủ huyện là địa-phương thấp nhất thì quan Tri-phủ Tri-huyện mới được tra xét việc án mà không được quyết-xử.

Từ Nguyễn-triều, pháp-quan thì vẫn y như cũ, duy luật thì toàn phỏng theo luật nhà Thanh mà dân cũng ít được biết đến sách luật nữa. Thế là về việc luật-pháp ở Việt-Nam đến cạo-thể lại thoái-bộ. Nhưng so với Nhật-bản cùng thời đó về trước thì họ lại còn sơ-lược hơn ta nhiều. Thậm-chí ở Mạc-phủ chỉ có « *ước-pháp* 約法 » mà chưa có luật-pháp. Mà cũng không thống-nhất, các chư-hầu thuộc Mạc-phủ mỗi nơi đều tự đặt luật ra mà xử-đoán. Pháp-quan thì các cấp đều không có chuyên-chức, chỉ có chính-quan kiểm-ly cả mà thôi. Mãi đến đầu duy-tân mới bắt đầu bắt chước luật nhà Minh nhà Thanh thảo ra luật mới là mới có luật. Rồi bèn đổi theo hẳn luật tây, mở pháp-viện, đặt pháp-quan, mở trường pháp-luật học, nhất-thiết mở-phông Tây-phương. Lần lần biến-cải trong

30 năm mà nay nghiêm-nhiên thành một nước có chế-độ tư-pháp hoàn-toàn. Thật là đáng khen.

1) *Quyền tư-pháp trước sau hồi duy-tân*. — Khiến cho quyền tư-pháp với hai quyền hành-chính và lập-pháp cùng đối-lập với nhau làm ba cái chân vạc, đó là thuyết của Montesquieu. Thuyết ấy vốn là hay lắm, song đương những lúc mà quốc-gia nào tổ-chức còn chưa được hoàn-bị, thì không có thể thi-hành theo thuyết ấy được. Nhật-bản cũng như thế không tránh khỏi. Ở Nhật-bản về thời-dại Mạc-phủ còn cai-trị, không có cái gì có thể phân ra mà gọi được là dân-pháp (luật) với hình pháp (luật). Về việc xét án cứ đề mặc ý kẻ ngục-lại tùy việc xử-đoán, cho nên xảy ra có những cái án bị oan luôn. Mỗi đến kỳ đầu hồi duy-tân mà cũng vẫn còn như thế. Đến như công việc ban hành hai thứ dân-pháp với hình-pháp để cho kẻ làm chức tài-phán có chỗ mà noi theo, đều là công việc mấy năm sau lúc đã duy-tân rồi cả.

Về thời Mạc-phủ cũ, chưa có pháp-luật, chỉ có một trăm điều « ước-pháp » người Nhật nói bản ước-pháp ấy vừa giản-lược vừa phù-phẩm què-kệch, không ra pháp-luật gì. Thế mà lúc bấy giờ ngoài bản « ước-pháp » ấy ra, không còn có luật-pháp gì nữa. Như bây giờ ở Nhật-bản thì nào là hiến-pháp, nào là hành-chính pháp, nào là tài-phán-pháp đều tường-bị biết bao. Thế mà bấy giờ chỉ có một bản « ước-pháp » ấy mà gồm đủ hết cả, thì có lạ không. Và bấy giờ người ta lại hiểu lầm cái nghĩa « Dân bất khả sử tri 民不可使知, Không có thể khiến cho dân biết được » nên bản « ước-pháp » ấy cũng không công-bố ra cho dân xem nữa. Vì thế kẻ dân què không hiểu mà phạm vào phép cấm là sự thường. Khi dân đã phạm tội lỗi rồi, bấy giờ bọn ngục-lại mới

viện dẫn trong « ước-pháp » mà cưỡng ép vào đề tự tiện xử-đoán. Ôi, vô lý đến như thế là cùng.

Tuy thế nhưng mà bản « ước-pháp » ấy, Mạc-phủ đặt ra thì Mạc-phủ dùng mà thôi, còn các Chư-bầu khác thì mỗi nơi lại đều tự ý đặt ra pháp-luật khác đề mà xử-đoán. Ấy cái quyền tư-pháp lúc bấy giờ nó bầy-bạ liêu-lĩnh đến như thế. Nay mà nghĩ lại thật không ai là không lấy làm kinh-ngạc.

Tới khi chính-phủ mới triều Minh-trị lập lên thì các phiên-bang vẫn còn cát-cự mà cai-trị các nơi, trung-ương chính-phủ vẫn chưa quản-trị được khắp cả. Duy có những chỗ đất thuộc về Mạc-phủ cũ trực-trị đã đem nộp giả nhà vua, mới đặt ra làm các phủ huyện và quan Trị-sự thống trị. Nhưng còn những việc tư-pháp thì quau hành - chính cũng vẫn kiêm, không khác gì ngày trước.

Năm Minh-trị thứ hai, các phiên-bang tuy có đem bản-dồ và hộ-tịch dâng nạp, nhưng người làm chức Phiên-Trị-sự thì cũng lại vẫn là người cựu Phiên-chủ, mà những người làm Chánh, Phó Tham-sự thì cũng lại vẫn là những người cựu Bồi-thần. Coi đó thì việc chính-trị cũng vẫn chưa thay đổi gì. Đến tháng bảy năm Minh-trị thứ 4 mới phế phiên-bang đi mà lập làm phủ huyện, từ chức Trị-sự đến các thuộc-quan đều do Trung-ương chính-phủ tuyển người mới bổ về cả. Đến bấy giờ chế-độ đại thống-nhất mới thi-hành được toàn-quốc. Nhân đó mà chế-độ tư-pháp cũng mới có thời-cơ mà chỉnh-dốn dần. Bấy giờ bèn đặt ra Tư-pháp-tỉnh 司法省 để coi việc tài-phán cho cả nước. Ở phủ huyện đặt tài-phán-sở riêng ra có quan Tài-phán giữ việc tư-pháp. Còn việc hình-sự tài-phán thì mới lựa lấy những luật-lệ của nhà Minh nhà Thanh soạn làm bộ « Tân-luật

„cương-yếu”. Rồi lại chăm-chước thêm bớt lấy hình-pháp, trị-tội-pháp của Tây-đương mà cải-dịnh lại việc luật-lệnh. Sau lại đặt ra Đại-thẩm-viện để cho quyền tư-pháp dời hẳn hai quyền hành-chính và lập-pháp ra mà độc-lập. Lại định lại hình-pháp, trị-tội-pháp khiến cho phân-minh không hỗn-hào. Đến bấy giờ cơ-quan của tư-pháp đã đủ thì phép-luật về tư-pháp cũng dần dần thành-lập. Còn như các luật-pháp về dân-sự thì vẫn chưa nói gì đến,

2 — Các tài-phán-sở tòa-án về trước khi chưa lập ra Tư-pháp-lĩnh. — Ngày 9 tháng 12 năm đinh-mão Khánh-ứng thứ 3, mới bãi bỏ những chức Nhiếp-chính, Nghị-tấu, Truyền-tấu và Chính-di đại-tướng-quân đi, mà lấy cái tiếng « cách-chính duy-tân » để ra hiệu-lệnh cho trong nước. Nhưng còn cái việc xử-phán cho họ Đức-xuyên thì mỗi người bàn một cách, đến hơn hai-mươi ngày mà chưa quyết xong. Sau rồi việc thành võ-lở to, tháng giêng năm Minh-trị nguyên-niên, họ Đức-xuyên khởi binh lên ở Phúc-kiến-điều-vũ. Đánh một trận, Đức-xuyên thua chạy về miền đông. Từ đó một vùng gần kinh-thành mới bình-dịnh yên, Chính-phủ mới lo-chức được có thống-hệ. Ngày 17 tháng giêng đặt ra Hình-pháp-sự-vụ-khoa 刑法事務科 ở trong cung Đại-chính. Ban nghị-dinh cho Trưởng-cốc-Tín-dốc, hàm Chánh-tam-vị 正三位 và Tể-xuyên Hi-dinh hàm tòng-tứ-vị 從四位 làm quan Hình-pháp-sự-vụ Tổng-dốc. Lại cho Thập-thời Duy-huê và Tân-diễn Tín-hoảng giữ chức Hình-pháp-sự-vụ-quải 刑法事務掛. Rồi đến ngày mồng 3 tháng 2 lại cải Hình-pháp-sự-vụ-khoa ra làm Hình-pháp-sự-vụ-cục, đặt ra các chức quan như Đốc 督 Phụ 輔, Quyền-phụ 權輔, Phán-sự, Quyền Phán-sự, Thư-ký, Bất-sinh và Cục-chưởng 局掌. Nghị-dinh cho Cận-vệ Trung-phòng làm Hình-pháp-sự-vụ-cục-dốc; Trưởng-

cốc Tín-dốc, Tể-xuyên Hi-dinh thì đều làm Phụ.

Đến ngày 21 tháng 4 nhuận, lại phế Hình-pháp-sự-vụ-cục đi mà đặt ra chức quan khác coi hình-pháp. Chức trưởng-quan về ngạch mới này thì gọi là Tri-quan-sự 知官事, người nhận chức là Sơn-nội Phong-tin. Lẽth-chức mới được hai ngày thì lại đổi nghị-dinh mà cho Đại-nguyên Trọng-đức hàm Tòng-nhi-vị vào thay.

Bấy giờ thuộc về Hình-pháp-quan có ba ti là Giám-sát. Cục-ngục và Bộ-vong 捕亡. Mỗi ti đặt một chức Tri-ti-sự. Còn Hình-pháp-quan thì giữ việc xét án và kết tội. Nhưng cũng chỉ coi về những cỗ của triều-dinh trực-hạt mà thôi, thế lực chưa tới được đến chỗ các phiên-bang họ còn cai-trị. Ngày 13 tháng 10 đặt một chi-bộ Hình pháp-quan nữa ở Đông-kinh. Thuộc hạt về Đông-kinh, những kẻ phạm tội nếu là hạng « sĩ-nhân 士人 » thì Hình-pháp-quan xét xử, nếu là hạng « thứ-nhân 庶人 » thì phủ Đông-kinh xét xử.

Đến mồng 2 tháng 2 năm thứ hai, nhân bấy giờ đã thiên-dô sang Đông-kinh rồi bèn lấy chức Hình-pháp-quan ở Đông-kinh làm bản-quan, mà ở Tây-kinh thì do ở chức Lưu-thủ. Tháng 4 lại đặt ra chức Tổ-tụng-quải và chức Tang-thực-quải 贓賸掛 đều thuộc về Hình-pháp-quan cai-quản. Việc dân-sự tổ-tụng mới thuộc quyền Hình-pháp-quan từ bấy giờ.

Phép xét-xử bấy giờ, có kẻ nào phạm tội thì trước hết sai Giám-sát-ti đi trình-thám. Khi tang-chương đã minh-bạch rồi thì sai Bộ-vong-ti đi bắt mà giải về Cục-ngục-ti để tra hỏi. Đến tháng 5 lại bỏ Giám-sát-ti ở Đông-kinh đi mà đặt ra Đán-chính-dài 彈正臺 ở trong cung. Trong dài có những chức quan là Doãn 尹 Bất 弼, Đại-trung 大忠, Thiếu-trung 少忠, Đại-sơ 大疏,

Thiếu-sơ 少疏, Tuân-sát, Đán-chính 彈正 và Sử-sinh 史生 để xem xét mọi việc phi-vi. Cho Cửu-diên Đạo-hiếu, hàm Tùng-nhất-vị, làm Đán-chính Doãn được kiểm cả những việc như hai chức Kiểm-sự-cục và Cảnh-thị-sanh là hai chức mà sau mới đặt. Phàm việc án xảy ra phải qua Đán-chính Doãn thẩm-phán đã, nếu thực có tội thì mới đưa ra Hình pháp-quan xét-đoán.

Ngày mồng 8 tháng 7 lại bỏ Hình pháp-quan đi mà lập ra Hình-bộ-tỉnh. Quan chính-dương thì gọi là Khao-h. Còn thuộc-quan thì có Đại-phụ, Thiếu-phụ, Đại-thừa, Quyền Đại-thừa, Thiếu-thừa, Quyền Thiếu-thừa. Bấy giờ Tam điều Thực-ái làm quan Khanh, Tá-lá Mộc-cai-hành làm Đại-phụ. Tháng 10 ban sắc cho Hình bộ tỉnh xét án lấy sự khoan hồng làm trọng. Và sai soạn lại bộ luật mới. Hình-bộ-tỉnh bèn tham chiếu với cổ-chế soạn ra bộ « Tân-luật cương-lĩnh » sáu quyển, tháng 10 thoát-cáo đem dâng ngự-lâm. Tháng 12 thì đem ban-hành. Thế là Chính-phủ Minh trị đến đây mới có việc ban-hành hình pháp. Song bộ « Tân-luật-cương-lĩnh » này cũng chỉ chấm-chước với cổ-luật đời Đại-bảo và luật-lệ nhà Minh nhà Thanh cùng bản « ước-pháp » đời Đức-xuyên rồi phụ-diễn ra đó thôi. Đối với học-lý về hình-luật còn nhiều chỗ chưa hợp. Thế nhưng bây giờ như thế đã lấy làm một việc sáng-chế to-tát lắm.

Nơi giam tù bấy giờ thì tạm dụng cái lao-thất ở Truyền-mã-dinh của cựu Mạc-phủ cùng các sở cũ của các nơi khác, chứ chưa làm mới được. Phép tra tù cũng vẫn còn theo phép cũ. Chính-phủ biết hai việc ấy không biến cải sớm đi không được. Tháng 2 năm thứ 4, sai quan Giám-ngục là Tiều-nguyên Trọng-tại qua các xứ Hương-cảng, Đông-Ấn-độ, Tinh-gia-pha khảo sát lấy những chế-độ giam tù rồi về định lại những qui-tắc về nơi đồ-trang

徙場, qui-tắc về Giám-ngục-ti và phép trị tội.

Tháng 6 lại phế Hình-bộ-tỉnh và Đán-chính-dài mà đặt ra Tư-pháp-tỉnh để cai quản cả công việc hai bộ ấy. Cho Tá-lá Mộc-cai-hành làm Tư-pháp-đại-phụ. Lại mới đặt ra năm khóa là : đoán-ngục, đoán-bình, thân-luật, tang-thực và thứ-vụ để chuyên giữ việc hình-sự-tái-phán. Đến 14 tháng 9, đem các công việc bồi kiện của Đại-tàng-tỉnh vẫn giữ xưa nay cải thuộc cả vào Tư-pháp-tỉnh. Từ đó hai cái quyền tái-phán về dân-sự hình-sự mới thu cả về Tư-pháp-tỉnh mà quyền Tư-pháp-tỉnh mới dần dần lớn lên.

3) Quyền tái-phán về thời-dại Giang-đăng Tân-bình. — Từ khi hai quyền dân-pháp hình-pháp thuộc cả về Tư-pháp-tỉnh thì tư-pháp quyền của đế-quốc mới dần thêm thế-lực lên. Song trong tỉnh cũng chưa có quan chánh-khanh thì cũng vẫn chưa đủ đối với bên bành-chính mà bảo-loàn được quyền độc-lập của mình. Đến tháng 4 năm Minh-trị thứ 5, phó nghị-trưởng là Giang-đăng Tân-bình, hàm tùng-tứ-vị, thăng làm Tư-pháp-khanh, ông bèn chỉnh-đốn cả mọi việc tư-pháp lại, từ đó chế-độ Tư-pháp tỉnh mới được mĩ-thiện. Ông vào nhận chức xong thì thân-minh ngay quyền-hạn của Tư-pháp-tỉnh ra. Ông lấy rằng Tư-pháp-tỉnh thống-hạt của nhất-thiết công-việc tái-phán thì có thể được chuyên lấy việc tập-tấu của mình. Quan Khanh và quan Phụ đã thống-ngự và giám-đốc cả các quan tái-phán thì tự có cái quyền dùng bỏ thăng giáng các hạng quan về ngạch ấy. Đến như việc thảo ra các pháp-án mới, quyết những cái án còn ngờ của các tái-phán-sở, và định lệ phạm tội của các tái-phán quan, đều do bản tỉnh luận-quyết lấy cả. Việc phạm-tội nào có quan-hệ với Chính-phủ thì phi quan Khanh quan Phụ của Tư-pháp-tỉnh,

các quan tài-phán khác đều không được xử-đoán cả. Lại truyền lệnh cho tài-phán-sở của Tư-pháp-tỉnh với tài-phán-sở của Đông-kinh, khi có mở phiên tài-phán các án, đều cho những người ký-giả nhà báo vào bàng-thính cả.

Cái câu « Dân khả sử do, bất khả sử tri 民可使由不可使知 » Dân có thể khiến cho họ theo, chứ không có thể khiến cho họ biết được », chính là một cái thói tệ-hại ở trong pháp-luật-giới ngày xưa. Họ đã nhận sai rồi thì họ tự truyền-nhiệm thành thói quen. Cho nên lúc đó vô-luận là quan dân, hầu như không có một người nào tinh-thông được pháp-luật. May mà có người nào chịu tra cứu về pháp-luật thì người ta gọi ngay cho cái tên « công-sự sư » tức ta gọi là « thầy kiện », rồi người ta đãi cho một cách khinh-bĩ. Vì thế không thể lấy dân ra cho có được những tài-phán-quan tốt cùng đại-ngôn-nhân 代言人 giới. Bởi vậy Giang-đăng Tân-bình lấy làm lo, ông muốn thâm-nhập lấy cái tư-tưởng về pháp-luật của Thái-Tây để dưỡng-thành nhân-tài cho nhà pháp-luật trong nước. Tháng 7 năm ấy ông bèn mở ở trong sở Minh-pháp liêu 明法寮 một trường pháp-luật học, chiêu học-trò vào đông, mời Dương-lị-đa Li-bá-nhi là người nước Pháp làm thầy giáo để dạy học.

Ngày 3 tháng 8 đặt ra chương-trình chức-vụ về Tư-pháp-tỉnh. Đến như những chức-việc Phán-sự, Kiểm-sự, địa-phương la-tốt, đãi-bộ 遞部 bộ-vong, chứng-thư-nhân, đại-thư-nhân 代書人 và đại-ngôn-nhân cũng định rõ ra từng quyền-hạn một. Lại định chức-quyền cho tài-phán-sở với Minh-pháp-liêu. Phân công việc của bản-tỉnh ra làm ba : Một là Tài-phán-sở, hai là Kiểm-sự-cục, ba là Minh-pháp-liêu. Tài-phán-sở thì lại phân ra có Tài-phán-sở về khi lâm-thời của Tư-pháp-tỉnh, Tài-phán-sở thường của Tư-pháp-tỉnh,

xuất-trương tài-phán-sở, Tài-phán-sở của các phủ huyện và Tài-phán-sở của các khu. Ở Tài-phán-sở của Tư-pháp-tỉnh thì đặt ra một phòng thầy thuốc và hai khóa hỏi kiện với kết-án. Ở Tài-phán-sở của các phủ huyện và Tài-phán-sở của các khu thì đặt ra bốn khóa là hỏi-kiện, kết-án, thứ-vụ và xuất-nạp. Đầu tòa thì quan Tư-pháp-Khanh kiêm chức Tài-phán-sở-trưởng của Tư-pháp-tỉnh. Còn xuất-trương Tài-phán-sở và các phủ huyện Tài-phán-sở thì quan Phán-sự làm đầu. Tài-phán-sở các khu thì viên Giải-bộ làm đầu. Giải-bộ 解部 tức là một viên hạ-liêu trong tòa Kiểm-sự vậy. Nay đem phép tổ-chức về tài-phán-sở lúc bấy giờ yết ra làm liệt-biểu như sau này :

Tư-pháp-tỉnh	bản-tỉnh	Khaub, Đại-phụ, Thiếu-phụ, Đại-thừa, Thiếu-thừa. Phán-sự, Đại..., Quyền Đại..., Trung..., Quyền Trung..., Thiếu..., Quyền Thiếu...
		Tư-pháp-tỉnh lâm-thời Tài-phán-sở — Khi nào có việc án kiện lớn mới mở. Tư-pháp-tỉnh Tài-phán-sở — Là viện Phúc-thầm tố cáo. Xuất-trương Tài-phán-sở — Là chỗ khổng-tổ tài-phán của Phủ huyện Tài-phán-sở. Phủ-huyện Tài-phán-sở — Là chỗ sơ-thẩm các việc lớn và là chỗ khổng-tổ tài-phán-sở của các khu. Các khu Tài-phán-sở — Là chỗ sơ-thẩm tài-phán-sở các việc nhỏ của các khu.
Kiểm-sự-cục	Tài-phán-sở	Kiểm-sự, Chánh..., Quyền..., Đại..., Trung..., Thiếu..., Giải-bộ, Đại..., Quyền Đại..., Trung..., Quyền Trung..., Thiếu...,

Kiểm-sự-
cục

Kiểm-bộ, Đại..., Quyền-Đại..., Trung..., Quyền-Trung..., Thiệu..., Quyền-Thiếu...

Minh pháp-liệu :
—Đầu..., Quyền..., Đại Pháp quan..., Quyền..., Trung, Thiệu.

Quyền tư-pháp đã xếp đặt được như thế rồi, bèn lần lượt đặt Tài-phán-sở ở các phủ huyện, cải bỏ cả cái chế độ các quan Tri-phủ Tri-huyện kiêm việc hỏi kiện từ xưa đi. Lại muốn đem cả những việc trái phép của các quan hành-chính cho thuộc về bên tài-phán-sở xét xử. Ngày 28 tháng 12 năm thứ 5 hạ lệnh rằng :

« Phàm những việc của các địa-phương quan cùng các hộ-trưởng 戶長 làm « trái phép và lạm quyền, cho nhân-dân được đến Tài-phán-sở ở địa-phương, hay là Tài-phán-sở của Tư-pháp-tỉnh mà thưa kiện. Lại người nào bất-phục cách xử-đoán của Tài-phán-sở ở địa-phương và địa-phương-quan, thì cho đến Tài-phán-sở của Tư-pháp-tỉnh mà thưa kiện. »

Thế là bắt đầu có cái chế độ hành-chính tài-phán-sở từ đó. Tháng 2 năm thứ 6, định rõ những tắc-lệ về việc đoán ngục, cho mỗi tài-phán-sở ngoài chức Phán-sự ra được đặt viện hội-đồng, đó là gây ra cái nền về phép bồi-thảm vậy. Lại cho người ngoài vào bằng-thình những khi hỏi án để tỏ ra sự công-chính. Sửa đổi bản « Tân-luật-cương-lĩnh » lại mà đặt hẳn ra bản luật mới khác, để cho các quan án tuân theo. Tháng 3 năm ấy, Giang-đăng Tân-bình được thiên sang chức Tham-ngự. Khi ông tại chức làm được ba quyền sách trong có những bài thảo-án để cải định luật-lệnh, đến tháng 5 thì thoát-cáo dâng lên Ngự-lâm, 13 tháng 6 thì cho đem ban-hành. Đó là đệ-nhi-thứ ban-hành hình-pháp vua Minh-trị chính-phủ vậy.

Nói lại Giang-đăng Tân-bình khi làm Tư-pháp Khanh, ông chuyên tâm tri-ý để chỉnh-đốn các chế độ tư-pháp, công-nghiệp thành-tựu lớn-lao rõ-rệt, thực là đáng khen. Về sau nhân có cái nghị « chỉnh Hàn 征韓 = đánh Cao-li ». ý-kiến của ông bất-hợp với chính-phủ, ông lấy làm tức-bực lắm. Rồi ông cùng với Phó-đạo Chứng-thần, Bản-viên Thoái-trợ dâng tờ điều-trần xin đặt ra Nghị-viện dân-cử, Chính-phủ lại không nghe. Ông càng phẫn-hận vô-cùng. Tháng 2 năm thứ 7, ông bèn về Tá-hạ khởi-bình đánh Chính-phủ, ông thua bị bắt và bị giết. Thật đáng thương.

4) Đặt viện Đại-thâm. — Tư-pháp-tỉnh cũng là một hành-chính nha-môn, quyền-sở-hữu của tỉnh ấy, đối với quyền tài-phán của tài-phán-sở khác nhau. Vì Tài-phán-sở chỉ chuyên làm công-việc thực-hành cho cái quyền tư-pháp, cho nên không thể hỗn lại làm một được,

Đương khi Giang-đăng Tân-bình còn làm Tư-pháp-khanh, tuy ông có mở-mang cho rộng quyền tư-pháp và chỉnh-đốn được nhiều chế độ. Nhưng Tư-pháp-khanh vẫn còn kiêm làm chức Tư-pháp tài-phán-sở-trưởng. Lại nhiều quan hành-chính khác cũng vẫn kiêm làm tài-phán-quan. Thế là quyền tư-pháp cũng vẫn chưa thoát bên hành-chánh mà độc-lập được. Và từ Giang-đăng Tân-bình chết đi, thì quyền tư-pháp cũng kém dần đi. Vậy thì việc cần-cấp bấy giờ là làm thế nào cho tư-pháp-quyền độc-lập lên mới được. Minh-trị năm thứ 8, Mộc-hộ Bản-viên bắt đầu xưng lên cái nghị ấy. Chính-phủ nghe lời, 14 tháng 4 bèn lập ra Đại-thâm-viện. Thế là viện này là một viện tối-cao phúc-thâm không phải chịu quyền tư-pháp của Nội-các kiểm-chế nữa. Chức quyền của viện này được xét những án thượng-cáo về dân-sự, hình-sự. Phàm những án xét-xử trái-

phép của các tài-phán-sở, đều do viện này thẩm-vấn. Mồng 4 tháng 5, phế Minh-pháp-liên, đem cả những việc phiên-dịch biên-tập cùng sách vở và học-trò cho trực-thuộc về Tư-pháp-tỉnh. Lại bãi Tư-pháp tài-phán-sở đi mà đặt ra các Thượng-dãng tài-phán-sở ở Đông-kinh, Đại-bản, Trường-kỳ và Phúc-đảo. Phàm những đơn bất-phục cách tài-phán của các phủ huyện tài-phán-sở đều được đến các chỗ đó mà kiện cáo. Xem biểu sau này :

Đại-thẩm-viện.

Thượng-dãng-tài-phán-sở.

Phủ huyện tài-phán-sở.

Khu tài-phán-sở.

Ngày 17 tháng 7, năm 13, lại cải-định lại binh-pháp và trị-tội-pháp và định lại chế-độ các tài-phán-sở, Xem biểu sau này :

a) Cao-dãng pháp-viện (binh sự).

b) Đại-thẩm-viện

{	binh sự : — Trọng-tội-
	tài-phán—Khinh-tội-tài-
	phán — Vi-cảnh-tài-
	phán-sở.
{	dân sự : — Khống-tổ-tài-
	phán-sở — Sơ-thâm-tài-
	phán-sở—Khu-tài-phán-
	sở.

Năm Minh-trị 14, chia toàn-quốc ra làm bảy khu-vực tài-phán. Năm 15 lại đặt riêng ra Cao-dãng pháp-viện để chuyên xét kể bị-cáo về quốc-sự-phạm. Người làm Pháp-viện Trưởng ấy là Ngọc-nãi Thế-lý. Tháng giêng năm 16, bắt đầu xét-xử cái án khởi-loạn của Hà-giã Quảng-trung ở huyện Phúc-đảo. Ít lâu có Sich-tỉnh Cảnh-thiều ở huyện Tân-tả mưu giết các quan to dương-lộ và đánh đổ Chính-phủ đi. Việc tiết-lộ ra, y bị bắt giao về viện này trị tội, rồi thành lệ từ đó.

— Người các nước Âu Mỹ đến ở Nhật-bản, đều có trị-ngoại pháp-quyền để xét xử những dân kiều-cư của nước mình. Phàm việc dân-sự, hình-sự đều

thuộc về tài-phán-sở của tòa Lãnh-sự xét xử. Bởi vậy Nhật-bản cũng viện lệ ấy, ngày 9 tháng 7 năm Minh-trị 16, ban cho quan Lãnh-sự đóng ở nước Nga kiêm chức Phán-sự và những quyền-hạn các tài-phán-sở về trị-an, vi-cảnh tội, sơ-thâm-khinh-tội. Và nói rằng : « Phàm những việc dân-sự tố-tụng của nhân-dân ta; những việc dân-sự tố - tụng của nhân - dân ta với nhân-dân nước ấy giao-thiệp với nhau; những việc công-tổ 公訴 về khinh-tội, vi-cảnh-tội của nhân-dân ta, và những việc tư-tổ 私訴 phạm tội phụ-đời khác, quan Lãnh-sự đều được tài-phán. Duy có việc trọng-tội công - tố thì thuộc về tòa trọng-tội tài-phán-sở ở Khuất-hàm-quán tài-phán. Còn như việc binh-sự tố-tụng và những việc phạm tội phụ-đời mà kẻ nào không phục cách tài-phán của quan Lãnh-sự thì được đến kiện ở khống-tổ tài-phán-sở tại Khuất-hàm-quán ». Năm 17 lại ban cho Lãnh-sự kiêm Phán-sự ở các nơi nước Tàu nước Cao-li những quyền-hạn như trên. Năm 23, mồng 8 tháng 2, theo pháp-luật đệ-lục-hiệu ban-hành những phép tài-phán-sở cấu-thành, định kỳ-hạn thực hành khắp nơi. Thế là chế-độ tài-phán-sở của Nhật-bản hoàn-bị từ đó.

5) Sự thay đổi về hình-pháp. — Về hồi đầu năm Minh-trị luật-pháp đều khiếm-khuyết bất-toàn. Gián-hoặc có điều luật-pháp mới nào thì cũng sáng đặt ra chiều cải lại, người ta không biết đầu mà theo. Còn đại-đề chỉ lấy bản « ước-pháp » của họ Đức-xuyên làm cái khuôn bất-dịch của hình-pháp. Lại cái câu : « dân bất khả sử trị » nó đã thấm-nhập vào lòng người, cho nên trong nước ít người hiểu rằng như thế là lầm. Thực là không hợp với chế-độ đời văn-minh. Tháng 10, Minh-trị nguyên-niên, cải-định lại

hình-luật, phân việc hình ra bốn thứ là « tử 死, lưu 流, đồ 徒, và suy 答. Trong bốn tội ấy mỗi tội chia ba bậc. Lấy khiêu-thủ 梟首 thay cho phân-hình 焚刑, lấy đồ-bình thay cho truy-phóng. Trong tử-hình thì phi phạm tội đại-nghịch không xử đến phép kiệt-hình 磔刑, và phạm tử-hình phải có chỉ dụ chuẩn-y. Sau lại sai Hình-bộ-tĩnh cải lại hình-luật, bắt chước luật-lệ của nhà Minh nhà Thanh mà biên-tập thành sách. Năm thứ 3, sách làm xong ban-hành ra, ấy là bộ « Tân-luật cương-lĩnh », trong có 155 điều. Phân chính-hình ra làm năm thứ là tử, lưu, đồ, trượng, suy. Lại có những thứ nhuận-hình như là cấm-cổ, biên-thủ 邊戍 tự-tại. Nhuận-hình thì chỉ có hạng « sĩ-nhân » phạm tội được kết nghị, còn kẻ « thứ-nhân » thì không. Lại còn những tội quá-ngộ, thất-thố thì được lấy tiền mà chuộc. Sau lại đặt ra phép trừng-dịch (khô sai), cải bỏ cái bộ đồ dùng về tội giảo đi, tội khiêu-thủ thì cho thân-nhân sẽ được lĩnh cái quách sau khi bêu xong rồi đem về chôn.

Tuy nhiên, hình-luật lúc ấy có cải-chính luôn luôn, nhưng vẫn chưa có cái gì bắt chước của Thái-tây. Giang-đăng Tân-bình lên làm Tư-pháp-Khanh mới thấu-thái được nhiều điều luật. Ông mới tham-chước hình-luật của các nước mà định ra 318 điều. Tháng 6 năm Minh-trị thứ 6 ban-hành ra. Đời gọi là cuộc cải-định luật-lệnh. Trong bộ hình-luật này cải khiêu-thủ làm trảm, cải trảm làm giảo 絞 (thắt cổ cho chết) và phế kiệt-hình. Các tội ấy lấy cái ký thi-hành dài hay ngắn để phân-biệt nặng nhẹ. Pháp-quan khi đoán tội có thể chước-lượng tình-trạng mà giảm nhẹ đi.

Tháng 7 năm 13, lại ban-hành hình-pháp và trị-tội pháp. Định thực-hành từ mồng 1 tháng giêng năm 15 trở đi.

Trong hình-pháp chia ra làm bốn quyền có 430 điều. Trị-tội-pháp chia ra làm sáu quyền có 480 điều. Đại-dề hai bộ sách này là bắt chước ở bộ sách Nã-phá-luân (Napoléon) pháp-diễn của nước Pháp mà làm ra. Người soạn là PALINA, bác-sĩ nước Pháp. Từ đây hình-luật với pháp-diễn mới được chỉnh-đốn dần. Song đến như những thứ dân-pháp, thương-pháp và dân-sự-tổ-tụng-pháp còn thiếu thốn nhiều lắm. Lúc làm việc cứ theo lệ cũ và những điều đơn-giản mới để bổ-trợ vào mà thôi.

Minh-trị 18, Sơn-diên Hiền-nghĩa làm Tư-pháp đại-thần, ông cho rằng muốn cải-chính điều-ước với ngoại-quốc, trước phải chấn-chỉnh pháp-diễn mà tu lấy việc nội-trị đã. Bởi vậy ông mới đặt ra một số Pháp-diễn-thủ-điều-cục ở trong Tư-pháp-tĩnh để biên-tập lấy những phép dân-pháp, thương-pháp, tài-phân-số cấu-thành-pháp và dân-sự-tổ-tụng-pháp. Các thứ dân-pháp thì cử PALINA là bác-sĩ nước Pháp làm cố-vấn. Thương-pháp thì cử Lã-ti-liệt là bác-sĩ nước Đức thảo giúp. Còn các pháp-diễn khác cũng ủy cho người Đức người Pháp làm cố-vấn, mà phái ủy-viên người trong nước vào làm việc hằng ngày.

Bấy giờ Ngoại-vụ đại-thần là Tỉnh-thượng-hình muốn cải-chính điều-ước lại với ngoại-quốc, ông muốn cho các pháp-diễn biên-tập chóng xong. Ông bèn đi sở pháp-diễn-thủ-điều-cục ấy đem sang bên Ngoại-vụ-tĩnh của ông để trông coi cho tiện.

Mùa thu năm Minh-trị 20, việc cải-chính điều-ước của Tỉnh-thượng-hình không thành. Đại-ôi Trọng-tín lên kế làm Ngoại-vụ Đại-thần, việc cải-chính điều-ước cũng thất-bại. Từ đó cải-nghi cải-chính điều-ước bèn tạm đình-chỉ.

Kể đó, đệ-nhất-kỷ khai-hội của Ngự-viện sắp tới nơi, Chính-phủ muốn đem

những công-việc từ trước còn làm dở đều làm cho hoàn-thành cả đi. Pên đốc-thúc bọn ủy-viên trong Pháp-điền thủ-điều-cục biên-tập cho xong ngay đi. Vì vậy ngày 8 tháng 2, năm 23, theo số pháp-luật đệ-lục-hiệu ban-hành phép tài-phân-sở cấu-thành-pháp. Ngày 27 tháng 3, theo số pháp-luật đệ-nhị-thập bát-hiệu, ban-hành ra những sách về luật như Dân-pháp trung tài-sản 民法中財産. Một nửa trên bộ Tài-sản thủ-dắc 財産取得, Trái quyền đảm bảo, Chứng-cứ-thư. Lại theo số pháp-luật đệ-nhị-thập cửu-hiệu, ban ra bộ Dân-sự tố-tụng-pháp; số pháp-luật đệ-tam-thập-nhị-hiệu, ban ra bộ Thương-pháp.

Đến tháng 10 thì quyền nhân-sự-biên ở trong bộ Dân pháp, và một nửa dưới bộ Tài-sản-thủ-dắc cũng đều hoàn-thành, bèn đem ban-hành ra. Lại cải-chính lại phép trị-tội, ban-bố ra tám quyền Hình-sự-tố-tụng-pháp cộng 334 điều. Từ đó bao nhiêu pháp-luật về dân-pháp, hình-pháp về hai phép tố-tụng dân với hình, về hình-pháp và về phép kết-cấu các tài-phân-sở ở Nhật-bản mới thực là hoàn-toàn mỹ bị.

6) Nhà pháp-luật học-hiệu và người đại-ngôn-nhân. — Ngày xưa người ta khinh-bĩ những kẻ hay can-thiệp vào việc kiện-cáo của kẻ khác, người ta không thêm thân-cán với họ mà gọi họ là thầy-kiện. Cũng chỉ vì những kẻ làm thầy-kiện ấy đại-suất là bọn du-côn vô-lại, chỉ nhờ cái mồm mép lém lầu, xui nguyên giục bị, để người ta kiện cáo nhau mà mình kiếm lợi vào trong đó. Như thế nếu mà đem cả việc kiện việc bình phó mặc cho họ, thì sự xét-xử sẽ bị họ làm hại không biết đến đâu. Còn bảo-toàn quyền-lợi cho hai bên nguyên bị làm sao được. Giang-đăng Tân-bình mới vào các làm Tư-pháp Khanh thì ông lưu-ý ngay việc ấy. Ông bèn đặt ra chức-phận của Đại-ngôn-nhân, hạn cho người nào phải có

một cái học-thức nhất định như thế mới được làm nghề nghiệp ấy, để cho cái vị-trí của đại-ngôn-nhân cao lên; ở trong Minh-pháp-liêu thì ông nuôi học trò cho học pháp-luật.

Tháng 7 Minh-trị thứ 5, mượn một người nước Pháp làm thầy giáo-tập. Đem pháp-luật đặt riêng ra làm một khoz-học mới từ bấy giờ.

Tháng 3 năm thứ 7, Tư-pháp-tỉnh lại đón mấy vị Bác-sĩ người Pháp về dạy khoa pháp-luật chuyên-môn. Năm thứ 8, đặt Đại-thẩm-viện, cải lại phép tài-phân-sở cấu-thành-pháp, để mở rộng quyền tư-pháp ra.

Ngày 20 tháng 2, năm thứ 9, đặt ra qui-tắc cho Đại-ngôn-nhân mà tuyển dùng một cách rất nghiêm. Mồng 5 tháng 3, xây nhà Pháp-luật học-hiệu ở trong khu Tư-pháp-tỉnh. Lại xây nhà học-hiệu dạy chuyên-môn khoa pháp-luật-học của nước Pháp. Phát chương-trình ra để chiêu học trò vào học.

Sau lại cho cách làm như trên là chậm lăm, không đủ người để dùng làm Tư-pháp-quan và Đại-ngôn-nhân đang cần đến. Vì vậy tháng 4 năm ấy, chiêu được 41 người học-trò đến để khảo-lập lấy hai việc dân-sự, hình-sự làm đề-mục, cho họ được lấy nghĩa luật mà trả lời, để họ được nghiên-cứu về pháp-lý và học tập về công việc tài-phân, bèn gọi là trường Viên-ngoại xuất-sĩ, học hai năm thì tốt-nghiep.

Tháng 9 lại chiêu hơn trăm học-trò pháp-luật học, cử người Pháp là Ti-tả-thiều-mặc-lị làm Chương-giáo, cử những người cũ làm Trợ-giáo để giáo-tập.

Tháng 7 năm 10, lại chiêu 90 người học trò vào để cho học-tập cách làm việc tài-phân, cử người Pháp người Mĩ làm giáo-tập dạy về pháp-luật, gọi là trường « Xuất-sĩ sinh-dồ ». Cũng hai năm thì tốt-nghiep. Nhân vì pháp-điền Nhật-bản chọn lấy của nước Pháp nhiều, nên bấy giờ cũng dùng nhiều

người Pháp làm thầy giáo dạy pháp-luật.

Từ đầu năm Minh-trị, trong trường Đại-học ở Đông-kinh thuộc Văn bộ-tỉnh quản-đốc, có một lớp pháp-luật-học dạy về pháp-luật nước Anh. Đến tháng bảy năm 11 mới được 6 người tốt-nghiệp, được tặng cho cái huy-hiệu là «pháp-học học-sĩ». Tháng 5 năm 12, lập chương trình mới: hễ ai tốt-nghiệp trường Đại-học có văn-bằng, thì được đem văn-bằng trình Chính-phủ mà làm nghề Đại-ngôn-nhân. Tháng 9 năm ấy, lại có 47 người tốt-nghiệp trường Xuất-sĩ sinh-dồ. Tháng 11 đón Tả-trị-a-bí là bác-sĩ nước Pháp làm giáo-tập. Tháng 9 năm 18 đem trường Pháp-luật học-hiệu của Tư-pháp-tỉnh hợp với lớp pháp-luật-học trong trường Đế-quốc Đại-học làm một khoa-học về pháp-luật nước Pháp.

Từ trước, người làm Đại-ngôn-nhân, trừ hạng đã được tốt-nghiệp ở trường Pháp-luật học-hiệu của Tư-pháp-tỉnh hay là trường Đại-học của Đế-quốc ra, thì phải đến Đông-kinh mà thi. Mỗi năm có hai kỳ thi, do Tư-pháp-tỉnh ra đầu bài rồi gửi về cho các quan Địa-phương kiểm sự ở các nơi thì lấy quyền trúng-cách gửi về bản-tỉnh. Tháng 11 cho 25 tên học-trò ở Minh-pháp-liêu cũ đều được gọi là Pháp-luật học-sĩ.

Lại trước có gửi 10 người học trò đi lưu-học ở ngoại-quốc để học pháp-luật. Thì mất hai người bị bệnh chết. Nay còn được hai người đỗ bác-sĩ về pháp-luật, năm người đỗ học-sĩ về pháp-luật, một người thi đỗ tốt-nghiệp, đều trở về, dùng làm Tài-phán-quan cả.

Năm 18 định qui-tắc để thi lấy chức Phán-sự, từ đó cứ mỗi năm thi một lần. Từ trước dân-gian đã có lập ra những trường tư như: Minh-trị pháp-luật học-hiệu, Chuyên-tu học-hiệu,

Đông-kinh chuyên-môn học-hiệu. Đến bảy giờ lại mở thêm những trường tư nữa như: Anh-cát-lị pháp-luật học-hiệu, Hòa-Phật (Nhật Pháp) pháp-luật học-hiệu, Nhật-bản pháp-luật học-hiệu, Quan-tây pháp-luật học-hiệu. Trường nào cũng có đến vài trăm học trò, chuyên về việc giảng-câu pháp-luật. Ở kể cũng đã thịnh-vượng thay.

Tháng 8 năm 19, đặt qui-tắc về việc đăng-ký và người công-chứng-nhân. Hẹn từ tháng 4 năm 20 thì thực-hành những qui-tắc ấy. Vì thế lại càng cần dùng đến những người tinh-thông về pháp-luật. Nhân vậy thang giêng năm 20, những tài-phán-sở nào mà không ở trong hạt Tư-pháp-tỉnh và không ở thành-phố Đông-kinh thì được mở khố thi lấy người làm phán-sự, kiểm-sự và thư-ký. Thi-sinh trúng-cách thì phải hạch lại một kỳ khâu-đáp bằng cách rút thăm.

Từ hồi này về sau, trong trường Đại-học, ban pháp-luật chia ra ba khoa là Anh, Đức và Pháp. Số Pháp-học học-sĩ mỗi năm tốt-nghiệp vài chục người. Ngoài ra lại còn số học trò phải đi học về pháp-luật ở ngoại-quốc càng nhiều, mà số pháp-luật học-sinh ở các trường tư trong nước cũng hàng từng nghìn một.

Nhân-tài đã nhiều, không lo gì thiếu người dùng nữa. Cho nên đến bảy giờ những người làm phán-sự, kiểm-sự, thư-ký, đại-ngôn-nhân, công-chứng-nhân, đều phải có một cái học về pháp-luật đã nhất-định, hoặc tốt-nghiệp ở trường Nhà-nước mà có lĩnh được văn-bằng, hoặc đi thi mà được đỗ, thì mới được nhận chức. Đó là để cho công việc của tư-pháp-quyền được càng tôn-trọng.

Về quan-chế của tài-phán-quan thì phân ra những bậc như: quan Đại-thẩm viện-trưởng, quan Khống-tổ viện-trưởng, quan Đại-thẩm-viện-phán-sự,

quan Địa-phương tài-phân-sở-trưởng, quan Khổng-tổ-viện phán-sự, quan Khu-tài-phân-sở-trưởng, quan Địa-phương tài-phân-sở phán-sự, Khu tài-phân-sở phán-sự, Phán-sự thí-bồ.

Quan về ngạch kiểm-sát thi phân ra có quan Đại-thẩm-viện kiểm-sự tổng-trưởng, quan Khổng-tổ-viện kiểm-sự trưởng, quan Đại-thẩm-viện kiểm-sự, quan Địa-phương tài-phân-sở kiểm-sự, quan Kiểm-sự địa-phương tài-phân-sở và khu-tài-phân-sở, Kiểm-sự thí-bồ.

Ngạch Đại-ngôn-nhân thi sau đời ra gọi là Hộ-biện-sĩ (tức là trạng-sư).

Nhiều người đã làm tài-phân-quan do Sắc-nhiệm hoặc đã làm nghị-viên ở Thượng, Hạ nghị-viện mà cũng làm nghề này. Đến bây giờ thì cái người mà ngày xưa người ta khinh-bĩ gọi là thầy cô thầy kiện không thêm nói đến, nay phân-thành ra hạng người thượng-lưu nhân-vật, ai cũng kính-trọng. Sự đời mỗi lúc một khác, thường như thế đó.

Coi đó thì biết chế-độ tư-pháp của Nhật-bản đến đây thực đã tiến-hóa được một quãng rất dài.

ĐỖ-NAM

LUẬN-NGŨ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

論語國文解釋

X

XV

其不其不子
政謀位。在曰。

Dịch-âm.— Tử viết: « Bất tại kỳ vị, bất mưu kỳ chính ».

Dịch-NGHĨA.— Đức Khổng nói rằng: « Chẳng ở cái chức-vị ấy thì chẳng mưu-toan cái chính-sự ấy ».

Chú-giải.— Vị = Ngồi, trở ngôi quan Công Khanh Đại-phu. Mưu = Mưu-toan, có ý xâm-lấn. Chính = Chính-sự, việc quan.

Đây là răn những kẻ hay viết chức-vị mình mà xâm-lấn quyền-vị người, thì không nên; còn như người đem chính-sự đến hỏi thì vẫn sẵn lòng trung-cáo.

XVI

耳乎洋之關之師子
哉。登洋亂。雖始。攀曰。

Dịch-âm.— Tử viết: « Sư Chi chi

thủy, Quan-thư chi loạn, dương-dương hồ doanh nhĩ tại ! ».

Dịch-NGHĨA.— Đức Khổng nói rằng: « Khi quan Nhạc-sư Chi mới giữ chức nhạc-quan, hát đến cuối chương nhạc là thơ Quan-thư, thịnh tốt thay! vui tại biết chừng nào! »

Chú-giải.— Sư Chi = Chức Nhạc-sư nước Lỗ tên là Chi. Quan-thư = Tên một thiên đầu thơ Phong trong kinh Thi. Loạn = Cuối, chương cuối khúc nhạc, là lúc hát đến về sau. Dương-dương = Đầy đầy, vui-ve, thịnh-tốt. Doanh = Đầy, vui.

Đây là đức Khổng truy-thuật lại khi ngài từ nước Vệ về nước Lỗ đề chính lại kinh Nhạc mà chợt gặp hỏi quan Sư-Chi giữ chức Nhạc-quan, thì nhạc-ca rất là thịnh-mĩ. Có ý than tiếc cho hỏi thịnh khi xưa mà nay không được như thế vậy.

XVII

之吾而愿。偶而子
矣。不不恠。而不曰。
知信。恠不直。狂

Dịch âm.— Tử viết : « Cuồng nhi bất trực, đồng nhi bất nguyên, không nhi bất tín, ngộ bất tri chi hi ».

DỊCH-NGHĨA.— Đức Khổng nói rằng : « Ngông-cuồng mà chẳng giữ được tính suất-trực; ngầy-ngốc mà chẳng giữ được tính cần-hậu; vụng-dại mà chẳng giữ được đức tín-thực; ta chẳng biết hạng người ấy là hạng gì vậy ».

Chú-giải.— Đồng = Ngầy-ngốc không biết gì. Nguyên = Cần-hậu, không phù-bạc. Không không = Vụng-dại không có tài-năng gì,

Đây là nói người ta mà có cái bệnh ngông-cuồng, ngầy-ngốc, vụng-dại, là bởi tại ba hạng người ấy khi-chất quá ư thiên-lệch. Tuy rằng những người có ba cái bệnh như trên lại hay có cái đức suất-trực, cần-nguyên, tín-thực, thì cũng còn là hạng người khá. Nếu vì tập-nhiễm xấu mà mất cả cái đức-tính tốt ấy đi, thì không gọi là hạng người gì được nữa. Đó là ngại răn người ta nên bỏ cái thói trá-ngụy mà trở lại cái đức chân-chính.

XVIII

失猶不學子
之。恐反。如曰。

Dịch-âm.— Tử viết : « Học như bất cập, do khùng thất chi ».

DỊCH-NGHĨA.— Đức Khổng nói rằng : « Dụng công theo học lúc nào cũng hình như chẳng kịp, mà trong tâm vẫn còn sợ là mất ».

Chú-giải.— Đây là khuyên người theo cầu đạo học, phải nên cố công cùng sức, dụng-tâm mà cầu cho tấn-tới.

XIX

與而下有禹乎。巍子
焉。不也。天之舜巍曰。

Dịch-âm.— Tử viết : « Ngụy-ngụy hồ, Thuấn, Vũ chi hữu thiên-hạ dã, nhi bất dự yên ».

DỊCH-NGHĨA.— Đức Khổng nói rằng : « Rộng lớn thay cái tâm vua Thuấn vua Vũ làm vua có cả thiên-hạ, mà vẫn điềm-nhiên dường như chẳng can dự gì vậy ».

Chú-giải.— Thuấn, Vũ = Hai vua đều là người bình-dân mà nhất-dân được truyền ngôi làm vua phú-quí có cả thiên-hạ. Bất-dự = Chẳng dự vào, không quan-hệ, nói chẳng lấy sự làm vua có thiên-hạ làm vui sướng.

Đây là nói cái tâm-thể của bậc thánh-nhân rộng lớn, không coi sự sùng-cao phú-quí vào đâu.

XX

有 功 巍 能 蕩 大。巍 之 子
文 也。乎。名 蕩 唯 乎。爲 曰
章。煥 其 焉。乎。唯 君 大
其 成 巍 無 之。爲 巍 哉

Dịch âm.— Tử viết : « Đại tai Nghiêu chi vi quán dã ! Ngụy-ngụy hồ, duy thiên vi đại, duy Nghiêu tắc chi ; đẳng-dăng hồ, dân vô năng danh yên.

Ngụy-ngụy hồ kỳ hữu thành công dã, hoán hồ kỳ hữu văn chương ».

DỊCH-NGHĨA.— Đức Khổng nói rằng : « Thịnh lớn thay vua Nghiêu làm vua, lòng lấy cao rộng lắm thay ! chỉ Trời là lớn hơn cả, chỉ đức vua Nghiêu là bằng trời ; đức vua Nghiêu xa rộng lắm thay ! dân không thể gọi tên ra mà khen được.

« Rộng lớn thay vua Nghiêu có công-nghiệp đã cáo-thành ! Rõ rệt thay vua Nghiêu có văn-chương đã bày ra pháp-độ lễ-nhạc ! »

Chú-giải.— Ngụy-ngụy = Lớn cao rộng lắm. Tắc = Chuẩn-chắc, nghĩa là bằng nhau. Vô-năng-danh = Không thể lấy lời nói hình-dung ra mà khen được. Thành-công = Đã thành được công-nghiệp thịnh-trị. Văn-chương = Là trở về phần pháp-chính, như là chế-lác ra lễ-nhạc pháp-độ văn-minh.

Đây là tán khen cái đức vua Nghiêu rất lớn, so bằng trời, không thể biết đâu mà khen được. Duy có thấy những công-nghiệp văn-chương đó, thì ai cũng biết là nguy-nga rực-rỡ.

XXI

舜有臣五人而天下治。武王曰：子有亂臣十人。孔子曰：才難，不其然乎？唐虞之際，於斯爲盛，有婦人焉，九人而已。三分天下有其二，以服事殷。周之德，其可謂至德也已矣。

Dịch-âm.— Thuần hửu thần ngũ
nhân, nhi thiên-hạ trị.

Vũ-vương viết : « Dư hữu loạn thần
thấp nhân ».

Không-lữ viết: « Tài nan, bất kỳ
nhiên hồ. Đường Ngu chi tử, ư tư vì
thịnh; hữu phụ-nhân yên, cửu nhân
nhi dĩ.

« Tam phần thiên-hạ hữu kỳ nhị, dĩ phục sự Ân, Châu chi đức, kỳ khả vị chi đức dã dĩ hĩ ».

DỊCH-NGHĨA.— Vua Thuấn có bảy-tôi
năm người mà thiên-hạ thịnh-trị.

Vua Vũ-vương nói rằng: «Ta có bảy
!ôi giúp trị mười người».

Đức-Không nói rằng : « Cờ-ngũ rằng :
« Nhân-tài hiếm lắm ! » Lời ấy chẳng
phải đầy ư ? Cái khoảng nhà Đường
giao-tiếp với nhà Ngu, nhân-tài vì với
nhà Châu là thịnh hơn, còn thì không
đời nào kịp nhà Châu cả. Nhưng trong
số mười người nhân-tài đó có một
người đàn bà, thì ra chỉ có chín người
mà thôi, ấy nhân-tài hiếm có là thế.

«Kề vè đức vua Văn-vương, ba phần thiên-hạ có đến hai phần qui-phục, thế mà lại đem cả hai phần ấy để phục thờ nhà Ân, cái đức vua Văn nhà Châu khá rằng cái đức rất bạc vậy».

Chú-giải. — Thần ngũ-nhân = Bảy tôi
năm người, là ông Vũ 禹, ông Tắc 稷,
ông Tiết 契, ông Cao-Dao 皋陶, Ông Bá

ích 伯益. Loạn thần thập-nhân = Chữ loạn 亂 nên xem là chữ trị 治 ; nghĩa là bày tôi giúp được thịnh-trị có mười người là : ông Châu-công Đán 周公旦, Thiệu-công Thích 召公奭, Thái-công Vọng 太公望, Tất-công 畢公, Vinh-công 榮公, Thái-Điện 太顓, Hoành Yếu 閼天, Tản Nghi-Sinh 散宜生, Nam-Cung Quát 南宮适 và bà Ấp-Khương 邑姜. Bà Ấp-Khương sửa trị việc trong, chín người sửa trị việc ngoài. 7ế = Giao-hội tiếp-tế, cái khoảng nhà Đường giao-tiếp truyền đến nhà Ngụ. Tư = Ấy, là trở về đời nhà Châu. U-tư = Vì với đời ấy.

Đây là tán khen nhà Châu nhân-tài
cực-thỉnh khá vi bằng đời Đường Ngu;
lại luận đến đức vua Châu-Văn cũng rất
bậc, khá nổi được cái phong ấp-nhượng
như đời Đường đời Ngu vậy.

XVII

子曰禹吾無
聞然矣。非飲
食而致孝乎
鬼神。惡衣服
而致美乎體
冕。卑宮室而
盡力乎溝洫。
禹吾無聞然
矣。

Dịch-âm.— Tử viết : « Vũ, ngô vô
gián nhiên hĩ! Phỉ ẩm-thực, nhi chí
hiếu hồ quỷ-thần, ác y-phục nhi chí mĩ
hồ phát-miền, ti cung thất nhi tận lực
hồ cấu hức. Vũ, ngô vô gián nhiên hĩ! »

DỊCH-NGHĨA.— Đức Khổng nói rằng :
« Vua Vũ, ta không xen vào đâu mà chê
được nữa. Bạc về sự ăn uống thường,
mà rất hậu về sự tế quỷ thần; xấu về
đồ áo mặc thường, mà rất đẹp về đồ
phất miện; thấp nhà cửa của mình ở,
mà hết sức chăm về việc ngôi lạch cho
dân. Vua Vũ, ta không xen vào đâu mà
chê được vậy ».

Chú-giải. — *Gián* = Khe hở. *Vô-gián* = Không khe hở chỗ nào mà chế được nữa. *Phi* = Xấu, bạc. *Ác* = Xấu, không văn-hóa. *Phất-miền* = *Phất* là cái đồ làm bằng da để che đùi gối; *miền* là cái mũ, đều

là những đồ tế-phục. *Câu-hức* = Ngồi lạch, chỗ đường chứa nước ở ruộng để phòng-bị khi thủy-hạn.

Đây là kể ra những việc vua Vũ đối với việc thần việc dân, thì xử rất phong-hậu, mà đối với mình thì xử rất kiệm-bạc, nên phong nên kiệm đều hợp-ngiht cả, dễ rõ ra cái đức vua Vũ là thuần-túy.

THIÊN TỬ-HÂN THỨ CHÍN

子罕第九

(Gồm 30 chương)

凡三十章

I

與與言子
仁命利罕

Dịch-âm. — *Tử hân ngôn lợi dĩ mệnh dĩ nhân.*

Dịch-NGHĨA. — Đức Khổng ít nói điều lợi và điều mệnh với điều nhân.

Chú-giải. — *Hân-ngôn* = Ít nói, không phải là tuyệt-nhiên không nói, cũng không phải là thường nói. *Lợi* = Không những là tài-lợi; phạm trái với điều nghĩa như những việc doanh-mưu tư-tú, có hại đến nghĩa. *Mệnh* = Gồm cả phần lý với khí tự trời phú-bẩm cho người, cái lẽ tinh-vi khó hiểu. *Nhân* = Cái đức hoàn-toàn của bản-tâm, gồm cả muôn điều thiện, đạo nhân rất là rộng lớn.

Nói đến lợi luôn thì sợ lòng người say đắm; cái lẽ về mệnh thì tinh-vi, cái đạo của nhân thì rộng lớn, chưa dễ mấy người đã biết được, nên ngài ít nói đến, đó là thánh-nhân cần về phép dạy người.

II

執乎吾謂名學大達
御矣。執射乎。御曰。子聞之。成博。曰。

Dịch-âm. — *Đạt-hạng đẳng nhân viết: «Đạt tại Khổng-tử, bác học nhi vô sở thành danh».*

Tử văn chi, vị môn đệ-tử viết: «Ngô hà chấp? Chấp ngự hồ? Chấp xạ hồ? Ngô chấp ngự hĩ».

Dịch-NGHĨA. — Người làng Đạt hạng nói rằng: «Lớn thay thầy Khổng, là người học rộng, mà tiếc thay không thành danh là một nghệ gì».

Đức Khổng nghe lời ấy, bảo với kẻ đệ-tử trong môn-dồ rằng: «Ta sẽ chuyên giữ về một nghệ gì để cho thành danh được? Chuyên giữ nghề ngự xe đấy chẳng? Chuyên giữ nghề bắn đấy chẳng? Ta chuyên giữ nghề ngự xe vậy».

Chú-giải. — *Vô sở thành danh* = Không có một nghệ gì nổi tiếng; ý là tiếc cho chỉ bác-học suông mà thôi. *Chấp* = Chuyên giữ.

Đây là đức Khổng thấy người khen mình mà tự mình thừa-nhận một cách khiêm-nhún, nói rằng dễ phải chuyên giữ lấy một nghệ cho nổi danh tiếng chẳng. Nhưng không biết rằng đáng thánh-nhân đạo-toàn đức-bị, không phải chỉ thiên-trường về một nghệ để cầu cho thành-danh được.

III

從雖乎禮衆純禮子
下達上也也儉也曰
衆泰今拜吾今麻
吾也拜下從也冕

Dịch-âm. — *Tử viết: «Ma-miền lễ dã, kim dã thuần, kiệm; ngô tòng chúng. «Bái hạ, lễ dã; kim bái hồ thượng, thái dã; tuy vi chúng, ngô tòng hạ».*

Dịch-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: «Mũ miện làm bằng sợi gai đen là cổ-lễ vậy, nay làm bằng tơ, tinh-giản hơn, ta theo kẻ chúng».

«Bề tôi lạy vua ở dưới thêm là cổ-lễ vậy, nay lạy ở trên thêm là kiêu-mạn».

dầu trái kẻ chúng, ta cứ theo lẽ lay dưới thêm ».

Chú-giải. — Ma-miên = Mũ đội dầu làm bằng sợi gai dệt thành vải nhuộm đen, rồi tết thành mũ rất tinh-tế. *Thuần* = Tơ, mũ bằng tơ thì giản công. *Kiệm* = Tinh-giảm, không tổn công. *Thái* = Kiêu-mạn khinh nhờn.

Đây là nói về cái đạo người quân-tử ở đời, những điều không hại gì đến nghĩa thì theo tục, những điều hại nghĩa thì không nên theo.

IV

我。固。必。意。四。子
毋。毋。毋。毋。絕

Dịch âm. — *Tử tuyệt tử* : vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã.

Dịch-Nghĩa. — Đức Khổng trong tâm tuyệt hẳn bốn điều : Không ý riêng ; không kỳ-hắn ; không chấp-nệ ; không tự-kỳ.

Chú-giải. — *Vô 毋* = Chớ, là lời răn cấm. Nhưng sách *Sử-ký* chép là chữ 無 này, nghĩa là không. *Ý* = Tự-ý. Trong tâm hồn-nhiên thiên-lý, thì không có ý riêng gì cả. *Tất* = Kỳ tất hẳn như thế. Trong tâm cứ tùy việc thuận lẽ mà làm, không cứ tất hẳn như thế. *Cố* = Cố-chấp, câu-nệ. Qua việc thì thôi trong tâm không có chấp-nệ. *Ngã* = Tự-kỳ, riêng phần mình. Công-tâm hòa-đồng đối với muôn vật, thì không nghĩ đến phần riêng mình.

Đây là nói cái tâm-thể của thánh-nhân, hồn-nhiên thiên-lý, bản-thể không-hư, không có hệ-lụy về vật-dục, nên mới hay tuyệt hẳn bốn điều lụy ; trước khi làm việc gì không có ý riêng ; kỳ-tất hẳn ; sau khi đã làm việc gì không có cố-chấp, tự-kỳ.

V

其如予何。喪斯文也。匡人其如予何。死。將。在。文。子。畏。於。匡。曰。其如予何。喪斯文也。匡人其如予何。死。將。在。文。子。畏。於。匡。曰。

Dịch-âm. — *Tử úc ư Khuông.*

Viết : « Văn-vương kỳ một, văn bất tại tư hồ.

« *Thiên chi tượng tàng tư văn dã, hậu tử giả bất đắc dự ư tư văn dã ; thiên chi vị tàng tư văn dã, Khuông nhân kỳ như ư hà ».*

Dịch-Nghĩa. — Đức Khổng phải giới-tâm ở đất Khuông. Đức Khổng nói rằng : « *Tư-văn đạo-thống ở mình Văn-vương ; nay Văn-vương đã mất, thì văn chẳng ở mình Khuru này ư ?*

« *Trời kia nếu muốn làm mất tư-văn, thì kẻ chết sau này chẳng được dự vào hàng tư-văn ; trời kia mà chưa làm mất tư-văn, thì người đất Khuông làm gì được ta ».*

Chú-giải. — *Úc* = Sợ, sờn lòng, gặp việc nguy-hiêm mà phải sờn lòng cảnh-bị. *Khuông* = Tên đất, người Dương Hồ từng tàn-bạo đất Khuông, người đất Khuông muốn báo thù, đức Khổng diện-mạo giống Dương Hồ, nhân di qua đó, người đất Khuông tưởng lầm mới bỏ vây lại. *Văn* = Đạo mà rõ-rệt ra là văn, như lễ, nhạc, chế-độ, v. v. ; chẳng nói là đạo mà nói là văn, cũng là lời đức Khổng tự-khiêm. *Tư 茲* = Là ấy, tức là tự trở về mình. *Tư-văn 斯文* = Văn ấy, tức là mối đạo-thống ở tư-văn. *Hậu-tử-giả* = Kẻ chết sau, tức là trở vào Khổng-tử.

Đây là đức Khổng tin về ý trời, mà đem sự còn mất của tư-văn để quyết cho sự sống chết của thân mình. Đó là ngài lấy đạo-thống tư-văn tự-nhiệm, mà tin chắc ở trời.

VI

不試故藝。多也。鄙事。乎。子。之。也。子。太。不試故藝。多也。鄙事。乎。子。之。也。子。太。不試故藝。多也。鄙事。乎。子。之。也。子。太。

Dịch-âm. — Thái-tề vấn ư Tử-Cống viết : « Phu-tử thánh giả dư, hà kỳ đa năng dã ? »

Tử-Cống viết : « Cổ thiên tưng chi, tương thánh, hựu đa năng dã ».

Tử văn chỉ, viết : « Thái-tề tri ngã hồ, ngô thiếu dã tiện; cổ đa năng bì sự, quân-tử đa hồ tại, bất đa dã ».

Lao viết : « Tử văn : « Ngô bất thí, cổ nghệ ».

DỊCH-NGHĨA. — Quan Thái-tề hỏi thầy Tử-Cống rằng : « Không Phu-tử là thánh đấy dư, sao nhiều tài thế vậy ? ».

Tử-Cống đáp rằng : « Phu-tử tôi vốn trời sinh ra sắp là thánh, lại thêm nhiều tài vậy ».

Đức Khổng nghe lời vấn-đáp ấy mà nói rằng : « Quan Thái-tề chừng biết ta chẳng, bởi ta lúc bé bần-tiện, thường tập quen các nghề, cho nên nhiều tài về những sự tầm-thường đấy thôi ; người quân-tử học đạo có quý ở nhiều tài đấy ru, chẳng quý ở nhiều tài vậy ».

Lao nói rằng : « Thầy ta từng nói : « Ta chẳng được dùng ra với đời, cho nên học mãi mà thành nhiều nghề ».

Chú-giải. — Thái-tề = Tên quan nước Tống, hoặc nước Ngô. Tưng = Cũng như chữ 肆, nghĩa là phóng ra, trời phóng-tung mà sinh ra, là ý không hạn-lượng gì cả. Tương = Gần sắp, dễ hầu như thế, là lời nói khiêm mà chưa dám chắc là biết rõ. Hựu = Lại thêm, là ý cho sự nhiều tài là sự thừa của thánh-nhân. Lao = Tên tự là Tử-Khai 子開, họ là Cầm 琴, học-trò đức Khổng. Thí = Dùng, ra làm việc đời.

Toàn chương này ý là nói sự học-vấn của thánh-hiền không quý ở nhiều tài. Bậc thánh thì gồm cả tài với đức, mà thông-hiền cả mọi lẽ. Đa-năng cũng chưa phải là tài, chớ đường vội kinh-dị đa-năng là thánh vậy.

VII

端我空夫知知予
而叩空空問也乎曰
錫其如於有哉吾
焉兩也我鄙無有

Dịch-âm. — Tử viết : « Ngô hữu tri hồ tại, vô tri dã ; hữu bì-phu vấn ư ngã, không không như dã, ngã khấu kỳ lưỡng đoan nhi kiệt yển ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Ta có biết gì đâu, không biết gì vậy ; song có kẻ bì-phu hỏi ta, kẻ kia dẫu rộng-không ngu đấy, ta cũng gọi cả hai đầu mỗi mà dạy bảo cho hết vậy ».

Chú-giải. — Tri = Biết, hiểu-thấu mọi lẽ sự vật. Bì-phu = Kẻ quê dăn-dộn. Không không = Rộng không, ngu chẳng biết gì. Khấu = Gõ, gọt ra, làm cho phát-động. Lưỡng-đoan = Hai đầu, là nói thùy với chung, bản với mặt, thượng với hạ, linh với thô.

Đây là thánh-nhân chẳng tự cho mình là biết, mà hết lòng cúi xuống để dạy người, không kỳ là kẻ ngu cũng bảo cho hết.

VIII

矣吾出河不鳳子
乎已圖不至鳥曰

Dịch-âm. — Tử viết : « Phượng điều bất chi, hà bất xuất đồ, ngô dĩ hi hồ ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Chim phượng chẳng thấy đến, Hà-đồ chẳng hiện ra, đạo ta thôi vậy ời ! ».

Chú-giải. — Phượng-diều = Thứ chim linh-dị, đời vua Thuấn nhà Ngu, vua Văn nhà Châu, chim Phượng có xuất-hiện ra. Hà-đồ = Con long-mã phụ đồ xuất-hiện ra ở sông Hà về đời vua Phục-Hy. Phượng-diều với Hà-đồ, đều là cái điềm văn-minh đời cổ có thánh-vương xuất-hiện.

Đây là lời than đời không thánh-thụy, thì là đời không thánh-vương ; đời

không thánh-vương thì đạo ngài có lẽ đến ngày cùng, cho nên ngài phát ra lời cảm-thán.

IX

越過少見與衣衰子
之必之替我者見
一必作雖者者竟齊

Dịch-âm. — *Tử kiến tư thối giả, miện y thường giả, dữ cô giả; kiến chi tuy thiếu tất tặc, quá chi tất su.*

Dịch-NGHĨA. — Đức Khổng gặp thấy người mặc áo tư-thối, người đội mũ miện vận đồ y-thường, và người mù lòa; thấy những người ấy tuy mình đương ngồi tất đứng dậy, qua trước mặt những người ấy tất đảo bước.

Chú-giải. — *Tư-thối* = Đồ mặc tang-trở. *Miện y thường* = Miện = Mũ Miện. *Y* = Áo, *thường* = xiêm, đồ mặc của hạng người qui-hiền. *Cô* = Lòa. *Thiếu* = Nền giảng là chữ tọa 坐 nghĩa là ngồi.

Đây là tỏ ra cái tâm thánh-nhân văn sẵn lòng thương kẻ có tang, tôn-quí kẻ có phẩm-tước, và thương kẻ tàn-tật..

X

從有所不能約善後瞻之顏
之末立能既我以誘人夫子之淵淵
由卓爾吾才欲罷博我循然之萬
也爾吾才欲罷博我循然之萬然歎
已雖欲知罷然以文之彌堅仰

Dịch-âm. — *Nhan - Uyên vị-nhiên thân viết: « Ngưỡng chi đi cao, toàn chi đi kiên, chiêm chi tại liễn, hốt-yên tại hậu.*

Phu-tử tuần-tuần-nhiên thiện dụ nhân, bác ngã dĩ văn, ước ngã dĩ lễ.

Dục bất bất năng, kỳ kiệt ngô-tài, như hữu sở lập trắc-nhĩ, tuy dục tưng chí, mật do dã dĩ.

Dịch-NGHĨA. — Nhan-Uyên ngậm-ngùi than rằng: « Cái đạo của Phu-tử ta

trông lên lại càng cao, cúi vào lại càng bền, xem ra ở đằng trước, chợt vậy ở đằng sau.

Phu-tử ta dần dần khéo dẫn-tiến người, rộng bảo cho ta lấy văn, thu-ước cho ta lấy lễ.

Ta học đạo Phu-tử thật là muốn thôi chẳng được, đã hết cả sức ta, hình như trông thấy đường sống ở trước ta, ta dấu muốn theo cho kịp mà không bởi đâu theo được vậy.

Chú-giải. — *Ngưỡng* = Ngửa trông lên, ý muốn theo cho kịp. *Di-cao* = Càng cao, là nói chẳng thể kịp được. *Toàn* = Dúi, là ý nghiên xét cho thấu. *Di kiên* = Càng bền, là nói chẳng thể thấu vào được. *Tại tiền tại hậu* = Ở trước ở sau, là nói hoàng-hốt mông-lung chẳng thể ấn định ở hình-tượng được. Bốn câu trên này đều là thần-tán đạo của Khổng phu-tử rất là cao-diệu, vô cùng-tận, vô phương-thê, không biết đâu mà lường được. *Tuần tuần* = Dẫn dần có thứ-tự. *Dụ* = Dạy bảo dẫn-tiến. *Văn* = Những nghĩa-lý của sự-vật là phần đạo bày tỏ ra đó gọi là văn. *Lễ* = Những phép-tắc của tâm-tính là phần đạo thông-hội ở đó, gọi là lễ. *Sở-lập trắc-nhĩ* = Hình như đứng sững cao vót. *Mật-do* = Chẳng bởi đâu.

Chương này là thầy Nhan trước tán-khen đạo của Khổng phu-tử rất là cao-diệu. Tiết thứ hai là nói nhờ được ngài dạy bảo khôn-khé có thứ-tự, trước rộng bảo cho ta lấy những điều tri-tri cách-vậ, sau ước lại cho ta lấy những việc khắc-kỷ phục-lễ, nên mới hay cò-vũ học theo, muốn thôi không được; đến khi sức-mình đã kiệt, thì hình như trông thấy đạo ở trước mắt, mà vẫn không theo kịp, đề càng rõ ràng: đạo Khổng phu-tử rất là cao-diệu. Đó là khi Nhan-tử học đã có sở-đắc, mà thuật lại khi nhập-đạo là khó. may nhờ về thiện-giáo mà học được đến nơi, chỉ còn chữa hồn-hóa mà thôi vậy.

nhân thác ra điều muốn lánh ra ở chín rợ. Hoặc có kẻ chẳng hiểu ý nói thác, mà nói rằng: « Cái tục rợ mọi nó bí-lậu, ở thế nào được ». Đức Khổng nói rằng: « Nếu quân-tử quả thực ra ở, thì ngại chi tục họ là bí-lậu ».

Chú-giải. — Cửu-di = Rợ mọi phương đông có chín giống. Hà-lậu-chi-hữu = Có bí-lậu gì, là ý nói người quân-tử ở đâu thì hay hóa được tục bí-lậu ra thói văn-nhã.

XIV

所。得。領。正。後。魯。衛。吾。子。
其。各。雅。樂。然。反。自。曰。

Dịch-âm. — Tử viết: « Ngó tự Vệ phần Lỗ, nhiên-hậu Nhạc chính, Nhữ Tung các đặc kỳ sở ».

Dịch-nguĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Ta tự ngảy ở nước Vệ trở về nước Lỗ, sửa sang kinh Nhạc, rồi sau kinh Nhạc mới được chỉnh-đốn, thơ Nhã, thơ Tung đều dụng đặc-sở không lẫn lộn nữa ».

Chú-giải. — Nhữ Tung = Tên hai thiên trong kinh Thi. Chính-nhã thì dùng về việc nhạc ở triều-dinh. Châu-tung thì dùng về việc nhạc ở nhà tôn-miếu.

Đây là ngài thuật ra cái công sửa-sang kinh Nhạc sau khi ngài đã chu-du liệt-quốc mà về nước Lỗ để tu kinh.

XV

於。困。不。敢。喪。事。葬。則。子。
我。何。爲。不。事。父。入。事。曰。
哉。有。酒。勉。不。兄。則。公。出

Dịch-âm. — Tử viết: « Xuất tặc sự. Công Khanh, nhập tặc sự phụ huynh, tang-sự bất cảm bất miễn, bất vi từu-khốn, hà hữu ư ngã tại ! »

Dịch-nguĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Ra chốn bang quốc thì giữ đạo thành-kinh thờ quan Công Khanh, vào chốn gia-dinh thì giữ đạo hiếu để thờ

dưỡng phụ-huynh, gặp việc tang thì chẳng dám chẳng cố gắng cho hợp lễ, khi uống rượu chẳng bị rượu nó làm khốn đến loạn đức, xét trong mình là có được nết gì đâu. »

Chú-giải. — Đây là kể ra bốn nết, tuy là nết tầm-thường, nhưng nếu hay làm hết được cái lễ dương-nhiên, mà lại hay chế được cái tính dễ say đắm, thì cũng rất là khó, nên ngài kể ra đây để tự xét mình, để khuyên người, chớ nên coi thường mà nên cố gắng vậy.

XVI

晝。不。斯。者。曰。川。子。
夜。舍。夫。如。逝。上。在

Dịch-âm. — Tử tại xuyên thượng, viết: « Thệ giả như tư phù ! Bất xả chủ dạ ».

Dịch-nguĩa. — Đức Khổng đứng ở trên sông, than rằng: « Chảy đi luôn nó như thế kia kia, chẳng dừng ngày đêm ».

Chú-giải. — Thệ = Đồi, chầy. Thệ-giả = Trở về đạo-hóa trong trời đất luân-cbuyển đi luôn, tức là bản-nhiên của đạo-thể như vậy. Tư = Ấy, kia, là trở nước chầy.

Đây là thánh-nhân cảm về đạo-thể lưu-hành chẳng khi nào ngưng-trệ, nhân trở vào con sông nước chầy để hiểu bảo cho người biết và khuyên học-giả nên tự-cường chẳng ngbỉ, phải thời thường tỉnh-sát luôn, chớ không nên gián-đoạn một chút nào.

XVII

者。好。德。見。吾。子。
也。色。如。好。未。曰。

Dịch-âm. — Tử viết: « Ngó vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã ».

Dịch-nguĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Ta chưa thấy người nào yêu đức lỗi, mà thành-thực như yêu sắc đẹp vậy ».

Chú-giải. — Đây là than rằng ít có người hiểu-đức mà có ý thành-thực, dễ mong người nên tự xét mình mà thành-tâm thiết-thực về sự học-vấn.

XVIII

往。資。雖。如。止。資。未。如。子。
也。進。淺。平。也。止。成。爲。日。
吾。一。地。聲。吾。一。山。聲

Dịch-âm. — *Tử viết:* « Thí như vi sơn, vị thành nhất quĩ, chỉ ngộ chỉ dã; thí như bình-địa, tuy phúc nhất quĩ, liên ngộ vãng dã ».

Dịch-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Sự học ví như làm núi đã hầu thành, chỉ còn thiếu một sọt đất nữa, thế mà hốt-nhiên thôi đi, là tự mình thôi vậy; lại ví như đương chỗ đất phẳng, bắt đầu làm núi, đầu mới đổ được một sọt đất, nhưng mà gắng sức tiến lên, là tự mình tiến đi vậy ».

Chú-giải. — Quĩ = Cái sọt đựng đất. Phúc = Đồi.

Đây là mượn sự làm núi tiến lên mà đáp được thành, hay là trung-chỉ mà đến bỏ dở, đều là tại-mình cả, dễ khuyên

người đi học, không nên tự-chỉ mà nên tự-cường; nếu hay tự-cường thì tích ít rồi cũng thành nhiều; nếu mà trung-chỉ thì công trước đều bỏ phí mất cả; tiến-tiến hay là trung-chỉ đều là tự mình, chứ không phải tự người vậy.

XIX

也。其。情。而。語。子。
與。問。者。不。之。曰。

Dịch-âm. — *Tử viết:* « Ngự chỉ nhi, bất nọ giả, kỳ Hồi dã dư ».

Dịch-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Ta dạy bảo cho mà hiểu ngay làm theo ngay được mà chẳng trễ nải, chỉ người Hồi thế dư! »

Chú-giải. — Ngự = Giảng bảo. Nọ = Trễ biếng, không hay thực-hành.

Đây là khen thầy Nhan-Hồi hay thề-nhận thành-giao mà lực-hành dễ khích-khuyến cho mọi kẻ đệ-tử.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN và ĐÔNG-CHÂU

dịch-thuật

Trung-kỳ đã bắt đầu cải-cách hình chính

I

Nếu ai hỏi tôi trong các cuộc cải-cách của vua Bảo-đại sắp thi hành ở Trung-kỳ, điều nào cần-yếu hơn hết, thì tôi trả lời ngay: Cải cách hình chính.

Vì đối với việc trị dân, thì từ xưa đến nay, từ đông chí tây, bất-kỳ là đời nào, xứ nào, bao giờ cũng lấy sự thưởng-phạt công-minh làm gốc. Bao nhiêu bệnh-tệ của dân, bao nhiêu sự sai-quấy của nhà cầm quyền cai trị cũng đều do ở nơi đó mà sinh ra.

Bởi vậy nên khắp cả các nước văn-minh đời nay, dân-chủ như Pháp, như Mỹ, lập-hiến như Anh, như Nhật, cho đến ở trong các cái chính thể độc-tài như Nga Sô-viết, Phát-xích hay là Đức «chữ vạn», đâu đâu họ cũng lo sự hình-phạt làm trước, họ chẳng bao giờ dám bỏ cái tôn-chỉ «hình chính phân-quyền», không đo đó đặt dựng xây nền móng của xã-hội.

Nam-kỳ là một xứ thuộc-địa, Bắc-kỳ là một xứ bảo-hộ nữa, mà chỗ thời theo hẳn tôn-chỉ «hình chính phân-

quyền», chỗ cũng đã bắt đầu tấn-hành đến đó từ mấy năm nay.

Chỉ duy một mình xứ Trung-kỳ là khác.

Trung-kỳ từ xưa đến nay chẳng những không hề biết « hình chính phân-quyền » là vật gì mà cho đến việc xử-đoán hình-phạt coi như tuồng cũng không hề có chút chi đáng gọi là định-lệ.

Nói cho hết những điều lạm-quyền, sai phép, hại kẻ dưới, khi người trên đã xảy ra ở đất Trung-kỳ thì thật chẳng có bút mực nào mà kể lại cho hết.

Cái lối xử-đoán hình phạt của quan An-Nam mình nó giống như lối của mấy ông quan binh. Mỗi bữa các cơ gửi lên cho ông « quan năm » một tấm giấy phạt, biên tên mấy người tội, cai, bếp, lính và số ngày bị phạt, nếu may ra bữa đó mà ngài mới có chuyện vui, thì ngài cầm giấy cười gằn rồi nói: « Phạt, phạt cái gì? » Tha hết; còn rui như ngày nọ mà bà lớn đi chợ về trưa, ngài đương quạu thì một tuần thành ba, một tháng thành hai, nặng hơn mấy người tội-nhân năm *cachot*, làm cổ.

Điều khổ của dân Trung-kỳ là mấy ông « quan năm » của họ quạu thương, vui ít.

Huống chi cái lối xử gần đây mỗi việc mỗi người tội-nhân lại đều phải trải qua năm tầng, mấy lớp và hồ-sơ án-tiết thời chỉ có tờ phúc-bầm của ông Huyện, ông Phủ hay là ông Châu cùng lời « phê » của quan Công-sứ.

Trong năm 1931, lúc cộng-sản đương thịnh-hành ở vùng Nghệ Tĩnh, có tên nọ bị tình-nghi phải giải đến huyện tra-cứu. Ông Huyện hỏi xét làm sao không biết, chạy tờ xin phạt một năm tù mà nói: « Tên này tội-trạng xét cũng chẳng có chi, nên tôi xin phạt nó một năm tù ». Bẩm tỉnh, tỉnh

thương Sứ, ông Sứ gạnh bên tờ phúc-bầm một câu như vậy:

« Cứ theo như tôi điều-tra, thì tên phạm-nhân này đây là một tên cách-mệnh rất lợi-hại, nên tôi phạt nó chín năm tù ». Chừng tờ phúc-bầm ấy về đến bộ, bộ thấy ông Huyện thì xử một năm, ông Sứ chín năm và ngoài cái tờ phúc-bầm ấy ra, thì chẳng có mảnh giấy nào khác, từng không biết làm sao phải hỏi ông hội-biện là người thay mặt cho chính-phủ Bảo-hộ. Ông này giở qua lật lại một hồi, rồi nói một cách rất nghiêm-trọng rằng: « Người một năm, kẻ chín năm, thôi mình lấy số trung-bình phạt nó bốn năm rưỡi là đủ ». Bộ chịu, tên phạm-nhân kia cũng chịu... chịu ở bốn năm rưỡi tù.

Đó là hình!

Còn họ, ôi thôi! khỏi nói. Nội câu chuyện chấm câu: « *Gia tài phó dữ tử, tể ngoại nhân bất đắc tương tranh* », cái phết ở chữ *tử* mà đem xuống chữ *tể* cũng đủ làm tiêu hết cả cái gia tài của người phú-hộ kia.

Tuy vậy mặc dầu, chớ đối với mấy cái thời-kỳ ngày xưa là những lúc dân Trung-kỳ chưa có bao nhiêu tư-sản, ruộng đất đều toàn là của công, thì dầu cho có xử-đoán như thế, cũng chưa có chi là hại lớn.

Ngày nay sự sinh-hoạt, nền kinh-tế trong xứ đều đã bước đầu qua cái chế độ tư-sản, mà nếu còn giữ theo cách xử-đoán như tôi vừa nhắc sơ lại đây, thì quyền-lợi của cá-nhân còn có pháp-luật chi bảo-vệ đâu nữa. Bút sa chẳng phải là gà chết như xưa, bút sa là nhà tiêu, của sạch, bút sa là mất hết sự-nghiệp đã từng đem mồ-hôi nước mắt mà gây dựng lên.

Vì vậy nên chi trong các cuộc cải-cách, thì vua Bảo-dại đã lo việc cải-cách hình chính trước mọi việc.

Và kể từ ngày 2 Août vừa rồi đây, sau khi ban-hành bộ Hình-luật do quan

cổ-văn COLLET thảo sảng, thì Ngài đã ra lời Dụ sửa lại thể-lệ hình-phạt xử-đoán các vụ hộ và thương-mại khắp toàn-cảnh Trung-kỳ.

Vả theo lời tuyên-cáo, thì đạo Dụ này đây chỉ là một cái phương-pháp tổ-tụng tạm-thời, để chờ thảo xong các đạo luật thuộc về hình-sự tổ-tụng (*Instruction criminelle*), dân-sự tổ-tụng (*procédure civile*), thương-sự tổ-tụng (*procédure commerciale*).

II

Nếu đem sự cải-cách hình-chính ở Trung-kỳ ngày nay mà so-sánh với các nơi khác, thì thật cũng chưa lấy chi cho là hoàn-bị.

Song « thành La-mã chẳng phải làm xong nội trong một ngày », muốn việc chỉ duy bước đầu là khó, cái bước đầu ấy lời Dụ ngày 2 Aoút đã trải qua rồi.

Hướng chi tôi tưởng đối với hiện-tình chính-trị và dân-gian ở Trung-kỳ, thì dầu cho vua Bảo-đại có muốn thực-hành ngay cái tôn-chỉ « hình chính phân-quyền », thì cũng chẳng có thể chi làm được.

Làm không được vì thiếu người, thiếu tài-chính; làm không được, vì nếu thiết-lập ra hình chính mà mỗi mỗi đều mô-phỏng theo chế-độ của các nước văn-minh hay là chỉ giống như Nam-kỳ, thì lợi đâu chưa thấy mà đã thấy sự hại cho dân, là bất kỳ kiện cáo việc chi cũng phải tốn ít hơn hết là vài chục bạc. Tiền con-niêm, tiền vào đơn, phần đông dân Trung-kỳ đâu có những số bạc ấy mà hông đến quan đặng tỏ nỗi bất-bình của mình.

Vì vậy nên chi đã có nhiều người thức-giả mỗi khi nói đến vấn đề hình chính ở Trung-kỳ thì họ thường hỏi: « Có nên sửa đổi lại giống như Nam-kỳ chăng? »

Nhưng đó là một vấn-đề khác.

Ta hãy bàn sự cải-cách của lời Dụ ngày 2 Aoút vừa rồi trước đã.

Theo lời Dụ này, thì tòa án Trung-kỳ từ đây về sau chia ra ba cấp:

1 — Cấp thứ nhất: Phủ, huyện, châu.

2 — Cấp thứ nhì: Tỉnh.

3 — Cấp thứ ba: Bộ hay là tòa Phúc-án ở Huế.

Mỗi khi gặp việc chi phải xử-đoán, thì điều trước hết là ông Phủ, Huyện hay là Châu phải xét coi việc mình sẽ xử ấy là thuộc về quyền cai-trị, hay là thuộc về việc hình-phạt. Nếu như việc đó mà thuộc về việc hình phạt, thì người có trách-nhiệm xử-đoán phải xét coi nó là về hình hay là thuộc về hộ và thương-mại, rồi thời chiếu theo pháp-luật và lấy tư-cách của một ông quan Tòa mà xử-đoán.

Ấy đó, tuy là hình chính chưa được phân quyền, cai-trị và xử-đoán vẫn hãy còn ở trong tay một người, song từ đây về sau các quan phủ, huyện, châu nếu gặp việc tổ-tụng thì tất phải tuân theo một cái thể-lệ, pháp-luật nhất-định, chứ chẳng còn noi theo cái lối xử của các quan bình như tôi nói trên kia hay là làm theo câu tục-ngữ « Cao lễ dễ thưa » nó đã tả rõ cái chân-tướng của người cầm quyền xử-đoán.

Về việc xử-đoán, thì có hai điều hay hơn hết, là bất-kỳ vụ nào hoặc hình, hoặc hộ hay thương-mại, những ông phủ, huyện, châu đã lĩnh trách-nhiệm làm ông Tòa « cấp thứ nhất » thì cũng phải:

a) Lên một cái án;

b) Phải có một cái hồ-sơ trong mỗi việc.

Nói về vấn-đề lên án. — Nếu mới nghe qua, chắc ai cũng lấy làm lạ mà hỏi: « Vậy chứ phủ, huyện, châu ở Trung-kỳ từ xưa đến nay xử-đoán thế nào mà lại phải chờ đến đạo Chỉ-dụ ngày 2 Aoút mới buộc phải lên một cái án? »

Lạ thật! song dầu lạ thế nào, thực-lẽ nó cũng vậy thôi. Xưa nay hề gặp việc tố-tụng gì, bất-kỳ là bình, là hộ, là thương-mại, mấy ông kia cũng chỉ làm một tờ xin xử hay là xin lên án (*proposition de jugement*), chứ không có kết-án bao giờ. Và vì thế nên chi, trong mấy cái tờ ấy họ chỉ thuật lại nguyên-do của vụ kiện, chứ họ khỏi phải cắt nghĩa rõ-ràng theo như mấy cái án tòa mà mình thường thấy, nghĩa là phải nói rõ-ràng trọng án vì lẽ gì, tại sao và chiếu theo điều-khoản nào trong luật mà kết án. Cũng vì mấy cái án kia chỉ là một cái lời xin, nên trong một việc mà họ lại có thể xử đi, xử lại đôi ba lần cũng được.

Nói về hồ-sơ. — Trong một vụ kiện mà chẳng có một mảnh giấy đề làm hồ-sơ, thì thật là một việc quái-gở. Không có hồ-sơ, không có chút bút-tích gì, bằng-cớ gì, thì thật tôi không-biết từ hồi nào đến giờ họ đưa lên tỉnh, qua sứ, về bộ làm gì. Tỉnh, sứ, bộ, họ đã do vô đầu mà bác án, sửa án, y án? Trong các việc tố-tụng mà không có hồ-sơ, thì phủ, huyện, châu là những ông vua độc-tài, chứ không phải là ông quan cai-trị hay là ông tòa để xử-đoán.

Mấy cái tệ ấy, lời Dụ ngày 2 Aout tôi bình-phẩm hôm nay đều đã thủ-tiêu hết.

Cải điều lợi cho dân Trung-kỳ, đỡ cho dân Trung-kỳ là sự cải-cách thể-lệ hình-phạt.

Từ đây về sau những vụ nào tội-trạng chỉ có thể phạt chừng 3 tháng tù, thì quan sở-tại có trách-nhiệm trừng-phạt không được bắt bị-cáo-nhân mà giam, trừ duy khi nào cần phải tạm giam để cho dễ tìm ra chân-lý mới được cải cái thể-lệ ấy.

Và sau khi lên án, thì cũng phải bao giờ chờ cho thành án, nghĩa là sau khi tỉnh và bộ đã duyệt-y rồi mới được bắt phạm nhân mà giam.

III

Tôi đã nói qua rằng về sự hình-phạt, thì lời Dụ ngày 2 Aout là một việc cải-cách rất có ích-lợi cho dân Trung-kỳ.

Thật thế, chẳng những là từ đây về sau cái quyền giam bị-cáo-nhân của phủ, huyện, châu đã có hạn-chế, hình-luật đã nhất-định, nghĩa là đã chỉ rõ cho dân biết làm điều chi là phạm luật, làm điều chi là không phạm luật, mà cho đến quyền-hạn, chức-trách của tòa án mỗi cấp, của mỗi người cầm quyền xử-đoán, tờ Dụ trên đây cũng đều đã chỉ-định một cách rất phân-minh.

« *Nulla poena, sine lege* », cái tôn-chỉ hình-luật của các nước văn-minh đời nay là hề bất-kỳ việc chi mà chẳng có luật Hình định trước, thì dầu cho trí người có tưởng nó là tội-lỗi thế nào cũng chẳng được phép đem người làm việc ấy ra mà xử-đoán, trừng-phạt.

Lời Dụ ngày 2 Aout cũng có nói: « *Chỉ duy vụ nào đã do theo những tội-trạng định trước trong bộ Hình-luật mới có thể kêu nó là thuộc về việc hình* ».

Mới đọc qua, thì cũng tưởng việc ấy là một lẽ tự-nhiên, song nếu ai là người đã từng biết ít nhiều về cách buộc tội làm án của quan-lại ngày xưa, thì cũng đều hiểu rằng mấy hàng chữ trên đây thật là đã trừ bỏ chẳng biết bao nhiêu sự lạm-quyền, vi-pháp.

Ai lại không nhớ những câu buộc tội như « *bất-ưng-vi* », « *gia-trung hữu địa-đồ nhất bức, y dục thâu thiên-hạ giang-sơn* », hay là « *giáo-nhân đồng-được* » mà một đôi khi, tôi đã nhắc lại trong tờ báo này.

Phải chi lúc bấy giờ mà đã có cái huấn-lệnh của tờ Dụ 2 Aout chỉ rõ thế nào mới gọi là phạm tội thuộc về hình-luật như ngày nay, thì những kẻ vô-có mà can án vì mấy câu ác-hiêm ấy đã tránh khỏi Cón-nôn Lao-bảo.

Tội-trạng đã định rõ như thế, vua Bảo-đại lại còn định trước thể-lệ về việc tra-vấn buộc quan-lại có chức-trách trừng-phạt phải nhất-nhất tuân theo.

Từ đây mỗi khi có vụ nào mà đã do theo hình-luật định định nó là thuộc về tội hình, thì quan sở-tại nào có trách-nhiệm xử đoán phải đòi bị-cáo-nhân ra mà tra-vấn nội trong 24 giờ sau khi bắt được hay là sau khi giải đến công-nha sở-tại. Rồi thời đòi hỏi chứng-cớ hẩn-hoi, và mỗi lời khai của chứng-nhân hay là bị-cáo-nhân đều có một tờ vi-băng có người khai ký tên vào giống như các lời khai ở các phòng thẩm-án ở Nam-kỳ vậy.

Đối với quan-lại Trung-kỳ, mà cách tra-vấn đã có thể-lệ như thế định lập ra một cái hồ-sơ, thì thật là một việc đáng khen nhiều lắm.

Những tòa-án sơ-cấp (phủ, huyện, châu) là trước hết đề xử về các «tội vi-cảnh» (*Contraventions de simple police*). Song đối với các tội này, trừ-phi những cái án chỉ phạt tiền và mà thôi, còn án nào phạt tù, thì phải chờ tòa án đệ-phị-cấp, (tòa án tỉnh) chuẩn-y mới được.

Chỉ như các vụ tiểu-hình, và đại-hình, thì hiện nay vẫn cũng còn hãy tạm giao cho tòa án sơ-cấp xử lần thứ nhất.

Đại-khai những việc cải-cách hình-chính do lời Dụ ngày 2 Aoút là như vậy đó.

Theo ý tôi, thì bấy nhiêu cũng đã có nhiều điều ích-lợi cho dân, đỡ cho dân. Huống-chi đó chỉ là một sự cải-cách tạm-thời, đó chỉ là một bước đầu trong sự cải-cách hình-chính, thế nào rồi đây chắc cũng sẽ bước lần đến mục-dịch là cái tồn-chỉ «hình chính phân-quyền» vậy.

Bước đầu mà được như vậy cũng thật là đáng quý.

Tôi chỉ tiếc có một điều, coi như khuyết-diêm, là cách thi-hành mấy cái thành-án thuộc về việc hộ và việc thương-mại.

Lời Dụ 2 Aoút nói rằng : «Chờ lúc nào sẽ có một cái huấn-lệnh mới chỉ định các phương-pháp thi-hành các thành-án thuộc về việc hộ và việc thương-mại, bây giờ các án ấy phải chiếu theo thể-lệ dưới đây mà thi-hành khắp toàn-cảnh Trung-kỳ :

« Quan Tòa sở-tại ở chỗ mà phải đem cái án ra thi-hành, phải viết giấy truyền rao cho những kẻ nào bị thất-kiện phải bị thi-hành mà dạy họ phải thi-hành trong một cái kỳ-hạn do quan sở-tại đã định, song cái kỳ-hạn ấy chẳng bao giờ được quá hạn 2 tháng và cho người bị thi-hành hay rằng nếu không tuân lệnh, thì sẽ bị giải ra tòa lĩnh mà chiếu theo luật được trừng-phạt. »

Thi-hành một cái án thuộc về việc hộ và việc thương-mại mà lại dùng đến hình-luật thì cũng hơi quá-đáng và sợ e bởi đó rồi lại sinh ra nhiều điều lưu-tệ.

Đã biết rằng trong lời Dụ 2 Aoút đã có nói chỉ duy những kẻ nào không có thể có bằng-cớ chỉ vì lý nào mà không thi-hành hay hoặc vì không có sẵn-nghịệp để thi-hành cái án ấy mới là bị trừng-phạt. Song dầu vậy đi nữa, tôi tưởng định thể-lệ thi-hành như vậy sợ e rồi đây cũng sẽ sinh ra nhiều chuyện lạm-quyền. Đối với người có-thể, khờ-dại, thì dầu cho họ thật là người không thể thi-hành án tòa xử, họ cũng sẽ bị trừng-phạt.

Vì bao giờ cái hạng này phần đông cũng thuộc về hạng nghèo. Còn đối với kẻ khôn lanh, thì dầu cho họ đủ sức thi-hành, họ cũng sẽ kiếm cớ để đem việc ấy qua tòa Hình : Một là để tìm phương-thế cho khỏi thi-hành, hai

là kéo dài kỳ-hạn ra, vì những cái án về việc thi-hành các án hộ hay là thương-mại cũng phải đi về đến Bộ mới trở nên một cái thành-án.

Tôi chỉ ước-ao rằng thể-lệ ấy cũng là một cái thể-lệ tạm-thời, nay mai

chỉ đây chúng ta sẽ thấy sửa đổi lại cho khỏi những điều như tôi vừa nói trên đây.

DIỆP VĂN-KY

(Công-luận báo)

Công-văn về các việc cải-cách trong Triều-dinh Huế

II

Định thể-lệ về tài-chánh của Nam-triều

(Chỉ số 47 ngày 3 tháng 7 năm 1933)

Nước ta từ xưa đã nhiều phen ban-bổ nghị-định về vấn-đề tài-chánh trong nước.

Nhưng xét vì giấy tờ phiền-phức, không được liên-tiếp, nên không thể tuân-hành. Và lại, việc tổ-chức ở các nha-môn ngày nay, không hiệp với trình-độ hành-chánh bây giờ nữa. Nay sự giao-thông càng ngày càng lanh, việc chánh-trị, việc công-tác càng ngày càng mới, thì thể-lệ cũng cần phải đổi mới mới được.

Vì các lẽ đó, nên ta đã định đem những thể-lệ cũ và những cách-thức mới, chăm-chước làm chung lại một bản lệ này. Ta đã gia-tâm chỉ chọn những điều thường dùng, để cho thể-lệ mới được giản-tiện mà thi-hành cho được mĩ-mẫn. Bao giờ việc kế-toán trong nước đã phổ-thông rồi, thì cái lệ này mới sẽ cải-định lại hoặc bổ-nghị lại nữa. Hiện bây giờ các khoản thu chi mà không thuộc về lệ này, thì tại Kinh thương-đồng với quý Hộ-chánh cổ-vấn, tại ngoại thương-đồng với quý Công-sứ, hãy tạm theo thể-lệ tài-chánh của Bảo-hộ mà làm theo đã, vì thể-lệ

tài-chánh của Bảo-hộ là khó-khăn lắm hiện nay chưa thể vội đem thi-hành ở nước ta được.

1.— Việc làm Ngân-sách

Điều thứ 1.— Các bộ-trưởng phải dự-trù các khoản chi-tiêu trong bản-bộ, bộ Tài-chánh góp những bản dự-trù ấy rồi thêm bản dự-trù các khoản thâu, để làm Ngân-sách dạng-bản, bộ Tài-chánh phải trừ thế nào cho Ngân-sách được quân-bình, khi gặp phải điều khó-khăn, không thể làm cho quân-bình được, thì phải trình Hội-đồng Thượng-thư bàn-định. Các Bộ hoặc viện Dân-biêu có xin sửa đổi khoản nào, cũng do Hội-đồng nghị-định, khi đã định rồi, thì bộ Tài-chánh đem dạng-bản Ngân-sách ấy thương quý-Khâm-sứ đại-thần duyệt hợp, rồi sẽ tâu hậu Chỉ tuân-hành. Năm nào hết trước 1er Août, thì các Bộ phải đệ bản dự-trù các khoản chi-tiêu cho bộ Tài-chánh, để Bộ ấy làm ngân-sách cho xong trước ngày Hội-đồng thường-niên của viện Nhân-dân đại-biêu.

Điều thứ 2.— Niên-hạn của ngân-sách gồm có :

1) Một hạn thường kể từ ngày 1^{er} Janvier cho đến ngày 31 Décembre.

2) Một hạn-phụ thêm ở năm sau. Trong hạn-phụ ấy, các khoản năm

trước còn lại, như phát ra thâu vào, và các khoản điền-hoàn hoặc nộp trước, đều có thể làm cho xong được, bạn phụ ấy định như sau này :

a) Về việc phát ra và thu vào, thì định từ ngày 1^{er} Janvier đến 30 Avril năm thứ hai là hết.

b) Về việc xét chứng-cớ để làm đơn chi, thì định từ ngày 1^{er} Janvier đến 31 Mars năm thứ hai là hết.

Khi nào niên-hạn ngân-sách đã hết, mà còn khoản chi thâu chưa xong, thì phải trước vào khoản « thâu chi thuộc về ngân-sách hết hạn ». Những đơn chi chưa lĩnh trước ngày ngân-sách hết hạn, thì sẽ làm lại và lấy ở ngân-sách năm sau trong khoản « chi tiêu thuộc về ngân-sách hết hạn » mà trả.

Điều thứ 3.— Khi nào có sửa đổi khoản gì trong ngân-sách, đều phải chiếu theo cách thức làm ngân-sách mà làm, dầu để thêm số bạc đã định hoặc để định một số bạc bất-thường-chi cũng vậy.

II. — Thi-hành ngân-sách

Điều thứ 4.— Bộ-trưởng bộ Tài-chính có quyền kiểm-cổ các khoản thâu-nhập và phải chịu trách-dụng đối với Chính-phủ.

Điều thứ 5.— Các khoản thâu vào ngân-sách, đều phải làm giấy thâu-nhập, gọi là đơn thâu, đơn thâu ấy tại Kinh thì bộ Tài-chính cấp phát, tại ngoại thì người ủy-quyền của bộ Tài-chính cấp phát. Trong đơn phải biên rõ tên họ người nạp bạc, nguyên do việc nạp bạc, số bạc nạp bao nhiêu và số hiệu trong sổ (sổ ấy sẽ nói rõ sau này). Đơn thâu ấy giao cho quan Chương-thâu ở Kho. Mỗi cái đơn thâu phải thêm cái giấy đòi, trong giấy đòi cũng có đủ các khoản như trong đơn thâu. Giấy đòi ấy giao cho người nạp bạc. Khi đã thâu xong, quan Chương-thâu lấy ở

sổ tồn-cần một cái biên-lai có số-hiệu mà giao cho người nạp bạc. Mỗi bộ hoặc mỗi tỉnh đều phải có một quyển sổ thâu, để biên những đơn-thâu theo từng hạng. Các tỉnh cứ đến qui-đề lược biên các đơn thâu trong qui-tư-trình cho bộ Tài-chánh.

Bộ Tài-chánh cứ ba tháng một lần; phải cộng các bản lược-biên của các tỉnh, riêng từng khoản một, vào trong một quyển sổ của Bộ.

Mỗi đến qui-đề, phủ Nội-vụ phải trình cho bộ Tài-chánh biết những khoản đã thâu để cho Bộ có thể đem các đơn thâu mà so với sổ bạc đã thâu. Không khi nào được đem một số bạc thâu nợ mà thêm vào một khoản chi kia, để cho chỗi sổ bạc ra.

Điều thứ 6.— Bộ trưởng bộ Tài-chánh có quyền chi-phối ngân-sách, nhưng trừ những khoản đã định trong điều thứ 7 ở sau này. Hễ trong mỗi qui thì các Bộ phải làm bản trừ kê những khoản chi-tiêu trong qui sau, đệ cho bộ Tài-chánh. Bộ Tài-chánh sẽ đem những bản kê trừ ấy so với nguyên-trừ trong ngân-sách và sổ bạc trong kho hiện còn. Nếu những sổ kê-trừ ấy không quá nguyên-trừ trong ngân-sách và sổ bạc hiện còn trong kho, thì bộ Tài-chánh sẽ y cho các Bộ cứ như bản kê-trừ ấy mà chi-tiêu. Cứ đến cuối tháng các Bộ phải kê những khoản đã tiêu trong tháng, tư cho bộ Tài-chánh biết, các Bộ không được tiêu quá số nguyên-trừ và phải chịu trách-dụng về khoản chi-tiêu đó.

Muốn được như thế, thì các Bộ phải có một quyển sổ riêng, chiếu theo từng khoản, từng tiết, từng mục mà kê biên các khoản nguyên-trừ và số bạc đã tiêu. Bộ Tài-chánh cũng phải có một quyển sổ như thế, để biên hết cả các khoản chi-tiêu của cả các Bộ. Nếu có tiêu quá khoản nào, thì người có phần trách-dụng phải chịu bồi mà có

khi lại phải nghĩ-xử nữa. Hễ không có phép bộ Tài-chánh cho, thì nhất-thiết không được tiêu. Viên chức nào không tuân theo lệ ấy, thì sẽ bị nghĩ-xử như tội đã định ở trên đối với sự tiêu quá nguyên-trù. Khi ngân-sách đã hết hạn, thì hạn trong tháng kế đó, bộ Tài-chánh phải làm một bản kê biên rõ ràng tất cả những khoản thu và những khoản chi thuộc về ngân-sách vừa qua, để trình cho Hội-đồng Thượng-thư cứu duyệt và thượng-quí-Khâm-sử đại-thần ý hiệp, rồi tâu lên đợi Chỉ-tuân hành.

Điều thứ 7.— Trong ngân-sách có trừ khoản bạc tại Nội (bổng-hương và tạp-chi) thuộc về khoản bạc ấy, Tổng-lý Văn-phòng đại-thần cứ lần lượt tư bộ Tài-chính chiếu tùy số bạc trong Kho, trích giao để chi hành. Viên đại-thần ấy chức-chương việc chi-tiểu ấy phụng Sắc tuân hành mà ta kiểm cổ. Nhưng chi tiêu gì rồi, thì các giấy chứng chỉ phải đính tư bộ Tài-chính, để hết niên-hạn làm bản kê-tiểu.

Điều thứ 8.— Thuộc về khoản chi-tiểu, phải làm ba công việc khác nhau:

- a) Kiểm xét chứng-chỉ;
- b) Cho phép trả bạc;
- c) Phát bạc;

Kiểm xét chứng-chỉ là cứu xét khảo-duyet những giấy má bằng có của người sẽ được lĩnh bạc, bổng-hương quan-viên thì chiếu thường xét đơn ngay. Những khoản chi-tiểu, trong Bộ xong rồi, thì bộ ấy phải đứng nhận và ký vào trong đơn chứng thực rằng công việc đã làm xong, đơn ấy tư đệ cho bộ Tài-chính.

Cho phép trả bạc tức là trích bạc trong ngân-sách, ấn khoản làm đơn chi, cho phép quan Chương-ngân phát bạc và giao đơn chi ấy, những khoản các Bộ khác chi-tiểu, đều do bộ Tài-chính cho phép trả bạc.

Ở ngoại lĩnh cũng có thể làm đơn chi, nhưng phải có bộ Tài-chính cho phép mới được. Bộ ấy sẽ bắt các tỉnh phải đệ những chứng-chỉ về các khoản chi-tiểu ấy để xét hạch. Trong đơn chi phải đề thật tên người có quyền lĩnh bạc và đủ tư-cách ký nhận.

Điều thứ 9.— Về việc phát bổng-hương có thể lựa một người phát bạc để lĩnh chung cho nhiều người, chỉ khi nào công việc cần thiết và để cho những người có bổng-hương khỏi phải đi lĩnh hao tổn, mới được lựa một người phát bạc. Người phát bạc phải do các bộ nha và các tỉnh xét cử đệ bộ Tài-chính xét định.

Trong quan-viên, hễ ai có đơn xin, thì đều có thể làm đơn-chi riêng một người mà lĩnh.

Lĩnh bổng-hương thì phải kê rõ những chứng cứ như sau này:

a) Trong đơn-chi riêng một người, phải tính số bạc bao nhiêu, có quan Thủ-hiến nhận thực. Trong số bạc bổng, phải trừ số bạc khấu-hưu.

b) Trong đơn-chi chung nhiều người phải kê: phẩm hàm, bổng-hương, phụ-bổng, khấu-hưu và số bạc thực-lĩnh; đơn-chi ấy những người dự lĩnh đều phải ký tên. Các khoản khấu khác mà không có đơn thu, hoặc không có bộ Tài-chính cho phép, thì không được khấu.

Khấu khoản nào phải biên vào trong đơn chi riêng hoặc trong đơn chi chung. Nếu có bộ Tài-chính cho phép khấu, thì phải làm đơn-chi tên người được lĩnh số bạc khấu ấy, phải đính giấy cho phép của bộ Tài-chính theo đơn-chi ấy để làm bằng.

Trong đơn-chi về việc bổng-hương phải trừ những khoản khấu-hưu và những khoản khấu khác có bộ Tài-chính cho phép rồi kê rõ số bạc thật lĩnh. Mỗi tháng các Bộ phải kê riêng số

bạc khấu-hưu, để làm đơn-chi giao Kho hưu khấu lĩnh.

Mỗi Bộ phải làm riêng một quyền sổ riêng, trong sổ phải biên tất cả các quan-viên, chính-ngạch, bộ Tài-chính lại phải làm một quyền sổ lương để biên tất cả các quan-viên các Bộ Nha.

Điều thứ 10.— Những khoản tạp-chi hoặc công-tác mà giá trên 500\$ đều phải do bộ sở-quan đấu-giá, nhưng trước phải thương đồng với bộ Tài-chính đã.

Còn những khoản tạp-chi hoặc công tác chưa đến giá ấy, thì được viết mãi-phiếu mà mua, phiếu ấy phải có số hiệu và phải xé ở trong sổ tồn-cần ra. Các khoản ấy thì phải làm hai bản kê đơn hoặc phát-tuya, phải do sở-quan chứng nhận là công việc đã làm xong, rồi lại phải đính mãi-phiếu theo nữa. Một bản phát-tuya phải đính theo đơn-chi, còn một bản nữa thì lưu tại Nha sở-quan.

Điều thứ 11.— Cũng có việc công-tác mà bộ sở-quan có thể phải người làm lấy, nhưng phải thương - đồng với bộ Tài-chánh ý hiệp rồi thương qui Khâm-sứ phúc-y mới được thi-hành. Rồi bộ sở-quan cứ lần lần làm giấy chứng nhận những công việc đã làm xong, để làm đơn chi mà trả.

Điều thứ 12.— Khi xét đơn-chi đã đúng thực và xét căn-cước người lĩnh bạc cũng thật, thì quan Chương-ngân mới phát bạc và phải bắt người lĩnh bạc ký nhận. Nếu người lĩnh bạc không biết chữ, thì quan Chương-ngân phải phát trước mặt hai người làm chứng và hai người ấy phải ký tên với quan Chương-ngân hoặc người phát bạc vào biên-lai.

Điều thứ 13.— Như khi nào có công việc cần, bộ Tài-chính cũng được cho phép đặt một người làm các việc chi-tiêu vặt-vật, những người ấy đều do bộ Tài-chánh kiểm cổ.

Những người ấy được phép quyền trước một số bạc, nhưng mỗi khi quyền phải có một nghị-định riêng. Tiêu một việc gì trong số bạc quyền ấy đều phải có giấy chứng-chỉ cho đúng thực để làm bằng cứ. Đến khi ngân-sách hết hạn, phải kê rõ chi-tiêu hết bao nhiêu và còn lại bao nhiêu, số bạc còn lại thì nạp lại vào kho.

Các giấy chứng-chỉ mà những người ấy dính đề cũng phải làm in như những giấy chứng-chỉ [dính theo đơn chi thường mà do phủ Nội-vụ phát trả, làm-thời cũng phải dính các biên-lai để làm chứng rằng số bạc còn dư không tiêu hết đã nạp lại rồi.

Các giấy chứng-chỉ đề trước tiêu số bạc quyền, phải dính theo một bản kê rõ những giấy ấy để trình bộ Tài-chánh phê ký, khi nào có thể cho quyền nhiều lượt, thì mỗi lượt chỉ cho quyền một nửa mà thôi, bao giờ bạc quyền nửa trước mà đã đủ giấy chứng-chỉ rõ ràng, thì mới cho quyền nửa sau.

Muốn đặt một người làm các việc chi-tiêu vặt-vật như thế, phải có sở-quan tư do bộ Tài-chánh, nói rõ duyên-cớ mà xin phép, bộ Tài-chánh thương-đồng qui Khâm-sứ ý hiệp đã, mới được y cho.

Điều thứ 14.— Những khoản bạc hiện cho quyền bây giờ đều giảm cả. Sau khi tiếp-lục thể-lệ này, thì các người có giữ một số bạc quyền đều phải kê tính những khoản đã chi tiêu rồi và phải đính những giấy chứng-chỉ tư trình bộ Tài-chánh, số bạc chưa tiêu còn lại bao nhiêu đều phải nạp vào kho Lưu-hạ.

Kho Lưu-hạ của Nam-triều

Điều thứ 15.— Các khoản bạc thâu vào kho Lưu-hạ như sau này :

1) Số bạc hiện còn trong kho mà đã thâu vào từ ngày đặt kho ấy ra.

2) Mỗi năm đến ngày ngân-sách hết hạn, số thâu thặng hơn số chi, mà còn lại bao nhiêu, đều nạp vào kho ấy cả.

3) Các món tiền lời tự bạc vốn của kho ấy mà sinh ra.

4) Bạc phụ-cấp, bạc người ta cho hoặc để lại cho... nói tóm là tất cả những khoản thâu bất-thường, đã do Hội-đồng Thượng-thư thương-đồng qui Khâm-sứ ý-hiệp mà cho phép thâu vào kho ấy.

Điều thứ 16.— Kho Lưu-hạ dùng để tiêu những việc này :

1) Trong năm gặp khi số bạc thâu chưa đủ mà chi tiêu, thì lấy ở kho ấy mà chi.

2) Những việc chi-tiêu hoặc nhân vì một sự bất-thường xảy tới hoặc vì một sự tai-biến mà sinh ra.

3) Khi có việc gấp, thì Nhà-nước quyền tiền kho ấy mà tiêu đỡ, sau sẽ lấy ngân-sách Trung-kỳ hoặc ngân-sách Đông-Pháp mà trả lại.

Điều thứ 17.— Khi nào muốn trích dùng tiền trong kho Lưu-hạ, thì bộ Tài-chánh phải nói rõ vì có gì trình với Hội-đồng Thượng-thư và thương qui Khâm-sứ ý-hiệp rồi, tâu thỉnh Chỉ tuân-hành. Trích lấy bạc kho Lưu-hạ là cốt để gặp khi số thâu không đủ tiêu dùng, tạm lấy bạc ấy mà chi cho đủ. Đến khi ngân-sách hết hạn, số thâu thặng hơn số chi bao nhiêu đều phải nhập vào kho ấy cả. Cách-thức thâu vào cũng phải làm y như khi trích lấy ra vậy.

Trích lấy bạc kho Lưu-hạ, để chi tiêu các khoản nhân vì những sự bất-thường hoặc tai-biến mà sinh ra, cũng phải do bộ Tài-chánh tư trình Hội-đồng Thượng-thư và thương qui Khâm-sứ ý-hiệp, rồi tâu thỉnh Chỉ tuân-hành.

Điều thứ 18.— Số bạc trích lấy ở kho Lưu-hạ, thì khi nào cũng phải trước-thâu vào ngân-sách thường-chi.

Điều thứ 19.— Khi đã trình Hội-đồng Thượng-thư ý-hiệp và thương qui Khâm-sứ phúc-y, thì bộ Tài-chánh được phép trích bạc trong kho ấy ra một phần mà cho vay lấy lời hoặc mua các công-phieu.

Nhưng vẫn phải lưu lại một phần, để phòng khi có cần mà dùng trong năm.

Mỗi năm đến khi ngân-sách hết hạn, bộ Tài-chánh thương-đồng tòa Khâm-sứ ý-hiệp rồi trình Hội-đồng Thượng-thư nghị-định số bạc để dành sẵn trong kho Lưu-hạ phải ít nữa là bao nhiêu.

Điều thứ 20.— Kho Nội-vụ là ở dưới quyền của bộ Tài-chánh. Bộ ấy có phần kiểm-cổ công việc của viên Chánh-giám-lâm và các Tá-viên.

Cứ đến qui-đề thì phủ Nội-vụ phải làm tờ tổng-kê các khoản thu chi trong qui, trình cho bộ Tài-chánh thương-đồng qui Khâm-sứ ý-hiệp rồi tâu lên ta biết.

Kế-toán — Khi-mãnh

Điều thứ 21.— Các bộ-nha hoặc tỉnh đạo phải làm một quyển sách-thủ kê biên những vật-hạng không tiêu mất đi và một quyển kê biên các khi-mãnh trong bộ-thực. Phải biên rõ vật nào giá mua bao nhiêu và khi nào có mua thêm đồ mới, khi nào thải bỏ đồ cũ, đều phải biên cước ngay. Mỗi năm hết đến ngày 31 Décembre, thì kiểm-xét khi-mãnh vật-hạng một lần. Những viên-chức sung Hội-đồng kiểm-xét các vật-hạng khi-mãnh ấy, sẽ do bộ sổ-quan sát cử tư bộ Tài-chánh nghị-định. Hội-đồng ấy phải biên cả các vật-hạng hiệ có. Những quyển sách-thủ và những biên-bản kê những vật-hạng

mất hoặc hư sẽ do Hội-đồng ấy trình bộ Tài-chánh duyệt-y. Các bộ nha tỉnh đạo phải tư bộ Tài-chánh ý-hiệp, đề cử một án-quan chuyên coi về việc bảo-thủ các khi-mảnh vật-hạng.

Khám thử

..

III

Ban-bố Hình-luật mới

(Dụ số 43 ngày 3 tháng 7 năm 1933)

Nước phải có luật, thời xã-hội mới giữ được trật-lự mà nhân-quần mới trông được tiến-hóa; vì thế nên liệt-thành triều ta, nghĩ rộng lo xa, vì quốc-dân mà đặt ra pháp-luật, phàm những quyền-lợi của nhân-dân được thế nào, chức-phận nên thế nào, và ai phạm tội thời nên trừng-phạt thế nào, đều có định rõ điều-khoản, thật là châu-dáo.

Nhưng luật cũ ban-bố là gấp lúc trình-độ tiến-hóa nước ta đương còn hơi chậm, mà trong ấy tiết-mục cũng có phiền-những, quan Thăm-phán dễ nổi hiềm lăm.

Vả lại có những Chỉ-dụ và những hồ-nghị mới sau này đã thay đổi một ít điều-lệ cũ, vì vậy mà dẫn luật khoa-đoán thành ra thêm khó.

Hiện bây giờ việc học mở-mang, xã-hội cần phải sắp đặt theo lối mới, mà việc thăm-phán ngày lại thêm nhiều, vì những lẽ ấy, nên cần phải xét trong điều lệ cũ, điều gì đáng giữ thời biên chép lại cho giản-tiện, và tham chước theo thể-thức mới, chọn với những điều gì hợp với tình-thế hiện-thời, để sửa định bộ luật lại.

Vì muốn cho hợp theo mục-dích nói trên ấy, nên ta đã truyền xuống sửa định một bộ luật Hình mới.

Nay ta đã làm bộ luật mới này, chắc rằng đúng với sự cần-thiết của quốc-dân. Vậy chuẩn cho ban-bố, tự nay về

sau, thuộc về địa-hạt Trung-kỳ chỉ chiếu theo các điều-khoản trong bộ luật mới này mà thi-hành.

Còn về việc: hoặc theo trong luật cũ đã có qui-định, hoặc theo hướng-hành mà có dính-giáp nhiều ít với luật cũ, nay đã dùng luật mới, thời trong ít ngày nữa, lại sẽ có một Chỉ-dụ khác định rõ thể-lệ, để các việc ấy thi-hành cho được nhất-luật.

Khám thử

IV

Cải-tổ viện Dân-biêu Trung-kỳ

(Dụ số 45 ngày 3 tháng 7 năm 1933)

Ngày mồng một tháng ba năm Khải-định thứ năm, đức Tiên-Hoàng-khảo ta muốn cho dân ta được cử đại-biêu để tham-dự một vài khoản về việc nước, nên đã xuống Dụ lập ra Hội-đồng Tư-vấn Trung-kỳ.

Qua ngày 24 Février 1926, đương lúc trăm còn xung-ấu, qui Toàn-quyền đại-thần đã chiếu theo ủy quyền, đổi Hội-đồng Tư-vấn làm viện Nhân-dân đại-biêu.

Từ ngày ấy về sau, trong điều-khoản, cũng có cải thay đổi; nay trăm xét lại vẫn-đề ấy thời những điều-khoản cũ, không thích-hợp với sự nhu-cần hiện-thời và nguyện-vọng của dân ta nữa.

Trăm công-nhận viện Nhân-dân đại-biêu và danh-hiệu ấy, còn chức-vụ cần phải mở rộng thêm, về sự định tư-cách người được bầu-cử nghị-viên cũng nên đổi lại, để cho dân ta càng ngày càng tham-dự vào việc chung cho trình-độ tiến-hóa mỗi ngày phát-đạt thêm.

Vì vậy nên trăm chuẩn-định các khoản như sau này:

MỤC THỨ I

Điều thứ 1.— Ở Trung-kỳ có viện Nhân-dân đại-biểu. Chức-vụ viện ấy, là đề tồ bày ý-kiến, đặt lên Chánh-phủ, những vấn-đề về kinh-tế, tài-chánh và xã-hội định như sau này :

Điều thứ 2.— Phải chất-vấn viện Nhân-dân đại-biểu các khoản sau này :

a) Những bản dự-trù ngân-sách chính và phụ của Nam-triều, Trung-kỳ bảo-hộ, tỉnh-hạt, về khoản chi tiêu có lợi-ích cho xã-hội và kinh-tế.

b) Các khoản công-tác dự-trù trong ngân-sách chính hay phụ của Nam-triều, Trung-kỳ bảo-hộ, tỉnh-hạt. Bạc công-tác trừ trong ngân-sách Đông-Pháp có quan-thiết, xử Trung-kỳ.

c) Về việc trước-sách hoặc trừ-trước những đường quan-lộ.

d) Các khoản công-trái và cách trình đem tài-nguyên của ngân-sách Trung-kỳ làm đảm-bảo.

e) Các việc đặt thuế mới, phân hạng; cách thu-thuế, tài-nguyên và tập-thuế dự-trù vào ngân-sách Trung-kỳ.

f) Tất cả các vấn-đề mà chánh-phủ Nam-triều đã thương quan Khâm-sứ đại-thần ý-hiệp đem hỏi ý-kiến viện ấy, đại-khai những vấn-đề lớn-lao, vấn-đề cải-cách có quan-thiết đến kinh-tế, xã-hội và chánh-sự trong nước, mà khi nào chánh-phủ có cần hỏi đến viện ấy.

g) Các việc nhượng cho tư-chủ; các hội hoặc công-ty làm công-tác quan-hệ đến ngân-sách Trung-kỳ.

h) Các viện đề kê tiêu của Chánh-phủ về ngân-sách chính và phụ của Nam-triều, Trung-kỳ, tỉnh-hạt.

i) Viện Nhân-dân đại-biểu có thể trần-thỉnh các khoản chi thu, trừ ra những khoản sau này :

1) Viện ấy không được bàn cãi về khoản chi thu, do các đạo luật, Chỉ-dụ

đức Giám-quốc và các nghị thiết-lập Chánh-phủ Bảo-hộ mà thi-hành.

Khoản chi tiêu về (quốc-thê) souveraineté cũng không đem cho viện ấy xét.

2) Muốn trần-thỉnh chi tiêu những khoản gì mà không dự trừ lãng thuế đặt thuế mới hay bớt số chi tiêu nào khác, cho tương-dương với khoản ấy, thời không chuẩn-nhận.

3) Không được xin điều lợi gì trực-tiếp hay gián-tiếp, xin bớt hay bãi quan-hệ đến một người; hoặc một hạng quan-lại nào vì việc trừ chi-tiểu về quan-lại là quyền của Chánh-phủ.

Điều thứ 3.— Những điều thỉnh-cầu của viện ấy, về các vấn-đề chánh-trị, tài-chánh xã-hội và kinh-tế phải do viện - trưởng viện ấy trình quan Thượng-thư bộ Lại thương-dồng quan Khâm-sứ đại-thần xét có nên đem vào chương-trình hội-ng nghị kỳ hội-dồng của viện ấy mới được ra mà tranh-luận.

MỤC THỨ II

Điều thứ 4.— Viện Nhân-dân đại-biểu gồm có :

a) Đại-biểu « không ứng-cử cho thương-mại », thay mặt cho dân Trung-kỳ, do những người được quyền bầu-cử bầu lên.

b) Những người có thuế môn-bài, đại-biểu cho các người thương-mại, do những người được quyền bầu-cử riêng bầu lên.

c) Đại-biểu cho thổ-dân các miền thượng-du, do Chánh-phủ Nam-triều lựa.

MỤC THỨ III

Những người được quyền bầu-cử.

— Tư-cách ứng-cử. — Cách lựa các đại-biểu thượng-du

Khoản thứ 1.— Những người được quyền bầu-cử.

A. — Đại-biểu « không đại-biểu cho thương-mại ».

Điều thứ 5. — Những đại-biểu không làm thương-mại thời do những người được quyền bầu-cử sau này bầu-cử :

1) Ủy-viên các hương-thôn, cứ mỗi 50 đình hay số lẻ quá 20 đình được bầu một người làm ủy-viên. Các ủy-viên ấy phải bầu theo cách thường-hành trong hương-thôn ; xong rồi, thời danh-sách ủy-viên phải đệ trình lên các quan địa-phương.

2) Chánh, phó-tổng.

3) Đương-thủ lý-trưởng.

4) Quan viên Nam-triều hiện-chức.

5) Văn võ quan-viên Nam-triều đã về hưu-trí ; viên chức tòng-sự Bảo-hộ đã hưu-trí.

6) Những người cựu-học thi hạch đậu tiến-sĩ, phó-bảng, cử-nhân, cống-sinh, tú-tài, học-sinh. Tốt-nghiệp ở các trường Đại-học, Trung-học, Cao-đẳng tiểu-học Pháp và Pháp-Việt. Những người có bằng Sơ-học Pháp và Pháp-Việt.

7) Các người được vinh-hàm ; văn từ 6/2 võ từ 5/2 trở lên.

8) Viên-chức hiện đương tòng-sự các sở Bảo-hộ.

9) Những người có đóng thuế điền thổ, từ 50 \$ 00 trở lên.

10) Cựu tư-vấn hội-viên và nhân-dân đại-biểu viện nghị-viên. Các người bầu-cử ít ra phải đủ 21 tuổi và phải biết đọc biết viết.

Mỗi năm, trước ngày 15 Décembre, các quan tỉnh làm ba bản danh-sách các người bầu-cử, do quan Công-sứ kiểm-sát và đệ trình bộ Lại.

Bộ Lại sẽ thương-đồng quý-Khâm-sứ đại-thần, làm-thời phúc-duyệt lại các bản danh-sách ấy, y rồi ; hai bản trả lại : một bản giao cho quan tỉnh, một bản giao quan Công-sứ.

Trừ ra kỳ này, hễ tiếp Dụ này thời phải làm ngay các bản danh-sách ấy đệ-liên bộ Lại, để cho kịp khóa tuyển-cử sắp tới.

B. — Đại-biểu thương-mại.

Điều thứ 6. — Theo địa-hạt đã kê định sau này, các hội-đồng bầu-cử thương-mại thời gồm tất cả những người chịu thuế môn-bài về 5 hạng trên.

Danh-sách các người bầu-cử cũng làm theo như cách-thức đã nói ở điều thứ 5.

Khoản thứ II. — Tư-cách ứng-cử.

Điều thứ 7. — Trừ ra các điều-kiện hạn-chế nói sau, các hạng người kê dưới này đều được ứng-cử nhân-dân đại-biểu :

1) Người Trung-kỳ có đóng thuế sinh-trưởng cư-trú ở Trung-kỳ.

2) Những người có chịu thuế môn-bài, người Trung-kỳ thời đã đóng thuế Lưu nói ở trên, người Bắc-kỳ thời cư-trú ở Trung-kỳ đã đủ mười năm, đều được ứng-cử làm đại-biểu thương-mại.

Các hạng người ấy đều phải đủ 28 tuổi lại phải biết đọc biết viết.

Khoản thứ III. — Lựa đại-biểu thượng-du ; đại-biểu cho dân các miền thượng-du, do Chính-phủ lựa.

Các đại-biểu thượng-du đều do các quan thủ-hiến bản-tỉnh thương-đồng quan Công-sứ, chọn người kỹ-hào các hạt ấy. Mỗi đại-biểu thời phải cử 3 người, đệ trình quan Thượng-thư bộ Lại.

Quan Thượng-thư bộ Lại sẽ thương-đồng quan Khâm-sứ đại-thần mà lựa lấy một người.

MỤC THỨ IV

Cách bầu-cử. — Cách ứng-cử

Điều thứ 8. — Về sự bầu cử làm đại biểu (không đại-biểu cho thương-mại) thời chiếu theo số đình cứ mỗi 80.000

hoặc số lẻ 10.000 thời được bầu-cử một người.

Trừ ba tỉnh *Kontum*, *Pleiku*, *Ban-mê-thuot* chỉ được bầu chung một người đại-biểu, còn các tỉnh khác, mỗi tỉnh ít nữa cũng được bầu cử một người.

Điều thứ 9. — Các đại-biểu thương-mại các tỉnh, thời bầu số định sau này :

1) Thanh-hóa, Vinh và Hà-tĩnh, 2 người đại-biểu : chỗ bầu-cử ở Vinh.

2) Đồng-hới, Quảng-trị và Thừa-thiên, 1 người đại-biểu : chỗ bầu-cử ở Thừa-thiên.

3) Quảng-nam và Quảng-ngãi, 1 người Đại-biểu : chỗ bầu cử ở *Faifoo*.

4) Qui-nhơn, *Kontum* và Phú-yên, 1 người đại-biểu : chỗ bầu-cử ở Qui-nhơn.

5) Tất cả các tỉnh khác, bầu chung một người đại-biểu : chỗ bầu-cử ở Phan-thiết.

Điều thứ 10. — Các binh lính, các quan võ, các viên chức tông-sự Chánh-phủ Bảo-hộ Trung-kỳ, hay Chánh-phủ Đông-Pháp, các quan viên văn, võ Nam-triều, hiện chức thời không được ứng-cử làm Nhân-dân đại-biểu.

Điều thứ 11. — Các viên chức bị lỗi mà thôi làm việc, và những người đã có can án tội ở Tây Nam án tòa, thời không được bầu-cử hay ứng-cử, trừ khi nào các hạng người ấy, người làm việc quan được khai-phục, người can án được thoát-miễn hay được hưởng luật ân-xá thời không kể.

Điều thứ 12. — Kỳ-hạn làm đại-biểu mỗi khóa 4 năm, khi mãn-khoá rồi cũng được bầu lại.

Điều thứ 13. — Cuộc bầu-cử các hạng đại-biểu đều do các quan Nam-triều chủ-tọa và do các Công-sứ kiểm sát.

Điều thứ 14. — Nếu có xảy ra kiện cáo về việc bầu-cử, thời quan tỉnh-hiến dùng quyền cai-trị, thương-dồng quan Công-sứ định cách sơ-thăm. Như ý-kiến bất-dồng, hay có người nào chống án, thời do quan Thượng-thư bộ Lại cùng quan Khâm-sứ đại-thần chung-thăm, các đơn kiện cáo, chỉ nhận trong hạn 7 ngày, sau cuộc bầu-cử. Trong hạn 48 giờ, phải xử-đoán xong, nếu ý-kiến bất - đồng, hay lâm-thời có người nào chống án nữa, thời trong hạn 15 ngày sau khi sơ-thăm, phải đệ-trình quan Thượng bộ Lại và quan Khâm-sứ đại - thần đoán-định.

Kết-quả cuộc bầu-cử nghị-viên, thời do trẫm và quan Khâm-sứ đại - thần chuẩn-y.

Bằng cấp các nghị-viên do quan Thượng-thư bộ Lại ký tên và quan Khâm-sứ Đại-thần duyệt ký.

MỤC THỨ V

Kỳ Hội-dồng của viện Nhân-dân đại-biểu

Điều thứ 15. — Mỗi năm thời viện Nhân-dân đại-biểu hội-dồng tại Huế một lần, về khoảng nửa tháng đầu tháng Septembre.

Triệu-lập dân-biểu Hội-dồng, do quan Thượng-thư bộ Lại thương với quan Khâm-sứ đại-thần ý-hiệp và phụng Chỉ lục tuần.

Viện ấy cũng có thể triệu-lập hội-dồng bất-thường; mỗi kỳ hội-dồng định là 8 ngày. Kỳ-hạn ấy có thể triển-hoãn được, do quan Thượng-thư bộ Lại thương-dồng quan Khâm-sứ đại-thần nghị-định.

Các kỳ hội-dồng dân-biểu sẽ có Trẫm cùng quan Khâm-sứ đại-thần chủ lễ khai-mạc hoặc giãn phải quan đại-diện.

Điều thứ 16. — Mỗi năm viện Dân-biểu cử 3 người trong viện vào ban thường-trực, phải có viên Nghị-trưởng,

còn một người làm thư-ký, một người làm thường-viên.

Ban thường-trực sẽ được quyền tổ bày ý-kiến về các vấn-đề Chính-phủ hỏi đến, đề khởi trê-nãi các việc khẩn-yếu.

Quyền-hạn ban thường-trực sẽ làm cho viện Dân-biểu xem xét được tất cả công việc thuộc về quyền-hạn của viện, cho nên đình bãi chức Thượng-thư Dân-biểu do Dự ngày mồng 10 tháng Septembre 1932 đặt ra.

Các viên đại-biểu thường-trực lãnh tiền phụ-cấp với các khoản phụ-phí thuộc về chức-vụ các viên ấy. Số tiền ấy sẽ có Chỉ-dụ chuẩn-định và do Bộ Tài-chánh trích Nam-triều ngân-sách chi cấp.

MỤC THỨ VI

Điều thứ 17. — Trẫm có thể thương-dồng với quan Toàn-quyền Đông-Pháp chuẩn-y lời đề-thỉnh của Hội-dồng Thượng-thư đã đồng-ý với quan Khâm-sứ mà giải tán Nhân-dân đại-biểu viện.

Điều thứ 18. — Những chỉ-tiết không nói trong Dự này, đại-loại như việc định số đại-biểu các tỉnh, tổ-chức các hạt bầu cử lập thành và phúc duyệt các danh-sách người được quyền bầu-cử chiếu tập và cách thức chiếu tập mấy người ấy, đều do quan Thượng-thư bộ Lại đem bàn định tại Hội-dồng Thượng-thư và thương-dồng quan Khâm-sứ đại-thần làm nghị-định mà thi-hành.

Điều thứ 19. — Bản-nội-quy-trình của Dân-biểu-viện sẽ do viện ấy đồng-ý với quan Thượng-thư bộ Lại mà dự-thảo ra.

Bản Quy-trình ấy sau khi thảo luận tại Hội-dồng Thượng-thư sẽ đệ lên Trẫm duyệt-y, có đồng-ý với quan Khâm-sứ.

Điều thứ 20. — Bỏ hết các điều-lệ trước thuộc về Tư-vấn Hội-dồng và Nhân-dân biểu-viện.

Khâm-thư

Duyệt :

Cung-lục :

Dalat, le 3 Juillet 1933

Dalat, le 3 Juillet 1933

Quyền Trung-kỳ

Thượng-thư Tổng-lý

Khâm-sứ đại-thần

Ngự-tiền Văn-phòng

Ký tên : THIBAudeau

đại-thần

Ký tên : PHẠM QUỲNH

Lại-bộ phụng-dịch

Phụng kháo

BẢN DỊCH

Dự số 46 ngày 3 Juillet 1933

Triển-hạn viện Nhân-dân đại-biểu

Ngày nay, Trẫm vừa giáng Dự số 45 sửa đổi hết tất cả chức-vụ viện Nhân-dân đại-biểu Trung-kỳ, cách sắp đặt Hội-dồng bầu-cử và cách thức bầu-cử.

Sự cải-cách ấy phải làm lại những danh-sách bầu-cử, chia riêng số nghị-viên mỗi tỉnh, để cho người bầu-cử đi cử, định cách-thức bầu-cử theo lệ mới lập.

Những công việc ấy không thể làm xong trước khi mãn-khoá của nghị-viên viện Nhân-dân đại-biểu hiện thời.

Vậy trước chuẩn những nghị-viên hiện chức viện Nhân-dân đại-biểu được triển-hạn đến 1er Octobre 1933.

Khâm-thư

V

Cải-tổ nền phổ-thông giáo-dục trong nước

(Dự số 51 ngày 22 tháng 7 năm 1933)

Từ trước đến giờ ở nước ta bậc sơ-học và tiểu-học đều thống-thuộc về nhà Học-chính của Chính-phủ Bảo-hộ.

Dự ngày mồng 8 tháng 4, mồng 2 tháng 5 này, mới rồi đã lập ra bộ Quốc-dân giáo-dục và đã đặt Bộ-trưởng bộ ấy.

Từ nay việc giáo-dục kẻ thanh-niên trong nước đều thuộc chuyên-trách Bộ ấy phải trông coi. Trẫm đã thương-dồng với Chính-phủ Bảo-hộ cho các viên-chức Học-chánh hiện từng-sự về bậc sơ-học và tiểu-học, từ nay sáp-nhập vào ngạch Nam-triều, mà đặt chức danh là tư-học và nữ-tư-học, trợ-giáo và nữ-trợ-giáo; đều thống thuộc về bộ Giáo-dục. Tuy về làm việc Nam-triều, nhưng các viên-chức đó vẫn được ăn nguyên lương và các thứ tiền phụ-cấp của ngạch cũ bên Bảo-hộ.

Trẫm lại định cho các viên-chức ấy những hàm-phẩm cuối cùng cao hơn lúc trước để tỏ lòng Trẫm chú-ý đến các nhà giáo-dục họn thiếu-niên.

Nay đặt lại chức Đốc-học, Kiểm-học, Giáo-thọ, Huấn-đạo để kiểm-cổ các công-trường, các tư-trường và các lớp học trong gia-đình. Thể-lệ và cách-lập bỏ về chức-vụ và quyền-lợi của các viên-chức ấy đã do Chánh-phủ Bảo-hộ hiệp-đồng cùng Trẫm mà minh-định.

Muốn cho dân-gian thông-dụng quốc-ngữ dễ viết và nói và nhân đó dễ truyền-bá trong thôn-quê cho đến ngõ hẹp hang cùng những món thường-thức về đạo-dức luân-lý về công-dân giáo-dục về cách-tri yếu-lược về vệ-sinh, văn-văn, rất thiết-yếu cho họn thiếu-niên các nước văn-minh đời nay, Trẫm đã hiệp-đồng cùng Chính-phủ Bảo-hộ định cho mở ra những trường nhà-quê gọi là «Sơ-học công-hương-trường» hay «Sơ-học liên-hương-trường» do các làng chịu lấy học-phí, còn về chương-trình cùng phương-pháp thời do các viên-chức bộ Giáo-dục kiểm-cổ cũng như các trường Nhà-nước vậy. Nhân-dân nước ta xưa nay vẫn sùng-thượng sự học, thời Trẫm chắc rằng bây giờ chỗ nào số học-trò đông nhân-dân cũng sẵn lòng

chịu tốn kém một ít để mở trường cho con em học. Nhờ có các thầy giáo, làng rước và có quan trên chuẩn-ý và chứng-nận cho dạy trong các trường làng, thời trẻ con có thể dùng tiếng nước nhà mà học các môn thường-thức cần-yếu, để về sau ra làm nghề-nghiep gì cho được xứng-đáng.

Hạch Sơ-học yếu-lược đặt ra là để khảo hạch học-trò ở cấp sơ-học, mà cấp sơ-học chính là một cấp học cốt-yếu về quốc-giáo và phổ-thông lại là cơ-sở của nền giáo-dục trong nước, cho nên Trẫm rất lấy làm chú-trọng.

Vả lại muốn cho các học-sinh dẫu bằng yếu-lược được tùy theo sức mình mà vào bậc tiểu-học Pháp-Việt, không kể trước học ở đâu thời đầu kỳ khai-giảng này ở các trường Nhà nước có lớp nhì, đệ-nhất niên, sẽ mở một cuộc thi mà các môn thi toàn bằng quốc-ngữ cả.

Trẫm khuyên các quan hành-chánh phải lấy lời hiền-thị cho nhân-dân đều rõ, hoặc lấy quyền-pháp can-thiếp vào mà khuyến khích trong dân-gian để mở mang nền quốc-gia giáo-dục phổ-thông ấy, ban-bố cho khắp con em không kể giai-cấp nào ở trong xã-hội.

Lập ra bộ Quốc-dân giáo-dục, đặt lại các chức Đốc-học, Kiểm-học, Giáo-thọ, Huấn-đạo, cải bỏ viên-chức học-chánh bậc sơ-học và tiểu-học, về Nam-triều, lập ra kỳ thi bằng quốc-ngữ để vào bậc tiểu-học tất cả các công việc ấy đều là cái minh-chứng rằng Trẫm lưu-ý chăm nom mở-mang sự giáo-dục cho quốc-dân là cái nền tiến-hóa luân-tự trong nước, mà Trẫm đương cùng Chánh-phủ Bảo-hộ hết lòng xây đắp.

Đó cũng là biểu-dương cái lòng luyện-ái đặc-biệt của Trẫm đối với các người đã ra nhận cái chức-trách cao-thượng dạy dỗ kẻ thiếu-niên.

Trẫm chắc rằng ai nấy sẽ hết lòng trung-thành trở lại học-thức, siêng-năng việc làm, nhất-luật chăm nom các con

em gửi học hết sức thanh liêm công-chính và giữ gìn hạnh-kiểm trong việc công và việc tư, dù làm gương cho bậc hậu-tiến, để cho khỏi phụ lòng tin cậy của Trẫm.

Khâm-thư

VI

Định thể-lệ và chương-trình thi vào quan trường (1)

(Dụ số 48 ngày 4 tháng 7 năm 1933)

Ngày mồng 10 Septembre 1932, vừa lúc Ta bắt đầu thân-chính. Ta đã xuống Dụ tuyên-cáo cho dân về ý Ta rất cần cho công-việc trị nước được thanh-thỏa, và ý Ta muốn hiệp-đồng cùng Chính-phủ Bảo-hộ để nghiên-cứu về việc cải-cách, cho nền chính-trị được lưu-hoạt, thêm thích-hợp với hiện-thời nhu-yếu và thỏa lòng nguyện-vọng của quốc-dân ta.

Ta từng biết, hễ thể-chế nhà-nước mở-mang thêm, công-nghiệp Chính-phủ thấu-dạt được khắp đồng-dân, và luật-lệ càng ngày thêm rộng ra, thời trách-nhiệm phó-thác cho quan-lại thêm nặng-nề, rắc-rối và tinh-tế nữa.

Các liệt-thành vẫn theo chánh-lý công-nhiên của một nền chánh-trị tốt mà trao cõ danh-dự cầm quyền cho những người đạo-đức, thông-minh và học giỏi nhất trong dân.

Đức Khổng-tử có nói: «Chớ lo không có địa-vị, chỉ sợ không xứng được; chớ lo người không biết mình, bầy gắng làm cho người biết.»

Nước ta từ xưa đến nay theo thi-hạch mà lựa người, giao việc, phương tiện đó thiết là công-bằng và kinh-nghiệm lắm; nhưng ngày nay cựu-học phải nhường chỗ cho qui-chế và khoa-học cách trị Thái-tây. Nhờ ơn Nhà-

nước Bảo-hộ mở mang các trường học, thiếu-niên ta ngày nay uổ-nức theo đòi học-tập, chẳng bao lâu mà đào-lạo được một hạng anh-tài mới, thích-hợp với tân-thời, noi theo thành-pháp xưa nay không thể dị-nghị được và chánh-lý hiển-nhiên, mà lựa chọn mấy người ấy, để giúp việc nước.

Những người xin làm việc có bằng-cấp và đúng tư-cách, càng ngày càng nhiều mà chỗ khuyết thời có định-hạn, Ta muốn đem công tâm và trí đoan-định mà điền bổ, Ta muốn bỏ lòng tư-vị bất-công, để cho những kẻ xu-mi, hết đường thỉnh thác, Ta muốn cho quan-trường được nhân-tâm tín-phục và khỏi tiếng công-kích.

Sách có chữ rằng: «Người quán-tử làm cho kẻ dưới tin đã, mới sai khiến về sau, nếu không thế thời người dưới tưởng kẻ trên khinh rẻ.»

Ngày nay là dịp tốt để thiết-lập ra một khoa thi quan-trọng, để lần lượt lựa chọn những người có tư-cách đích-dàng trong bọn anh-tài nước ta, mà dùng làm công-việc hành-chánh trong nước. Ta tưởng những quan cai-trị, ngoài học-thức chất-phác, có bằng-cấp chứng-minh, phải có văn-học phổ-thông, mới am-hiểu được các vấn-đề chánh-trị và xã-hội, là vấn-đề có quan-thiết lắm với sự sinh-hoạt của dân-tộc ngày nay, và cũng phải có tính-chất riêng, có bản-lĩnh và tài-năng cầm quyền, để thay mặt Chính-phủ và đối cùng dân có oai-vọng.

Mục-dịch Dụ này là lập trường thi vào quan-ngạch, tị-đồng đã soạn ra và có ý theo lời quan Toàn-quyền chỉ bảo.

Ta nghĩ việc cải-cách này, rất ích-lợi cho quốc-dân và nhân đây ta tỏ lòng cảm ơn quan Toàn-quyền Đại-thần đã hoàn-toàn giúp ta cho được thành-đạt mục-dịch.

(1) Bản Dụ này ký trước đã lược đăng, nay được bản chính ở Bộ gửi ra, nên lại đăng cả toàn-văn.

Khoản thứ 1. — Chiều theo Qui-trình quan-lại đã nói, thời mỗi năm sẽ có Chỉ định ngày ứng-thí một lần, đều nhau, ở Huế và ở Hà-nội, để lựa-tuyển người bỏ vào ngạch phủ, huyện, Bắc-kỳ và vào ngạch thuộc-quan Nam-triều.

Khoản thứ 2. — Mỗi năm sẽ định tuyển-thủ số người bao nhiêu riêng cho xứ Bắc-kỳ và Trung-kỳ, tùy theo số khuyết hai xứ ấy; số ấy sẽ tuyên-cáo trong Chỉ định mỗi kỳ thi.

Khoản thứ 3. — Danh-sách thí-sinh được dự-thí, phải làm xong trước 15 ngày, khi khai-thí, tại phủ Thống-sứ Bắc-kỳ, cho các thí-sinh ứng-thí ở Hà-nội; tại bộ Lại, cho các thí-sinh ứng-thí ở Huế.

Khoản thứ 4. — Những đơn xin ứng-thí của các thí-sinh, ở Hà-nội thì nộp tại phủ Thống-sứ Bắc-kỳ, ở Huế thì nộp tại bộ Lại. Đơn ấy phải đính theo các văn-bằng của các thí-sinh.

Khoản thứ 5. — Chỉ những thí-sinh nào, tính từ khi làm việc tới 55 tuổi về hưu, mà có hưu-bổng thời được ứng-thí.

Khoản thứ 6. — Người nào mà không có văn-bằng y như trong Chỉ-dụ này, hay không hiệp điều-lệ người bản-quốc, hạn tuổi, hạnh-kiểm, sức khỏe, như trong quan-viên Qui-trình đã nói, hay trước đã bị can án hoặc bị can khoản, thời không có thể được dự vào danh-sách các thí-sinh. Người nào dùng cách gian-trá để được dự tên vào danh-sách ứng-thí, trái với điều-lệ trong khoản này, sẽ chiều luật hiện-hành mà trị tội.

Khoản thứ 7. — Trong khi hạch, thì các thí-sinh phải đem giấy căn-cước theo, khi có hồi thời trình ra, nhất là trong khi kêu tên vào hạch từng môn. Nếu không có thời không được vào ứng-thí.

Khoản thứ 8. — Các người có văn-bằng như sau này sẽ được vào ứng-thí:

1. — Đại-Pháp hoặc Đông-Pháp Cao-dẳng văn-bằng.

2. — Trung-học hoặc Cao-dẳng tiểu-học văn-bằng (thi đỗ đã được bốn năm rồi).

3. — Các viên tùng-sự các công-sở thuộc về ngạch Đông-Pháp và ngạch bản-xử, và các viên-dịch ngạch Nam-triều đã làm việc được bốn năm và lại được sát tốt.

Mấy người có văn-bằng Cao-dẳng Đại-Pháp Tiến-sĩ (*Docteurs*) Hoàng-giáp (*agrégés*) cử-nhân (*licenciés*) trong kỳ thi viết, sẽ được cho thêm ba điểm.

Khoản thứ 9. — Danh-sách các thí-sinh, do quan Thống-sứ Bắc-kỳ định, và danh-sách các thí-sinh do quan Thượng-thư bộ Lại định, đều gửi đến quan Chánh Chủ-khảo. Một bản sao các danh-sách ấy có đính theo giấy khai-sinh của thí-sinh, sẽ đệ giao các quan chánh Hội-đồng kiểm-sát ở Hà-nội và ở Huế.

Khoản thứ 10. — Ta đề cho quan Toàn-quyền Đông-Pháp lặn-cử Hội-đồng khảo-thí và Hội-đồng kiểm-sát khi thi viết ở Huế và ở Hà-nội.

Hội-đồng khảo-thí sẽ do một vị thượng-quan người Pháp đại-diện quan Toàn-quyền làm chánh Chủ-khảo, và lại có hai viên phó Chủ-khảo đại-diện Nam-triều, hai viên giám-khảo Pháp và hai viên giám-khảo An-Nam; mấy viên này sẽ chọn trong hàng quan-lại trong nước có tiếng học rộng và có phẩm-giá.

Hội-đồng kiểm-sát sẽ tùy theo số thí-sinh mà định số hội-viên để giữ trật-tự trong các phòng thi và ngăn-ngừa sự gian-trá.

Khoản thứ 11. — Các thí-sinh phải làm bài vào giấy nhà-nước cấp, giấy ấy do quan chánh chủ Hội-đồng kiểm-sát phát cho.

Mỗi thí-sinh phải viết tên họ, chỗ ở, các điều khai về sinh-bộ và nơi thi; vào nơi chỗ rọc phách, đầu trang giấy thứ nhất. Khi mỗi môn thi xong, quan chánh Hội-đồng kiểm-sát thân lấy bài thi của các thí-sinh và đánh số hiệu (không cho các thí-sinh biết) vào mỗi bài thi, lại có ý viết số-hiệu ấy vào cái phách nơi trang giấy đầu và nửa giấy dưới phách.

Khoản thứ 12. — Quan chánh Hội-đồng kiểm-sát, khi thân các bài thi của các thí-sinh, phải xem xét có ký tên không, có dấu hiệu gì không, có kiểu mẫu và dấu gì có thể cho người ta biết là bài của một thí-sinh nào. Nếu xét ra có dấu hiệu gì, thời quan chánh Hội-đồng kiểm-sát phải họp các hội-viên hội-đồng kiểm-sát lại để mà xét. Nếu Hội-đồng xét có điều gian-trá thật, lúc ấy sẽ lập tờ biên-bản đuổi người thí-sinh ấy không cho thi nữa. Tờ biên-bản ấy sẽ lập tức đệ trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ và quan Thượng-thư bộ Lại, tùy khi thí-sinh ấy ở Hà-nội hay ở Huế; và không cho thí-sinh ấy vào thi mấy môn kia nữa. Lại tư cho quan Chánh Chủ-khảo biết rằng đã xóa tên thí-sinh ấy trong sổ ứng-thi.

Khoản thứ 13. — Các bài thi viết, do các quan Hội-đồng khảo-thi lần-lượt xem xét và cho điểm riêng. Quan Chánh Chủ-khảo sẽ họp hội-đồng đồng đủ để định *notes* các thí-sinh và lập danh-sách các thí-sinh được vào thi kỳ khâu-vấn.

Khoản thứ 14. — Khi thi khâu-vấn, thời các thí-sinh tới dự-thi trước hội-đồng khảo-thi có công-chứng được dự thính. Hội-đồng khảo-thi sẽ ở Huế rồi ra Hà-nội.

Khoản thứ 15. — Khi thi khâu-vấn xong rồi, hội đồng khảo-thi tức thì làm danh-sách các thí-sinh được trúng-tuyển.

Muốn làm danh-sách ấy thời phải mở các phong-bì có niêm khảm, đựng các miếng phách đề tên các thí-sinh, rồi lập bản tổng-kê các điểm-số của mỗi người thí-sinh. Bản ấy chia ra làm sáu hàng đứng. Hàng thứ nhất đề: Danh-sách các thí-sinh được vào thi khâu-vấn. Hàng thứ nhì đối ngang với hàng kê tên, biên điểm-số của thí-sinh đã được trong khi thi khâu-vấn, lại có nhân với bội-số. Hàng thứ ba biên điểm-số kỳ thi viết thứ nhất, hàng thứ tư biên điểm-số kỳ thi viết thứ nhì, hàng thứ năm biên điểm-số kỳ thi viết thứ ba, Hàng thứ sáu cộng điểm-số cả bốn kỳ thi.

Bản ấy sẽ do quan Chánh Chủ-khảo và các quan giám-khảo nhận thực.

Các người thi đậu sẽ chiếu theo thứ tự điểm-số được nhiều hơn hết mà lấy, cho tới khi đủ số người đã định lấy.

Người thi đậu sẽ được cấp cho một đạo sắc.

Việc bổ dụng vào ngạch, sẽ chiếu theo thứ tự trong danh-sách ấy và chỗ khuyết mà bổ. Sau này sẽ có định lễ-nghi xướng danh các người thi đậu.

Khoản thứ 16. — Những điều lệ riêng về kỳ hạn và thể-lệ lập-sự các người thi đậu, trước khi được thiệt-thọ, thời do quan Thống-sứ Bắc-kỳ (về ngạch hành-chánh ở xứ ấy) và Hội-đồng Thượng-thư (về ngạch quan-lại ở Trung-kỳ) nghị-định.

Khoản thứ 17. — Có bốn kỳ thi: 3 kỳ thi viết, 1 kỳ thi vấn-đáp. Các đầu bài sẽ do quan chánh Chủ-khảo lựa rồi bỏ trong bì niêm lại.

Kỳ thi viết có:

Kỳ thi thứ nhất: Bài luận về một vấn-đề quan-thuộc với lịch-sử văn-minh của Việt-nam. Hạn thi: 5 giờ đồng hồ.

Kỳ thi thứ nhì : Bài luận về một vấn-đề quan-thuộc với lịch-sử văn-minh Thái-tây : Hạn thi : 5 giờ.

Kỳ thi thứ ba : Bài luận về một vấn-đề quan-thuộc về chánh-trị Đông-Pháp. Hạn thi : 5 giờ.

Khoản thứ 18. — Kỳ thi vấn-đáp thời có bài giải thuyết bằng tiếng nam, hạn trong 45 phút ; bài ấy quan-trưởng không ra đề, chỉ bắt thăm lấy ở trong chước g-trình kỳ thi thứ ba.

Mấy người ứng-thí khi bắt thăm đầu bài rồi, thời hạn cho ba giờ để soạn bài giải thuyết. Trong lúc đó các người ấy phải ngồi riêng một chỗ đã sắp đặt sẵn rồi mà cấm không được thông-đồng với người ngoài, và có cần dùng sách gì để soạn bài giải-thuyết thời cũng có hỏi mượn được.

Khoản thứ 19. — Cho điểm-số các bài thi viết và vấn-đáp, sẽ kể từ 0 đến 10. Hễ bị 0 ở một kỳ nào thời đánh hỏng.

Cho điểm-số thời tùy theo lời bình-phẩm sau này :

10: Bài đặc-sắc, sáng-kiến, hoàn-hảo cả về tinh-thần và về phần thể-cách.

9 : Ưu-hạng, tinh-thần kiện-bảo, thể-cách rất đúng.

8 : Ưu bình hạng tinh-thần tốt, thể-cách vụng sơ sơ.

7: Bình hạng, tinh-thần và thể-cách vừa đúng.

6: Bình-thứ hạng, tinh-thần đúng, mà thể-cách kém, hay tinh-thần kém mà thể-cách tốt.

5: Bình thứ hạng, tinh-thần và thể-cách đều kém.

4: Thứ hạng, tinh-thần sai, thể-cách vụng-về.

3: Thứ hạng, tinh-thần và thể-cách sai lắm nhiều.

2, 1, 0: Liệt hạng, không có giá-trị.

Khoản thứ 20. — Những người ứng-thí về mấy kỳ thi viết cộng lại không được 20 điểm, thời không được vào thi kỳ vấn-đáp.

Khoản thứ 21. — Kỳ thi vấn-đáp được bội nhân lên 3. Các quan trưởng bình-phẩm, thi phải theo cả về giá-trị bài giải-thuyết, về tinh-thần và thể-cách, về bộ-lịch chung của người ứng-thí, về tư-cách ngôn-luận, cách lưu-hoạt và cử-chỉ đã thể-lộ ra đương khi đối-phó với quan-trưởng.

Mỗi ông quan trưởng cho điểm riêng, rồi lấy số trung-bình (*moyenne*) mà kể.

Khoản thứ 22. — Chương-trình các món thi định như sau này :

KỠ THI THỨ NHẤT

Luận về lịch-sử văn-minh Viễn-đông

Ấn-độ

Ấn-độ về thời-đại xưa ; đạo *Védisme*, đạo *Brahma*, đạo Phật. Sự chinh-phục của ông *ALEXANDRE* và kết-quả : Đế-quốc *Maurya* (*Açoka*). Người *Indo-grecs*, người *Indo-Scythes* (*Kaniskha*).

Trình-độ biến-thiên của đạo Phật và đạo ấy tràn khắp Trung-Á và nước Tàu.

Văn-minh Ấn-độ tiếp-xúc với xứ Đông-Pháp (*Fouan*), Chiêm-thành, tạo lập nước *Khmer*.

Tàu

Tàu về thời-đại xưa : đời Thương, đời Chu, Khổng-tử, Lão-tử.

Tạo-lập đế-quốc : Tần Thủy-hoàng, đời Hán.

Nước Tàu giao-thiệp với Thái-tây, con đường buôn-bán tơ lụa, Đạo Phật thâm-nhập.

Nước Tàu giao-thiệp với Đông-Pháp : Người chiếm lấy Bắc-kỳ lần đầu.

Dân-lộc người Nam kháng-cự : những triều đầu tiên.

Ấn-độ

Trung-cổ thời-dại } Đế-quốc *Gupta*. Các nước phía nam. Ấn-độ phục-hưng. Văn-minh Ấn-độ tràn qua Đông-dương và Nam dương quần-đảo, nước Cao-miền, nước Chiêm-thành. Dân-tộc Thái tràn xuống. Nước *Khmer* tiêu-diệt và nước *Xiêm* tạo lập.

Cận-cổ thời-dại } Sự chinh-phục của dân *Musulman*. Đế-quốc Mông-cổ. Người Thái-tây qua Ấn-độ. Ấn-độ nước Pháp : *Dupleix*. Ấn-độ nước Anh.

Hiện-thời } Chủ-nghĩa quốc-dân của Ấn-độ.

Tàu

Nước Tàu có đạo Phật và xưng-đế: đời Đường.

Truyền-bá văn-minh Trung-quốc truyền qua Ấn-Nam.

Đạo Khổng phục-hưng: đời Tống; Ông *GENGIS KHAN* và đời Nguyên; nước Nam và nước Chiêm-thành đánh nhau. Nước Chiêm-thành tiêu-diệt. Nước Nam giao-tiếp với nước Tàu.

Dân Trung-hoa trung-hưng: đời Minh. Sự chinh-phục của Mãn-châu. Những vua danh tiếng: Khang-hy, Yong-tcheng, Kiền-long. Người Thái-tây ở Tàu và ở Đông-Pháp. Đạo Thiên-chúa thâm-nhập. Trung-quốc cách-mệnh. Dân-quốc cộng-hòa đảng. Thái-tây với nước Nam và đời Nguyễn. Chính-trị ở Đông-dương và ở Viễn-dông.

KỶ THI THỨ HAI

Luận về lịch-sử văn-minh Thái-tây

- Thượng-cổ thời-dại } a) Văn-minh tiền Á-châu (*Assyrie, Chaldée, Perse, Lydie, Phénicie* và *Ju lée*).
b) Văn-minh ở Địa-trung-hải (*Ai-cập, Hi-lạp, La-mã*).
c) Thế-giới La-mã: xã-hội cổ-thời, sự mĩ-nô.
d) Đạo Thiên-chúa: đạo-giáo và truyền-giảng, đạo thiên-chúa biển-cải.
- Trung-cổ thời-dại } a) Nước La-mã và bọn *Barbares*; pháp-luật và phong-tục xung-đột. Sự nô-lệ; thời-dại phong-kiến.
b) Đạo *Islam*: đạo-giáo và truyền-giảng; người Thái-tây chống-cự với đạo *Islam*; quân thập-tự chinh-đông và kết-quả về xã-hội.
c) Thế-thống đức Giáo-hoàng của các nước Âu-châu tạo-lập, sự cạnh-tranh của đạo giáo và ngoại đạo.
d) Văn-minh Thái-tây về đời trung-cổ; các giáo-hội; cách-trí, văn-chương, kỹ-nghệ; thuộc về đạo Thiên-chúa.

- Cận-cổ thời-dại } a) Các sự thám-phát về hàng-thải, và những nước có thuộc-địa lớn, Âu-châu đến thời-kỳ khởi đứng riêng.
b) Sự lập-hiến của các nước lớn bên Âu-châu.
Phục-hưng và cải-cách; Âu-châu đến kỷ hết thống-nhất.
c) Các nước chuyên-chế quân-chủ bên Âu-châu; tình-thế chánh-trị, và xã-hội, cách-trí, văn-chương và kỹ-nghệ; sự cường-thịnh Đại-Pháp về thế-kỷ 17 và 18.
d) Cách-mạng năm 1789 ở Đại-Pháp, ở Âu-châu và cả thế-giới; nguyên-nhân và can-hệ.
- Hiện-thời } a) Quốc-gia chủ-nghĩa ở Âu-châu; cách-mạng năm 1830 và 1848 ở Đại-Pháp, ở Âu-châu và trong thế-giới;
Nước Đức và nước Ý thống-nhất; Âu-tây quân-thế.
b) Bên Âu-châu mở rộng thuộc-địa về thế-kỷ 19 và 20;

Thuộc-địa Anh, thuộc-địa Pháp, thuộc-địa Nga.

c) Vấn-đề xã-hội; cơ-khi xuất hiện ở thế-kỷ 19 và sự can hệ; tư-bản và phạm-dân. Chủ-nghĩa khuếch-trương kinh-tế và xã-hội. Chủ-nghĩa *Karl Marx*: Cách-mạng Xô-viết, sự can-hệ cho thế-giới và

tiếp-xúc qua Viễn-đông. Chủ-nghĩa Tân-thế-giới.

d) Cách-trị văn-chương và kỹ-nghệ ở thế-kỷ 19 và 20 ở Âu-châu và ở các xứ đã có văn-minh Thái-Tây. Sự hành-động về triết-học và Tôn-giáo ở thế-kỷ 19 và 20.

e) Vạn-quốc-hội, cuộc trị-an, chứng-cứ, triết-bất-bình-khí.

KỶ THI THỨ BA

Luyện về văn-đề sắp đặt chánh-trị cao-trị và tài-chánh ở Đông-Pháp và ở nước Nam

1^o Chánh-hiến của Pháp ở Đông-Pháp. Sáng-lập cuộc thống-hiệp Đông-Pháp.

Chánh-phủ Đông-Pháp, chánh-trị bản-xứ, các tỉnh.

Các sở công ở Đông-Pháp.

Các Hội-đồng.

Các chủ-ý về phong-kiến và củánh-thể phong-kiến ở Đông-Pháp.

Tình-trạng của bọn thợ - thuyền và binh-dân.

Người đông và của thiếu.

Những phương-pháp bồi-cứu.

Khoản thứ 23. — Bộ Lại coi việc thi hành Dự này ở Trung-kỳ.

Còn Bắc-kỳ thi do quan Thống-sứ thay chức Kinh-lược coi việc thi-hành Dự này ở xứ ấy.

Khâm-thử

VII

Định quan-viên qui-trình mới

(Chỉ số 44 ngày 3 tháng 7 năm 1933)

Xét dạng-bản quan-viên qui-trình của Hội-đồng cải-cách (do Dự ngày 2 Mai 1933 thiết-lập ra) tâu lên, Trẫm đã duyệt-lãm và đích nhận rằng bản ấy thích-hợp với sự khẩn-yếu phải có cho quan-trưởng ta một cái qui-trình kẻ rõ-ràng cách tuyển-dụng, lợi-quyền và phận-sự

Trước chuẩn, về khoản ấy, tự hậu, phải tuân theo thể-lệ đã định ở trong qui-trình này.

Khâm-thử

2^o Nước Nam — Chánh thể Bảo-hộ Khảo-cứu những thể-lệ giao-hiệp đã đặt ra Đại-Pháp Bảo-hộ chánh-phủ: Hoàng-đế. — Các Bộ-nha, chánh-trị ở các tỉnh.

Xã-thôn: nguyên-do tấn-hóa, hiện-tình.

Luật-lệ An-Nam và sự tấn-hóa.

3^o Sắp đặt tài-chánh ở Đông-Pháp. — Những ngân-sách. Cách-thức thầu thuê. Cách-thức thương-chánh

4^o Kinh-tế ở Đông-Pháp:

Ngân-hàng. — Đồng bạc; bảo-vệ thương-chánh.

Canh-nông. — Kỹ-nghệ.

Thể-cách của tư-bản riêng.

5^o Vấn-đề xã-hội ở Đông-Pháp.

Vệ-sinh công-cộng.

Học-chánh. — Đào-tạo nhân-tài.

Công-quyền.

Luật-lệ lao-động.

Xử-tri tổng-diều

Mục-lục

Chương thứ 1—Xử-tri tổng-diều.

Chương thứ 2—Ấn-quan.

Thuộc-quan.

Tạm-thời xử-tri.

Lận-tuyền ngạch-quan-

viên bộ Công-tác.

Viên-dịch.

Thăng-đặc-cách
những viên-dịch.

Chương thứ 3—Cáo-giả và hư-lức.

Chương thứ 4—Sách-thăng và sát-cử.

Thăng-đặc-cách.

Chương thứ 5—Quan-kỷ.

CHƯƠNG THỨ 1

Khoản thứ nhất—Chính-thê bản-quốc thống-trị do Chính-phủ Nam-triều, có quan Đại-diện của qui Bảo-hộ kiểm-cổ, ngạch quan-lại có được Triều-dinh cấp bằng, sắc và thọ phẩm-hàm.

Những quan-lại bản-quốc phải chiều theo qui-trình này chuẩn-định mà tuân-hành cho đến lúc nào có tân-nghị khác. Qui-trình này ngoài những điều: xử-tri tông-qui lại nói thêm điều: lệ thuộc về quan-lại chính-trị ở Kinh và ở ngoài. Những quan lại biệt-ngạch (về Tư-pháp, học-chánh, công-tác, lễ-nghị) cách tuyển-dụng diên-bổ, thuyên-chuyển và thăng-thưởng sẽ có lệ riêng, mỗi khi trong qui-trình này nói chưa đủ.

Những quan-viên biệt-ngạch chỉ được bổ quan chức trong biệt-ngạch ấy mà thôi, không có khi nào được đổi qua quan-chức nào khác với biệt-ngạch ấy.

Khoản thứ 2.—Qui-trình này không thi-hành với các quan Đại-thần Hội-dồng Thượng-thư.

Khoản thứ 3.—Các hạng quan-viên đều theo giai-cấp gồm có chín phẩm, mỗi phẩm hai trật chia ra làm ba hạng

Ấn-quan,

Thuộc-quan,

Viên-dịch.

Khoản thứ 4.—Ngạch ấn-quan thời do Chỉ chuẩn-định, có thương-dồng quan Khâm-sứ đại-thần và hồi ý-kiến Hội-dồng Thượng-thư.

Ngạch thuộc-quan thời do Chỉ chuẩn-định có thương-dồng quan Khâm-sứ đại-thần và ý-kiến bộ sở-quan với Hội-dồng Thượng-thư.

Ngạch viên-dịch thời do bộ sở-quan thương-dồng quan Khâm-sứ đại-thần ý-hiệp sẽ phụng-phiến đồng-tất.

Ngạch ấn-quan và thuộc-quan thời án-khuyết mà làm.

Những chức ấy đặt thêm hoặc bãi đi thời do bộ sở-quan hồi ý-kiến bộ-dồng Thượng-thư và thương quan Khâm-sứ đại-thần ý hợp, rồi tâu lên phụng Chỉ lục tuân.

Khoản thứ 5.—Bồng-hướng thời chiều hàm chi-cấp, chứ không chiều hiện-chức. Còn những tiền phụ-cấp khấu bạc nhà thương, bạc lộ-phi, hành-phi, gia-cấp công-xuất và bồng-hướng thời do Chỉ chuẩn-định, sau khi hồi ý-kiến Hội-dồng Thượng-thư và thương-dồng quan Khâm-sứ đại-thần ý-hiệp.

Khoản thứ 6.—Quan-chức thời chiều hàm án-bổ theo như đồ-bản đăng sau chương này; nhưng khi nào việc quan nhu-dụng và đặc-cách thời quan-viên có thể lấy bổn-hàm mà lĩnh lên hay lĩnh xuống. Không khi nào lĩnh quá một trật, trừ ra có bổ chức thủ-hiến các tỉnh hoặc phủ, huyện thời không kể.

Ngoài ra có biệt-phái để làm hẳn công-việc gì, thời không được bỏ tạm-phái về ngạch nào cả.

Lặn bỏ quan-viên sung vào Ngự-tiền văn-phòng, về ấn-quan thời có phụng Sắc chuẩn, về thuộc-quan hay viên-dịch, thời do quan Thượng-thư Tổng-lý Văn-phòng sất-cử, thương-dồng bộ sở-quan và quan Khám-sứ đại-thần duyệt-y rồi phụng Chỉ chuẩn.

Thường trong năm, khi có ấn-quan và thuộc-quan khuyết thời chiêu theo điều-lệ định trong khoản thứ 16 và thứ 19 mà chọn bổ.

Khoản thứ 7.— Không ai được thăng một trật nào trong quan-giai, nếu hàm phẩm chưa đến liền dưới bậc ấy.

Mỗi quan-viên đều có một cái lý-lich, trong lý-lich biên những chức-hàm của viên ấy. Những giấy-tờ được bổ, được thăng, được hạo-trạng hay bị trách-phạt, những lời sất-ngữ thường năm của quan trên cho viên ấy.

Mỗi năm trước ngày 1^{er} Janvier, tất cả quan-viên phải do thượng-ty sất-ngữ. Sất-ngữ thời do người xét đương lấy trách-nhiệm, lời xét phải tường-lất, kể những công-cán riêng, những lời phải biệt-chủ, tư-cách của viên ấy và xem có xứng-dáng được thăng không. Lý-lich phải làm 3 bản, một bản để ở bộ Lại, một bản để ở bộ sở-quan, một bản để làm-thời viên ấy bổ tới tỉnh nào thì để tới tỉnh ấy.

Khoản thứ 8.— Mỗi năm đến kỳ tết chỉ làm sách thăng-thưởng một lần, cho thăng thời chiêu theo thứ-tự trong sách ấy về dịp Nguyên-dán, hoặc có thể đến 14 Juillet. Những thể-lệ được thăng thời định ở chương thứ 4, khi nào những quan-viên có lao-cán đặc-biệt và xứng-dáng thời có thể đặc-cách cho thăng liền, theo thể-lệ định ở chương thứ 4, khoản thứ 45.

Khoản thứ 9.— Những quan-viên hàm 5-I, 4-2 hay 4-I đã 5 năm rồi mà không được thăng, thời cho cải ấn-hàm, nhưng hàm ấy chỉ kể là vinh-hàm mà thôi. Những quan-viên khi thời làm việc nhà-nước và có công-lao đáng thăng một, hai trật, thời cho thêm hàm đường hay không, thời do bộ Lại hoặc bộ sở-quan thương đồng quan Khám-sứ ý-hiệp, rồi tâu xin Hoàng-thượng tài-định.

Khoản thứ 10.— Những hàm thế tập của con cháu các nhà Hoàng-phái hay các quan, những viện-hàm hay vinh-hàm khác, những người lòng-sự các sở Bảo-hộ Bồng-Pháp hay bản-xứ mà được đổi hàm, thời không bao giờ viện được cơ gì hay đặc-quyền gì mà xin bỏ vào quan-chức hành-chánh. Người nào mà không đúng theo như trong điều-lệ mà qui-trình này đã định, thời không được bỏ vào quan ngạch Nam-triều.

Khoản thứ 11.— Những người bỏ vào ngạch quan Nam-triều theo thể-lệ đã định trong qui-trình này và có được vinh-hàm như khoản thứ 10 đã nói trên ấy, thời được giữ hàm đó về phần danh-dự và ngôi thứ, (ngôi thứ, phải hiểu rằng ngôi thứ trong khi lễ-nhạc ở nhà, ở làng, chớ không phải ngôi thứ ở các lễ công). Còn về phương-diện khác như chức, bổng, thăng, v. v., đều như các người khác.

Khoản thứ 12.— Về ngạch quan-chức giữ việc lễ-tự và tôn-phổ, thời không thay đổi gì; nhưng quan-chức ấy hoặc làm việc ở tôn-nhân, hoặc coi giữ các lăng-ruiếu là một ngạch khác hẳn với ngạch quan chánh-chức đã do qui-trình này định ra.

Những quan-viên thuộc về ngạch lễ-tự không bao giờ và không có cơ gì mà xin đổi qua ngạch quan-lại hành-chánh Nam-triều, trừ ra những người nguyên thuộc về ngạch ấy trước khi

bau-bổ qui-trình này, hoặc có đủ tư-cách như qui-trình này đã định mà được dự vào ngạch thuộc-quan.

Khoản thứ 13. — Quan-viên các ngạch có thể vì thể-chất ốm-yếu mà thái-hồi, do quan thầy thuốc Nhà-nước khám đi và khám lại.

Những quan-viên chiều theo khoản này mà bị thái-hồi, thời có cho gia-cấp, từ một tháng đến năm tháng bổng, nhưng không có phụ-cấp, chiều theo thể-lệ đã định trong Dự ngày 4 Février 1925 điều thứ 9 sửa lại kho hưu-bổng của Nam-triều và do bỏ-nghị ngày 10 Décembre 1929 đổi lại.

Những quan-viên tuổi đã 50 và tới lệ được hưởng hưu-bổng, hoặc nhân không kham công-việc, hoặc nhân giảm-ngạch, thời có thể cho về hưu.

Khoản về hưu ấy ấn-quan và thuộc-quan có quyền chức-chương thời do Hoàng-thượng tài-định thương-dồng quan Khâm-sứ đại-thần, còn các quan-viên khác thời do bộ Lại hoặc bộ sở-quan thương-dồng quan Khâm-sứ đại-thần và có hỏi ý -kiểu Hội-đồng Thượng-thư rồi phụng phiến đồng-tất.

Khoản thứ 14. — Quan chức Nam-triều làm việc đến 55 tuổi là hết hạn, nhưng trừ các ấn-quan làm thủ-hiến các tỉnh (Tòng-dốc, Tuần-vũ, Phủ-doãn), quá hạn tuổi ấy có thể đặc-cách nhưng lưu mỗi thời-kỳ một năm cho đến 58 tuổi. Lưu-dụng các quan lớn ấy mỗi năm sẽ do quan Thượng-thư bộ Lại ý-hiệp với Hội-đồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ đại-thần rồi tâu lên Hoàng-thượng tài-định.

Vấn-giai quan-viên

2-1 Thượng-thư, Tòng-dốc.

Thị-lang các bộ.

3-1 Thị-lang Nội-vụ, Bô-chính.

4-1 Lang-trung, Chương-ấn viện Đô-sát, Phó giám-lâm Nội-vụ, Biên-tu nhất-hạng Cồ-học và Sử-quán, Tri-phủ nhất-hạng.

5-1 Tri-huyện nhất-hạng, Thông-pháp, Thô-tri-châu nhất-hạng, Thô-tri-phủ nhất-hạng, Chủ-sự, Biên-tu tam-hạng Sử-quán và Cồ học.

6-1 Biên-tu tứ-hạng Sử-quán và Cồ-học, Kiểm-sự nhị-hạng, Hậu-bổ nhất-hạng, Bang-tá nhất-hạng, Thô-tri-châu tam-hạng, Thô-tri-phủ tam-hạng, Hành-tầu nhất-hạng.

7-1 Thừa-phái nhất-hạng, Thô-tri-huyện nhị-hạng.

8-1 Thừa-phái tam-hạng.

9-1 Thừa-phái ngũ-hạng.

2-2 Tham-tri, Toàn-tu Sử-quán và Cồ-học, Phủ-doãn Thừa-thiên, Tuần-vũ.

3-2 Tá-lý, Quản-đạo, Phụ thừa Thừa-thiên, Ân-sát.

4-2 Viên-ngoại, Ngự-sử viện Đô-sát, Biên-tu nhị-hạng Sử-quán và Cồ-học, nhị-hạng tri-phủ.

5-2 Tri-huyện nhị-hạng, Thô-tri-châu nhị-hạng, Thô-tri-phủ nhị-hạng, Kinh-lịch, Tư-vụ, Kiểm-sự nhất-hạng.

6-2 Hậu-bổ nhị-hạng, Hành-tầu nhị-hạng, Bang-tá nhị-hạng, Kiểm-sự tam-hạng, Kiểm-lý, Thô-tri-huyện nhất-hạng.

7-2 Thừa-phái nhị-hạng, Thô-tri-huyện tam-hạng.

8-2 Thừa-phái tứ-hạng.

9-2 Thừa-phái lục-hạng, Thi - sai thừa-phái.

- A.—*Ngự liên Văn-phòng.*— Những chức Ty-trưởng làm việc Văn-phòng có thể bỏ quan từ hàm 4-2 đến 3-1.
- B.—*Tại Kinh.*— Những chức Tham-tá Hội-đồng Thượng-thư có thể bỏ quan từ hàm 4-1 đến 3-2.
- C.—*Tại ngoại.*— Những chức Thương-tá lĩnh-vụ có thể bỏ các quan từ hàm 4-1 đến 3-2.
Thương-tá đặc-diện thời bỏ các quan từ hàm 5-1 đến 4-1.

CHƯƠNG THỨ II

Ấn-quan

Khoản thứ 15.— Phẩm-trật ấn-quan gồm có bốn bậc dưới này :

- 1.— Chánh-nhi hạn thăng trật
ít nữa cũng là 3 năm.
- 2.— Tùng nhi —
- 3.— Chánh tam —
- 4.— Tùng tam —

Khoản thứ 16.— Những việc bỏ, thăng, chuyển-chuyển, hồi-hưu và sung chức các ấn-quan, thời Hội-đồng Thượng-thư, có quan Khâm-sứ chủ-tọa xét từng người. Hội-đồng Thượng-thư ý hợp với quan Khâm-sứ sẽ tâu lên Hoàng-đế chuẩn y.

Trước khi Hội-đồng Thượng-thư, thời quan Thượng-thư bộ Lại hoặc bộ sở-quan làm danh-sách, người dự cử đệ-trình quan Khâm-sứ đại-thần và tâu lên Hoàng-thượng cũng trong khi ấy.

Thuộc-quan

Khoản thứ 17.— Những quan viên hàm tứ, ngũ, lục-phẩm là về ngạch thuộc-quan gồm có sáu bậc như sau :

- 1.— Chánh tứ hạn thăng trật
ít nữa cũng là 2 năm.
- 2.— Tùng tứ —
- 3.— Chánh ngũ 18 tháng.
- 4.— Tùng ngũ —
- 5.— Chánh lục —
- 6.— Tùng lục —

Thường hàm-đường cho các thuộc-quan đương-chức thời. đình-bổ. Lâm-

thời cho, thời chỉ được kể là vinh-hàm thối, chiều như thể lệ khoản thứ 9.

Khoản thứ 18.— Theo lệ ít nữa 25 tuổi mới được làm chức phủ, huyện.

Khoản thứ 19.— Những việc bỏ, thăng, chuyển-chuyển, hưu-tri các thuộc-quan làm chức phủ, huyện, thời có hỏi ý-kiến Hội-đồng Thượng-thư và thương quan Khâm-sứ đại-thần ý hiệp tâu lên Hoàng-thượng chuẩn-định. Bỏ, thăng, chuyển-chuyển, hưu-tri các thuộc-quan khác, thời do quan Thượng-thư bộ Lại, hoặc bộ sở-quan thương-đồng quan Khâm-sứ ý hiệp mà làm.

Khoản thứ 20.— Tự hậu không có chức hành-lầu, hậu-bổ nữa. Trừ ra đã dự-định ở khoản thứ 27 này để cho các quan-viên đã thi sĩ-hoạn rồi, phải ở bộ, hoặc ở tỉnh học-tập việc quan, Những viên hậu-bổ, hành-lầu hiện-thời phải điền-bổ gấp đi những thiết-chức có trách-nhiệm rõ ràng.

Khoản thứ 21.— Những thuộc-quan thời được bổ làm phủ, huyện, hoặc chiếu làm bổ-sung chức các nha ở Kinh hay các tỉnh.

Khoản thứ 22.— Trừ ra dự-định ở khoản thứ 27 ngoại, hễ vào ngạch thuộc-quan, thời phải :

1) Tbi đỗ về vụ thi mỗ mỗi năm tại Huế trong lúc Tết đề tuyển-cử quan-lại ở Trung-kỳ. Đổ thời được thọ viện hàm 6-2.

2) Đi tập-sự 2 năm ở các chỗ Trung-ly (centralisation) hay tỉnh-hạt, phải ở

6 tháng ở Kinh, 6 tháng ở tỉnh và một năm ở phủ, huyện.

3) Hết hạn tập-sự, nếu được sát-cử thời cho thực-thọ chiếu theo thể-lệ định sau này.

Những người thi đậu làm quan trong lúc tập-sự năm đầu thời được hàm 6-2, kể hạn tập-sự năm đầu nếu công-việc thanh-thỏa thời được hàm 6-1 (hậu-bồ hay hành-tầu hạng nhất).

Sau hạn tập-sự 2 năm, có thể thiết-thọ 5-2 và được chiếu hàm án-bổ thiết chức. Lương-bổng thời chiếu hàm chỉ cấp, những người có bằng tiến-sĩ luật-khoa, thời có thể thiết-thọ hàm 4-2.

4) Sau khi chu-hạn tập-sự năm đầu hay năm thứ hai, nếu xét làm việc không được, thời có thể thải hồi, nhưng vẫn giữ được vinh-hàm 6-2, nếu tập-sự một năm, hay vinh-hàm 6-1 nếu tập-sự hai năm.

Khoản thứ 23. — Tạm thời xử trí

Cho đến lúc tuyển-bổ quan theo các: thi đã nói, có thể điền đủ các chức khuyết, và lại phải án-bổ các viên hậu-bổ, hành-tầu hiện-thời, thiết-chức cho hết đã, nếu còn dự-khuyết thời chiếu theo thể-lệ sau này mà làm :

1/3 để cho những viên tham-tá các tòa sứ, viên-chức từng-sự các sở về ngạch trên (*cadre supérieur*) làm thiết chức ít nữa được 4 năm và có hạch đậu chữ Hán. Mấy người ấy sau khi tập-sự một năm (chỉ được một lần) người tham-tá thời tập sự ở phủ, huyện, người khác thời tập-sự ở sở chuyên-môn của mấy người ấy. — có thể thiết-thọ 5-2 mà án-bổ một chức tương-đương với hàm ấy.

1/3 để cho viên-chức ngạch thuộc (*cadre secondaire*), làm việc các sở Trung-kỳ ít nữa được 10 năm và có hạch đậu chữ Hán. Những người ấy chỉ tập-sự được một lần, sung chức từng-ngũ (5-2) trong một năm, và có thể thiết-thọ theo hàm ấy, còn niên-hạn thi được kể từ ngày vào tập-sự.

1/3 để cho các người thừa-phái hạng nhất đã thăng lên hạng ấy được 2 năm rồi sung vào chức ngang với hàm 5-2 mà làm tập-sự 2 năm theo như thể-lệ trong khoản 22 điều thứ 2. Sau khi tập-sự, có thể được thọ hàm 5-2 về ngạch thuộc-quan hay khai-phục nguyên-hàm.

Việc tuyển-bổ ấy thời do quan Thượng-thư bộ Lại thương đồng quan Khâm-sứ đại-thần ý hiệp rồi tâu lên Hoàng- thượng chuẩn định. Những người dự-tuyển ấy ít nữa phải 25 tuổi và nhiều thời 40 tuổi.

Khoản thứ 24 — Lận tuyển ngạch quan-viên bộ Công-tác

Tùy theo công-việc nhu-cần, những người thiếu-niên học Cao-dẳng Hà-nội đỗ tốt-nghiệp ở trường Mỹ-thuật hay trường Công tác, có thể được bổ vào ngạch thuộc-quan ở bộ Công-tác mà không phải thi. Mấy người ấy được thọ hàm 6-2, nhưng không khi nào được thăng quá chức 3-1 ở bộ Công-tác. Quan Thượng-thư bộ Công-tác được làm-thời tuyển-cử mà bổ-dụng những viên chức từng-sự bảo-hộ đương (bổng-thuộc hay đã bổng thuộc với thường-ngạch quan viên bản-xứ ở các sở Công-chánh (Phán-sự, hội-họa, Kiểm-khán các xưởng) Bảo-hộ

Điều khoản tuyển-bổ và thăng trật mấy viên ấy thời sẽ có chỉ rõ-ràng trong nghị-định khi bổ các quan-viên ấy vào bộ công-tác.

Mấy viên này là thuộc về biệt-ngạch không khi nào được viện cớ gì mà xin bổ qua ngạch hành-chánh, và lại ngạch ấy không có quan-thuộc gì với bộ công-tác.

Việc điền-bổ thi do quan Thượng-thư bộ công-tác thương-dồng quan Khâm-sứ đại-thần ý- hiệp rồi sẽ phụng phiến tâu-định.

Khoản thứ 25. — Trừ các chức phủ, huyện trung-châu, còn việc tuyển

bỏ chức thổ phủ, huyện châu, thời không có canh-cải gì, cứ theo tình-tục hiện hành các hạt ấy.

Viên dịch

Khoản thứ 26 — Trừ ba hạng Kiểm-sự, ngôi thứ và đẳng-cấp được ngang với thuộc-quan (tiền lộ-phí, tiền gia-cấp công-xuất, công-phái, cước-phí, phân-hạng nhà thương). Từ nay về sau, phẩm-trật và thế-lệ thăng thưởng ngạch viên-dịch, sẽ định như sau này :

Tùng-ngũ	5-2	Kiểm-sự hạng nhất	3 năm
Chánh-lục	6-1	Kiểm-sự hạng nhì	3 —
Tùng-lục	6-2	Kiểm-sự hạng ba	3 —
Chánh-thất	7-1	Thừa-phái hạng nhất	2 —
Tùng-thất	7-2	Thừa-phái hạng nhì	2 —
Chánh-bát	8-1	Thừa-phái hạng ba	2 —
Tùng-bát	8-2	Thừa-phái hạng tư	2 —
Chánh-cửu	9-1	Thừa-phái hạng năm	2 —
Tùng-cửu	9-2	Thừa-phái hạng sáu	2 —
		Thí-sai thừa-phái	1 —

Đặc-cách thăng-trật ngạch viên-dịch

Những các viên-dịch làm việc quan có công-cán đặc-sắc, lại không can về quan-kỷ, có thể được đặc-cách mà cử cho thăng ngay. Khoản đặc-cách thăng này niên-hạn phải được một phần nửa niên-lệ thường-thăng.

Việc đặc-cách thăng thi do các quan Thủ-biên các tỉnh, hoặc các quan Thượng-thư bộ sở-quan xét tư do quan Thượng-thư bộ Lại định-đoán và

thương-đồng qui Khâm-sứ đại-thần ý-hiệp.

Khoản thứ 27. — Các viên-dịch thời làm việc thừa-phái ở các nha phủ, huyện và các ty-tào ở Kinh và ở tỉnh.

Chức Lại-mục lưu lại để cho các viên Thừa-phái hàm cao ở các phủ, huyện. Viên Lại-mục có thể thay mặt quan phủ, huyện trong khi đi khỏi, hoặc mắc việc gì.

Chức Bang-tá và chức Kiểm-lý sẽ cho các viên-dịch có hàm từng thất-phẩm trở lên được bổ sung. Các viên ấy người nào không phụ-hành việc quan ở các phủ, huyện, thời thống-thuộc với các quan lĩnh.

Những viên-dịch ở các bộ thời do Lang-trung và Viên-ngoại cho « notes » ; ở tỉnh thời do Thông-phán và Kinh-lịch cho « notes » ; ở các phủ, huyện thời do các quan phủ, huyện cho « notes ».

Trong một công-sở, những người thuộc về ngạch viên-dịch không thống-thuộc nhau, các người ấy đều thuộc ở dưới quyền quan phủ, huyện, hoặc quan ty-trưởng hay là ty-phó.

Trừ điều-lệ xử-tri đã nói trong khoản thứ 22, thì có thể cho những người kiểm-sự hạng nhất, hạng nhì, hạng ba, mà có công-trạng đặc-biệt, lý-lịch tốt và không lỗi-lầm gì, được chiếu hàm tương-đương cho đặc-cách cải-bổ vào ngạch thuộc-quan (Hành-tầu hạng-nhất, hậu-bổ hạng-nhất, hành-tầu hạng-nhì, hậu-bổ hạng-nhì, tri-huyện hạng-nhì, Kinh-lịch, Tư-vụ, thổ tri-châu hạng-ba, thổ tri-phủ hạng-nhì), nhưng do quan Thủ-biên các tỉnh, hoặc quan Thượng-thư bộ sở-quan sát cứ, rồi tư quan Thượng-thư bộ Lại thương-đồng qui Khâm-sứ đại-thần ý-hiệp, sẽ thiết-lập một Hội-đồng đặc-biệt mà xét định.

Khoản thứ 28. — Việc tuyển-bổ thăng-thưởng, thuyên-chuyển, và cho về hưu

của các viên-dịch, thời do quan Thượng-thư bộ Lại thương-dồng qui-Khâm-sứ đại-thần ý-biệt, mỗi một qui-đề sẽ hội phiên đồng-tất.

Khoản thứ 29.— Việc thăng-thưởng hai phần ba thời do xét thăng, một phần ba thời chiếu lệ thâm-niên. Những người trong khoảng hai năm không bị lâm-lỗi gì cả, thời được sát thăng theo lệ thâm-niên.

Mỗi năm đến kỳ Tết sẽ làm sách thăng-thưởng một lần, thăng-lưu-thưởng thời chiếu theo thứ-tự trong thăng-sách Tết và đến Chánh-trung (14 Juillet) cũng có khi được thăng.

Khoản thứ 30.— Mỗi năm viên-dịch khuyết ngạch, có thể bỏ cho các hạng người sau này:

2-5 cho những người giám-sinh đậu khiên Quốc-lữ-giám;

2-5 cho những người có bằng Cao-dẳng tiểu-học, mà đã bạch trúng chữ Hán;

Chương-trình sát-bạch ấy sẽ do quan Thượng-thư bộ Lại nghị-dịnh thương-dồng qui Khâm-sứ đại-thần ý-biệt.

1-5 cho những người có văn-bằng toàn phần Tú-tài Tây-học, Đông-Pháp.

Những người giám-sinh đậu khiên và người có bằng Cao-dẳng tiểu-học, đã tập sự thí-sai thừa-phái được một năm rồi, đều cho sơ-thọ hàm 9-2. Những người ấy tập-sự đủ hạn, mà hoặc bị thải về, hoặc được thực-thọ, do các quan ty-trưởng trực-tiếp xét xin.

Những người có văn-bằng tú-tài, đều sơ-thọ hàm 7-2 và cho chiếu hàm chỉ bằng. Tập-sự được một năm, có thể cho thực-thọ hàm ấy (7-2), nhưng do các quan ty-trưởng trực-tiếp xét cử.

Về khoản xét tư cho thực-thụ cần phải chú rõ mấy người ấy có biết đánh máy và biết chữ Hán.

Khoản thứ 31.— Người nào có thể cho thực-thụ Thừa-phái ít nữa cũng phải 20 tuổi trở lên và không được quá 30 tuổi.

Khoản thứ 32.— Chỉ người Trung-kỳ và người Bắc-kỳ đều được nạp đơn xin bổ chức Thừa-phái. Đơn xin bổ cần phải đính đủ các thứ giấy kê sau này, đề do bộ Lại trình nạp:

1) Đơn xin bổ,

2) Giấy khai-sinh, (có lý-trưởng trong làng nhận-thực),

3) Giấy chứng-chỉ tinh-hạnh (do hương-chức trong làng cấp và có quan phủ huyện sở-tại chứng-nhận),

4) Giấy chứng-chỉ quan nhà thương.

Khoản thứ 33.— Việc tuyển-bổ ngạch viên-dịch thì chiếu theo tân-nghị thi-hành ngay, còn việc thăng-thưởng, thì kể từ Nguyên-dán năm 1934 trở đi.

CHƯƠNG THỨ III

Khoản thứ 34.— *Cáo-giã và hưu-lức.*

Quan-viên làm việc ít nữa cũng đã đủ hai năm luôn, thời có thể cho cáo-giã 30 ngày, chỉ cấp toàn bổng, hễ gặp có tang cha mẹ, hoặc tang vợ hạn cáo-giã cũng như vậy, nhưng đến khi chiếu lệ thường mà cáo-giã, thì phải tính số ngày mình đã cáo-giã trước rồi.

Khoản thứ 35.— Quan-viên làm việc được 6 năm luôn, không gián-đoạn khi nào, có thể cho nghỉ 3 tháng (trừ khứ hồi ngoại), chỉ cấp bán-bổng. Hạn ấy không được xin thêm nữa; chỉ trừ khi xét quả có bệnh mà thôi, gặp khi có bệnh thời sẽ chiếu theo lệ dưỡng-bệnh hưu-lức đã nói trong khoản 36.

Khoản thứ 36.— Quan-viên khi nào bị bệnh hiện có chứng-chỉ quan thầy thuốc nhà-nước thời cho cáo-giã ba tháng chỉ-cấp bán-bổng, hạn ấy đủ rồi như chưa lãnh thời được triển

thêm ba hạn nữa (mỗi hạn 3 tháng), chi-cấp cho 1/4 lương, hạn ấy không được quá một năm, nhà-nước có quyền khám lại, nếu quá hạn ấy mà viên ấy không có thể làm việc được như hiệp lệ sẽ được về hưu, hoặc nhân bệnh mà thải về, cấp cho nguyên-bổng từ 1 tháng đến 5 tháng, nhưng không có bạc phụ cấp.

Khoản thứ 37. — Các quan-viên hễ nhân đình-gian, hoặc nhân việc tư xin cáo-giã, có thể cho nhiều nhất là 3 năm không lương. Hết hạn 3 năm rồi mà không muốn làm việc nữa, như hiệp-lệ thì xin về hưu, hoặc từ chức. Nếu không có đơn xin thôi mấy người ấy cũng coi như người đã từ chức rồi.

Khi nào bỏ lại như gặp có khuyết thời sẽ chiếu theo chức hàm mà bỏ.

Khoản thứ 38. — Chỉ có mấy người hưu - tức theo lệ hành - chánh hoặc dưỡng-bệnh thời nình và vợ con đều được chiếu cấp lộ-phí khi đi khi về.

Khoản thứ 39. — Các quan Thủ-hiến các lĩnh và các ấn-quan xin hưu-tức và cáo-giã thì có ý-kiến quan Thượng-thư bộ Lại, hoặc quan Thượng-thư bộ sở-quan phụng-phiến hậu-tài, khi đã thương-dồng qui Khâm-sứ đại-thần ý hiệp. Các phủ, huyện xin hưu-tức và cáo-giã trên một tháng thời do quan Thượng-thư bộ Lại ý-kiến rồi cũng phụng-phiến hậu-tài, còn các thuộc-quan trong Ngự-tiền Văn-phòng thời do quan Thượng-thư Tổng-lý Văn-phòng đề-ỉnh.

Các phủ, huyện xin hưu-tức và cáo-giã một tháng trở lui và các thuộc-quan không có quyền chức-chưởng với các viên dịch xin hưu-tức và cáo-giã thời do quan Thượng-thư bộ Lại hoặc quan Thượng-thư bộ sở-quan ý cho, khi đã thương-dồng quan Khâm-sứ đại-thần ý hiệp.

CHƯƠNG THỨ IV

Sách ký-thăng và cho thăng

Khoản thứ 40. — Mỗi năm trước kỳ tết, bộ Lại, hoặc bộ sở-quan thương-dồng qui Khâm-sứ đại-thần làm một bản danh-sách những quan-viên đáng lệ thăng-thưởng.

Các quan-viên trong khi làm việc thượng-du thời niên-hạn được cho kẻ thêm 50 phần trăm.

Trừ những người thò-trước và những người bị lỗi mà dời lên thời không được kẻ. Thuộc-viên cũng chiếu lệ ấy.

Khoản thứ 41. — Sách thăng-thưởng thì do bộ sở-quan xét đệ trình Hội-dồng Thượng-thư nghị-dịnh số cho thăng từng trật rồi trước vào thăng-sách.

Khoản thứ 42. — Sách ký thăng ấn-quan thì do Hội-dồng Thượng-thư làm. Lúc ấy quan Thượng-thư bộ Lại, hoặc quan Thượng-thư bộ sở-quan đem bản sách thăng và những lý-lịch các viên được dự thăng đệ-trình Hội-dồng Thượng-thư. Mỗi quan Hội-dồng sẽ cho điểm-số các viên đã được sát thăng. Viên tham-tá Hội-dồng biên « notes » và cộng điểm-số cho, người nào được số điểm nhiều thời chiếu theo khoản thứ 41 đã nói, biên vào danh-sách dâng lên Hoàng-thượng ngự-lãm.

Danh-sách ấy khi đã dâng lên Hoàng-thượng thương-dồng qui Khâm-sứ đại-thần ý hiệp sẽ phụng chỉ chuẩn lục tuần.

Khoản thứ 43. — Sách ký thăng thuộc-quan làm như sau này :

A) Sách kẻ thưởng các thuộc-quan có quyền chức - chưởng do quan Thượng-thư bộ Lại sát kẻ theo như hạn-chế trong khoản thứ 41 đã nói, sẽ đệ trình Hội-dồng Thượng-thư.

Sách thăng-thưởng này cũng làm như cách sách thăng-thưởng ấn-quan trong khoản thứ 42 đã nói.

B) Sách thăng thưởng các thuộc-quan không có quyền chức-chương do Hội-dồng thăng-thưởng làm.

Hội-dồng thăng-thưởng ấy có các quan như sau này :

Quan Thượng-thư bộ Lại làm. *Hội-trưởng.*

Quan Cố-vấn bộ Lại *Phó Hội-trưởng*

Hai viên ấn-quan hàm tòng-nhi, một viên ở Kinh (trừ bộ Lại ngoại) và một viên ở các tỉnh. *Hội-viên*

Một viên ấn-quan ở Kinh sung làm thư-ký Hội-dồng. *Hội-viên*

Khi ấy quan Thượng-thư bộ Lại đem danh-sách và lý-lịch của các quan viên dự thăng trình với Hội-dồng. Mỗi viên Hội-dồng cho « notes » các viên được cử sát thăng. Viên thư-ký Hội-dồng biên « notes » và cộng điểm-số. Người nào được nhiều điểm-số thì được ghi tên vào sách như trong khoản thứ 41 đã nói.

Sách thăng-thưởng ấy do quan Thượng-thư bộ Lại thương-dồng qui Khâm-sứ đại-thần ý-hiệp mới chuẩn định.

Khoản thứ 44. — Sách thăng-thưởng các thuộc-viên do Hội-dồng thăng-thưởng làm. Các quan Hội-viên như sau này :

Quan Thượng-thư bộ Lại, hoặc quan đại-diện *Hội-trưởng*

Quan Cố-vấn bộ Lại *Phó Hội-trưởng*
Một viên ấn-quan hàm chánh-tam (3-1) ở Kinh (trừ bộ Lại). *Hội-viên*

Một viên ấn-quan hàm tòng-tam (3-2) hoặc 3-1 ở tỉnh. *Hội-viên*

Một viên thuộc-quan hàm 4-1 ở Kinh làm thư-ký Hội-dồng. *Hội-viên*

Trong lúc hội, quan Thượng-thư bộ Lại hoặc quan đại-diện đem danh-sách và lý-lịch của các viên dự-thăng trình với Hội-dồng. Mỗi viên Hội-dồng cho « notes » các viên được cử thăng. Viên thư-ký Hội-dồng biên « notes » và cộng điểm-số người nào được điểm-số nhiều thời ghi tên vào sách như trong khoản thứ 41 đã nói.

Sách thăng-thưởng ấy do quan Thượng-thư bộ Lại thương-dồng quan Khâm-sứ đại-thần ý hiệp mới chuẩn định.

Khoản thứ 45. — *Khoản thăng thưởng đặc-cách*

Ấn-quan, hoặc thuộc-quan hàm thấp lãnh cao, hoặc hàm-chức ngang nhau, người nào việc quan có đặc-biệt lao-cán có thể cho đặc-cách thăng trật. Về khoản đặc-cách thăng có thể cho những người thăng-trật đã được phần nửa niên-lệ thăng.

Các thuộc-viên đặc-cách thăng-trật đã nói rõ ở khoản thứ 26.

CHƯƠNG THỨ V

Quan-ký

Khoản thứ 46. — Lệ khiển-phạt về hành-chánh không can-thiệp với lệ khiển-phạt về binh-án.

Ấn-quan hay phủ, huyện cần phải đem ra tòa-án mà tra cứu, thời quan Thượng-thư bộ sở-quan tâu lên Hoàng-thượng-tài-định, có bồi ý-kiến Hội-dồng Thượng-thư và quan Khâm-sứ đại-thần ý hiệp, nhưng trước phải do Hội-dồng thẩm-vấn hành-chánh tuyên-bố những điều lầm-lỗi hành-chánh các viên ấy và chiếu theo điều-lệ này mà nghị-xử ngay, mặc dầu cách trừng-phạt hành-chánh nặng-nề hơn thế nào mà hình-án có thể kết luận.

Hội-dồng thẩm-vấn có thể tỏ bày ý-kiến về sự cần phải đem một viên nào ra tòa-án ; về khoản ấy, cũng có

thề hỏi Hội-đồng thăm-vấn ấy phải tỏ bày ý-kiến.

Viên-dịch hay thuộc-quan không làm phủ, huyện khi Hội-đồng thăm-vấn đã tỏ bày ý-kiến rồi, thời bộ Lại hoặc sở-quan nghĩ mà đem ra tòa-án.

Khoản thứ 47. — Lệ khiển-phạt các quan-viên can-khoản thuộc về hành-chánh như sau này :

- 1) Khiển-phạt thân-sức cho biết nhưng không biên vào lý-lịch.
- 2) Liệt-tích kỷ án.
- 3) Xóa tên trong sách thăng-thưởng.
- 4) Đình thăng-thưởng một hạn có thể tới 3 năm.

Bốn điều khiển-phạt trên ấy có thể cho hoãn bỏ ngay.

- 5) Tại ngoại không lương tức là sĩ-bô một hạn có thể tới 3 năm.

Khi hết hạn sĩ-bô như xin từ chức cũng cho hoặc xin bỏ lại thời trong hạn 2 năm Nhà nước cho được bỏ lại.

- 6) Giáng một trật hay là nhiều trật thời chiếu theo hàm bị giáng đó mà tước bỏ.

- 7) Nhấn can-khoản mà bị thải, phải giáng cấp hoặc khỏi giáng cấp.

- 8) Cách chức không được bổ-dụng nữa mà thấu hết cả chức hàm.

Khoản thứ 48. — Ấn-quan và các viên phủ, huyện can-khoản thuộc về lỗi hành-chánh hoặc về binh-án khi đã có Hội-đồng Thượng-thư ý-kiến rồi thì bộ sở-quan tâu Hoàng-đế thương-dồng quý Khâm-sứ đại-thần mà giải chức viên ấy và cho ra trước Hội-đồng thăm-vấn, hoặc trước tòa-án.

Có khi can-khoản nặng hơn lỗi liệt-tích kỷ-án thời phải giải-chức và ra trước Hội-đồng thăm-vấn.

Khoản thứ 49. — Quan Thượng-thư bộ Lại, hoặc quan Thượng-thư bộ sở-quan thương-dồng quan Khâm-sứ đại-thần mà xử đoán các viên thuộc-quan

can về bốn khoản khiển-phạt đầu đã nói trên ấy.

Việc cho về sĩ-bô cũng theo như trên, nhưng phải có ý-kiến Hội-đồng Thượng-thư sẽ phụng phiến Hoàng-đế đồng-tất.

Các điều lỗi khác thời phải đem viên ấy ra Hội-đồng thăm-vấn đã, rồi mới định đoán.

Những điều khiển-phạt ấy do quan Thượng-thư bộ sở-quan tuyên-bố khi đã có Hội-đồng Thượng-thư ý-kiến và thương quan Khâm-sứ Đại-thần rồi.

Khoản thứ 50. — Việc giải-chức các viên thuộc-quan không phải phủ, huyện để đem ra đối-chất ở Hội-đồng thăm-vấn thì do quan Thượng-thư bộ Lại, hoặc quan Thượng-thư bộ sở-quan thương-dồng quý Khâm-sứ đại-thần chiếu công-pháp, hoặc chiếu lời trích-bẩm của các quan thượng-ty mà làm.

Khoản thứ 51. — Còn các viên-dịch can về 4 điều khiển-phạt đầu thuộc về lệ hành-chánh, do quan Thượng-thư bộ Lại, hoặc quan Thượng-thư bộ sở-quan thương-dồng quý Khâm-sứ Đại-thần định đoán.

Những điều khiển-phạt khác sẽ do quan Thượng-thư bộ Lại hoặc quan Thượng-thư bộ sở-quan định-đoán khi đã có ý-kiến Hội-đồng thăm-vấn và đã thương-dồng quý Khâm-sứ đại-thần ý hiệp.

Khoản thứ 52. — Quan-viên can-khoản bị giải-chức không được quá hạn 3 tháng. Trong hạn ấy phải định-đoán cho xong, viên ấy hoặc được chiếu hàm bỏ lại, hoặc do Hội-đồng cứu-xử, hoặc phải khiển-phạt, hoặc phải do tòa-án nghĩ-xử.

Khoản thứ 53. — Tđ-chức Hội-đồng Thăm-vấn. — Trách-nhiệm các viên ấy trong khi Hội-đồng.

Hội-dồng thăm-vấn các viên
ấn-quan và các viên phủ, huyện

Một quan chánh-trị hạng
nhất hoặc hạng nhì sung
làm *Hội-trưởng*

(Do quan Khâm-sứ đại-
thần lện-cử, mà người can
khoản ấy không thống-
thuộc gì với quan chánh-
trị ấy).

Ba viên ấn-quan phụng
Hoàng-đế giản-phái. . . *Hội-viên*
(Phẩm-hàm ít nữa cũng
phải ngang với viên can-
khoản đó).

Hội-dồng thăm-vấn các viên
thuộc-quan

Một quan chánh-trị sung
làm. *Hội-trưởng*

(Do quan Khâm-sứ đại-
thần lện-cử, mà người can
khoản ấy không thống-
thuộc gì với quan chánh-
trị ấy).

Một viên ấn-quan phụng
Hoàng-đế giản-phái. . . *Hội-viên*

Hai viên thuộc-quan
phẩm-hàm ít nữa cũng
phải ngang với phẩm-hàm
viên bị can-án đó sung. . *Hội-viên*

Hội-dồng thăm-vấn
viên-dịch

Một quan phó chánh-trị
(do quan Khâm-sứ đại-thần
lện-cử) sung. *Hội-trưởng*

Một viên ấn-quan lộn
(am - phẩm và một viên
thuộc-quan sung. . . . *Hội-viên*
(Do quan Thượng-thư bộ
Lại lện-cử).

Khoản thứ 54.— Hội-dồng thăm-vấn
phải nhận chức-vụ xác-đáng, chức-vụ
ấy do quan Thượng-thư bộ sở-quan sát-
cử khi đã có ý-kiến Hội-dồng Thượng-
thư và cũng có khi do trưởng quan về
phần việc đó chỉ-định điều khiển-phạt.

Hội-dồng thăm-vấn chỉ được bày tỏ
ý-kiến và thăm-định đề quan thượng-ty
phán-đoán và định phương-pháp tối-
hạ. Nếu Hội-dồng ấy bắt về tội gì thời
phải chỉ rõ duyên-cớ và dẫn luật-lệ
mà Hội-dồng chiếu luật bắt tội.

Hội-dồng cũng có khi cần xin đòi
viên can-khoản ấy ra trước tòa án là
khi những hồ-sơ của viên ấy đã giao
Hội-dồng xét rồi.

Hội-dồng nghĩ-định hoặc chiếu theo
hồ-sơ đệ-trình đó, hoặc sau khi đã có
giấy tờ xét đủ rồi. Kiểm-đốc việc cứu-
xét thời do quan Hội-trưởng định liệu.

Khi nào có việc gì quan-yếu, quan
Hội-trưởng được quyền trích phái một
việc hoặc nhiều viên trong Hội-dồng
xét riêng từng khoản và cấp phiếu cho
các viên ấy để cho các quan thượng-
ty biết mà tin.

Hội-dồng thăm-vấn khi nào cũng
phải cho viên can-khoản ấy xem trước
sự-lý trong hồ-sơ và nói cho viên ấy
biết kêu nài trong hạn xử-đoán ấy.

Khoản thứ 55.— Những điều-lệ mà
trái với qui-trình này thì đình-bãi hết.

QUẢNG-NGÃI TỈNH CHÍ (1)

廣 義 省 誌

VII

IX. — Nuôi súc vật

Nghề nuôi tằm. — Về nghề nuôi tằm, dân tỉnh này còn bước chậm thua hai tỉnh Bình-dịnh và Quảng-nam, nhưng gần đây các lò ươm, các sở dệt Bình-dịnh đã bắt đầu mua kén ở Quảng-ngãi, nên nghề ấy cũng có thể khuếch-trương ra được.

Năm 1923 có người ở làng Hòa-vinh-tây, huyện Nghĩa-hành dựng một buồng tằm sắp đặt theo kiểu nuôi tằm Thái-Tây, nên trong một mí (2) tằm đã làm ra được 1.500 cân tằm kén.

Thường thường ở các làng Vạn-tượng Phù-khé, Chánh-lộ (Tư-nghĩa); Sung-lịch (Sơn-tĩnh); Mĩ-thuận Hội-an (Đức-phổ); Đạm-thủy (Mộ-đức) năm nào cũng có nuôi từ tháng hai tháng ba đến tháng tám tháng chín, số kén đồng-niên phỏng được cả toàn-tỉnh 2.000 cân tằm.

Còn các súc-vật khác như trâu bò heo gà vịt, người nhà quê nuôi hoặc để giúp đỡ nghề nông, hoặc ăn thịt thời làng nào cũng có. Số súc-vật nuôi toàn-tỉnh theo các phủ huyện kê như sau này :

PHỦ HUYỆN	Trâu	Bò	Ngựa	Heo	Dê	Gà	Vịt
Bình-sơn	623	7.339	52	9.858	4	11.006	805
Sơn-tĩnh	750	4.550	20	10.212	20	12.987	80.000
Tư-nghĩa	800	20.060	12	45.000	100	115.000	50.000
Mộ-đức	1.215	1.443	10	9.504	41	12.754	7.929
Đức-phổ	1.570	5.470	8	5.501		5.000	3.000
Nghĩa-hành	0.400	1.200	10	3.000	7	4.000	1.000
Ba-tơ	1.118	292	61	1.365		3.786	65
Sơn-hà	2.718	267	45	33.872	30	4.637	
Trà-bồng	88	20	4	871		4.121	
Minh-long	»	»	»	»	»	»	»
Tổng-cộng	9.282	43.581	222	119.283	202	173.291	142.799

(1) Xem N.-P. từ số 171.

(2) Mí = Lửa, kỳ.

Các súc-vật trên này các phủ-huyện chỉ phồng mà kê, trừ ra gà vịt heo ở trong các làng chỗ nào cũng có nuôi số nhiều, còn trâu và bò thì nông-gia nuôi để giúp nghề nông như cày bừa đập lúa, đập lúa. Số trâu bò ấy chỉ dùng làm việc mà thôi, ở tỉnh này cũng như các tỉnh khác ở Trung-kỳ, dân ta không chuyên về mặt nuôi bò lấy sữa hoặc ăn thịt như các xứ Âu Mỹ. Những trâu bò đó chỉ khi già không giúp đỡ nghề nông được nữa mới ăn thịt và lấy da, lấy sừng lấy xương. Cũng có đôi khi dùng bò để ăn thịt hoặc tế lễ, nhưng chỉ một số ít thôi.

Dân nhà quê nhà nào có đất ruộng cũng cần dùng một vài con trâu năm ba con bò để giúp đỡ chứ không nuôi nhiều để bán cho các tỉnh khác như ở Bình-dịnh và Phú-yên.

X. — Những sản-vật ở dưới đất

Thiết ra ở Quảng-ngãi không có mỏ gì khai-khăn cả. Phần nhiều là những mỏ khai từ xưa, nay còn dấu-tích lại như Thiết-trường hoặc có dấu mỏ mà thôi. Những chỗ có dấu-tích mỏ, hoặc có dấu mỏ ấy đều có tên biểu-hiệu rõ ràng như Thiết-trường, suối vàng, suối Chi, Ôn-thủy.

Nghe dấu từ năm 1905 có tìm ra được một cái mỏ than « graphite » ở... (?), đã có một công-ty bắt đầu khai-khăn, đã có xuất-cảng sang Huế-kỳ, nhưng về sau công-ti ấy tan, nên mỏ ấy bỏ luôn (theo sách Laborde).

Cũng có chỗ có đôi cái mỏ chì thuộc làng Tân-an-thôn (Sơn-dịnh), mỏ vàng thuộc làng Vĩnh-tuy (Sơn-tĩnh), mỏ sắt thuộc làng Thiết-trường (Mộ-đức); nhưng hoặc ít chất kim-khí, hoặc khó khai, nên chưa thấy khai-khăn.

Ở phủ Tư-nghĩa thuộc làng Ôn-thủy có suối nước nóng, nhiều ông kỹ-sư về khoa mỏ đã đến tận nơi xem xét khảo-cứu và đem nước ấy ra tìm nguyên-chất (analyse) thì thấy trong nước ấy có chất vôi (calcaire) và chất chlorure (eau chlorurée

calcique), nhưng chất ấy ít quá và có lợ ra cũng vô-ích.

Ở làng Thạch-trụ thuộc phủ Mộ-đức cũng có suối nước nóng ấy. Lấy một lít nước suối này đem ra tìm nguyên-chất thì thấy được 4 gr.880 kim-chất mà đã hết 4 gr.200 chất chlorure và còn 0 gr.680 các kim-chất khác.

Những suối nước nóng ấy nhiệt-độ thường lên đến 60 hoặc 80 độ, nhân-dân vùng đó khi làm heo bò gà vịt chỉ đem xuống suối đó mà nhúng sơ qua thời đem lên cạo lông hoặc nhô lông được ngay.

Ở làng Thạch-bích phủ Bình-sơn, gần làng Thạch-nham phủ Sơn-tĩnh cũng đều có suối nước nóng như vậy cả.

Lại gần làng Thạch-trụ còn có một cái suối nước nóng mà gọi là suối « nước mặn » (có lẽ là cũng cái suối ở Thạch-trụ, suối chánh chảy ra), có người gọi suối nước mặn ấy là mỏ ông voi; vì tục-truyền xưa chỗ đó có rừng cấm xanh tốt, có một con voi, một hôm xuống uống nước bị sập trong vũng lầy rừng đó rồi chết luôn. Từ ngày ấy vũng lầy thành ra suối nước nóng, nhưng đó là chuyện huyền-hoặc, ta chưa lấy gì làm đích-xác. Tại suối nước mặn có miếu thờ « Thang-thủy sơn-thần », nhân dân thường đến đó lễ bái và gieo tiền xuống suối để cầu phúc. Cũng có người đến đó tắm cho lành bệnh ngoài da như ghê, sài, hủi, vì trong suối ấy có chất diêm-sinh (soufre); nghe dấu trước có quan Công-sứ đau mụt ở chân đã lâu không lành đến suối đó tắm chân trong ba hôm sau lúc trở về thấy bệnh lành.

XI. — Kỹ - nghệ

Nói về kỹ-nghệ ở Quảng-ngãi ngoài ra sở nấu rượu ở Phú-nhơn và sở coi các ruộng muối ở miền bề (Sa-huỳnh) là có nhà nước dự vào; công-nghệ dân ta rất là phức-tạp lộn-sộn, không có mấy móc chạy bằng than bằng điện như ở các nước văn-minh.

Những kỹ-nghệ hiện-thời ở Quảng-ngãi phần nhiều là công-nghệ trong gia-đình, không có cơ-sở, tư-bản kỹ-luật vững-vàng. Nhơn-dân chỉ làm ra đồ đủ dùng trong tỉnh hạt, chứ không có làm ra đồ gì xuất-cảng đáng nói. Chỉ có xuất-cảng là nghề làm đường, nhưng nghề đường cũng thông-thuộc về nghề nông, không kể là kỹ-nghệ riêng được; duy nghề làm đường-phèn đường-phôi đường-bông là có tánh-chất kỹ-nghệ. Các tay thợ làm các thứ đường tốt ấy, phần nhiều ở các làng: Ba-la, Vạn-tượng, Chánh-lộ thuộc phủ Tư-nghĩa.

Hãy xem qua các nghề trong gia-đình ấy có những nghề gì.

1° Nghề dệt. — Thao, lụa, lĩnh, xuyên, lương ở các làng Chánh-lộ (tục gọi hàng làng này là hàng cửa Bức, vì những thợ làm đều nhóm họp tại phía ngoài cửa Bắc tỉnh thành) Thanh-khiết Phú-thọ đều thuộc phủ Tư-nghĩa, làng Sung-tích thuộc phủ Sơn-tĩnh, làng Châu-lữ Ngọc-tri thuộc phủ Bình-sơn, làng Kim-thành thuộc huyện Nghĩa-hành, làng Thạch-bi, Sa-huỳnh thuộc huyện Đức-phổ. Ở Thạch-bi có thợ dệt giả hàng Tây hàng Tàu nhiều kiểu rất đẹp đáng chần-hưng, nhưng các thợ đó cũng chỉ bắt chước theo kiểu hàng dệt ở sở Phú-lương (Bình-dịnh) ra, chứ không phải là một cái sáng-kiến tự-nhiên của họ.

Dệt vải thì phần nhiều ở các làng đều có dệt được thứ vải ta dùng bán cho dân nông nhà quê, thợ thuyền; nhưng vải ấy dệt nhiều nhất là ở các làng An-hà, Nhu-năng thuộc phủ Tư-nghĩa, Kim-thành (Nghĩa-hành). Ở làng Nhu-năng-dông thuộc phủ Tư-nghĩa có tên Võ Chính mới chế ra được một cái máy dệt kiểu mới, dệt vải nhỏ sợi mà mau và rất tiện-lợi, lại có dùng các thứ nước thuốc hóa-học làm cho vải được trắng thêm gần như các thứ vải ngoại-quốc. Dùng máy ấy một người dệt trong một ngày có thể được một cây rưỡi vải. Tuy vậy dù tiện-lợi dù

trắng nhưng không thể nào tranh được với các thứ vải quuyến, vải dù, vải tàu của nước ngoài, đã mịn mà bán giá có hơi rẻ hơn, vì thế nên công-nghệ của ta khó thắng được.

2° Thợ làm đồ gốm. — Thuộc làng Mĩ-thiện phủ Bình-sơn có thợ làm đồ đất dùng như: vò, hũ, nồi, trã, vại, chậu, kiểu nhiều kiểu đẹp; ở các làng Đông-thành Đại-lộc, phủ Sơn-tĩnh; Thanh-hiếu Chi-trung huyện Đức-phổ cũng có thợ làm đồ đất. Ở làng Bồ-đề và các làng lân-cận hai bên bờ sông Vệ có đất làm đồ gốm và hầm ngói gạch.

Ở Mĩ-thiện và Bồ-đề có nhiều thợ đất lấy giầy trộn với đất sét làm giả đồ trắng men như độc-bình, chậu-kiềng, nhỏ cũng đủ tinh-xảo.

3° Thợ đúc. — Thuộc làng Chu-tượng phủ Mộ-đức có nhiều tên thợ đúc đồ rất khéo, như tên Võ Hiệt và tên thợ Kính, ta có thể giao cho chúng nó làm những đồ vật khó-khăn như hòn non-bộ, lư-hương, v.v., Chúng nó cũng có thể làm cho ta được vừa lòng. Tên thợ Kính trước kia Tiên-đế (Khải-dịnh) có dùng nó để đúc tượng Ngai tại Huế. Quan Toàn-quyền PASQUIER cũng có dùng nó đúc đồ ở Tòa Khâm-sứ Huế.

Quan tiền-lý Công-sứ tỉnh này ông LABORDE có ý chần-hưng công-nghệ, muốn đem các tên thợ đúc ấy về tỉnh-thành mà khuyến-khích dạy vẽ chúng nó dần dần cho ngày thêm tinh-xảo. Ngài nói rằng trước kia ở tỉnh Hà-dông (Bắc-kỳ) biết bao nhiêu thợ như vậy, ăn núp ở thôn quê, nhờ có quan Công-sứ DURANTON hiền-dụ và đem về Hà-nội sắp đặt chỉ vẽ cho họ làm, mà ngày nay công-nghệ họ được hoàn-toàn thiện-mĩ. Cũng một ý ấy mà ngài đã nhờ một bà dầm bày vẽ cho con gái An-Nam làm nghề ren, nghề thêu, nghề dệt rua, làm ra các thứ áo bận ăm (*tricot*), khăn choàng cổ, bít-tất mùi-soa (*mouchoir*); nhờ như vậy,

mà ngày nay ở tỉnh-thành trong mười người con gái từ 10 đến 17 tuổi. đã được bảy tám người biết nghề nữ-công vật ấy.

4°—*Thợ mộc.*—Phu huyện nào cũng có các thợ làm các đồ gỗ như tủ, bàn, giường nằm, ghế, nhưng nhiều nhất và khéo nhất là các thợ Đồng-viên, Đồng-mĩ, Hội-an, Thu-phổ thuộc phủ Tư-nghĩa. Các thợ đó có làm ra đồ vật dự các Hội chợ và các cuộc Đấu-xảo đều được chứng-chỉ tốt.

Ở các làng Hải-môn, Hải-tân, Bàn-an, Du-quang thuộc huyện Đức-phổ có thợ dùng sơn, gỗ Núi-lớn, trắc La-vân làm ra nhiều kiểu rất đẹp gửi ra Hà-nội cần rồi chở vào Nam-kỳ bán rất được giá. Ở làng Long-phụng phủ Mộ-đức hiện nay có anh em tên thợ Tri có đóng được nhiều kiểu ghế tây bắt chước theo kiểu kim-thời cũng đã tinh-xảo.

5°—*Các thợ làm đồ vật.*—Thợ dệt chiếu ở các làng Phú-thọ, Phước-nhon, Cồ-lũy (Tư-nghĩa); thợ làm sáo ở các làng Phú-hòa (Sơn-tĩnh), Quán-lát (Mộ-đức); thợ làm võng ở làng Thạch-trụ (Mộ-đức); Hội-an. Mĩ-thuận (Đức-phổ); thợ làm giấy bồi ở các làng Mĩ-lộc (Binh-sơn), Đông-thành Sơn-tĩnh), Chi-tượng (Đức-phổ).

Ngoài ra còn các thợ như thợ tiện, thợ sơn, thợ khảm, thợ nhuộm, thợ rèn, thợ hàn, ở rải-rắc các chợ búa; ở làng Vĩnh-bình có thợ thiếc như tên Ngô Hữu-Châu (người chế-tạo ra xe đồ nước mới) mới chế ra thứ đèn gương dùng rất tiện-lợi mà không có khói; ở làng Chi-trung cũng thuộc huyện Đức-phổ và ở vạn Thu-xá có nhiều thợ bạc bịt đồ vật như tráp, chén, đĩa khay và bịt ống diều bình khéo hơn thợ các tỉnh khác.

Ở miền Thượng-du dân mọi không có kỹ-nghệ gì khác, chúng nó chỉ biết lấy mây tre đan rô như « xa-lét », đan khiên đề dùng, làm cung tên đề săn bắn và phòng-ngự thú dữ, Mọi hung; chúng nó cũng có dệt ra thứ vải đẹp và chắc chắn

để làm chăn gọi là « xa bông »; nhưng chỉ một số ít, còn chúng nó cần dùng vật gì đều mua hay đổi đồ của người An-Nam người Tàu.

Ở miền bề, dân-gian ngoài ra nghề đánh cá, nghề làm muối còn có nghề làm cá khô, mực khô, tôm khô, làm nước mắm, mắm nêm như ở các làng An-chuân (Tư-nghĩa), Sa-huỳnh (Đức-phổ). và cũng có nghề đan lưới, đánh nhợ. Ở làng An-chuân lại có thợ lấy đồi-mồi Lý-sơn tiện ra nhiều đồ vật như hộp; tráp, chụp nón, v. v..

Ở Lý-sơn lại có thợ gọt sơn-hò và có thợ lấy hầu bên, đá vôi (*madrepores*) hầm vôi, nhưng chỉ một số ít. Vôi-hầu Lý-sơn có cái đặc-tính dễ nấu đường và đường phen mà ta đã nói trên, nhưng người thổ-trước không biết cách hầm vôi nhiều tại chỗ, chỉ chở hầu-bến và đá vôi vào tỉnh hoặc đi nơi khác cho người ta làm.

Ở Quảng-ngãi cũng có nghề làm mạch-nha nữa. Mạch-nha là một chất đường lấy ở gạo nếp ra (*saccharose de gluten*). Người ta làm nó thường dùng mọng lúa nên tên là mạch-nha, nghĩa là mọng lúa mạch; đây tôi xin kể qua cách-thức làm mạch-nha :

Muốn làm mạch-nha, trước hết người ta dùng lúa « ruộng » (lúa này hạt to mà dài, gạo đỏ, ăn thơm mà có chất bột nhiều), đem ngâm giấp cỡ nghĩa là một ngày một đêm như là ngâm giống bắt mạ, ngâm đủ rồi người ta vớt lúa ấy ra để đông lại rồi lấy lá chuối chiếu chắn đắp lên trên mà ủ, ủ như thế trong ba ngày đêm, mỗi ngày phải tưới chừng vài bận, sáng dậy phải tưới nước để cho mọng dễ ra, khi đủ ba ngày đêm mọng ra trắng và dài độ ba bốn phần tây thì người ta lấy mọng ấy đem vào bỏ cối giã, có đồ thêm một ít nước; trong lúc giã mọng ấy người ta lấy nếp thật dẻo, thường dùng nếp « ba tháng » nấu xôi, xôi chín vớt ra lấy xôi nạc còn bỏ cháy, canh ra trên nia.

khi xối nguội mọng giã vừa xong, đem mọng giã ấy vắt lấy nước rồi dùng vải nhũ lọc thật kỹ, còn bã mọng thì bỏ, nước mọng ấy có chất ngọt như nước mía mà thanh hơn. Xong rồi người ta lấy nước mọng ấy và xối nguội kia đổ chung vào một cái nồi và thêm nước lạnh, để lên bếp, chụm bằng lửa than, người ta thường dùng chậu un chớ không cho lửa ngọn vì sợ khê, nấu như vậy trong ba bốn giờ đồng-hồ thì thứ nếp cơm kia tới, muốn biết khi nào cơm nếp ấy tới thì cứ giở ra thăm chừng, hễ ăn thử mà khi nào ngọt là được. Khi thử cơm nếp ấy tới rồi, nhắc xuống và đổ tất cả vào trong một cái bao lát, đem bao lát ấy ép năm ba lượt, hững lấy nước ép ra đổ đổ vào nồi có lại, chụm lửa than vừa vừa, đến khi đặc thì thành ra mạch-nha. Cái xác làm mạch-nha còn lại, dùng cho heo ăn rất là mau mập. Mạch-nha tuy ngọt như đường nhưng nấu nó không bỏ đường bao giờ, vì nó đã có chất đường sẵn trong mọng lúa ruộng và trong cơm nếp, và khi ủ, khi giã, khi nấu, có chất vừa (*ferment*) làm cho nó vừa ra và ngọt.

Những làng có làm mạch-nha là :

Thiết-trường tại xóm gò huyện, Thi-phổ-nhất Thi-phổ-nhi thuộc phủ Mộ-đức và làng Liên-chiều thuộc huyện Đức-phò. Người ta nói rằng mạch-nha Liên-chiều là tốt hơn.

XII. — Sự buôn-bán

Về việc buôn bán dân ta trước kia có cái tập-quan khinh rẻ nghề buôn, theo câu « Sĩ nông công thương », thương là bạng chót, ít ai trọng, nên phần nhiều nghề buôn bán là giao cho dân bà, con trẻ và để cho khách-trú chiếm mãi lợi-quyền, nhưng gần đây theo ngọn trào tân-tiến, làn sóng Âu Mỹ cũng đã có chỗ xu-hướng về việc buôn-bán, có lập được hai công-ty như : Quảng-hòa-tế ở phố Quảng-ngãi và Quán-cơm ; Thanh-tân ở Đức-phò.

Xưa nay sự buôn-bán rất thịnh-lợi là thành phố Thu-xà vì món đại-tôn xuất-

cảng ở Quảng-ngãi là đường, bán hàng luôn đường là bọn khách-trú, mà ở tại Thu-xà phần nhiều nhà buôn là khách-trú cả. Thu-xà đã tiện lợi về đường sông, những « đường » duyên-ngạn của sông Trà-khúc và sông Vệ đều có thể vận-tải về Thu-xà được, mà muốn chở đường xuất cảng thì cũng phải do đường Thu-xà chở ra cửa Cồ-lũy.

Thành phố Thu-xà đóng cách tỉnh-thành 9 cây số, số dân-cư khách-trú có hơn 500 chủ. Còn tỉnh thành Quảng-ngãi ngoài cửa tây thành cũng có phố xá buôn bán, các nhà buôn tỉnh-thành không có vật gì đại-tôn, có thể cho là toàn nhà buôn tạp-hóa hết, tuy vậy mà thành phố này là trung-tâm của sự chánh-trị trong một tỉnh, dân-cư cũng khá đông (2.000 người), nên sự buôn bán cũng sầm-uất. Tỉnh-thành có một cái chợ gọi là chợ Chánh-lộ, thuế chợ đồng-niên hơn một nghìn đồng ; ngoài ra hai thành-phố Chánh-lộ và Thu-xà, sự buôn-bán còn do ở các thị-tứ thôn-quê nữa. Toàn tỉnh có được 73 cái chợ, bạc thuế chợ năm 1932 cộng được 7.388 \$ 49. Muốn biết các chợ hãy xem bản tổng-kế sau này :

Phủ huyện	TÊN CHỢ	Số thuế mỗi chợ
Bình-sơn	Tương-vân. .	180\$00
—	Thạch-an-dông	138, 00
—	Chu-me-dong.	135, 60
—	Nam-an. . .	90, 00
—	Tri-bình. . .	82, 00
—	An-hòa . . .	72, 00
—	Xuân-an-dông	64, 00
—	Mĩ-lộc. . . .	60, 00
—	Mĩ-huệ	48, 00
—	Bình-an-nội. .	32, 40
—	Thanh-trà.. .	24, 00
—	Tân-phước. . .	24, 00
Cộng	12 chợ . . .	950 ± 80

Phủ huyện	TÊN CHỢ	Số thuế mỗi chợ
Sơn-tĩnh	Châu-sa. . .	600\$00
—	An-hòa. . .	300,00
—	Lâm-lộc. . .	180,00
—	Toàn-mỹ. . .	156,00
—	Tư-cung-bắc. .	106,00
—	Phú-nhơn. . .	60,00
—	An-phú. . .	34,00
—	Châu-nhai. . .	28,00
—	Thọ-lộc. . .	24,00
—	Tư-cung-nam. .	24,00
—	Điền-niên. . .	24,00
—	Hưng-nhượng. .	24,00
—	Mĩ-kê-tây. . .	16,00
—	An-kỳ. . .	16,00
—	An-nhơn. . .	12,00
—	Sung-tích. . .	12,00
	Cộng 16 chợ	1616\$ 00
Tư-nghiã	Chợ tỉnh. . .	1.353\$ 60
—	Thu-xà. . .	700,00
—	Vạn-mĩ. . .	200,00
—	Thu-phổ. . .	150,00
—	Phú-thọ. . .	148,00
—	An-hà. . .	48,00
—	Mĩ-thịnh. . .	40,00
—	An-mô. . .	17,00
—	Phổ-an. . .	17,00
—	An-dại. . .	16,00
—	Vạn-tượng. . .	16,00
—	An-chuẩn. . .	12,00
—	An-mĩ. . .	12,00
—	Xuân-phổ. . .	12,00
	Cộng 14 chợ	2.741\$ 60

Phủ huyện	TÊN CHỢ	Số thuế mỗi chợ
Mộ-dức	Long-phụng. .	480\$ 00
—	Chú-tượng. . .	168,00
—	Thi-phổ-nhứt. .	160,00
—	Thi-phổ-nhi. . .	140,00
—	Thạch-trụ. . .	120,00
—	Đông-ngan. . .	108,00
—	An-thạch. . .	96,00
—	Trà-ninh. . .	72,00
—	Phú-lộc. . .	60,00
—	An-thổ. . .	48,00
—	Quất-lâm. . .	48,00
—	Vạn-lộc-dông. .	28,00
	Phủ-vinh, Phú-	
—	mĩ. . .	24,00
—	Năng-an. . .	24,00
	Cộng 14 chợ	15.96\$ 00
Đức-phổ	An-thành. . .	178,00
—	Liên-chiều. . .	178,00
—	Thủy-thạch. . .	86,00
—	Thanh-hiếu. . .	48,00
—	Thạch-bi. . .	48,00
—	Long-thành. . .	12,00
—	Chỉ-trung. . .	12,00
	Cộng 7 chợ	674\$ 00
Nghĩa-hành	Phủ-vinh. . .	228\$ 00
—	Kim-thành. . .	88,00
—	Đại-lộc. . .	76,00
—	Vạn-xuân. . .	76,00
—	Hiệp-phổ. . .	53,00
—	Hoà-vang. . .	49,00
—	Ba-bình. . .	16,00
—	An-sơn. . .	12,00
—	An-chi. . .	12,00
	Cộng 9 chợ	610\$ 00

(Còn nữa).

BỀ TRẦN CHÌM NỒI

(Đoàn-thiên tiểu-thuyết)

Tôn Xảo-Anh là một người kỳ-nữ-tử, Cổ-Tĩnh-Nhất cũng là một kẻ hảo-nam-nhi, trai tài gái sắc, chìm nổi trong bể trần, người cô người kim, đều là người mộng-ảo, chữ tài chữ tình, chữ nghĩa chữ hiệp, cũng dường như đều là chữ oan-nghiệt, hồi đầu là chốn cực-lạc? Có chăng chỉ cửa Khổng đấy mà thôi. Tuy vậy kẻ xem truyện này cũng không nên lấy sự thành sự bại luận kẻ anh-hùng, mà cũng không nên lấy một mất hai mất luận kẻ thuyền-quyền vậy.

Khoảng năm vua Thuận-trị là hồi Mãn-Thanh mới bắt đầu nhập-đế Trung-quốc, có người tài-sĩ là Cổ-Tĩnh-Nhất, tên tự là Chấp-trung người đất Vân-gian, tỉnh Chiết-giang. Cổ-sinh dôi con mắt nhanh-sáng, có khí-cốt hơn người, tài cao tuổi trẻ, mà khí-khải ngang-tàng, chẳng theo thói tục, những hạng hủ-nho trong làng thường chê cười Cổ-sinh, nhưng Cổ-sinh chẳng hề đoái lại. Khi ấy cõi đất Vân-gian mới qui-hàng nhà Thanh, có nhiều kẻ vô-liêm-sĩ mà đeo cái mặt nạ tấn-thần, những con em họ đua nhau về đường xa-xỉ, áo gấm giày châu, xe ngựa nghênh-ngang, đầy-tờ rậm-rịch. Cổ-sinh trong lòng khôn xiết lấy làm hồ-thẹn, phát lời than rằng: « Gội hương tắm phấn, kẻ trượng-phu mà học thói nữ-nhi, nước mắt là đáng vậy! » Cổ-sinh ngày thường chỉ mặc vận đồ trắng, phong-cách tiêu-sái, chẳng khác một vị thần tiên.

Khi ấy có một viên võ-lương là Kim Thanh-Hoàn, lĩnh chức tướng-quân đóng ở Nam-xương là chỗ tỉnh-thành Giang-tây. Kim nguyên là tướng nhà

Minh mới đầu-hàng nhà Thanh. Kim nghe tiếng Cổ-sinh là người có tài văn-học, đem lòng yêu mến, sai người mang lụa đến tận nơi đón Cổ-sinh làm chức Ký-thất, chuyên giữ việc văn-thư trong sáy-phủ. Cổ-sinh nhận lời, mới thuê thuyền ngược dòng sông Dương-tử đi lên. Một hôm đậu thuyền ở Chấn-giang, đêm hôm ấy sáng trăng vắng-vắc, trên trời dưới nước một cảnh linh-lung. Cổ-sinh một mình rót rượu đối trăng, chí-khi khôn xiết hăng-hải, gơ ống tay áo vừa hát vừa múa, cả có cái khí-khải múa giáo ngâm thơ như Táo Mạnh-Đức ở sông Xích-bích năm xưa.

Giữa khi ấy ở nẻo xa xa luồng gió đưa lại có tiếng véo-von như oán như mộ, như khóc như than, nghe ra thì là tiếng sáo, mà vì sao đưa lại đó thay! Cổ-sinh mới trào lên trên mũi thuyền trông ra bốn bên, chỉ thấy nước thấy trăng, cuối cùng thấy một chiếc thuyền buộc ở dưới gốc một cây lục-dương, mũi bồng thanh-nhã, màn thảm phát-phơ, chừng tiếng sáo từ trong chốn ấy phát ra vậy. Cổ-sinh liền nín lặng ngâm nghĩ, nhân ngâm-ngùi than rằng: « Người ấy là người nào thay! Chừng cũng là khách sầu-hận trong góc bể bên trời đó dư? Sao tiếng sáo nghe ra như oán như sầu thế vậy! » Mới bảo lái thuyền chèo thuyền lại thăm, thì giang-sơn vắng-vẽ, vũ-trụ mênh-mông, tuy chưa biết là người nào, nhưng trong bụng đã chắc rằng chừng cũng cùng là một lứa bên trời lận-đận, gặp gỡ nhau nợ sẵn quen nhau. Hay đâu khi hai chiếc thuyền đã gần giáp nhau, Cổ-sinh liếc mắt

vào trong cửa sổ, thì ra người thối ỉm ngọc-tiểu đó, không phải là kẻ ngang-tàng trượng-phu, mà chính là một người yếu-diệu nữ-tử, cốt-cách đoan-trang, phong-thần nhã-dạm, mặc áo màu hồng, da trắng như tuyết, tóc mượt như mây, thực là một bức ảnh mỹ-nhân thừa bình-sinh chưa từng thấy. Cổ-sinh biết rằng người thối ỉm chính là người con gái ấy, nhưng đêm hôm bỏ-ngỡ, không tiện hỏi han; canh khuya trăng tà, hai chiếc thuyền đều im lặng như tờ, rõ ra cái quang-cảnh thuyền một là dòng tây lặng ngắt, một bóng trắng trong vắt lòng sông. Đêm hôm ấy Cổ-sinh thâu đêm trằn-trọc không ngủ. Sáng ngày hôm sau, người lái thuyền vào nói rằng chiều gió thuận lợi, sắp sửa cời dây giương buồm ra đi. Cổ-sinh ngăn lại mà rằng:

— Hãy thông thả, đợi chiếc thuyền bên đi rồi ta cùng đi.

Lái thuyền nói rằng:

— Bây giờ thuận gió chẳng đi, rồi ra chuyển gió thì làm thế nào?

Cổ-sinh nói:

— Hễ chậm trễ ngày nào, tôi xin đền tiền ngày ấy.

Từ đấy hai chiếc thuyền cùng dậu yên ở dưới làn cây lục-dương mà không tiến-phát.

Kể mỹ-nhân ấy, nguyên họ Tôn, tự là Xảo-Anh. Người bố là Tôn Bá-Dương, lấy nước làm ruộng, lấy thuyền làm nhà, buôn xuôi bán ngược ở sông Trảng-giang để tìm đường sinh-hoạt. Xảo-Anh tuổi mới 17, tuy quá mai ba bảy khi vừa, nhưng đào non còn chứa xe tơ chồn nào. Từ lúc bé đã thích chơi nghề hãm-mặc, khi thì làm-phong, khi thì lòng-nguyệt, cũng không khỏi là một khách hữu-tình.

Giữa đêm hôm ấy, Xảo-Anh cũng nhớ có cảnh trăng sáng như ban ngày, trông thấy rõ Cổ-sinh một mình ngồi ở đầu thuyền cầm chén đối trăng,

phiêu-dật như cánh thông reo gió sáng-nhuần như hạt lộ rù châu, thực là một bậc tài-danh, trong mắt chưa từng trông thấy. Xảo-Anh cũng nghĩ bụng rằng nếu được người ấy đẹp phận lứa-dôi thì nguyên-vọng thỏa vầy.

Đến hôm sau, Cổ-sinh mới mượn tinh lân-lý đề ra vào, đánh bạo sang thuyền lân-ông đề thăm hỏi, rồi lân-ông cũng sang thuyền Cổ-sinh đề đáp lễ lại. Lân-ông đó là ai? Tức là ông Tôn Bá-Dương vậy. Chẳng mấy lúc Cổ-sinh với Bá-Dương đã nên nghĩa lân-lý, cũng có khi rót rượu mời nhau uống, trong khi trò chuyện, hai người đều đem sự thực của nhau ra nói. Bá-Dương cũng là người có tuệ-nhân, thấy Cổ-sinh tài-mạo khác với, rất lấy làm kính trọng.

Cổ-sinh biết ý Bá-Dương có thể động được, mới đem tình thực ngỏ ý cầu hôn. Bá-Dương nói rằng:

— Tôi tuy là một nhà buôn, chỉ trừ chữ nhất đến chữ vạn, còn ra tôi không biết chữ gì cả; nhưng tiểu-nữ tôi tự thừa bé đã có theo dõi về nghề bút nghiên, mà một sự kén chồng thì nó lại càng hà-khắc lắm. Quí công-tử nếu có lòng sở-cầu, xin ước đến bữa rượu chiều hôm nay mời công-tử sang thuyền tôi dự tiệc, đề tiểu-nữ tôi được thừa tiếp tôn-nhan, nghị-luận về đường hãm-mặc thì sự bạch-niên sẽ bởi đây mà định được.

Cổ-sinh cả mừng. Đến chiều y ước sang dự tiệc. Cổ-sinh cùng Xảo-Anh làm lễ tương-kiến. Xảo-Anh đem ra một tập thơ yêu-cầu Cổ-sinh hạ bút diễm-duyet đề thử tài. Nguyên Xảo-Anh bình-nhật vẫn có một tập thơ ngâm-vịnh, chưa từng phó ra với ai; nhưng trong tâm vẫn ấn-dịnh rằng hễ ai cầm bút diễm-duyet nội tập thơ ấy thì Xảo-Anh sẽ lấy làm chồng. Đến khi ấy Cổ-sinh phê-bình diễm-duyet đều

xứng ý, Xảo-Anh tỏ ý hân-hạnh, lấy làm một sự kỳ-ngộ. Cổ-sinh nói :

— Tôi là một kẻ thư-sinh miền Giang-lã, hàn-sĩ đất Văn-gian, ứng lời triệu-sinh của Kim-súy, đi lên Nam-xương, gởi ngọn bút đi qua sông, gặp gỡ người thực-nữ, xin cam cái lỗi đường-đột, ngộ ra những lời rườm tai; vì khiến xá cho tội ngu, xét đến lòng thành, trên thì cao-dường, dưới thì nữ-sĩ, hứa cho một lời, khiến mai sau được nên chữ nghi-gia, thì cái ơn ấy chưa biết lấy gì báo lại được.

Xảo-Anh đáp rằng :

— Thiếp là con nhà hàn-tiểu ở đất Thiên-thai, theo cha đi buôn bán miền Tráng-giang. Tự thừa nhỏ cũng vả theo dõi về nghề bút nghiên; nay được thấy bút hoa diễm-duyệt, lời ngọc phê-bình, biết rằng công-tử thực là một giống hữu-tâm trên cuộc đời vậy. Thiếp chẳng đoái mình là hạng người xấu-xí, xin theo chàng Lương Hồng đề ví đức với ả Mạnh-Quang, chưa biết quân-tử đã tin lòng cho đây hay chưa?

Cổ-sinh nghe nói cả lấy làm cảm động nói rằng :

— Thiên-hạ được một người tri-kỷ, khả-dĩ thỏa lòng. Tôi là kẻ nhiều cảm-tình mà trái với thói tục, cả một đời không có kẻ tri-âm, tự chắc rằng mai sau sẽ gửi xương chốn gò hoang, chết chẳng nhắm mắt; cái tình anh sẽ hóa ra một tấm cầu vồng, tía tía xanh xanh cho thiên-hạ biết. Nay thân mình được lọt vào trong mắt xanh của hiền-nữ, được hiền-nữ cho là kẻ hiền-sĩ, chồng Lương vợ Mạnh, kính nhau như khách, tâm cảm chung-thân, chết cũng không hổ; nguyện thân sống thân bề, chứng-giám cho lời này.

Xảo-Anh nghe Cổ-sinh nói, biết rằng trong tâm tất có chốn hoài-bảo gì đó, nhân hỏi rằng :

— Sao công-tử lại nói những lời bi-phần như vậy?

Cổ-sinh nói :

— Rợ Suy-vưu vào lán Hoa-hạ, ngồi để-tọa đó là khách-tình, núi lở sông tan, cõi thần-châu chìm trong đất cạn, chẳng bi-phần được chăng!

Xảo-Anh nói :

— Hòn đá non Tây, dù yên thân ta; rau vi núi Thủ, dù ngon miệng ta, bắt chước khách Di Tề, cũng ưu-du được tuế-nguyệt, hà-tất học lời ông Ngụ đời non, chìm Vẻ lấp bề thế ru?

Hai người thâu đêm cùng nhau bàn cuộc cờ-kim, uoi vành thân-thế, dường như cùng vẽ minh-nguyệt thanh-phong, bao-quát một bầu thu-sắc; khi trông ra đầu thuyền thì mặt trời đã rạng đông lúc nào không biết.

Ngày hôm sau hai chiếc thuyền cùng tiến-hành, cùng đậu ở Yến-tử-cơ. Đến đêm gặp mưa gió lớn, trời đen tựa mực, sóng rợn như sấm, thuyền nào thuyền nấy đều có cơ phá hoại. Thuyền Xảo-Anh thì dây thuyền bị đứt, trôi ra giữa dòng sông, kỳ-thủ còn nghe tiếng người kêu-hò, rồi dần dần thì dường như đã bị luồng sóng đánh chìm đi, hay là luồng gió cuốn đi mất. Thuyền Cổ-sinh thì các thủy-thủ hợp sức cứu mình chẳng xong, còn kịp đầu đến thuyền khác. Đến sáng sớm gió êm nước lặng, trên trời dưới nước lại tỏ ra một cảnh thu-quang, nhưng mà thương ôi! Bồn bề bát-ngát xa trông, nước sóng trong vắt thấy gì nữa đâu. Cổ-sinh khi ấy nỗi-niềm thương-thảm không biết nói ra với ai được, mà sự biến ấy cũng không có thể văn-hồi thế nào được nữa, chỉ có một kẻ giương buồm quay mũi tiến lên Nam-xương trước đã, rồi sẽ tìm kẻ dò la về sau mà thôi.

Thuyền đi vài ngày đến Nam-xương, thì viên đại-súy là Kim Thanh-Hoàn đã sai hai tên vệ-binh ra bến sông ngóng đợi tự bao giờ. Cổ-sinh vào thành yết-kiến Kim-súy, Kim-súy tỏ lòng hân-hạnh xuống thăm nghênh-

tiếp Cổ-sinh, làm lễ khách chủ rất là cung-kính. Đến đêm Kim-sủy mời Cổ-sinh lại chỗ ghế trước mặt, bàn việc thiên-hạ và việc quân, gạn hỏi tiên-sinh có kế sách gì hay để dạy bản-sủy này. Mà Cổ-sinh thì tâm-thần bất-định, chẳng nói chẳng rằng, tựa như người ngốc, Kim-sủy lấy làm quái mà nói rằng:

— Tiên-sinh há phải là bất-mẫn với bản-sủy này đấy ư? Cờ sao chẳng thêm dạy bảo như vậy?

Cổ-sinh từ tạ thưa rằng:

— Thân này vốn muốn vì tri-kỷ hết sức, song-le trong bụng đã rối loạn không thể sao cầm giữ được, xin từ tạ với đại-sủy từ đây.

Kim-sủy nói rằng:

— Tiên-sinh nói là trở về sự gì, bản-sủy thực chưa hiểu.

Cổ-sinh mới đem sự tình của mình ra nói. Kim-sủy nói rằng:

— Thế thì là một sự rất dễ.

Kim-sủy nói dứt lời, tức khắc truyền lệnh đội thủy-thủ ở bản-doanh, vẽ sẵn hình trạng người, noi dòng sông đi xét hỏi, mà rút lại cũng chẳng được gì cả.

Cổ-sinh từ đấy càng tỏ ra lòng thương xót, chỉ hằng ngày ở trong sủy-phủ, trừ những lúc bàn việc với Kim-sủy, ngoài ra thì chỉ than ngậm khọc ngậm, uất-ức không nói với ai được. Kim-sủy muốn vì Cổ-sinh làm kế giải-muốn, nhân chức-thác bọn đồng-nghiep với Cổ-sinh trong mạc-phủ, mời Cổ-sinh đi ra du-thưởng chốn hồng-lâu. Cổ-sinh không nỡ trái ý Kim-sủy, miễn-cưỡng mà đi. Song-le Cổ-sinh đã là người từng trải sự bề dàu, tham gì xóm hoa nguyệt; cho nên khi đi đến nơi, trong mắt Cổ-sinh không có một ả nào xứng ý cả.

Một hôm, đương tiệc rượu uống say, có một người bạn đứng lên rót rượu khuyên Cổ-sinh uống mà nói rằng:

— Ngô-huynh con mắt quá cao, vì đời chưa có hoa-khôi, cho nên chưa buồn một đoái. Nay có một người danh-kĩ tên là Mai-Khanh, mới từ Nam-trung lại, người đẹp thơ hay, lại thiên nghệ thời sáo. Nhưng người ấy còn tự-cao phẩm-giá của mình lắm, những khách đến chơi chỗ trang-các, thì người ấy chỉ thù-tiếp một bài thơ, hay là một cuộc cờ mà thôi, còn ngoài ra không thù-tiếp gì khác nữa. Vì chưng ả Hồng-Phật tất chung-tình với Lý-tướng, có Hồng-Ngọc còn đợi gả cho Hàn-vương, hoặc-giả kẻ mĩ-nhân kia có ý gì riêng chẳng. Ngô-huynh là một bậc phong-nhã tài-hoa, may ra hoặc có dịp liên-châu hợp-bích, khiến trong bọn mạc-phủ chúng ta, thêm được một đoạn phong-lưu giai-hoại, lại chẳng hay ư. Ngô-huynh nếu có ý, xin thử một phen đi đến nơi, tiêu-đệ là kẻ bất-tài, xin vì ngô-huynh giới-thiệu.

Cổ-sinh nhân cũng tỏ ra ý lãng-mạn mà nghe lời, mới cùng người bạn đi đến chỗ Mai-Khanh ở, thì thấy hiện phòng khúc-chiết hoa thảo thanh-tân, cũng có vẻ u-tĩnh, liền có hai ả thanh-y ra đón.

Người bạn trở vào Cổ-sinh mà nói rằng:

— Đây là Cổ-quân ở Vân-gian, là kẻ danh-sĩ đời nay, mộ tiếng Mai-Khanh tìm vào tiếp-kiến. Mai-Khanh hẳn có lòng yêu mến phong-nhã, xin đừng tiếc gì một chút tương-kiến.

Ả thanh-y liền dẫn vào, thì thấy viện thăm ghề tĩnh, bốn vách đồ thư có vẻ tinh-khiết cao-nhã, khác với quang-cảnh chốn lâu-hồng. Khách ngồi vừa yên chỗ, Mai-Khanh tự trong tây-các đi ra, trong khi bắt đầu mới tiếp-kiến, Cổ-sinh cả lấy làm kinh-ngạc, Mai-Khanh cũng biến đổi sắc mặt, người bạn cũng không biết sao. Ba người đều đứng ngay như cây gỗ một hồi lâu. Cổ-sinh bắt đầu cảm-động mà nói lên rằng:

— Ôi! chẳng phải Tôn-nương Xảo-Anh đấy ư? Cớ sao lại ở chốn này?

Người ngoài mới biết rằng Mai-Khanh không phải là kẻ khác, chính là kẻ bị nạn ở dòng sông, tên là Tôn Xảo-Anh vậy. Xảo-Anh cầm lấy tay Cổ-sinh mà nói rằng:

— Ngày nay há chẳng phải là giấc mộng đó ư?

Hai người mừng quá, cùng nhau cảm khóc một hồi lâu.

Duyệt-giả nên biết rằng Tôn Xảo-Anh vì cớ sao mà lại ở trong kỹ-viện. Vì rằng trong khi gió to sóng mạnh, một chiếc thuyền chìm nổi ở giữa dòng sông một hồi lâu rồi bị đắm. Xảo-Anh khi ấy đã uống phải nước rồi, bần-bật giặc tiên, không biết gì nữa. Kịp khi tỉnh ra thì thấy mình nằm ở trong bức chần gấm, bên cạnh mình có một ả thanh-y, tay cầm thìa múc cháo gừng đồ cho mình ăn, trong mình thấy có khí nóng rồi trong bụng ấm lên. Xảo-Anh lấy làm quái-lạ hỏi rằng:

— Đây là chốn nào? Cớ sao tôi lại ở đây?

Người ngồi cạnh chỉ cười mà chẳng đáp. Chợt thấy một bọn người cười nói đi vào, đi đầu thì là một cụ già, theo sau thì là mấy ả. Cụ già đoái bảo mấy ả rằng:

— Mày ngài xinh đẹp, chất ngọc phẩm tiên, từ đây trong viện binh-khang đã thêm được một ngọn cờ đỏ chói.

Xảo-Anh lấy cớ hỏi cụ già thì cụ già chẳng nói thực. Xảo-Anh lại hỏi kẻ thanh-y, kẻ thanh-y cũng chẳng chịu nói thực. Xảo-Anh trong tâm cả hoài-nghi, mà trông ra bốn bên thì thân mình ở trong một chiếc thuyền có màn xanh và câu lon đỏ.

Đi thuyền năm ngày, kịp đến bến thì tức khắc có người đem kiệu hoa ra đón. Rồi vào một cái nhà to, từ chốn đồng-phòng cho đến các đồ bài-trí,

đều khác với chỗ thường; mà trông các bạn chị em thì người nào người nấy đều đẹp đẽ bóng bẩy như hạng tiên sa mà trong khi cười nói năng, hiền-lộ ra thối lả-lơi khinh-bạc. Xảo-Anh trong tâm càng lấy làm kinh hãi hoài-nghi. Ngay đêm ấy lại đem cớ hỏi cụ già, cụ già cười nói rằng:

— Nàng là kẻ thông-minh, há phải hỏi gì cho lắm, ta đây là bà trùm trong hàng viện kỹ-nữ đất Nam-xương này. Ta gặp gỡ nàng ở giữa dòng sông, cũng là duyên trời. Tính-mệnh nàng ta thực cứu cho, cớ lẽ mà nói thì nàng nên báo ơn ta, ta cũng nhờ tiếng nàng. Nàng mà nghe ta thì còn nhiều hạnh-phúc về sau. Kiếp người chỉ cốt ở hành-lạc mà thôi, ta chắc rằng nàng trong bụng cũng lấy làm vui vẻ.

Xảo-Anh nghe cụ già nói, nước mắt sa xuống như mưa, quì xuống thỉnh rằng:

— Bà cứu vớt tôi thực là một vị ân-nhân của tôi, duy tôi vốn là con gái lương-gia, không quen việc ấy, xin bà cù thương cho, nếu chẳng được như lời thỉnh, thì tôi đành nguyện chết chẳng nguyện sống nữa. Tôi xin nói thế là hết, xin bà đừng lòng thương.

Cụ già sai bọn chị em trong hàng viện hết kể khuyên bảo, rút lại Xảo-Anh vẫn chẳng nghe lời mà nói rằng:

— Tôi đã có chồng rồi, chồng tôi là chàng Cổ-Tĩnh-Nhất người ở Văn-gian, hiện nay làm người khách trong mạc-phủ quan Kim-súy ở Nam-xương này vậy. Nếu nghe lời chị em thì mặt nào còn đối với chồng tôi.

Bọn chị em nói rằng:

— Chồng chị đã ở chốn kia, nay bày kế cho chị, chẳng gì bằng tạm ra ứng đối với khách, rồi chồng chị nghe tiếng chị mà đến viện này chơi, hoặc giả vợ chồng lại được đoàn-tụ.

Xảo-Anh vẫn cứ trù-trù mãi, sau mới gượng theo lời khuyên bảo, duy

ước trước rằng chỉ tiếp khách bằng chén rượu cuộc cờ, không tiếp khách bằng chén gối. Người mù già bằng lòng y cho lời ước ấy. Xảo-Anh mới đổi hiệu là Mai-Khanh ra tiếp khách, tuy càng treo giá ngọc càng cao phẩm người. Nhưng Xảo-Anh ở trong kỹ-viện ít lâu, ngậm đắng nuốt cay, giữ ong gín bướm, thực đã trải qua một hồi gian-khổ. Đến khi ấy Cổ-sinh được gặp Xảo-Anh, cầm tay nhau mà khóc nước-nở chẳng thành tiếng. Xảo-Anh đem sự gặp nạn ở dòng sông nói cho Cổ-sinh hay. Người bạn nghe chuyện, cũng vì chảy nước mắt. Rồi Cổ-sinh cùng người bạn chạy về báo rõ với Kim-súy, Kim-súy nói rằng :

— Trời tình chẳng lão, trăng khuyết lại tròn, ta sẽ tán-thành cho một đoạn nhân-duyên tốt ấy.

Rồi thì Kim-súy xuất ra một số vàng lớn báo đền cho mù già, liền vì Cổ-sinh chọn ngày làm lễ cưới. Hai người ở trong sùy-phủ ít lâu, khi gió gác, khi trăng sân, câu thần nối thơ, bầu tiên chuốc rượu, thực là tài-tử giai-nhân, Châu Trần lại có Châu Trần nào hơn vậy.

Ngờ đâu trời xanh ghen khéo, sự hảo khó toàn, hai người kết thân chưa được một tháng, mà đất bằng đã nổi sóng dùng dùng vậy. Khi đó có một viên Giang-tây tuần-án-sứ là Đồng Học-Thành. Đồng nguyên là một viên quan nhỏ nhà Minh bắt đầu ra hàng nhà Thanh, mà tàn-nhân rất đặc-lực, cho nên chẳng bao lâu, được lĩnh-chức trọng-yếu ấy, niên tuy lão mà tinh da-dám, từng tò-mò đến chỗ kỹ-viện, thấy Xảo-Anh sắc đẹp, rất thêm-thuởng mà chưa được một phen thỏa-nguyện, nghe có sự Cổ-sinh cưới được Xảo-Anh, máu ghen nổi lên không thể át được, Đồng liền mưu với một người khách. Người khách nói rằng :

— Cổ-sinh là một kẻ bần-sĩ, trao cho một số tiền to, gì mà chẳng xong.

Đồng mới viết thư mời Cổ-sinh lại chơi, ngỏ lời uyển-chuyển tỏ ý mình. Cổ-sinh nổi giận nói rằng :

— Tôi tuy nghèo, đâu đến nỗi phải bán vợ.

Đồng nói rằng :

— Chẳng qua là một đứa kĩ-nữ, sao ngài cố-chấp như vậy.

Đồng liền hết sức mời Cổ-sinh ngồi lại, làm một bữa tiệc đãi Cổ-sinh, lại hai ba lần nhắc đến lời trước. Cổ-sinh cả phật giận, ném chén rượu xuống mà đứng dậy. Đồng kéo tay lại mà nói rằng :

— Ngài cứ yên đừng nóng-nảy, tôi nói hỗn dấy mà thôi.

Đồng mới nói ra câu chuyện khác, nào kinh nào sử, nào văn nào chương, chủ ý để Cổ-sinh ngồi dự tiệc hồi lâu. Cổ-sinh dự tiệc xong, cáo biệt với Đồng về dinh Kim-súy, thì canh khuya đêm vắng, bỗng không lạnh ngắt như tờ, kẻ đồng-lâm với mình đã đi đâu mất rồi vậy. Đứa thị-tỳ thấy Cổ-sinh, kinh ngạc nói rằng :

— Ông khỏi bệnh rồi ư ? Sao bà tôi còn chữa về ?

Cổ-sinh hỏi rằng :

— Bà mày đi đâu ?

Đứa thị-tỳ đáp rằng :

— Bữa chiều dinh quan Án có cho người đem xe lại, báo tin rằng ông say rượu quá ngã xuống đất bất-tình nhân-sự, giục bà tôi sang thăm ông, bà tôi đã vội vàng lên chiếc xe ấy đi ngay, đến bây giờ nửa đêm rồi mà ông lại chẳng gặp bà tôi ư ?

Cổ-sinh nghe nói dường như chết ngất đi, liền đảo bước chạy sang dinh Đồng-án thì cửa dinh đóng chặt, kẻ canh cửa nói rằng quan Án đã ngủ rồi, xin quý-khách đến sáng mai sẽ lại. Cổ-sinh khôn xiết tức giận, cực chẳng đã về mách với Kim-súy. Kim-súy cho rằng kẻ kia đương có thế-lực, và sự ấy không lấy ai làm chứng cứ, cho nên

chỉ lấy lời yên ủi Cổ-sinh mà thôi. Cổ-sinh đêm hôm ấy suốt đêm trần-trọc, đến mờ mờ sáng thắp chạy sang dinh Đồng-án đòi vợ. Đồng-án chẳng tiếp-kiến. Cổ-sinh nghĩ bụng rằng lòng nó tất-nhiên ám-muội, nếu mà quang-minh sao lại cự-tuyệt ta thế vậy, lại phẩn-uất mà về.

Cổ-sinh về được ít lâu chợt nghe có tiếng gõ cửa, đưa thị-tì ra mở cửa, liền hoảng-hốt chạy vào báo rằng bà tôi đã về rồi. Cổ-sinh vội vàng chạy ra đón thì thấy Xảo-Anh máu chảy đầy mặt, Cổ-sinh kịp vục đỡ vào trong nhà, cầm khăn lau mặt cho vợ, máu sạch thì thấy hai lần thu-ba chỉ còn có một, vì một mắt đã bị mù rồi. Cổ-sinh hỏi ra mới biết rằng khi Xảo-Anh đến dinh Đồng-án thì bị giam cầm ở trong một cái nhà kín, liền thấy một kẻ trượng-phu mày râu rậm tói, tự xưng ta là Ân-viện đại-nhân, thẳng sáu đến gần, tỏ sự hiếp bách. Xảo-Anh lâm khi cùng-túng không biết làm thế nào. mới rút cái trâm bạc sẵn giắt ở mái đầu ra cầm ở trong tay, kỳ-thủy định đâm vào mắt Đồng-án nhưng không trúng, mới nghĩ rằng thẳng giặc kia nó chỉ thêm-thuồng cái sắc của ta đấy thôi, nay ta hủy-hoại cái sắc đi, thì lòng nó tất không hi-vọng gì nữa. Xảo-Anh liền cầm cái trâm bạc dùng sức đâm vào mắt mình, trong khoảng phút chốc thì con ngươi đã bị xuyên vỡ mà máu tóe đầy mặt. Đồng-Án hết kế khuyên dỗ, rút lại Xảo-Anh vẫn không nghe. Đồng-Án biết rằng cái chí Xảo-Anh đã không thể đoạt được, mà lưu lại ở trong dinh thì hoặc sinh biến, đến gần buổi trưa hôm sau mới sai người tống Xảo-Anh ra ngoài cửa. Xảo-Anh mới ôm đầu thương dị lên xe trở về.

Cổ-sinh biết rõ, nóng-nổ, càng lấy làm kinh, càng lấy làm thương. Hoặc có kẻ bảo Cổ-sinh rằng yêu kẻ đàn-bà độc-long. Cổ-sinh tỏ ý giận rồi nói rằng:

— Tự sau khi vợ tôi đã mù một mắt, tôi coi người thế-gian kẻ nào kẻ ấy đều thừa một mắt cả. Ôi ! Mất mà đẹp thì một là đủ, lo phải nhiều làm gì.

Kể nghe lời ấy hết thầy đều kinh-thán.

Khi đó trong quân Kim-sủy có một viên phó-lương là Vương Đắc-Nhân, là người anh-dũng vô-song. Vương nguyên là tướng của Sấm-vương, từ khi Sấm-vương thất-bại, tuy có đem quân bản-bộ về hàng nhà Thanh, nhưng trong quân Vương tự thấy đến tro vẫn không chịu róc tóc, tấm lòng thương yêu cố-quốc vẫn thường bình ra sắc mặt. Lại nhân vì có viên Giang-lây Tuần-án-sứ là Đồng Học-Thành nguyên là hàng quan văn tham-ô vô-sĩ, bán nước cầu vinh, mà đắc-sủng với Mãn-triều, quyền thường ở trên hàng quan võ. Vương cả lấy làm phẩn-uất. Vương biết rằng Kim-sủy cũng một lòng như mình, mới cố khuyên Kim-sủy cử nghĩa phản-chính khôi-phục lại nhà Minh.

Kim sủy tuy nhận lời, nhưng còn sợ thế-lực nhà Thanh đương mạnh, vẫn không dám quả-quyết. Vương mới chạy đi thương-nghị với Cổ-sinh, Cổ-sinh nói rằng :

— Tướng-quân cử việc này chắc rằng trời đất tổ-tiên đều ngầm giúp cho, tôi xin vì tướng-quân cố sức nói với Kim-sủy khiến cho thành việc này.

Khi Cổ-sinh sắp-sửa đi báo với Kim sủy, có nói với Xảo-Anh rằng :

— Việc nghĩa-cử này chính là hợp với bản-chí của tôi, không còn hoài-nghĩ gì nữa. Tôi chỉ còn doái-thương chút phận nàng, vì trong cơn đa-nạn mà làm lụy cho kẻ hồng-quần, sự này biết nghĩ sao !

Xảo-Anh nói rằng :

— Kẻ trượng-phu nay có lòng trung-nghĩa, thiếp tôi cũng là con người độc sách, há chẳng nghe theo. Lúc thiên-hạ có đạo thì chẳng với thiếp hưởng thú thanh-nhàn, lúc thiên-hạ vô-đạo

thì tiếp với hàng chung, đường Loạn-nạn, việc ấy tất nên làm, không còn hoài-nghi gì nữa.

Cổ-sinh cả mừng, mời vào nói với Kim-sủy rằng :

— Trung-quốc ta từ đời vua Thiệu Khang nhà Hạ đến nay có hơn 3.000 năm, cuộc chính-thối nước ta, tuy có phen thất-bại lại có hồi trung-hưng, triều nhà Minh ơn sâu đức dày hơn cả nhà Đường nhà Tống, mà cái thế-lực của tướng-quân ngày nay cũng đủ để cấp núi vượt bể. Nếu một phen đứng đầu cử-ngõ, sự thành thì khó gì sự phong-hầu, sự bại thì cũng vẫn được là bậc trung-nghĩa.

Kim-sủy ngồi ngẫm-nghĩ rồi nói rằng :

— Tự lúc giặc đỏ vào cửa quan đến nay, vua Hoảng-quang vua Long-vũ nhà Minh trước sau chết cả, việc ngày nay biết lấy ai làm chủ được.

Cổ-sinh hết sức biện-bạch rằng vua Long-vũ chưa chết, hiện nay còn lần-lút ở Ngũ-tử-trại trong tỉnh Mãn.

Kim-sủy nói rằng :

— Nếu thế tiên-sinh vì ta thử một phen đi thăm xem, quả vua hầy còn thì ta nhất định phản-chính.

Cổ-sinh tỏ ý khẳng-khải vàng lời đi ngay.

Cổ-sinh tìm được vua Long-vũ vào yết-kiến, vua liền phát tờ sắc-mệnh, phong Kim Thanh-Hoàn tước là Chấn giang-công, Vương Đức-Nhân tước là Duy-tán-tâu, hai người cả mừng, lấy làm quá-vọng, lễ-nghị mời quyết.

Năm Thuận-trị thứ 5 tháng giêng ngày 27, họ Kim họ Vương cử Linh phản-chính. Bắt đầu bắt viên Tuần-án-sứ là Đồng Học-Thành, kể ra cái tội tham-dâm mại-quốc mà đem giết đi, thiên-bạ đều khoái-thích mà nói rằng : « Dâm giả vạn-ác chi đầu, dùng như gương Đồng Học-Thành ».

Nổi hiệu chính-thống nhà Minh truyền bịch đi xa gần khởi-phục được toàn tỉnh Giang-tây, nghĩa thanh nhót động Tề Lỗ Yên Triều, gần xa đều hưởng-ứng. Khi đó từ quân-chính cho đến quân-thu, bởi lối bề-bộn, phạm việc bừa-trát đều một tay Cổ-sinh thảo ra.

Hay dân nhân-tâm tuy phẫn, thiên-ý khó hồi, cõi đất ngày mòn, thế giặc ngày mạnh, chỉ-trị chỉ được có một năm, mà gió thảm mưa sầu, thành Nam-xương đã bị vỡ. Kim Vương hai ông trước sau chết theo nạn nước. Vợ chồng Cổ-sinh khi ấy, phải mặc quần áo rách-rưới, râu lẫn vào trong đám nạn-dân dề ra khỏi thành, xuôi thuyền chạy xuống phương nam, đi về Văn-gian là chỗ quê-quán cũ. Cổ-sinh về làng đã đóng cửa không tiếp khách để tỏ ý chẳng muốn nghe việc đời, đã tạc hai chước như vợ chồng ông Lương Hồng vào ăn ở đất Cối-kê, cũng tạm là đủ chi-nghuyện thừa bình-sinh.

Chẳng ngờ nhân-tình quái-quốc, thế lộ khi-khu, đợt sóng này vừa dẹp, đợt sóng khác lại lên. Có kẻ láng giềng với Cổ-sinh là Quách Nhị vốn là đồ vô-lại, biết rõ sự Cổ-sinh từng lâm-mặc-khách cho Kim-sủy, ngấm lên mách bảo với huyện-quan đề cầu môn trọng-thương. Huyện-quan tức-khắc về bắt Cổ-sinh bỏ vào ngục tối, luận về tội khởi-nghịch mà dương-tội chết. Xảo-Anh phải bán cả gia-tài lẫn tư-trang, trăm phương cầu cứu, mới được giảm xuống một bậc tội chết, đi đày tỉnh Hắc-long-giang. Than ôi ! xây xiềng loảng-xoảng, gió bắc lạnh-lùng, gai da-tinh như Xảo-Anh, sao nỡ để người kính yêu của mình một mình nếm trải cái mùi thắm-khò xối-xa ấy. Rồi thì Xảo-Anh thấy bỏ đồ trăm thoi mà đội nón lính, quyết kế đi theo chồng. Tuy Cổ-sinh hết sức ngăn lại, Xảo-Anh cũng chẳng nghe. Lại gì cường-dai muôn dặm, khi rét cùm cùm. Cổ-sinh vốn là cái thân học trò yếu ớt.

phải đương vào cái cảnh-ngộ bi-thảm, qua sông qua núi, ăn gió nấp sương, đi đến đất Hà-nam thì mắc bệnh. Xảo-Anh hết sức điều-hộ mà bệnh vẫn chẳng lui. Thương ôi ! Trời sâu đất thẳm, trăng âm sao mờ, năm Thuận-trị thứ tám tháng 11 ngày mồng năm, kẻ thiếu-niên nghĩa-sĩ văn-vũ gồm tài là Cổ-Tĩnh-Nhất đã từ-giã người vợ hiền mà cùng với giang-sơn nhà Minh cùng mất vậy.

Khi Cổ-sinh đã chết, Xảo-Anh đau đớn chẳng muốn sống nữa. Chôn đắp mồ nghĩa-sĩ xong, cỡi dây lưng ra thất cò ở bên rừng cây phong, nhờ ba thước lụa hồng để kết-liếu mệnh bạc cho thân tàn ấy. Hay đâu, vừa mới nguyền dẫu lên thì dây lưng đã đứt. Chợt có một người tự đằng sau chạy ra nói rằng :

— Loài tiểu-trùng đáng thương kia, sao lại làm sự kém hèn như vậy.

Xảo-Anh ngoái lại trông thì thấy một sư già, tuổi độ sáu-mươi. Cái dây lưng mà đứt là bởi người sư già đứng đằng sau cắt cho vậy.

Xảo-Anh nói rằng :

— Sư già sao khéo lại còn đa-sự, người ta thì vui về sự sống, tự tôi thì vui về sự chết.

Xảo-Anh nhân kể qua cái cảnh-ngộ mình cho sư già hay. Sư già nói rằng :

Bề người rắc rối, chìm đắm trong cõi hồng-trần, thực là phiền-não khủng-

hoảng, sao chẳng theo tôi chơi nơi thanh-lĩnh đấy ru ?

Sư già liền dắt tay Xảo-Anh, đi độ hơn dặm đường, đến một cái am, Trong am đã có một vị sư nữ ngồi đấy trước, dung-mạo đoan-nghiêm, tuổi độ ba mươi. Sư già trở bảo Xảo-Anh rằng :

— Ấy là vị Hoảng-Quang hoàng-hậu ở tiên-triều đấy.

Xảo-Anh kinh ngạc sụp xuống bái. Hoàng-hậu là người từ-hòa hiền-thục, dãi Xảo-Anh rất tử-tế. Xảo-Anh nghĩ trong bụng rằng nhà Minh hơn hai trăm năm cũng đức bình-thành, ai ai cũng đội ở trên đầu, vợ chồng ta chẳng may gặp hồi quốc-biến, non sông tan vỡ, thân-thể nổi chìm, song chồng ta là kẻ đại-trượng-phu, được theo Kim, Vương hai tướng mà thờ liệt-vị tiên-đế nhà Minh ở dưới đất, ta là phận đàn bà, được nhờ cửa Phật mà thờ Hoảng-Quang hoàng-hậu ở trên đời, chồng ta ngậm cuôi ở chín suối cũng có thể nhắm mắt được vậy. Xảo-Anh ở trong am được ba ngày, liền cắt tóc thụ giới tu hành, rồi từ đấy trở đi, trên đường oau-nghiệt trong cõi hồng-trần không có vết chân kẻ thuyền-quyên nữa.

Than ôi ! trai nghĩa-sĩ gái thuyền quyên, liệt-sử vong-quốc của nhà Minh, xem ra cũng không hồ vậy.

Tùng-vân biên dịch



VĂN-UYỄN

Đầu mùa mưa

Báo tin tiếng sấm khắp rền khua,
 Khi-tiết hôm nay đã đổi mùa;
 Qua buổi nắng-nung hầm tựa lửa,
 Tới hồi mưa-móc nhỏ như tua;
 Sồn-sơ giậu trĩu dưa bô vượt,
 Rộn-rịp bờ hồ ếch nhay đua;
 Bụi cát dầu còn ta rửa sạch,
 Nước trời chứa đầy khối tiền mưa.

Mưa đêm

Cảnh vắng, trời hôm lấm nổi sầu!
 Đầm-dia giọt lệ trớt canh thâu;
 Mây làn nước đánh hoa bầm mặt,
 Một trận gió xô cỏ chúi đầu;
 Nhà rách vách thưa người tui phận,
 Lầu cao rào kín kẻ lo âu;
 Lại còn chớp nháng găm-ghi mãi,
 Lắm chị Hằng-nga sợ trốn đầu.

Đêm chơi thơ một mình

Nửa đêm thong-thả dạo bờ tre,
 Đem túi thơ ra đọc thử nè!
 Hay-dở chơi cùng trăng tỏ bóng,
 Thấp-cao chen lẫn khúc dân ve;
 Trăng nằm mặt nước đeo gương ngọc,
 Gió núp đầu rừng lặng tiếng nghe;
 Ai hỏi: Sao ta ngấm-ngợi thế?
 Đáp rằng: Thức giấc bọn năm khe.

Cùng bạn chơi đêm

Cùng nhau đổi bước lúc đêm trăng,
 Thơ phú bên mình nửa túi mang;
 Dưới nguyệt một vài câu chuyện phỉm,
 Giữa trời năm bảy trận cười khan;
 Người đang trần-lục lòng say tẻch,
 Ta lại thần-liên lúc rảnh-rang;
 Danh lợi mặc ai mơ tưởng lắm,
 Cho hay: Phú quý bất như nhân.

NGUYỄN HUỲNH-MAI

Buổi xớm đi đường

Bốn bề bát-ngát mắt xa trông,
 Đổ ối phương trời bóng rạng đông;
 Trắng xóa mặt sông dòng nước cuốn,
 Xanh om đỉnh núi đám mây lồng;
 Dặm hoa xao xác người thương-khách,
 Nội cỏ nghèo-ngao lữ mục-đồng;
 Trận gió thu qua bay tiếng nhạn,
 Bước đường ai ấy đợi nhau cùng.

Đề ảnh mi-nhân

Hình như bóng liễu, dáng như mai,
 Từng nét linh-vi khéo tuyệt-vời;
 Tờ giấy in nền vầng nguyệt tỏ,
 Mảnh gương chụp lấy đóa hoa cười;
 Mây thu chưa hẳn hơn mẫu tóc,
 Ngọc chuỗi còn e kém vẻ người;
 Một bức truyền-hình xuân trẻ mãi,
 Mặn-mà như vẽ biết bao phai.

I

Nhớ người xa

Trầnh nhớ người xa lưỡng ngằn-ngơ,
 Nhớ ai ngày tưởng lại đêm mơ;
 Nhớ khi sườn núi bông hoa thắm,
 Nhớ độ bên sông bóng nguyệt mờ;
 Nhớ lúc nói cười say mặt ngọc,
 Nhớ khi năn-nỉ tránh lòng thơ;
 Nhớ ai, ai nhớ, tình khôn lỏ,
 Tin nhạn hôm mai những đợi chờ.

II

Nhớ người xa bấy nay mong mãi,
 Người xa-xôi thấu nỗi niềm chăng?
 Nhớ khi trò-chuyện dưới trăng,
 A Hằng, người ngọc, biết rằng ai tươi.
 Nhớ những lúc tiếng cười, giọng nói,
 Nhớ tri-âm, nhớ nỗi gần xa;
 Nhớ khi dạo gót trong hoa,
 Hương trời man-mát đường xa bụi
 trần.

Nhớ những buổi chiều xuân phơi-phới
 Nhớ đôi phen gió thổi hắt-hiu;

Nhớ khi buổi sớm, ban chiều,
Mặt nhìn mặt, những thêm yêu muốn
vân.

Nhớ canh khuya mơ-màng giấc bướm,
Giọt sầu tuôn như đượm mưa xuân ;

Nhớ khi về ngọc lân-ngần,
Lóng đi một bước muốn phần ngần-ngợ.

Ngày vô-võ mong chờ thư nhận,
Đêm vắng-khuàng tựa án đèn gương ;

Sầu riêng chan-chứa bên lòng,
Ngôn-ngang trăm mối như vòng tơ-

vương.

Trách chị Nguyệt đưa đường, dặt lối,
Quen nhau thêm nhiều nỗi nhớ nhau ;

Giận mình lẳng-đẳng bấy lâu,
Tang bồng hồ thử chưa đâu bằng lòng.

Há có phải hơi đồng xui khiến,
Mà gây nơi oanh én đôi nơi ;

Vinh hoa phú quý trên đời,
Hoàng-lương một giấc, đêm dài được

Chỉ cũng rập tiêu dao sơn-thủy, [bao.
Cùng tri-âm vượt bề trèo non ;

Lập riêng ra quả cầu con,
Chim bằng vũ cánh, cá còn giương vây.

Cũng có lúc muốn xoay vòng đất,
Cùng người yêu lên tới cung trăng ;

Năm năm vui với ả Hằng,
Muôn nghìn thế-giới xem bằng mây tơ.

Mảnh tám-sự vẫn-vơ là thế,
Khối tình riêng, há dễ khuấy-khoa ;

Cây ai nhẵn với người xa,
Hồng-nhan là nợ, tài-hoa là phiền.

Duyên kỳ-ngộ là duyên văn-tự,
Chữ tình-chung là chữ đa-sầu ;

Yêu nhau xin nhớ lời nhau,
Cơ duyên chẳng trước thì sau vội gì.

Dương Thiệu-Cương

Một đêm ngủ trong rừng hoa

Cúc-hoa

Rèm đóng hây-hây gió xiêu cánh,
Cúc nở thiên-cung chiếu về thanh ;
Ngát-ngát hương đưa tìm mộng-cảnh,
Sắc trầm như gợi tiếng đàn tranh.

Lan hoa

Đặt-dìu đang-lựa khúc đàn tranh,
Sức-nức hương lan cuốn bức màn ;
Tha-thướt gió xuân đưa đầy bóng,
Nhường say về lịch, đắm chiều thanh.

Hải-đường

Còn đương say đắm về chiều thanh,
Bỗng thấy nghiêng-nghiêng gió động
Mây hóa đường-hoa rơi là cợt, [cánh ;
Gheo người môn-mởn cái tình-anh.

Hồng-hoa

Những là mê-mẩn cái tình-anh,
Mấy khóm hồng-nhung nở trước màn ;
Hương ngát tung mây tìm bóng nguyệt,
Sắc cái đầy nước vẽ nên tranh.

Mai-hoa

Phơi-phới tường đông tuyết trắng ngàn,
Mịn-màng yêu-giấu về thanh-tán ;
Trăng soi, hoa lả lơi-thơ cánh,
Thêm quế hương bay mát bụi-trần.

Hoa thủy-tiên

Ngã xuống bên vai nói chuyện thăm,
Cùng hoa xin kết giải đồng-tâm ;
Hương bay man-mác nhà chung-đỉnh,
Dung-mạo đoan-trang vẽ đại-thần.

Đào-hoa

Lả trước đông-phong hé miệng cười,
Giọt sương lấp-loáng đượm màu tươi ;
Sớm chiều hôn-hở trên vườn uyển,
Đời biết yêu hoa dễ mấy người ;

Hoa nhài

Bồi-hồi trắng mọc mái tây lầu,
Thoang-thoảng mùi hương biết ở đâu ;
Dò lối hương đưa mà diện-kiến,
Một màu diễm-dạm trắng phau-phau.

Phù-dung

Phù-dung mấy sắc giễu quanh hồ,
Sắc ấy, trời nuông dễ diễm-đỏ ;
Lắt-lẻo đầu cành chìm vượn hót,
Thuyền dưng bóng nước thả hồn thơ.

Thiên-lý

Bên dàn quán-quít bấy lâu nay,
Khoan-khoái hương trời mát-mẽ thay ;
Nắng chén chào mời hoa có biết,
Yêu hoa, chưa cạn lệ mà say.

Huệ-hoa

Mãi dựa hành-lang có biết không,
Ngắt rồi nắng-niu bề hay bằng ;
Xuân thu chừng độ vòng trăng khuyết,
Quyết đến vườn xuân hỏi chủ-ông.

Hoa sỏi hoa mộc

Trộm nhớ thăm yêu vẻ dịu-dàng,
Lạnh-lùng hay lẫn bóng thiêu-quang ;
Sạ xông, hương ướp hình kiều-mị,
Gần lại nhường say nét mi-quan.

Hoa lê

Nghiêng mình sẽ nhặt cánh hoa lê,
Sắc đượm xui hồn lúc lĩnh mê ;
Bi nước cờ tiền ai mở lối,
Đầu non gió thổi để-quân về.

Hoa dạ-lai-hương

Bên thềm phẳng-phát dạ-hương lai,
Xui khách tìm xuân luống cảm-hoài ;
Nhấn nhủ Lưu, Thần, ai đó lĩnh,
Đừng ngờ giấc mộng lạc non Thai.

Đề ảnh đầm cười

(Tên là Văn-Khôi)

Sao hay cười thế hử Văn-khôi ?
Mượn nét cười ai lấp sự đời ;
Cười kẻ si-nhân còn giấc mộng,
Cười đường danh-lợi vẫn không ôi !
Đấy vui to thăm cười say lĩnh,
Ta thân duyên ta khóc dở cười ;
Khóc cái tang-thương nhiều biến-cải,
Cười cùng thân-thể lắm pha-phôi.

Chèo thuyền mặt biển

Cười cùng thân-thể lắm pha-phôi,
Thơ thần mình ta dưới biển khơi ;
Chùa bắc thu không chông mảy tiếng,
Đình tây trống giục diêm ba hồi ;

Nhìn chìm với gửi lời tâm-sự,
Tâm cá nhờ ai kẻ khúc-nhôi ;
Nặng khối sầu riêng ai xẻ nửa,
Than cùng mặt biển bóng trắng trời.

Than cùng mặt biển bóng trắng trời,
Cái nợ trường duyên thế-thế thôi ;
Trăng dựa màn mây soi đáy nước,
Gió chào cửa động cánh hoa cười ;
Mộng hồn chợt tỉnh mê rồi lĩnh,
Áo lệ đầm sương rũ tả tơi ;
Cái lối tương-lai chồn bước ngại,
Con đường hiện-tại tời hay lui.

Đề tranh tổ-nữ hòa âm-nhạc

Mảnh giấy mong-manh khéo tạc hình,
Sao mình chẳng xuống cõi phù-sinh ;
Dây duyên mình để chưa ai nối,
Kết tóc ta đây đã đứt tình ;
Đàn sáo du-duơng về cõi mộng,
Dây oan chưa đầy nước trường-sinh ;
Thương thay bất-hạnh còn tri-giấc,
Chỉ muốn ngáy ngồ cũng giống mình.

Vịnh ả Hằng

Đầu non như đội bóng thiên-cung,
Diu-diu ven mây dáng nẻo-nàng ;
Lời-lả vườn xuân hình cung Quảng,
Dập-dờn đây nước điệu liên-dung ;
Hoa cười ánh nước gương lồng bóng,
Làn khuất từng mây ý thẹn-thàng ;
Muôn mắt nhìn theo yêu mến cả,
Gương này thôi thế để soi chung.

Nợ đời

Tuổi đã hai mươi lẽ bấy rồi,
Còn mong lắm nợ nợ trời oi ;
Nợ vàng trắng bạc đầu non xẻ,
Nợ đoá hoa làn mặt nước trôi ;
Nợ nghĩa đời chung nên phải gánh,
Nợ linh sông cả thể mà bơi ;
Ước gì vận đỏ duyên may tới,
Mà trả cho xong cái nợ đời.

Giả lời bạn

Bạn bảo rằng ta há chẳng gàn,
Gàn vì thế-sự lắm đa đoan ;

Gàn đời nhân nghĩa kim-tiền cả,
 Gàn kẻ giang-hồ hóa vể vàng ;
 Gàn chốn sơn-lâm người ăn-sĩ,
 Gàn ai oan khổ kiếp hồng-nhan ;
 Đời như chiến-đấu gàn hay lĩnh,
 Tình đề mà thương nỗi thế-gian.

**Chèo thuyền câu cá
 thưởng hoa sen**

Đứng-đỉnh chèo con bóng đã là,
 Vội hoa lặn lội đến tìm hoa ;

Roi câu muốn giật vầng trăng bạc,
 Làn biếc nhỏ sen giải bức là ;
 Ghư mảnh bèo-hồn nhân-thế ngóng,
 Thả hàm ngọc chuỗi xếp can qua ;
 Duyên chi vướng-vít cùng hoa nhĩ,
 Sương lạnh làn canh chứa lại nhả.

T. T. BỘI-HOÀN (Phủ-lý)

(Bội-hoàn thi-tập)

THỜI-ĐÀM

Thời-cục nước Tàu

Tình-hình chính-phủ Nam-kinh. —
 Tổng Từ-Văn đi công-cán ngoại-quốc
 đã đáp tàu « *Président Jefferson* » về tới
 Thượng-hải. Dân-chúng Tàu tiếp đón
 Tổng một cách rất nhiệt-thành. Vì dân
 biết công của Tổng trong những việc
 điều-dinh ở Âu-châu và Mĩ-châu. Lúc
 tàu tới bến, nhiều quan-chức Chính-
 phủ ra đón và chúc mừng Tổng. Tổng
 ở lâu lên liền đi ngay vào tổ-giới Pháp.

Tổng Từ-Văn rất lấy làm mừng về
 cái tình-thần hợp-tác của các nước đối
 với Tàu và tuyên-ngôn rằng sẽ lợi-
 dụng những điều kiện-văn về chính-
 trị và kinh-tế thu-thập được ở trong
 cuộc du-lịch vừa rồi để thực-hành cho
 nước Tàu. Tổng lại nói nếu Tàu chịu
 tự mình giúp mình trước, thì tất cả các
 nước đều sẵn lòng giúp cho. Tổng tuyên-
 ngôn với phóng-viên hãng *Havas* rằng
 rất cảm-dộng về mấy bữa ở Pháp và
 về cuộc thương-thuyết với MM. DALA-
 DIER và PAUL BONCOUR.

Tổng Từ-Văn đã hội-kiến với mấy
 ông chủ nhà băng có thế-lực ở Thượng-
 hải về việc dùng lúa mì và bông, trị-
 giá tới 50 triệu dollars của Hoa-kỳ bán
 chịu cho hạn trong ba năm mới phải
 trả.

Tổng Từ-Văn lại điều-dinh xong với
 các chủ ngân-hàng Tàu vay 15 triệu
 bạc do tiền quan-thuế bảo-đảm và trong
 15 tháng thì trả.

Trung-ương chính-vụ của quốc-dân-
 đảng đã họp hội-đồng do Uông Tinh-
 Vệ chủ-lịch đề nghe lời phản-trần của
 Tổng Từ-Văn về hội-nghị Luân-đôn,
 việc vay tiền ở Mĩ, cũng là việc hợp-
 tác kinh-tế với hội Vạn-quốc.

Tổng Từ-Văn lại đáp một chiếc pháo-
 thuyền đi Cồ-lĩnh để thương-thuyết
 cùng Tưởng Giới-Thạch. Tại Cồ-lĩnh
 sẽ có một cuộc hội-nghị có các viên-
 chức Chính-phủ dự để xét cái kết-
 quả cuộc du-lịch của Tổng.

Uông Tinh-Vệ cũng đi Cồ-lĩnh để dự
 kỳ hội-đồng chính-phủ họp về dịp Tổng
 Từ-Văn đi công-cán mới trở về. Không
 Tưởng-Hy, quản-lý nhà băng Trung-
 ương cũng đã đến Cồ-lĩnh.

Có tin ở Nam-kinh rằng La Văn-Cán,
 tổng-trưởng bộ Nội-vụ sẽ đi Tân-cương
 do Chính-phủ cử đi về việc binh-trị
 tỉnh ấy. Trong lúc La đi công-cán thì
 Uông Tinh-Vệ quyền-nhiếp bộ ấy.

Người Tàu cho rằng việc La đi công-
 cán ở Tân-cương tức là La từ-chức vậy.
 Có lẽ Nhan Huệ-Khánh sẽ thay vào
 chức ngoại-giao tổng-trưởng.

La Văn-Cán, ngoại-giao-bộ tổng-trưởng khi đi công-cán có tuyên-ngôn rằng không hề bao giờ có nói với các báo rằng việc La đi công-cán có cái ý nghĩa thay đổi chính-sách đối với Nhật.

Các báo ở Thượng-hải bình-phẩm các tin đồn về việc thân Nhật, có nói : « Chính-sách ngoại-giao của Tàn không thay đổi, nhưng những phương-pháp ngoại-giao có thể sửa đổi được ».

Tình-hình miền Hoa-bắc. — Từ khi Phùng Ngọc-Tường chiếm-cử lấy tỉnh Sát-cáp-nhĩ, quyết lòng chống cự với quân Nhật, làm cho Nam-kinh hao hơi tổn sức về việc điều-dinh. Ông Tỉnh-Vệ và Tướng Giới-Thạch đều có điện cho Phùng, mời Phùng dời khỏi Trương-gia-khẩu về Nam-kinh ngay, đề cho Tổng Triết-Nguyên lĩnh trách-nhiệm chính-phủ Sát-cáp-nhĩ. Bằng không thì Nam-kinh sẽ phải dùng đến võ-lực để trừng-trị. Phần người Nhật thì nói nếu như Phùng ra mặt chống cự với họ, thì họ đem quân đánh.

Phùng ở vào cái cảnh hai đầu dè ép như thế. Nếu lấy một mình mà chống-cự cả hai phương thì thế phải đến nguy; nên phải đành lòng nhượng-bộ cho xong.

Sáng hôm 14 Août Phùng Ngọc-Tường đã từ-giã Trương-gia-khẩu đi Tề-nam để lại lui vào ẩn ở Thái-sơn.

Hôm Phùng từ-giã Trương-gia khẩu thì nguyên-soái Tổng Triết-Nguyên có mang một đội quân đi hộ-tống. Tại nhà ga Hi-tế-luân, có viên đại-biêu của Hà Ứng-Kham và nhiều quan chức đứng đón tàu đến để nghênh-tiếp Phùng. Hồi 12 giờ đoàn xe-hỏa có Phùng đi tới ga.

Phùng tiếp phỏng-viên các nhà báo một cách rất trân-trọng. Không đợi ai hỏi, liền nói ngay rằng trong 10 tháng ở Trương-gia-khẩu, Phùng vẫn tuyên-bố ý-kiến là chẳng bao giờ mong có việc nội-chiến, mục-dịch Phùng chỉ cốt lấy

lại đất Tàu mất về tay Nhật và bảo-vệ cho dân lành mà thôi. Phùng đã chiếm lại được Đa-luân, trong trận ấy quân Phùng bị thiệt 1600 người. Trước hôm Phùng đi, Phùng có đến dự lễ truy-diệu các tướng-sĩ chết ở Đa-luân. Phùng nói :

— Mấy hôm gần đây có tin đồn âm-lên rằng quân Nhật đã lấy lại được Đa-luân rồi, cố ý đổ trách-nhiệm cho tôi chịu. Nhưng tôi xin tuyên-bố rằng Đa-luân vẫn ở tay quân Tàu, tuy có tàu bay Nhật mấy phen bay đến dọa.

Phùng bận quần-áo vải xanh nom như một người thường-dân, coi bộ rất mạnh khỏe.

Đoàn xe đồ lại 15 phút rồi lại đi ngay Phong-đài. Tới Lan-giang, ở giữa quãng Bắc-binh và Thiên-tân thì Phùng sang đoàn xe bọc sắt của Hàn Phục-Cừ phái đến đón.

Các tướng Tổng Triết-Nguyên và Trần Đức-Thuần không dừng lại Bắc-binh và đi hộ-lống Phùng đến tận Thiên-lân.

Trước hôm 6 Août Phùng sắp đi có phát-biểu một bức điện-văn toàn-quốc ngõ ý giao quyền chức lại trả cho Tổng Triết-Nguyên rồi lui về Thái-sơn. Hồi 2 giờ trưa hôm 16 Août Phùng tới Tề-nam-phủ. Tại sân ga có Hàn Phục-Cừ và các quan-chức tỉnh Sơn-dông đứng nghinh-tiếp. Trịnh Kế-Thành là người bắn chết Trương Tôn-Xương và phi-công Tôn Đồng-Cương vừa thành công cuộc bay Bà-linh — Nam-kinh cũng ra đón rước Phùng. Trên toa bước xuống Phùng vỗ vào vai Trịnh Kế-Thành: ngõ lời khen. Hàn Phục-Cừ giới-thiệu Tôn Đồng-Cương, Phùng rất lấy làm khen ngợi.

Hàn Phục-Cừ mời Phùng ở lại Tề-nam vài hôm, nhưng Phùng chưa quyết định. Tề-nam có kéo cờ mừng Phùng. Trong một bản thông-cáo cho các báo, Phùng có nói vẫn tất rằng nay mai sẽ

phát cái chương-trình cứu-quốc của mình. Hôm sau Phùng cùng Trịnh Kế-Thành và Tôn Đồng-Cương từ giả Tế-nam đi vào Thái-sơn.

Thế là Phùng Ngọc-Tường đã dời khỏi Trương-gia-khẩu, qua Bắc-bình, Thiên-tân về Thái-sơn. Chắc Phùng chẳng chịu nghe lời Hà Ưng-Khâm mà làm hội-viên Hội-đồng quân-sự Bắc-bình, vì Phùng đã tuyên-ngôn rằng không lo nghĩ đến việc chính-trị nữa, từ nay quyết về chốn cũ an thân.

Tôn Khoa viện trưởng viện Lập-pháp ở Thanh-đảo về Nam-kinh có dừng lại ở Tế-nam-phủ. Tôn có ý đến Thái-sơn để hội-diện cùng Phùng Ngọc-Tường và đại-diện chính-phủ mời Phùng về Nam-kinh.

Phùng Ngọc-Tường từ sau khi về ẩn ở Thái-sơn số chi-phí về sự sinh-hoạt hằng ngày, do Hàn Phục-Cử, Tổng Triết-Nguyên chia nhau chịu. Phùng diện cho một yếu-nhân ở Nam-kinh nói rằng: Tôi vốn người ở núi, sẽ cùng cỏ cây cùng nát, từ đây về sau không muốn nói đến việc thiên-hạ nữa, và không muốn nói đến việc đã qua, từ đây ở nơi non xanh nước biếc, hoặc ngao-du, hoặc đọc sách, tức là việc vui thích trong lúc sinh bình vậy.

Từ khi Phùng từ-giã tỉnh Sát đi rồi, người ta đang lo đến việc giải-quyết cho xong cái tình-thế của những ti-tướng của Phùng hiện còn ở Sát-cáp-nhĩ.

Phong-trào Cộng-sản. — Sào-huyệt bọn Cộng-sản xưa nay rất bí-hiềm, vẫn ở vùng cương-giới bắc-bộ Quảng-tây, về phía nam Giang-tây, lan sang đến Phúc-kiến. Hằng năm cứ đến mùa đông thì bọn Cộng-sản lại chẳng hành-động gì, nhưng sang đầu hạ bọn đó lại thấy dùng dùng hoạt-động.

Ở nam-bộ Giang-tây, Xích-quân có phần đắc-thắng, chiếm cứ được vài

tỉnh nhỏ ở Phúc-kiến chúng định kéo về phía Áo-môn. Ở Quảng-dông thì chúng định kéo đến Sán-đầu, làm cho dân-chúng rất hãi-hùng, đến nỗi phải thiết-quân-luật trong tỉnh này mới yên.

Trong mấy năm nay chính-phủ di tiểu Cộng, khi thắng, khi bại, kết-quả chẳng ra làm sao. Vì thanh-thế Xích-quân ngày nay lấy-lùng như vậy, nên chính-phủ Quảng-dông quyết tận-lực bài-trừ bọn đồ-dê Lý-Ninh.

Tại miền cương-giới Quảng-tây và Quảng-dông, chính-phủ ra lệnh cấm hẳn việc buôn bán với vùng Cộng-sản đóng, làm như thế cố ý để bọn này thiếu lương thực vậy.

Ở Phúc-kiến, chính-phủ muốn điều hòa cùng Xích-quân, nhưng vì bọn này được thế làm già nên việc ấy lại đình lại. Quân-đội chính-phủ bị quân Cộng-sản đánh bại phải lùi, nay đã thêm có thập-cửu bộ-quân đến tiếp-ứng. Đồi bên đánh nhau một trận rất dữ dội. Xích-quân bị giết đến 5000 người. Quan quân lấy lại được tỉnh L'eng-Cheng. Quân Cộng-sản chạy kéo về miền duyên-hải, bị quan-quân đuổi đánh phải rút cả về Chanting ở phía tây-bộ tỉnh Phúc-kiến.

Bộ tham-mưu quân Quảng-dông ngỡ ý nay nên thừa-thế kéo vào hẳn sào-huyệt quân cộng-sản, vì vậy chính-phủ cho ra trận đến 10 vạn quân cùng một đội tàu bay rất lớn. Những tin-tức đó thường không thể tin được. Chỉ biết rằng trong một tỉnh đường giao-thông không có, lại thêm bị giặc cướp tàn phá mấy năm nay, thì việc vận-tải lương-thực quân lính là một vấn-đề rất nan-giải vậy.

Xích-quân vừa rồi lại kéo đến quấy nhiễu vùng bắc tỉnh Phúc-kiến, nên nhiều nhà giáo-sĩ phải tránh về Phúc-châu. Các quan chức lãnh-sự Mỹ đã xin với bộ ngoại-giao Mỹ cho hạm-đội đến

bảo-vệ kiều-dân ở Phúc-châu. Pháo thuyền Mỹ «*Sacramento*» và chiếc diệt-ngư-lôi Anh «*Wyshar*» đã kéo đi Phúc-châu.

Nhật muốn lập ra nước Hoa-bắc. — Tin Đông-kinh nói : Hai bộ Lục-quân và Ngoại-giao Nhật luôn mấy ngày mật bàn-mở rộng việc xâm-lược Trung-hoa, đã quyết định mấy điều sau này : 1) Lợi-dụng bọn Thạch Hữu-Tam, Ly Tế-Xuân dựng ra nước Hoa-bắc ; 2) Dùng võ-lực xâm-lược tỉnh Sơn-dông ; 3) Bách Trung-hoa phải thực-hành các điều-uớc, giã các nợ cũ ; 4) Ngăn trở thế-lực Âu-Mĩ tràn sang phía đông.

Hàn Phục-Cừ chủ-tịch Sơn-dông được tin báo hạm-dội Nhật họp ở Bọt-hải, có âm-mưu dòm lĩnh Sơn-dông, Hàn đã chiêu-tập cuộc hội-ngập quân-sự khẩn-cấp, bàn cách ứng-phó, nội-dung rất bí-mật. Lại với diện-trình Tưởng Giới-Thạch và Hà Ứng-Khâm.

Gần đây quân Nghĩa-dũng ở Mãn-châu lại khởi lên đánh Nhật. Hiện quân Nghĩa-dũng ở biên-cảnh Cát-lâm rất là hoạt-động, quân nước Mãn-châu thường bị giết hại, quân Nhật sắp phái một trăm chiếc máy bay, bay đi ném tạc-dạn trừ quân Nghĩa-dũng.

Lại có tin ở Cáp-nhĩ-lân nói rằng : Quân Nghĩa-dũng ở khoảng Đồng-giang Phú-cầm bắt được hai chiếc tàu binh của nước Mãn-châu, lợi-dụng tiến đánh thành Phú-cầm. Một đoàn quân Mãn-châu giở giáo theo quân Nghĩa-dũng. Quân Nghĩa-dũng thanh-thế càng to, thành Phú-cầm có thể hạ được trong nay mai.

Nguyên-sứ Nhật là Lăng-Nghệ vừa sang Mãn-châu thay Võ-Đặng làm Quan-dông-quân Tư-lệnh, khi đi đến lữ-thuận giữa đường từng bị hành-thích, đội ám-sát cùng quân Nhật đánh nhau. Lăng-Nghệ may thoát nạn, quân Nhật hiện canh phòng rất nghiêm.

Quách Đạo-Phủ lập ra nước Hoa-dông. — Ở Nam-kinh vừa rồi được tin là có người dựng ra nước Hoa-dông cộng-hòa, nay xét ra nước mới ấy là do Quách Đạo-Phủ, Hà Ái-Nhân tổ-chức ra. Quách là người Mông-cổ, tính thông 6 thứ chữ, Mãn, Mông, Hán, Anh, Nga, Nhật, là lãnh-tụ thanh-niên Mông-cổ, tư-lưỡng khuynh về tả, khi ở nước Ngoại-mông cộng-hòa, làm nội-chính bộ-irường, năm Dân-quốc 17 độc lập ở Hồ-luân-hối-nhĩ, rồi lại đến Nam-kinh, vì chính-phủ không trọng đãi, liền đến Thâm-dương mở trường Mông-Kỳ học-hiệu, sau khi quân Nhật lấy Mãn-châu, nước Mãn-châu có mời làm văn-bộ đại-thần, Quách tránh đi, hiện ở phía đông Cát-lâm tổ-chức ra nước Hoa-dông, cộng-hòa. Hà là người Liêu-dông bao năm bôn-tẩu việc cách-mệnh, cùng đảng độc-lập Triều-tiên có liên-lạc. Tại Nam-kinh và Thượng-hải có đặt nơi làm việc của nước ấy, nhưng rất bí-mật.

Nước Hoa-dông là do chủ-nghĩa dân-tộc tự-quyết, hiện cách tổ-chức trọng về quân-sự, còn mặt chánh-trị thì rất đơn-giản, thành lập đã trên 4 tháng nay. Chánh-thức biên-phòng-quân có chừng 2 vạn, hậu-bị-quân chừng 4 vạn, quân khi do nghĩa-quân đem lại và quân Triều-tiên đầu nhập cũng đông. Người Nhật và Ngụy Mãn đã phái người dò xét đều bị nhân-dân miền ấy đón giết.

Nước ấy chia làm 5 khu vực : 1') Trung-ương ; 2') Cát-dông ; 3') Hắc-dông ; 4') Liêu-dông ; 5') Viễn-dông. Năm khu-vực ấy không phải lãnh-thô xác định, chỉ chia phần cho tiện việc quân-sự để chia gánh trách-nhiệm. Nước ấy không chỉ dân Trung-hoa, các dân-tộc viễn-dông đều tham-gia, cốt là đánh đổ cái ách áp-chế của người Nhật. Bộ-sậu-tấn-hành chia làm 2 thời-kỳ, mỗi thời-kỳ là 3 năm. Thời-kỳ thứ nhất : từ nay đến năm 1936 đem các

miền núi đông bắc kiến-thiết hoàn-thành để tiêu-diệt thế-lực quân-sự và chánh-trị của người Nhật, tổ-chức thành một nước chân-chính dân-ý quốc-gia. Thời-kỳ thứ hai : bắt đầu từ 1-7-36 thừa nhậm trận thế-giới đại-chiến lần thứ 2 bùng ra, gia vào lấy tư-cách tham-chiến. Trận đại-chiến này kết-cục trong 3 năm thì nước cộng-hòa mới này sẽ có lãnh-thổ rộng gấp hai nước Đức hiện-thời, hợp cùng dân chúng Triều-tiên làm đạt cái mục-dịch giải-phóng và bắt đầu kiến-thiết...

Hiện nay việc tổ-chức ra nước Hoa-đồng tiến-hành rất gấp, những phần-tử nội-bộ một nửa là quân ngỗ-thi-dũng kháng Nhật ở đông-bắc, một nửa là các vương-công Mông-kỳ ở Nhiệt-hà và Sát-cáp-nhĩ, thủ-đô định đặt ở phía bắc Sát-cáp-nhĩ. Bọn họ cố-nhiên là căm giận quân Nhật lắm, nhưng đối với chính-phủ Trung-hoa không chịu tiếp-tế cho quân nghĩa-dũng, lại cùng nước Nhật thỏa-hiệp, cũng không bằng lòng lắm, cho rằng chính-phủ ấy không đủ trông cậy.

Việc trong nước

Ông Nguyễn Bá-Trắc thăng bổ Tổng-đốc. — Ông BÀ-TRẮC là một sáng-lập-viên lại là chủ-bút phần Hán-văn bản-chỉ trước, hiện-chức Tuần-vũ Quảng-ngãi, ngày mồng 1 Aout có Chỉ cử ngài lên chức Tổng-đốc tỉnh Thanh-hóa. Bản-chỉ đồng-nhân đều kính mừng ngài.

Đức Bảo-đại gia hàm cho bốn quan Thượng-thư cũ. — Ngày mồng 1 Aout, đức Bảo-đại xuống Dụ-chỉ gia-hàm cho bốn quan Thượng-thư cũ về hưu :

Quan VÕ LIÊM, Thái-tử Thiệu-bảo Hiệp-tá đại-học-sĩ, tước Xuân-hóa-nam, nguyên Thượng-thư bộ Lễ, nay gia thăng Đồng-các Đại-học-sĩ, và ban cho một tấm bài vàng, một mặt đề «Bảo-đại sắc-tứ», một mặt đề «Đồng-các Đại-học-sĩ tri-sự».

Quan TÔN - TẮT ĐÀN, nguyên Thượng-thư bộ Hình, nay gia-thăng tước Phò-nhân-nam và ban cho một tấm bài vàng, một mặt đề «Bảo-đại sắc-tứ», một mặt đề «Phò-nhân-nam».

Quan PHẠM LIỆU, nguyên Binh-bộ Thượng-thư, và quan VƯƠNG TỬ-ĐẠI, nguyên Công-bộ Thượng-thư, nay đều gia thăng Thái-tử Thiệu-bảo và đều ban cho một tấm bài vàng, một mặt đề «Bảo-đại sắc-tứ», một mặt đề «Thái-tử Thiệu-bảo».

Tiền Bảo-đại đã phát-hành. — Thứ tiền thau «Bảo-đại thông-bảo 保大通寶», Chính-phủ mới cho đúc ra và đã cho lưu-hành khắp trong xứ Bắc-kỳ từ đầu tháng Aout này, cứ sáu đồng tiền Bảo-đại bằng giá một xu, hay là sáu trăm đồng bằng giá một đồng bạc. Nhân-dân đều hoan-ngheh tiền dùng thứ tiền này.

Chức Cố-vấn Pháp-luật tại Triều-đình Huế. — Quan COLLET là Cố-vấn Pháp-luật của Nam-triều đã về Pháp nghỉ; quan GAYE chánh-án tòa Thượng-thẩm Hà-nội đã vào lĩnh chức Cố-vấn ấy.

Ngạch Học-chính mới ở Trung-kỳ. — Ngày 26 tháng 7 năm 1933, quan Toàn-quyền đã chuẩn-y bản dự-thảo của quan Khâm-sứ THIBAUDEAU định về ngạch Học-chính Trung-kỳ như sau này :

Từ nay đặt ra một ngạch học-quan coi về bậc Sơ-học yếu-lực và Sơ-học Pháp-Việt thuộc Nam-triều dưới quyền bộ Quốc-dân giáo-dục.

Ngạch học-quan sẽ có : 10) Các viên tư-học và nữ-tư-học ; 20) Các trợ-giáo và nữ-trợ-giáo. Về việc tuyển-bổ, trừng phạt và cho bồi-hư các viên chức từ dưới cho đến hàm tòng lục-phẩm, thì do quan Thượng-thư bộ Quốc-dân giáo-

đục tùy-định. Còn từ hàm tòng lục 6-2 trở lên thì do Hoàng-thượng định liệu theo ý-kiến quan Thượng-thư.

Các viên tư-học và nữ-tư-học sẽ bỏ chức trưởng-giáo hay phó trưởng-giáo các trường tiền-học. Các viên tư-học có thể lĩnh chức Đốc-học, Kiểm-học, Giáo-thụ và Huấn-dạo được. Còn các viên trợ-giáo và nữ-trợ-giáo thì chuyên dạy ba lớp ngạch Sơ-học yếu-lược và cũng có thể lĩnh chức trưởng-giáo các trường Sơ-dãng-yếu-lược được. Các trường Sơ-dãng-yếu-lược có nhiều lớp thường phải giao cho các viên tư-học và nữ-tư-học có bằng Cao-đẳng-tiền-học Pháp-Việt đứng trưởng-giáo.

Các nam nữ giáo-viên ngạch Học-chính cũ sẽ đổi sang ngạch mới và được đối-hàm theo như bảng kê sau này:

NGẠCH CŨ

A. — Các nam nữ giáo-học

Thứ bậc	Đối hám
Thượng-hạng ngoại-hạng	4-1
Thượng-hạng hạng nhất	4-1
Thượng-hạng hạng nhì	4-1
Thực-thụ hạng nhất	4-2
— nhì	5-1
— ba	5-2
— tư	6-1
— năm	7-1
— sáu	7-2
— bảy	8-1
— tám	8-2
Tập-sự	9-2

B. — Nam nữ giáo-học thí-sai

Thượng-hạng hạng nhất	5-1
Thượng-hạng hạng nhì	5-1
Thực-thụ hạng nhất	5-1
— nhì	6-1
— ba	7-1
— tư	7-2
— năm	8-1

Thực-thụ hạng sáu	8-2
— bảy	9-1
— tám	9-2
Tập-sự	9-2

NGẠCH MỚI

A. — Tư-học và nữ-tư-học

Thứ bậc	Đối hám
Thượng-hạng ngoại-hạng	3-2
Thượng-hạng hạng nhất	4-1
Thượng-hạng hạng nhì	4-1
Thực-thụ hạng nhất	4-2
— nhì	5-1
— ba	5-2
— tư	6-1
— năm	6-2
— sáu	7-1
— bảy	7-2
— tám	8-1
Tập-sự	8-2

B. — Trợ-giáo và nữ-trợ-giáo

Thượng-hạng hạng nhất	4-2
Thượng-hạng hạng nhì	5-1
Thực-thụ hạng nhất	5-2
— nhì	6-1
— ba	6-2
— tư	7-1
— năm	7-2
— sáu	8-1
— bảy	8-2
— tám	9-1
Tập-sự	9-2

Còn về thời-gian ít nhất để thăng lên bậc trên thì hai ngạch cũng như nhau. Lương-bổng các viên chức ngạch học-quan đều được tính vào kho hưu-bổng Chính-phủ Nam-triều.

Còn các viên nữ-tư-học và nữ-trợ-giáo đều được phép nghỉ hộ-sản hai tháng lĩnh cả lương, hết hạn này nếu còn yếu chưa thể đi dạy được thì có thể xin nghỉ thêm ba tháng nữa lương.

Về việc thăng-thưởng thì một năm do Hội-dồng làm hai lần, về ngày tết

nguyên-dân (tính từ 1^{er} Janvier) và ngày 14 Juillet.

Chức đốc-học, kiểm-học, giáo-thụ, huấn-dạo nay lại đặt lại và giao cho các viên tư-học làm việc lâu năm và lý-lịch tốt. Còn như quyền-hạn và chức-vụ các viên này cũng như các viên đốc-học, kiểm-học, giáo-thụ và huấn-dạo ở Bắc-kỳ.

Các viên này được phụ cấp theo sau đây :

Đốc-học	540,000 một năm.
Kiểm-học	420, 00 »
Giáo-thụ	300, 00 »
Huấn-dạo	240, 00 »

Hội-đồng Chính-phủ.— Ngày 5 Aout, ban thường-trực hội-đồng Chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền Sài-gòn do quan Toàn-quyền PASQUIER chủ-tịch.

Bộ Quốc-dân giáo-dục đã thành-lập.— Chiều mồng 7 tháng tám, tại Huế đã làm lễ thiết-lập bộ Quốc-dân giáo-dục do tờ dụ ngày 2 tháng 5 mà đặt ra. Đến dự lễ có quan Toàn-quyền CHARLES, quan Khâm-sứ THIBAudeau, các quan Thượng-thư, các quan chánh các sở và các quan chức thân-hào Tây Nam.

Đoàn đại-biểu hội-đồng Phi-chiến tới Đông-dương— Đoàn đại-biểu hội-đồng Phi-chiến của thế-giới đi Thượng-hải và Yokohama, tới hôm mồng 8 Aout có ghé lên Sài-gòn. Đoàn này có ông LORD MORLEY Phó viện-trưởng quý-tộc-viện ở Anh, nguyên Tổng-trưởng bộ Chiến-tranh đứng làm trưởng-ban và có mấy ông VAILLANT, COUTURIER, bác-sĩ MARTEAUX, POUPY đảng xã-hội và HAMILTON một nhà làm báo và ngoại-giao. Thành-phố Sài-gòn có đón tiếp và tổ chức hai cuộc diễn-thuyết để cổ-dộng cho sự hòa-bình và bãi-trừ sự chiến-tranh. Đoàn rời đoàn đại-biểu Hội-đồng Phi-chiến đi Thượng-hải. Thành-phố Sài-gòn lại tổ-chức một cuộc hội họp để lập-thành một ủy-ban phi-chiến.

Quan Thống-sứ Tholance lại sang lĩnh chức Thống-sứ Bắc-kỳ.— Quan Thống-sứ THOLANCE trước về Pháp nghỉ, nay đã hết hạn, ngày 10 tháng 8 này Ngài đã xuống tàu « Porthos » ở bến Marseille để sang lĩnh chức Thống-sứ Bắc-kỳ như cũ.

Số tiền của Đông-dương phải góp sang nước Pháp.— Ngày 31 tháng 5 năm 1933, quan Tổng-trưởng LEBRUN đã ký đạo luật ấn-định số tiền các thuộc-địa phải góp cho nước Pháp. Riêng phần Đông-dương phải chịu :

Binh-phí	65.298.000 quan.
Viện Quốc-gia Thuộc-địa Nông-học	246.000 quan.
Thuộc-địa tổng-cục..	1.335.000 quan.

Cộng. 66.879.000 quan.

Một phái-bộ kinh-tế đi cổ-dộng cho thiên-hạ biết sản-vật của xứ Đông-dương.— Chánh-phủ Đông-dương cử hai viên đại-biểu là DUBREUILH và PRÊTRE cùng đi với một phái-bộ Kinh-tế của Đông-dương, ngày 12 tháng 8 này đã搭 tàu « Houtman », có mang theo các sản - vật Đông - dương đi đến những xứ Batavia, Réunion, Lourençon, Marquez, Durban, East London, Port Elisabeth, Lusselday và Cap Tow để cổ-dộng cho các xứ ấy biết mà dùng những sản-vật của xứ Đông-dương. Trong khi đi đến mỗi xứ thì tổ-chức những cuộc diễn-thuyết và dùng giấy mời các thương gia xứ ấy xuống tàu xem các sản-vật.

Chức cố-vấn bộ Lại ở Huế.— Quan Khâm-sứ Trung-kỳ mới cử quan cai-trị LEVADOUX vào làm cố-vấn các bộ Lại bộ Công-tác, Lễ-ngiht và Mĩ-thuật.

Lấy Quốc-tử-giám làm nơi học-xá.— Theo bộ Quốc-dân giáo-dục đã tâu xin thì từ nay về sau Quốc-tử-giám sẽ đặt thành một nơi học-xá để cho những người có bằng đại-học trung

học và cao-đẳng tiểu-học vào mà tập luyện để dự-bị kỳ thi vào thuộc-quan, theo tờ Dụ số 48 ngày 4 tháng 7 năm 1933.

Kỳ thi này có ba bài đại-luận về *văn minh Âu-tây, văn minh Á-đông và Chánh-trị Đông-Pháp*. Lại có một bài *diễn-thuyết* ba khắc đồng-hồ về chính-trị. Người ứng thí, dầu có văn-bằng cao-đẳng cũng phải dự-bị một vài năm, bác-lăm các thư-tịch Đông Tây mới có thể ra thi được.

Hội-dồng thảo chương-trình thi đã có kê tên các sách cần dùng cho thí-sinh để dự-bị mà ra thi. Những sách đó toàn là sách kê-cứu có giá-trị, mà đắt tiền lắm, nhà riêng không thể mua đủ được. Vậy cần phải có một nơi công-sở đủ các sách-vở tài-liệu, cho sĩ-tử tiện đường học-tập.

Bắt đầu từ năm 1934 sắp đặt trong trường Giám như sau này (trừ hai lớp Thừa-phái đệ nhị và đệ-tam-niên còn lại không kể):

1. — Đặt một cái kho sách, có đủ các sách cần dùng để dự-bị kỳ thi thuộc-quan theo như chương-trình đã định trong bản Thượng-dụ ngày 4 Juillet 1933;

2. — Đặt một hai phòng giảng tập đề cho sĩ-tử các nơi đến mà đọc sách, nghe giảng;

3. — Đặt một nơi diễn-thuyết để mời các nhà danh-giá học-thức người Tây người Nam thời thường đến nghe diễn-thuyết về các môn trong chương-trình cho các thí-sinh nghe.

Còn về phần khảo-cử cử-học, bảo-tồn quốc-tử thi bộ Quốc-dân giáo-dục sẽ xin tòa trích một số tiền làm sở-phí bút-chỉ đồng-niên, lựa những người Hán-học ưu-trưởng, lấy một phòng trong trường Giám, làm nơi sưu-tập phiên-dịch các học-thuyết luận-lý

Đông-phương ra Nam-âm, để làm tài-liệu cho kho quốc-văn ngày sau và làm căn-bản cho nền Quốc-dân giáo-dục.

Hội đồng Chính-phủ và Đại-hội nghị. — Ngày 21 tháng 8 này ban Thường-trực hội-dồng Chính-phủ và Đông-dương Đại-hội-nghị đã họp.

Khánh-thành nhà thương chữa bệnh lao. — Tại Sài-gòn chiều ngày 26 tháng 8, hội Nam-kỳ Phổ-lễ xã-hội đã làm lễ khánh-thành nhà thương chữa bệnh lao của hội lập ra. Quan Toàn-quyền PASQUIER, quan Thống đốc KRAUTHEIMER và nhiều quan chức thân-thương Tây Nam đến chứng-kiến.

Ban Thường-trực hội-dồng Chính-phủ. — Tại Sài-gòn ngày 28 ban Thường-trực của Hội-dồng Chính-phủ đã họp, do quan Toàn-quyền chủ-tọa.

Khánh-thành cuộc Đấu-xảo Canh-nông Gia-định. — Ngày 31, quan Thống-dốc Nam kỳ cùng quan phó Toàn-quyền đã đến chủ lễ khánh-thành cuộc Đấu-xảo Canh-nông Gia-định.

Gạo xuất-cảng. — Trong tháng 8 này tại bến Sài-gòn số gạo xuất-cảng tới 98.799 tấn.

Kể từ đầu tháng giêng đến giờ thi đã xuất-cảng tới 949.269 tấn rồi, hơn năm ngoài được 129.068 tấn.

Giới-thiệu sách và báo

Những thời-kỳ trọng-dại của nước Việt-Nam trong lúc hồi-xuân. — Cuốn này nguyên là những bài phóng-sự bằng Pháp-văn của nhà phóng-viên báo *Le petit Parisien* bên Pháp, — ông HENRI LE GRANCLAUDE — kỹ-thuật cuộc hồi-loan của đức Bảo-đại và cuộc ngự-giá Nam-tuần Bắc-tuần cùng những cuộc phóng-văn các bậc thượng-quan Nam-

Pháp; do hai vị quan ở Triều-đình Huế dịch ra quốc văn.

Sách dày 238 trang, có hơn một trăm bức ảnh, bìa mùi, in đẹp.

Mua may bán đất.-- Sách khảo-cứu việc kinh-tế nói về giao-dịch tâm-lý định-lệ của ông ĐẶNG HỮU-NHÂN soạn, đã được phần thưởng khoa-học của hội Khai trí Tiến-đức năm 1932, thật là một quyển sách có ích, bàn rõ về cách-thức bán hàng và cách-thức quảng-cáo. Hiệu Cự-toàn 59 phố Citta-delle Hà-nội xuất-bản. Giá 0\$50.

Đồng-phương y-học toát yếu.-- Soạn giả là Hạc-Đào lão-nhân. Trước đã ra được hai cuốn Y-phương, Y-lý, nay lại mới ra tiếp hai cuốn Tinh-dược và một cuốn Mạch-lý.

Mấy cuốn này soạn giả đã có công-phu nghiên-cứu, biên-lập rất là tinh-tưởng, có thể là một bộ sách có ích cho y-học-giới nước nhà.

Đồng-phương y-quán 72-74 phố hàng Bông xuất-bản. Tinh-dược mỗi quyển 0\$70, Mạch-lý 0\$25.

Đường-thi hợp-tuyển.-- Của ông Dương MẠNH-HUY san-dịch và chủ giải, có dạy phép làm thơ. Đã được phủ Toàn-quyền duyệt chuẩn làm sách học ở các trường. Mới ra cuốn thứ nhất giá 0\$40.

Thiên-văn thường-thức.-- Ông THO-MAS TRỨ soạn. Sách dạy cho biết những việc thường về trái đất ta ở, bầu trời, mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao xoay đi vận lại soi sáng cho ta; cùng những việc thường thấy trong trời đất, mà có nhiều kẻ hiểu sai. Lại có nhiều bản hình rõ ràng coi cho dễ hiểu. Khổ sách 19×24 phân tây, 120 trang, in tại nhà in Qui-nhơn An-nam, giá 0\$33.

Hoàn-cầu tân-văn.-- Tuần-báo xuất-bản ngày thứ năm ở Sài-gòn, ông

NGUYỄN HẢO-VĨNH làm Tổng-lý, ông TRƯƠNG QUAN-NGỌC làm chủ-bút. Tòa soạn ở 60 Bd Bonard Sài-gòn. Giá báo một năm : 3\$00, sáu tháng 1\$60. Mỗi số 0\$06.

Nhật-tân.-- Tuần-báo xuất-bản ngày thứ tư ở Hà-nội, ông ĐỖ-VĂN làm chủ-nhiệm. Tòa soạn ở 15 Rue des Cuirs Hà-nội. Giá báo một năm 3\$00, sáu tháng 1\$60, mỗi số 0\$06. Dày 12 trang, xếp đặt đẹp và có nhiều tranh ảnh.

Việt-dân báo.-- Bản-chí được tin rằng tờ Việt-dân báo ở Sài-gòn đến hôm 15 Septembre này sẽ tái-bản. Ông ĐẶNG CÔNG-TRƯỜNG làm chủ-nhiệm, ông PHẠM VĂN-ĐIỀU làm chủ-bút. Tòa soạn và ti quản-lý ở 288 La Grandière Sài-gòn.

Văn-học tuần-san.-- Bản-chí lại được tin rằng 1er Septembre tờ tạp-chí « Văn-học tuần-san » bắt đầu xuất-bản ở Huế, mỗi tháng hai số. Chủ-nhiệm và chủ-bút là ông LÊ CƯƠNG-PHÚC, quản-lý và trị-sự là ông NGUYỄN HỮU-ĐIỀN và LÊ HỮU-HIỆN. Tòa soạn ở 37 đường Đông-ba Huế. Mỗi số giá 15 xu.

Sài-thành họa-báo.-- Tuần-báo ra ngày thứ bảy, 12 trang, ông TRẦN VĂN-QUANG và KHÁNH-KỶ là chủ-nhiệm, ĐÀO THẢO VỸ là quản-lý, báo-quán ở số 96 đường Mac-Mahon Sài-gòn.

Revue de l'Enseignement primaire et primaire supérieur franco-indigène.-- Đến 15 Septembre xuất-bản số đầu, mỗi số 0\$05, một năm 21 số 1\$00. Các giấy tờ gửi đến ông NGUYỄN LÝ-ĐỨC, 24 Bd A. Cornbet Hà-nội.

Nam-ký thư viện.-- Hiệu sách Nam-ký phố Bờ-hồ mới mở tại gian hàng ở Địa-ốc ngân-hàng phố Paul Bert một thư-viện cho mượn sách, để giúp cho những người hiếu-học mất ti tiền mà có đủ sách dùng.

Giá mượn một năm 10\$ 00, sáu tháng 5\$ 00, ba tháng 2\$ 50, một tháng 1\$ 00.

Một giải thưởng văn-chương của hội Tri-tri Nam-dịnh. — Hội Tri-tri Nam-dịnh có đặt một giải thưởng văn-chương, nhờ đăng thể-lệ cuộc thi như sau này :

Từ ngày người trong nước su-hướng về Pháp-học, Quốc-văn thấy suy dần, có lẽ vì nó không được coi là một môn học cần-thiết cho sự củ-nghiep.

Mãi gần đây, nhờ có các báo-chi hô hào, trong bọn tân-học mới lại thấy có nhiều người biết yêu mến đến quốc-văn; họ đã hiểu rằng : tiếng mẹ đẻ không bao giờ bỏ được, đầu thời-thế bất buộc phải học tiếng nước ngoài.

Muốn gây cho cái phong-trào yêu chuộng quốc-văn ngày thêm hưng-thịnh, bản-hội định mở một cuộc thi văn-chương.

Thể lệ như sau này :

Làm một bài tâm-lý hay xã-hội liễu-thuyết bằng quốc-văn ít nhất là 30 trang, giấy khổ lớn (papier écolier) viết một mặt, mỗi trang để marge một nửa. Hạn nhận đến 31 Décembre là cùng.

Cuộc thi này có ba giải thưởng :

Giải nhất là một bức hoành trị giá 20\$ 00

Giải nhì là một bức thêu trị giá 15. 00

Giải ba là một bức thêu trị giá 10. 00

Các bài thi xin gửi cho ông Chánh hội-trưởng hội Tri-tri Nam-dịnh thấu

nhận, sau này sẽ có một hội-đồng chấm. Khi nào xong bản hội sẽ tổ-chức một buổi công-hội để bình những bài văn được thưởng.

Bản-hội trân-trọng kính mời các bậc văn-hào trong ba kỳ dự thi cho vui.

Hội Tri-tri Nam-dịnh

Kính đạt

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mời xuất-bản :

Tuồng Lối-xích.

giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

- | | |
|-------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh-luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp : | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp. | |
| Quyển thứ I | 4 hào. |
| Quyển thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiểu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thể-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (In lần thứ hai). | 5 hào. |
| 11. — La Poésie annamite. | 4 hào. |
| 12. — Tục-ngữ ca-dao. | 4 hào. |



QUỐC-NGŨ ĐỈNH-NGOA (1)

VIII

Lỗ 1	Lỗ lêu (cách hồ người), lỗ đi mất.	Nhỏ 1g	Lỗng nhông (cách cao mà nhỏ), nhông nhảnh.
Lông	Nước lông, lông-chông, lông-lêu, chảy lông bông.	Phong 1g	Phong-tục, phong-hóa, phong-tinh, phong-cảnh, phong-trào, phong-vũ, phong-trần, phong-lưu, phong-tức, phong-phủ, phong sắc, phong-niên (năm được mùa).
Mon	Mon-men.	Phở 1g	Phòng bị, cầm phòng, khuê phòng, động-phòng.
Mong	Trông mong, mong đợi.	Phóng 1g	Phóng tủng, phóng xá, phóng cho một mác, phóng nước đại mà chạy.
Môi	Môi mỗi, héo môi, môi đường nát cỏ.	Phông 1g	Phông lửa, ước phông, phông chừng.
Món	Món này, món kia.	Rong	Rong rêu, rong ruồi, rong ruốt.
Móng	Móng tay, móng tường.	Ròng 1g	Tinh rông, rông rệt, rông cây, nước rông.
Mọn	Nhỏ mọn, mọn mảy, hầu mọn.	Rón 1g	Rón rén.
Mông	Mông tanh, mông mảnh.	Róng	Róng cổ lên mà nói.
Non	Núi non, non nẻo, non sức, già non.	Rông 1g	Nước chảy rong rông, tiếng kêu rông rảnh.
Noag	Cái noag (dùng để phơi lúa).	Son	Son phấn, son sê.
Nông	Cái nông (làm cửi ở phía trong), con nông-nọc.	Song	Song sanh, song sinh (để sinh đôi).
Nón	Cái nón (đội trên đầu).	Song 1g	Song-đường (hai cha mẹ) song thân, song toàn, song hành (đi song đôi với nhau) song mà... song le... cây mây song, bức cửa song.
Nóng	Nóng lạnh, nóng tính.	Sòng	Sòng sạ, sông cỏ bạc.
Nọng	Cái nọng lợn.	Són	Són ra.
Nỗ 1	Trắng nõn.	Sóng	Sóng gió, sóng độ.
Ngon	Ngon ngọt, ngon lành.	Sông	Nhảy lỏng sông.
Ngong	Ngong cồ.	Tong 1g	Tong rêu.
Ngón	Ngón tay.	Thông	Lòng thông (cách không gọn gàng).
Njong	Trông ngóng, ngóng cồ mà trông.	Tông 1g	Thả thông xuống.
Ngon	Ngon đèn ngon cờ, gốc ngon, ngon ngành.		
Ngong	Nói ngong, ngong miệng.		
Ngông	Ngông lên.		
Nho 1g	Nhong nhảy (cách người cao).		
Nhỏ 1	Công việc đã nhón.		
Nhón	Đi nhón, đứng nhón dậy, nhón nhén, một nhón gạo.		
Nhông	Lông-nhông (cách chờ đợi).		
Nhón	Cái dao nhón.		

(1) Xem Nam-Phong từ số 130.

Trong	Phía trong, trong sạch, trong bóng.	Bồn	Bồn-phận (tức là bản phận) nước Nhật-bồn.
Tròn	Vuông tròn.	Bồng	Bồng lộc, bông chốc, bay bông lên.
Trông	Con trông (trông con mắt), ngó trông tránh, chiếc trông.	Côn	Côn-trùng (sâu sía) côn-đồ, côn-quyền, côn-quang, núi Côn-lôn.
Tróng	Tróng cổ lại.	Công	Công-lý, công-danh, công hầu, công cán, công trạng, nhật công, công-ích, công luận, công kích, công-nhận, bình công.
Trộn	Trộn vụn, trộn đạo, trộn nghĩa.	Cồn	Cồn nổi.
Trọng	Trọng vọng, kính trọng, long trọng, bá trọng (anh em).	Cống	Cái cống (đánh có tiếng).
Von	Chon von, câu hát véo von.	Cống	Cầu cống, cống-hiến, cống-cử, cống-sĩ.
Vong	Vong hồn, vong gia (bỏ nhà mà đi), vong lữ (quên mất lữ-tiền), vong quốc (mất nước).	Cồng	Cửa cồng.
Vòng	Cái vòng tròn, cái vòng cổ, khuôn vòng.	Chôn	Chôn cất, bôn-chôn.
Vọng	Nguyên-vọng, dục-vọng, hi-vọng, quan-vọng, thất-vọng.	Chông	Chông gai.
Võng	Võng lọng, mậu võng (quấy quấy).	Chồn	Chồn cáo, chồn mồi.
Xong	Làm việc xong, màu xong (hỏi).	Chống	Vợ chống, chống lên cho cao một chống sách.
78°		Chồn	Nơi chốn.
Ôn	Ôn dịch, ôn hòa, ôn tồn, học ôn lại,	Chống	Chống cửa, chống cự.
Ông	Ông bà.	Chồng	Chồng chàng (không hiệp nhau)
Ồn	Ồn ào.	Dông	Dông tố, dông dài.
Ổng	Cái ống tròn.	Dồn	Dồn lại (mỗi khi một ít), dồn dập.
Ồn	Yên ồ, ồn thỏ, ồn-bà (là mụ dõ dẽ).	Dộng	Dộng vào (cho được nhiều).
Bôn	Bôn-lầu, bôn-cạnh, bôn-ba, bôn chôn.	Đôn	Đôn lán (hòa với nước xóm).
Bông	Bông hoa, bông kéo vải, bông đeo tai.	Đông	Phương đông, mùa đông, đông đủ, nước đông lại.
Bồn	Cái bồn bông, lấm-bồn (nấm cũ).	Đồn	Đồn-diên, đồn ái, đồn trú, đồn thời.
Bồng	Tang bông, bông bênh, bông con trẻ, núi Bồng-lai.	Đồng	Đồng bằng, đồng-nhân, đồng-ấu, đồng-bào, đồng-tâm, một đồng bạc, đúc bằng đồng.
Bốn	Số bốn.	Đốn	Cung-đốn, suy-đốn, khốn-đốn, dinh-đốn, đốn cây gỗ.
Bống	Con cá bống,	Đống	Chất đống, lương-đống (rường cột), đống nổi (chết rết chết dơi).
Bộn	Bề bộn, xằng bộn.	Độn	Ngu độn, đào-độn (trốn tránh).
Bộng	Hang bộng.		

	nhâm độn (phép coi quẻ), độn rơm vào trong cái gối.	Lộng	Lộng-hành, lộng-quyền, lộng-pháp, trống lồng-lộng.
Động	Chuyển-dộng, vận-dộng, động-vật, động-lực (ức khí-dộng), động-phòng, nơi sơn-dộng.	Môn	Môn-hộ, môn-phái, chuyên-môn, môn-sinh, một củ môn.
Gông	Gông gác.	Mông	Mông muội (mờ mịt), mông lung (lu lu), đồng mông (con trẻ).
Gồng	Gánh gồng.	Mồng	Mồng gà, ngày mồng một.
Giống	Giống cây (là trồng cây).	Mống	Cái mống (trên trời).
Giống	Nòi giống, lúa giống, giống in như. . .	Mộng	Chiêm-mộng, mộng-tưởng, lúa mọc mộng.
Hôn	Kết-hôn, thành-hôn, hôn hít, buổi hoàng-hôn, một con hôn (tức con rùa).	Nôn	Nôn ruột, nôn nao, nôn nước.
Hông	Bên hông, cái nôi hông, chim mông-hông.	Nông	Nông-nồi, nông-sở (sâu cạn), nông-gia, người nông-phu.
Hồn	Hồn-phách.	Nống	Nống-nân, nống nhiệt, nống-dạm.
Hồng	Hoa hồng, quả hồng, cái hồng-nhan, con chim hồng.	Nống	Cái nống (tức cái nong).
Hống	Hống hát (nại nộ), hống đường (làm ồn giữa công-đường).	Ngôn	Ngôn-luận (bàn nói) cách ngôn (lời nói hay) phương-ngôn.
Hỗn	Hỗn-độn, hỗn-hào (làm lộn bậy không thứ lớp).	Ngông	Ngông cuồng, ngông cổ lên.
Khôn	Càn-khôn, khôn khéo, khôn liệu (khó bề toan liệu).	Ngổn	Ngổn ngang.
Không	Hư không, không có, không-gian (giữa không-khí) không-khí.	Ngỗng	Con chim ngỗng.
Khốn	Khốn-đốn, khốn-cùng, khốn-khở.	Nhôn	Cao nhôn.
Khống	Đon-khống, khống-tống (bối rối), nói khống (nói bậy điều).	Nhông	(nhà quê gọi như tiếng chông).
Khôn	Khuyết-khôn (chỗ cửa buồng), chuyên khôn (chuyên quyền ngoài các tỉnh).	Nhộn	Nhộn nhạo, nhộn nhàng.
Không	Con cừu-không, đạo Không-tử.	Nhộng	Con nhộng (hóa ra bởi con tằm).
Lôn	Núi Cồn-lôn.	Phồn	Chồn phồn-hoa.
Lông	Lông cánh.	Phồng	Trương phồng lên.
Lồng	Cái lồng chim, cái lồng bàn, lồng các thứ quả lồng. Quả nhón.	Phỗng	Đánh phỗng (uớc đánh trong phép tử-tôm), phỗng đá.
Lộn	Lăn lộn, lộn lạo, lộn xộn, lộn quanh.	Rống	Con rống (gặp hội rống máy).
		Rồn	Ăn rồn (tức ăn găng), cái rồn (giữa bụng), cái rồn bề.
		Rộn	Rộn ràng, rộn rịp.
		Rộng	Rộng rãi.
		Rống	Nhà rống (tức nhà trống) rống rang.
		Sông	Non sông.

Sống	Sống sộc (cách huyết chảy). Sống-sộc đi vào.	Xôn	Xôn xao (cách tiếng đồn).
Sống	Sống chết, sống chín, cái xương sống.	Xông	Xông nước sôi, xông vào mà đánh.
Tôn	Tôn-trọng, tôn-nghiêm, tôn-chỉ, tôn-y (gọi ý-kiến của người), tôn-đường (gọi cha mẹ của người).	Xỗn	Xỗn xáo (cách lao-lư trong rủ(t) xỗn-xang.
Tông	Tồ-tông, tông-thống, tông-tích.	Xống	Áo xống.
Tồn	Sinh-tồn (sống còn), bảo-tồn, ôn-tồn.	Xộn	Lộn xộn (cách không thứ lớp).
Tổn	Khiếm-tổn, từ-tổn, thảng-tổn, tổn-số, tổn kém.	79.	
Tổng	Tổng-tàng, tổng-tiến, tổng- lặng, tổng đi.	Ơn	Giả ơn, cảm ơn.
Tồn	Tồn đức, tồn thọ, tồn hại, phi- tồn.	Ớn	Ớn rét, ớn ra (không ăn được nữa).
Tổng	Tổng cộng, tổng số (số kê chung lại), tổng-ngạch, chánh- tổng.	Bơn	Con cá bơn.
Tồn	Tồn đức, tồn thọ, tồn hại, phi- tồn.	Bờn	Bờn cọt.
Tổng	Tổng cộng, tổng số (số kê chung lại), tổng-ngạch, chánh- tổng.	Bợn	Nước có bợn.
Thôn	Thôn-dã (chỗ quê mùa), thôn- lạc, hương-thôn, thôn-thồ.	Cơn	Cơn nóng, cơn buồn, cơn cơ gì.
Thông	Thông-minh, thông-tỏ, thông- dồng, thông-ngôn, thông-gia.	Cợn	Lợn cợn (không được trong) nước nhiều cợn.
Thốn	Ních thốn (thước tắc), thiếu- thốn, thốn lại cho ngắn, bạch- thốn-trùng.	Đơn	Cô-đơn, đơn-hàn, đơn-sơ, đơn- giản, đơn kiện, cây mẫu-đơn, thuốc linh-đơn (tức linh-đan).
Thống	Thống-trị, thống-lãnh, nhất- thống, tông-thống, thống-thiết.	Đơng	Cái chân đơng (nơi yên ngựa).
Trông	Trông mong, trông cậy, trông tưởng.	Đờn	Đờn sáo.
Trồng	Trồng cây, trồng đậu.	Đờng	Cây rề đờng.
Trốn	Trốn tránh.	Đớn	Đauớn.
Trống	Trống chiêng, một khoảng trống (không có gì hết).	Giờn	Giờn giào (cách cao lớn).
Trồng	Trồng gió, trồng trắng.	Giỡn	Giỡn cọt, giỡn nhau.
Vòng	Cây vòng.	Hơn	Hơn thua, hơn kém.
Vổng	Đắp lên từng vổng.	Hờn	Hờn giận.
Vốn	Tiền vốn, vốn liếng.	Hớn	Hớn hở, tươi hơn hơn.
Vồn	Vồn là...	Hởn	Cười hí hởn.
Vồng	Vồng lên một đầu.	Khớn	Chừa khớn cho đến già.
		Lơn	Nói ba lơn, khuyên lơn.
		Lờn	Lờn dễ, lờn máy.
		Lớn	To lớn, lớn lao.
		Lợn	Con lợn (tức con heo).
		Lớn	Trơn lớn lớn.
		Mớn	Tốt mơn-mớn, mơn mang.

Mọng	Cái mọng đem cá.	Sơn	Sơn sắc.
Ngổn	Cười nghĩ-ngổn.	Trơn	Trơn tru, trơn trượt, trơn láng.
Nhơn	Nhơn đức (tức nhân đức), nhơn dịp, nhơn-duyên.	Trơng	Cây trơng (cò nhựa).
Nhớn	Nhớn nhác, to nhớn (tức to lớn).	Trờn	Rách trờn.
Nhợn	Đầy nhợn.	Trờng	Con cá trờng lên khỏi mặt nước.
Nhờn	Nhờn nhờ (cách khoe trẻ), quả long nhờn.	Trợn	Trợn trạo, trợn mắt lên, trợn trợn.
Sơn	Sơn keo, giang sơn.	Trờn	Trờn ốc lên.
Sờn	Sờn lòng, sờn chí.	Trờng	Tiếng hay dùng trờng (hay chơi cợt).
		Xờn	Xờn xác (cách không yên lặng).

IX. — Uân. Uâng.

80°		Truân	Gian-truân, truân-chiến, truân sợi dây lại.
Uân	Uân tạ (học thức sáu xa), uân súc.	Xuân	Mùa xuân, xuân xanh.
Chuân	Chuân thiết (riết ráo), chu chuẩn (khẩn vó).	Xuân	Ngu xuân.
Chuẩn	Tiêu chuẩn (mực thước, chuẩn-y (y cho), chuẩn chấp (chấp lời kêu nài cho).	81	
Huân	Huân-lao (công khó), huân-chương (bội-tinh).	Quên	Quên rồi (không nhớ nữa).
Huấn	Giáo-huấn (dạy dỗ), huấn-hối (dạy dỗ), quan huấn-đạo.	Huệng	Khúc gỗ huệng.
Luân	Ngũ-luân, luân-thường, luân-lý, luân lạc, trầm-luân, luân-chuyển, luân-hồi, luân-lưu.	82	
Luận	Nghị-luận, ngôn-luận, bản-luận.	Huỳnh	Huỳnh-dê (anh em), hiền huỳnh (tiếng tôn trọng người ta).
Nhuân	Nhuân nhả, thẩm nhuân, tháng nhuân.	Khuỳnh	Khuỳnh dơi, khuỳnh phúc, khuỳnh-thành (nghe thành).
Nhuận	Nhuận sắc (trau giồi), tháng nhuận.	Quỳnh	Chốn quỳnh-lâm (trong cung nhà vua).
Thuân	Thuân-thực, thuận-nhã, thuận cần.	83	
Thuần	Cái bông thuần, ông vua Thuần.	Uyên	Uyên - súc, uyên - bác, chim uyên-ương.
Thuân	Hình thuần (tròn mà hơi dài) cái bánh thuần.	Chuyên	Chuyên-quyền, chuyên-chế, chuyên-môn, chuyên-sủng.
		Chuyển	Một chuyển tàu.
		Chuyện	Chuyện văn.
		Chuyển	Chuyển-động, chuyển-vận, chuyển-bát, lay chuyển.

Duyên	Nhân-duyên, duyên-nợ, duyên-phận, duyên-cớ.	Xuyên	Đào xuyên, xuyên-tạc, sơn-xuyên (núi sông).
Huyền	Huyền não, huyền truyền (đồn rây), huyền-dường (mẹ), thung-huyền (hai cha mẹ).	Xuyến	Áo xuyến cái xuyến đeo tay.
		84°	
Huyền	Huyền-viễn, huyền cách, huyền diệu, huyền-bí, cái đèn huyền-dăng, huyền-ca (đờn hát).	Ưa	Ưn khoái, un mây, un đất lên.
Huyền	Huyền hoặc, nói huyền, huyền tượng (cảnh tượng lơ mờ).	Ưng	Một ung, ung dung (khoan thai) ung mực (hòa thuận).
Khuyến	Khuyến bảo, khuyến khích.	Ưng	Chua ứng.
Khuyến	Phổ khuyến.	Ứng	Ứng-tắc (lắp chệt) ứng-hộ (che giữ) đôi giày ứng.
Khuyến	(là con chổ).	Bung	Cái bung (cái nồi lớn).
Luyến	Luyến ái, quyến luyến.	Bùn	Bùn lầy.
Luyện	Luyện-tập, am-luyện, lão-luyện.	Bùng	Bật bùng, tiếng súng nổ bùng, té bùng ra.
Nguyên	Căn-nguyên, nguyên-nhân, nguyên-do, phát nguyên.	Bún	Bún bánh.
Nguyên	Nguyên-ước, thề-nguyên, phi-nguyên.	Búng	Ngón tay búng vào, búng má ra, nét mặt chung búng.
Nguyên	Nguyên-vọng, tình-nguyên, lạc-nguyên, phi-nguyên.	Cung	Cung-diện, cung-nhân, cung kính, cung khai, cung đoan, cái cung bắn.
Nhuyến	Nhu-nhuyến (mềm mại).	Cùn	Cùn mẩn, cái chổi cùn.
Suyến	Chứng bệnh suyễn.	Cùng	Cùng khỗ, cùng tận, cùng nhau đi chơi, đùa cùng dân.
Tuyên	Tuyên-bố, tuyên-truyền, tuyên-cáo, tuyên-ngôn.	Cúng	Cúng tế, cúng vái.
Tuyên	Vạn tuyên, cửu-tuyên (chín tuổi).	Chun	Chun vào.
Tuyên	Kim-tuyến, điện-tuyến, quang-tuyến.	Chung	Chung riêng, chung chạ, chung ái (yêu riêng vào một người), thủy chung, địch chung (lương bổng nhà vua), chung quanh, chung vốn mà buôn.
Tuyền	Lặn tuyền, tuyền-cử, trúng tuyền.	Chùng	Chùng lén, ăa chùng.
Thuyền	Thăng-thuyền, thuyền-chuyền, thuyền-tào (thuộc về bộ Lại).	Chún	Bện chún lại, chún cỏ đi.
Thuyền	Thuyền bè, gái thuyền-quyên.	Chúng	Chúng nhân, chúng trí, công chúng, chúng nó.
Truyền	Truyền báo, truyền lệnh, truyền-nhiệm, tuyên-truyền.	Chùn	Cười chùn chùn.
Truyện	Kinh truyện, nói truyện, thuật truyện đời xưa,	Chủng	Tộc-chủng (nòi giống), nhân-chủng (giống người), hoàng-chủng (giống da vàng), chủng-tử (đức con).

Chủng	Tập đi chủng chẳng.	Lũn	Lũn lủn (cách thấp và nhỏ).
Dung	Dung-mạo, ung-dung (khoan thai), dung thứ (tức dong thứ).	Lũng	Lũng lĩnh (cách không gấp), cái nổi lũng.
Dùng	Dùng người, dùng được việc, dùng dằng (không quyết đoán).	Mun	Mun tro, cây gỗ mun.
Dún	Dún mình, dè dún.	Mùng	Màn mùng.
Dúng	Dùng dằng (cách không gấp bức).	Mụn	Mụn mảy, xé mụn ra, mụn mụn.
Dụng	Công dụng, hữu dụng.	Mủng	Cái mủng (cái thùng nhỏ).
Đun	Đun lửa, đun vào phía trong.	Nung	Nung đốt.
Đùng	Tiếng nổ đùng, đùng đùng.	Núng	Núng cong, núng gãy.
Đúng	Đúng đắn, đúng mực, đúng cách.	Nủn	Nủn nủn (cách người ít nói).
Đụn	Xây đụn.	Nững	Con trẻ làm nững (hay khóc).
Đụng	Đụng chạm.	Ngún	Lửa cháy ngún.
Đủng	Đủng-đĩnh (cách thông-thả).	Ngủn	Ngủn ngoăn (cách vầy đuôi).
Giun	Giun lại, sợi dây giun.	Nhún	Nhún mình (khiếm tốn).
Bung	Hung-tợn, hung-ác, hung-hăng, cát-hung (tốt và xấu), con bọ hung.	Nhung	Hàng nhung, sâm nhung, chạy nhung-nhăng.
Hùn	Hùn vốn vào, một hùn gió.	Nhùng	Nhùng-nhằng (không dứt).
Hùng	Hùng-dũng, hùng-tráng, anh-hùng, thị-hùng, vị hùng-hoàng.	Nbún	Nbún nhầy, nhún mình xuống.
Húng	Húng-hách (ngăn-nạt).	Nhúng	Nhúng tay (vào nước).
Khùng	Khùng ngô, điên-khùng.	Những	Những nhiều, những tệ, những lạm, công những (việc quan nhiều).
Khủng	Khủng-khiếp, kinh-khủng, khủng-hoảng (trợ trệ).	Phun	Phun nước ra.
Lung	Lung-tráo, lung-lạc (lừa vào trong khuôn vòng), lung tung, lung-lãng.	Phung	Bệnh phung.
Lùn	Thấp lùn.	Phùng	Tao phùng (gặp gỡ), tương phùng (gặp nhau).
Lũng	Cái bắc lũng (đề thấp dèn).	Phúng	Ấn phúng, điều phúng (đi điều người chết).
Lún	Lún xuống (dưới đất hay dưới bùn), chịu thua lún.	Phụng	Phụng dưỡng, phụng sự, thờ phụng, thù phụng, chim phụng-hoàng.
Lúng	Lúng liếng (cách không vững), lúng-túng.	Run	Run sợ, run rẩy.
Lụn	Chịu thua lụn.	Rung	Rung rinh, rung động.
Lụng	Lụng đoạn (chiếm choán quyền lợi), làm lụng (nguyên chữ «lam lũ» mà nói sai ra).	Rùn	Rùn mình (cách sợ hãi).
		Rùng	Rùng rùng (cách chạy), rùng rinh (cách lay động).
		Rún	Lổ rún (tức lỗ rốn).
		Rúng	Nói rúng (nhát cho người ta sợ).

Rụng	Rụng rời.	Trụn	Trụn thấp xuống.
Sung	Sung-túc, sung mần (đầy đặn), sung chức, một cây sung.	Vin	Vun vén, đầy vun.
Sùng	Sùng bài, sùng thượng (kính chuộng), sùng-trọng, sượng-sùng.	Vung	Vung-văng, vung té ra, (cái vung đầy nổi).
Sún	Sún răng.	Vùn	Vùn-trồng, vun vén, chạy vun vút.
Súng	Một khẩu súng.	Vùng	Vầy-vàng, vùng-vằng, một vùng (một xứ nào).
Sủng	Sủng ái (yêu chuộng), sủng-hạnh (yêu chuộng), đặc sủng (được người trên yêu-chuông), thất sủng (mất sự yêu-chuông của người trên).	Vụn	Nhỏ vụn.
Tung	Tung hồ (chúc-tụng), tung-hoành, lung-tung.	Vụng	Thỏ-vụng, vụng về.
Tùng	Tùy tùng (theo dõi), phục-tùng, a-tùng, lâm tùng, một cây tùng.	Vững	Vững nước, vững tàu đậu.
Túng	Túng rời, dung túng, phóng túng, lung-túng.	Xung	Xung-xăng, xung khắc, xung đột, xung chàng (chống cự).
Tụng	Từ tụng, chúc tụng, ca tụng, tụng kinh (đọc kinh).	Uốn	Uốn bản, uốn éo.
Tùng	Tùng-dộng (rung động), tung dưng (xui giục).	Uống	Uống nước.
Thun	Thun lại (là trun ngăn lại), một củ thun.	Uồng	Oan uồng, uồng công, uồng của.
Thung	Thung đường (là cha), thung huyền (hai cha mẹ), thung dung.	Buôn	Buôn bán.
Thùng	Trống đánh thi - thùng, cái thùng đựng nước.	Buông	Buông tha, buông tuồng.
Thủng	Thủng-thỉnh, cái lỗ thủng.	Buồn	Buồn rầu.
Thưng	Bệnh thưng (cấy lên).	Buồng	Buồng the, một buồng cau.
Trun	Trun lại (là ngăn lại).	Cưỡng	Diễn cưỡng.
Trung	Trung căn, trung bình, trung tín, trung hiếu.	Cuốn	Cuốn lựa, cuốn sách, cuốn cho tròn.
Trùn	Trùn ruột (là phát lạnh trong ruột).	Cưỡng	Cưỡng hợm, cưỡng biền (phỉnh phờ), chạy luống cuống, một đầu cuống, con cá cuống.
Trùng	Côn-trùng (sâu bọ) vi trùng, trùng điệp, trùng kiến, trùng phùng.	Cuộn	Hầu cuộn, sỏi cuộn cuộn.
Trún	Trún nước ra.	Chuông	Chuông trống, tiếng nói chuông, một chuông lựa.
Trúng	Bắn trúng, trúng bệnh, nói trúng lý.	Chuồn	Con chuồn chuồn.
		Chuồng	Cái chuồng gà.
		Chuộng	Yêu chuộng.
		Dưỡng	Dưỡng theo.
		Hưỡng	Tinh hưỡng, cảnh hưỡng, hưỡng chỉ là...
		Khuôn	Khuôn phép, khuôn khổ, khuôn mẫu, khuôn rập.
		Khuông	Khuông tường, đóng khuông lại.

(Còn nữa)